

rõ và ba hoa cái gì với về kích động, không chú ý lắm đến việc người ta có nghe mình hay không, thì đó là những buổi tối cậu ấy rời bỏ tôi, rời bỏ những hứng thú và say mê chung của hai thằng con trai chúng tôi để đi vào một cuộc sống khác phụ thuộc vào cô ta... Rồi khi về cậu ấy thường vui vẻ, tự tin, sung sướng, cũng có khi bối rối và lảm lì, nhưng những lần như thế ít hơn.

Rồi đến một thời kỳ sôi nổi. Bằng tốt nghiệp, phân phối công tác... Tôi được giữ lại làm nghiên cứu sinh ở khoa sinh vật. Tôi có một đề tài hay, người ta cứ cho tôi một người lãnh đạo.

Còn Xasa thì đứng ngồi không yên: khi thì cậu ấy muốn ở lại Mátxcova, khi thì nói rằng dạo chơi mãi quanh Tsixturiê Prudr đủ rồi, cần phải đáp lại công ơn của đất nước, đã đến lúc lên đường. Nhưng lên đường đi đâu, lên con đường nào thì vẫn như mọi khi, đôi với cậu ấy, tất cả những cái đó vẫn chưa sáng tỏ hoàn toàn, chưa được xác định dứt khoát.

Một buổi tối, Lêna đến gặp tôi. Đây là việc hoàn toàn bất ngờ đối với tôi. Sau cái ngày ấy, cô ta không bao giờ đến gặp tôi.

— Xécgây, — cô ta nói, — khi phân phối công tác, anh ấy tuyên bố rằng anh ấy sẽ đi Trung Á xây dựng một nhà máy nào đó... Chỉ có anh có thể can ngăn anh ấy. Anh ấy kính trọng anh.

— Thế còn cô, cậu ấy không trọng cô sao? — tôi hỏi.

— Anh ấy yêu tôi. Nhưng đây là việc hoàn toàn khác...

— Vậy thì Trung Á có điều gì khiến cô không ưa? Một xứ sở tuyệt đẹp, chói chang ánh mặt trời, — tôi nói.

— Không có anh thì tôi cũng biết điều đó, — cô ta đáp. — Anh hiểu đây, tôi không giữ anh ấy ở Mátxcova. Người như anh ấy không thể ngồi yên một chỗ. Anh ấy có nghị lực như thế, giàu trí tưởng tượng. Nhưng anh ấy không thể đi Trung Á được. Anh

ấy yêu tim: thương nhỏ, tim anh ấy có tật. Anh ấy không thể đến đây được... Tuyệt đối không thể được!

Cô ta nói quá quyết. Rất quá quyết. Quá quyết đến nỗi tôi không tin. Tôi bỗng hiểu rằng vấn đề ở đây không phải là chuyện trái tim, và tôi nói:

— Từ dạo ấy, tôi đã quyết định không can dự vào việc của anh chị.

Cô ta nhìn tôi với vẻ mỉa mai giết người của phụ nữ. Và tôi nghĩ: «Bây giờ cô ta sắp bộc bạch hết với ta đây, phải vững mới được!» Nhưng cô ta lặng thinh. Buổi tối, Xasa về, mệt mỏi, phờ phạc. Coi bộ như đã một năm nay, mỗi ngày cậu ấy thi một bài. Mặt cậu ấy quắt đi và xám ngắt.

— Mình sẽ ở lại... Vứt quách cái Trung Á ấy đi, ở đây làm việc khó kinh khủng, và mình lại yêu tim...

— Cô nhiên, làm như thế là đúng... Cậu có bệnh tim cơ mà.

Mình cũng nghĩ rằng như thế là đúng, — cậu ta nói ngập ngừng. — Quyết định như thế là đúng nhất. Chúng mình sẽ làm việc ở tỉnh Mátxcova... và Lêna cũng sẽ ở đây.

— Hay lắm!... Một quyết định tuyệt đẹp!

— Hay thì cũng hay, nhưng không hay lắm đâu, — cậu ta nói.

Nhưng bốn ngày sau, cậu ấy bỗng sửa soạn hành lý, và không nói gì với ai, đột nhiên bỏ đi. Rồi tôi nhận được bức điện của cậu ấy. Bức điện ngắn ngủi: «Gửi lời chào từ Trung Á». Có thể thôi. Không một lời nào nữa. Giữa cậu ấy với Lêna đã xảy ra chuyện gì, tôi cũng không biết nữa.

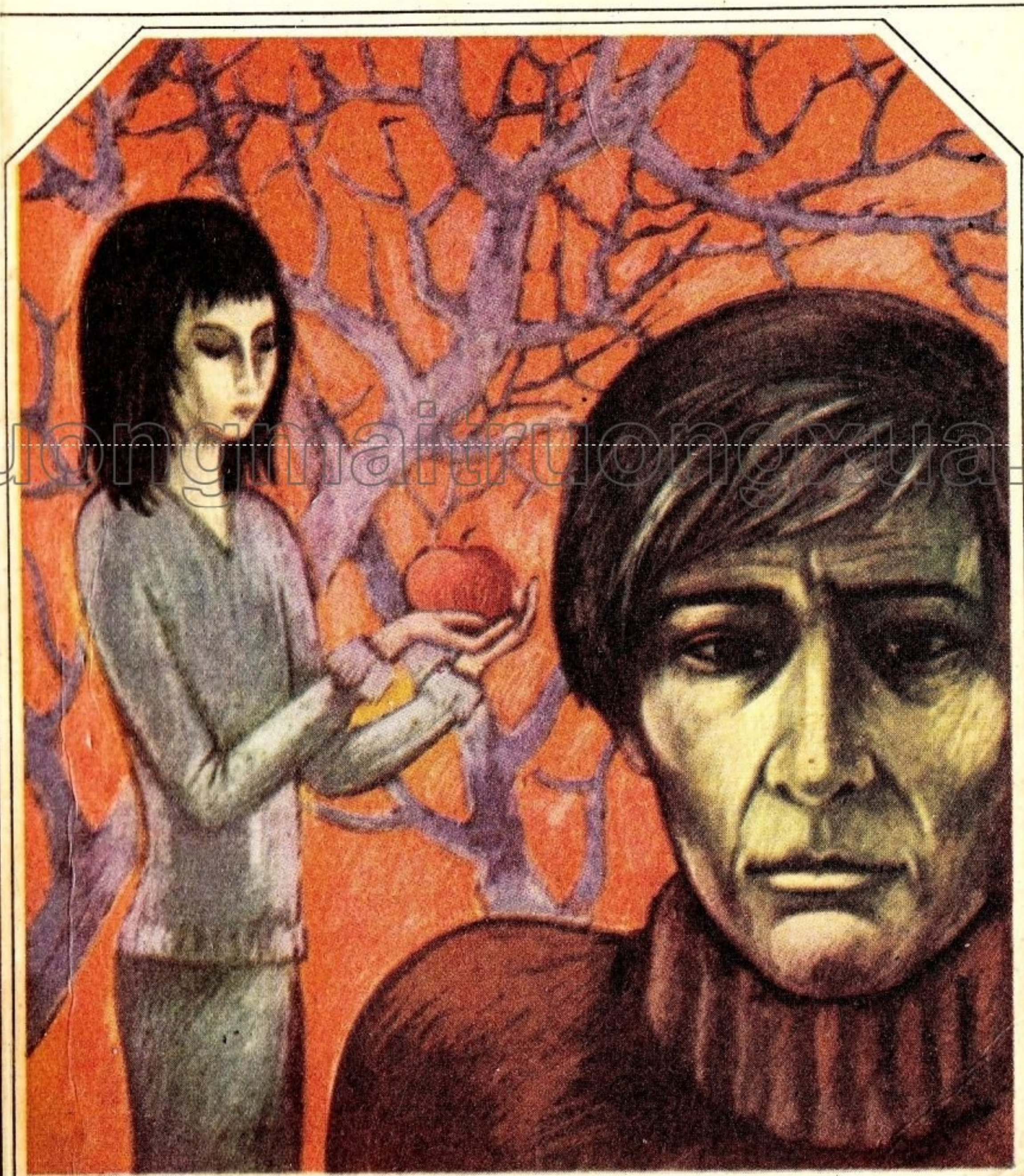
* * *

— Thôi, lên toa đi, tàu sắp chạy rồi, — tôi nói.

— Thì lên, — Xasa đồng ý.

Chúng tôi vào buồng toa xe. Xasa gửi chiếc vali của mình vào đâu không rõ, thần thờ hỏi một

Truyện ngắn Xô-viết



người nào: «Ông sẽ ở đây chứ»,—rồi không đợi trả lời, ra khỏi buồng.

— Mình không thích ngồi mục xác ra trong toa... Ta đi uống bia còn hơn.

— Không kịp, chỉ còn nửa tiếng.

— Không có mình thì tàu sẽ không chạy,—cậu ấy nhếch mép cười.

— Còn phải nói, thiếu một nhân vật quan trọng như thế này thì đoàn xe dám nhích đi đâu.

— Thôi đừng kê nhau nữa, chú nghiên cứu sinh ạ... Thế còn tình hình của cậu ra sao?

Chúng tôi ngồi vào chiếc bàn con màu xanh bóng loáng, dưới mái che bằng vải sọc. Cô nhân viên phục mang bia tới.

— Tình hình của mình cũng khá,—tôi nói.

— Cậu không chán à?—Xasa hỏi.—Ở trường ngồi sau bàn học, ở đại học ngồi sau bàn học, bây giờ lại ngồi sau bàn học. Cậu không muốn tự do à?

— Mình tự do không kém gì cậu. Có cả tự do, cả phạm vi rộng rãi để làm thực nghiệm. Cả mọi cái khác nữa.

Cậu ấy bỏ kính và nhìn thẳng vào tôi. Trên gương mặt màu nâu, cháy nắng đều đặn, đôi mắt cậu ấy trong sáng lạ lùng.

— Mình thì không có phạm vi rộng rãi để làm thực nghiệm,—cậu ấy nói.—Công việc thực nghiệm đáng giá hàng triệu rúp. Mình chỉ có một cái quyền: làm thật chắc ăn.

Cậu ấy nói nghiêm chỉnh, giọng nói của cậu ấy biểu lộ ưu thế của người công nhân đối với chú học trò. Lời lẽ của cậu ấy có điều gì chạm đến lòng tự ái của tôi.

— Nhưng Xécgây này,—cậu ấy nói một cách hỗn hậu.—Mỗi người một khác... Công việc của cậu chắc là rất tuyệt, nhưng mình không thể hiểu được điều đó.

— Quí tha ma bắt cậu đi,—tôi nói.—Tốt hơn hết là cậu hãy kể chuyện gì về Trung Á của cậu.

— Còn kịp, còn những hai mươi phút nữa kia

mà.—Cậu ấy lo ngại nhìn đồng hồ nhà ga và nói thêm:—Mình với cậu còn vô khối thời giờ.

Lời lẽ của cậu ta lại để lộ một mối lo ngại gì không rõ.

Chúng tôi ngồi lặng thinh... Đầu máy thét lên gay gắt, nghe như tiếng lửa rống, như nguyên rủa ai. Tiếng thét ấy làm tôi bứt rứt, tôi bỗng muốn bật dậy, cũng muốn lên đường. Nhưng rồi tiếng thét ấy tắt dần, bật hẳn, còn tôi vẫn ở trên sân ga, và không có con đường nào chờ đón tôi, tôi lại chỉ đi đưa tiễn người nào đó...

— Bia Mátxcơva ngon thật,—cậu ta nói, đột nhiên có vẻ buồn rầu,—mình rất nhớ bia «Gigulépxcôie».

— Ở Mátxcơva vẫn còn một vài thứ khác nữa,—tôi nói với giọng cãi lý.

— Ồ, cái cậu này?—Cậu ta mở tròn mắt.

— Thực đây. Nhưng mình không biết ở chỗ cậu có những gì?

Ở chỗ mình có những cái mà cậu chiêm bao cũng không thấy được đâu.

— Anh tức nở hoa trên sa mạc hả?—Tôi mỉm cười.

— Cả anh tức nở hoa trên sa mạc,—cậu ta nói.—Cả nhà máy nở hoa trên sa mạc. Và nhiều cái khác nở hoa trên sa mạc.

— Cậu là nhà thơ,—tôi nói.—Cậu là nhà thơ của Trung Á. Cậu là Alise Navôi¹.

Tôi chờ cậu ấy phản kích, nhưng cậu ấy bỏ qua câu nói đó. Cậu ấy mỗi lúc một hay nhìn ra cửa đường hầm, ánh mắt mỗi lúc một căng thẳng hơn. Đám đông từ cửa đường hầm tuôn ra đều đặn kì lạ. Vừa đến sân ga, dòng người cháy đều ấy vỡ ra từng mảng, dừng lại một lát: mọi người như đang chạy chột đứng dừng ngay lại, bối rối và lo lắng nhìn những đoàn xe, như

¹ Navôi Alise (1441-1504)—thi sĩ, nhà tư tưởng và nhà hoạt động quốc gia, người Udorbêch.

Truyện ngắn Xô-viết

thuongmaitruongxua.vn

thể chúng sắp chạy đi luôn, bất chấp giờ qui định, và hỏi rồi rít: «Đâu? Bao giờ? Phía nào?» Họ hỏi những người soát vé, hỏi những hành khách cũng như họ, thậm chí hỏi cả những người đàn bà bán kem đang nhìn đám đông bất lực và tất tả, xem ra có ý tự đắc về ưu thế của mình.

Còn Xasa Lỗchép nhìn hành khách, và chờ đợi, không hỏi han gì cả: vì cả những người soát vé cũng như những người đàn bà bán kem và ngay cả phòng địa chỉ cũng không thể cho biết Lêna có tới không.

Chúng tôi uống nốt chỗ bia lạnh. Bia như có vị đắng vì chúng tôi đã lâu không uống bia, và bởi vì lẫn vào vị đắng của nó còn một nỗi cay đắng lạ lùng, khó hiểu do cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và sự mong đợi này gây nên. Xasa chăm thuốt hút, nheo mắt nhìn tôi và bỗng nói:

— Cậu nên lấy vợ đi thôi, anh bạn ạ... Cậu sắp trở thành giáo sư rồi. Đã đến lúc lấy vợ đi thôi, người anh em ạ...

— Thế còn cậu, ông kỹ sư trưởng? — tôi bắt chước giọng lưỡi của cậu ta. — Cái đó nói chung là cần cho cậu.

— Điều đó không hợp với mình. Mình chóng chán họ lắm.

— Họ là ai kia? — tôi nói.

— Đàn bà ấy mà.

— Cậu chán tất cả bọn họ à? — tôi hỏi.

— Không, không phải là tất cả, — cậu ta nói.

Cô nhân viên phục vụ đến gần chúng tôi, cả hai chúng tôi đều cho tay vào túi lấy tiền, nhưng cậu ta nhăn mặt và lầu bầu, tỏ ý không bằng lòng:

— Thôi đừng giờ cái thói sinh viên ra nữa. Ta góp tiền trả chung chứ?

Chúng tôi đứng lên ra xe.

Những người thấp lùn, mặt đen, đội mũ tròn đem những chiếc xe đạp trẻ em ba bánh, những máy hút bụi chạy điện lên các toa xe, những người khuân vác khom mình dưới sức nặng của những hòm giấy đựng máy

thu hình: xe lửa đi xa, đến nơi có sa mạc, nơi không có nước, không có xe đạp trẻ em, không có máy hút bụi chạy điện. Và sân ga lầu bầu cái gì không rõ, hậm hực ném ra những âm thanh nhát gừng, và xúc động, vì những người đi tiễn đứng trên sân ga, mà họ thì bao giờ cũng xúc động. Và tất cả đều chạy, hồi hả, ồn ào, riêng có đoàn tàu vẫn không nhúc nhích, yên lặng, dường như nó đứng đây đã ngàn đời và sẽ còn đứng mãi như thế, dường như nó sẽ không lao về phía trước và trong khoảnh khắc bỏ lại sau mình cái sân ga bồn chồn lo lắng. Đầu tàu im tiếng và chỉ đôi khi, một mối vì sự tất tả của con người, nó phì phì phun hơi nước, như thở hắt ra.

«Cần phải nói điều gì với Xasa, — tôi nghĩ. — Cần phải làm cho cậu ấy đừng nghĩ ngợi linh tinh nữa. Rõ ràng là cô ta không tới. Bây giờ thì hoàn toàn rõ ràng rồi».

Cậu viết thư nhé, Xasa, — tôi bảo cậu ta. — Không hiểu sao cậu chẳng bao giờ viết thư cả, cậu là cái thằng bất tử. Mình muốn biết có chuyện gì xảy đến với cậu, cuộc sống sẽ ném cậu đi đâu. Thêm nữa, mình muốn xem lúc nào cậu hoàn toàn biết nghĩ.

— Đừng hòng! — Xasa nói và mỉm cười.

Nụ cười của cậu ấy tươi tắn, tinh nghịch và hơi ranh mãnh.

Và bỗng nhiên, tiếng nhạc ập đến như băng lở. Tiếng nhạc của nhà ga, nặng hàng yên, như tiếng gõ thùng sắt tây, hùng dũng. Và bị tiếng nhạc ấy đè nặng lên người, chúng tôi im lặng. Nhưng đây là hai cái im lặng khác nhau. Ở cậu ấy, đó là sự im lặng chờ đợi, mà có thể là chờ đợi uống công. Tôi cho rằng chính cậu ấy cũng hiểu điều đó. Còn sự im lặng của tôi thì không đáng đem xía đến. Tôi im lặng vì thông cảm. Tôi có thể giúp gì cho bạn? Tôi sẵn sàng làm tất cả vì cậu ấy, bất cứ điều gì... Nhưng tôi không thể thay thế Lêna được.

— Thế nào cô ấy cũng sẽ đến, — Xasa nói to. — Cô ấy sẽ đến. Cậu nên hiểu, cô ấy sẽ đến.

Truyện ngắn Xô-viết

PH. ABRAMÔP
TS. AITMATÔP
A. ALÊCXIN
VL. AMLINXKI
V. AXTAPHIẾP
I. BABEN
X. BARUDƠĐIN
V. BÊLÔP
IU. BÔNĐARÉP
N. ĐUMBÁTDÊ
A. GAIDA
M. GOÓCKI
IU. KADAKÔP
A. KIM
A. IASIN

Truyện ngắn Xô=viết

thuongmaitruongxua.vn



NHÀ XUẤT BẢN CẦU VỒNG, MÁTXCƠVA
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC, HÀ NỘI
1990

Chao ôi, Xasa, Xasa, thói tự tin, thói tự tin hoang dại, kỳ quặc bao giờ cũng là bệnh của cậu.

Tôi quay đi, nhìn đồng hồ. Và ở đâu đó cuối sân ga, tôi thấy một người đàn bà đang hấp tấp đi về phía đoàn xe, người đàn bà quen biết đến độ làm tôi khỏ tâm và đồng thời hầu như đã bị lãng quên, dường như lạc tới đây từ một thế giới khác, không còn có thực, không nguy hiểm đối với tôi. Có người nào đi cạnh cô ta. Một gã mập mạp, thấp lùn, giống như quán quân quyền Anh. Và tôi không hiểu họ có đi cùng với nhau hay không. Có lẽ chỉ là họ cùng đi tới một đoàn xe. Nhưng kia, cô ta thoăn thoắt vượt lên trước anh ta, nói nhanh câu gì quen thuộc và gã dừng lại, rẽ vào quán «Báo chí».

Bây giờ cô ta đi một mình. Cô ta vội, nhưng ngay trong lúc vội vã, dáng đi của cô ta vẫn đẹp, gọn gàng, ung dung. Tôi muốn nói rằng cô ta vội vã một cách bình tĩnh.

— Cô ấy kia, Xasa khẽ nói, bồi rồi, và nheo nheo đôi mắt cậu.

— Cô ấy đang đi kia, đích thực rồi!— Tôi nói, vờ làm ra vẻ ngạc nhiên. Thì cứ để cho cậu ấy mừng về thắng lợi của mình. Nhưng cậu ấy không hoan hỉ, không reo lên: «Thấy chưa, mình bảo mà... Cô ấy đã tới!»

Không, cậu ấy im lặng, thậm chí hơi lùi lại, như tìm cách hoãn cuộc gặp gỡ ấy lại giây lát. Và khi cô ta đến, cậu ấy nói một cách ngượng ngịu, vụng về, như cậu học sinh lớp mười ngọc nghêch, e thẹn:

— Tôi tưởng cô không đến. Tôi không ngờ là cô đến.

— Xasa!— cô ta nói một cách âu yếm và có phần nào quá lưu loát— Xasa thân mến! Em rất sung sướng được gặp anh...

— Tôi cũng thế,— Xasa nói gần như thì thầm, nhìn cô ta bằng cặp mắt ngạc nhiên mà tôi thấy là hơi lạ.

— Anh vẫn thế,— cô ta nói.— Vẫn như thế... Và cháy nắng như người châu Á.

— Vậy theo ý cô thì tôi là người thế nào?— Xasa bỗng hỏi thẳng một cách bất ngờ.

Tôi lánh ra một bên và cô không nghe. Chỉ có những tiếng rời rạc lọt đến tai tôi.

— Anh... trẻ hơn cả trong ba người chúng ta... Anh không đối khác... Trong chúng ta, anh là người duy nhất không đối khác.

— Không, em tưởng thế thôi... Chẳng qua là em tưởng thế thôi...

Rồi tôi không nghe thấy tiếng họ nữa. Tiếng họ bị át đi bởi tiếng của người phát thanh: «Còn hai phút nữa tàu khởi hành», và tiếng của những người khua vác: «Đưa cái trên cùng... Cẩn thận, đồ thủy tinh...». Tiếng họ bị át đi bởi những ý nghĩ bốn chôn của tôi, những ý nghĩ như đã nhảy khỏi chỗ. Rồi tôi nhìn về phía quán bán báo, ở đó người đàn ông giống quán quân quyền Anh và đồng thời giống ông giám đốc một cửa hàng lớn bán hàng công nghiệp đang điem nhiên đứng chạng rông đôi chân ngắn ngủn, thô kệch, mở tờ báo đọc.

Những người đi tiền đã chen tôi tới sát chỗ họ, và tôi lại nghe thấy tiếng Xasa; nhưng đây không còn là giọng nói lúng túng, ngượng ngập, đây là giọng nói xúc động, say mê, tự tin của Xasa, Xasa mà tôi yêu mến.

— Em hiểu đây: vẫn còn sửa chữa được... Hồi ấy em còn bé bỏng, thiếu tự tin, yếu đuối. Còn bây giờ thì em hiểu đây, vẫn chưa muộn đâu. Chúng ta sẽ sống rất tuyệt vời, mọi việc của chúng ta đều sẽ tốt đẹp, mọi điều, dứt khoát là tất cả mọi điều! Và xin em đừng sợ... Em đừng nói với anh là «không». Hãy nghĩ đi, em nghe chứ, cứ nghĩ đi!

— Anh Xasa thân mến của em... Hồi ấy em không dám, còn bây giờ thì muộn rồi. Em sa lầy rồi, Xasa ạ. Bây giờ thì không thể lôi em ra được nữa.

«Mà cô cũng không muốn để người ta lôi cô ra,— tôi nghĩ, giận sôi lên.— Nếu lôi được cô ra thì đó sẽ là nỗi đau xót cho cô».

— Nói nhảm!— Xasa nói to, xúc động.— Không lôi

Người dịch: Nguyễn Hữu Giát, Phạm Mạnh Hùng, Ngô Thê Phúc,
Minh Hà, Đức Mẫn, Hà Minh Thắng, Võ Minh Phú,
Phạm Anh Tuấn, Chu Đình Long
Người biên tập: Vương Trí Nhàn

Họa sĩ: Miróshitsencô V.

Рассказы советских писателей

На вьетнамском языке

BẠN ĐỌC THÂN MẾN!

Với lòng biết ơn sâu sắc, chúng tôi mong muốn bạn nêu lên những đề nghị và nhận xét mà bạn thấy cần thiết về cuốn sách này.

Chúng tôi hy vọng rằng các tác phẩm văn học Nga và văn học Xô-viết được xuất bản bằng tiếng mẹ đẻ của bạn sẽ giúp bạn hiểu biết sâu hơn nền văn hóa và lối sống của nhân dân chúng tôi.

Địa chỉ chúng tôi: СССР, 119859, Москва, Зубовский бульвар, 17, издательство «Радуга».

© Biên soạn, giới thiệu tác giả, bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Cầu vồng, 1990

In tại Liên Xô

ISBN 5-05-002919-8



Phêdo Abramốp

Sinh năm 1920 ở làng Vercôa, tỉnh Arkhanghenxkơ, mất năm 1983. Đã tham gia cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Tác phẩm đầu tay — tiểu thuyết «Những người chị và những người anh» (1958). Tiếp đó là các tiểu thuyết «Hai mùa đông và ba mùa hè» (1968), «Những nẻo đường và những ngã tư» (1973), «Ngôi nhà» (1979). Cuộc sống của người nông dân phương Bắc trở thành đề tài trong các tập truyện «Con ngựa bằng gỗ» (1962) và «Chuyến đi săn cuối cùng» (1973).

NGÀY XƯA NGÀY XƯA CÓ MỘT CÔ CÁ HỒI...¹

Truyện cổ tích phương Bắc

1

Tên cô là Kraxápka².

Đó là một cô cá nhỏ sắc màu sắc sỡ. Với bộ cánh màu vàng cháy điểm những đốm đỏ, cô rất giống loài

¹ Ở đây tác giả dùng nhiều tên gọi các loài cá ở vùng sông ngòi miền Bắc Liên Xô, không có tên gọi tương đương trong tiếng Việt và có tính chất ước lệ. Chúng tôi dịch cho phù hợp với ý đồ của tác giả.

² Có nghĩa là đẹp, duyên dáng.

ra được, không lòi được ra... Lòi được quá đi chứ! Em là người thông minh, anh tin ở em.

— Nhưng em không tin ở em!—cô ta nói và thở dài.

«Và tôi cũng không tin ở cô»,—tôi nghĩ thầm trong óc.

— Nhưng anh tin ở em,—Xasa nói.—Anh tin, dù sao anh vẫn tin... Và chúng ta sẽ hạnh phúc.

Nhạc trên sân ga vang âm. Tiếng chũm chọe bằng đồng đập vào nhau. Kèn kêu inh ỏi theo nhịp hành khúc, cô lần át nỗi buồn chia ly.

«Những người đi tiễn chú ý, đề nghị rời khỏi các toa xe!»—người phát thanh nói một cách mệt mỏi.

Cả hai người đã quên tôi. Đúng hơn là cậu ấy quên. Cô ta thì chẳng có gì mà quên. Cậu ấy quên, nhưng bây giờ không phải là lúc giận dỗi.

— Nói thành thực đi, có thể có điều gì anh chưa biết về em,—Xasa nói với cô ta, giọng bỗng run lên.—Nói thực đi,—cậu ta nói thêm, giọng đã trở nên rần rỏi.—Vì suốt nửa năm trời em không viết thư cho anh cơ mà. Nói thực đi.

— Không, mọi cái vẫn như trước, vẫn như trước...—Cô ta nói nhanh.—Không có gì thay đổi. Không một mảy may. Có điều là em không thể sống theo kiểu của anh được, Xasa ạ! Nếu như anh bứt sợi nôi, nếu như anh dừng bay nhảy... không, không, em biết, anh sẽ không đổi khác. Và em cũng không muốn anh sẽ khác đi... Anh là người như thế, và em kính trọng anh chính vì lẽ đó... có điều là em không thể sống theo kiểu của anh được, anh thân mến!

— Đây chỉ là những lời lẽ văn hoa,—Xasa nói gay gắt, thậm chí hơi thô lỗ.—Đừng làm rối loạn đầu óc của cô và của tôi. Và đừng hèn nhát. Sống hèn nhát đủ rồi!

Giọng nói của cậu ấy lộ vẻ thịnh nộ. Thịnh nộ và hy vọng.

Còn tôi, lúc ấy tôi nghĩ về cô ta... Cô ta đòi cậu ấy đầu hàng. Cô ta đặt điều kiện cho cậu ấy đầu hàng. Nhưng làm ra vẻ không đòi hỏi gì cả... «Em kính trọng anh chính vì lẽ đó». Tốt hơn hết là cô ta nên nói: «Tôi

căm ghét cái tính đó ở anh».

Đúng, nhưng tôi cũng đòi cậu ấy... tu tính lại cơ mà. Tuy vậy, tôi đùa thôi... Phải, phải, tôi đùa, và chỉ thế thôi.

«Tàu số mười tám khởi hành...»—người phát thanh nói. Và nhạc trên sân ga ngừng bật... Trong bầu không khí im lặng đến nỗi như có cái gì nhọn đâm vào tai, tôi nghe thấy Xasa thét gọi tôi:

— Tạm biệt, Xécgây! Cảm ơn cậu, bạn thân thiết của mình! Chúc cậu hạnh phúc.

Tôi lẳng lẳng vẫy tay, muốn nói điều gì, nhưng lại không nói.

— Tạm biệt Lêna!—Cậu ta thét to.—Tạm biệt!—Cậu ta gào và vẫy tay và cứ nhìn Lêna mãi.

Bỗng nhiên có cái gì khiến cô ta đâm bỏ về phía đoàn xe, cô ta chạy, quên cả dáng dấp ung dung và vẻ đẹp của mình. Cô ta bước đi mấy bước cạnh bậc toa xe, như muốn nhảy lên mà không dám, và người nhân viên phục vụ trên xe tưởng cô ta là một hành khách đến muộn, liền chìa tay ra cho cô ta. Nhưng cô ta không nắm lấy bàn tay ấy, cô ta dừng lại. Và chậm chạp đi về phía sau. Xe lửa đi tới trước, cô ta đi trở lại phía sau, còn tôi nhìn cô ta và nhìn Xasa, nhưng không còn thấy Xasa nữa.

Lêna tới gần tôi, nói với vẻ buồn rầu, và tôi cảm thấy có lẫn cả vẻ nhẹ nhõm:

— Thế là anh ấy đi rồi... Tôi với anh vẫn ở trên sân ga, nhưng không còn anh ấy nữa.

Và nhạc nhà ga lại nổi lên, át tiếng cô ta. Có lẽ Lêna nói đúng. Có lẽ tôi mãi mãi ở lại trên sân ga để đưa tiễn những đoàn tàu của người khác chăng?

— Không, nhầm to rồi,—tôi bảo cô ta.—Cậu ấy có Trung Á. Cô có anh chàng đang chờ cô ở quán bán báo kia kìa. Còn tôi chẳng có cái gì hết. Cô nghĩ sao, Lêna, như thế nào tốt hơn: có chút ít hay không có gì cả?

Song Lêna không hiểu: nhạc trên sân ga quá to.

Phạm Mạnh Hùng dịch

cá tuế, loài cá diện bánh nhất ở những vùng sông ngòi miền Bắc. Chỉ có điều là đầu cô rất to, dầy quá khổ, và có lẽ vì vậy cho nên lũ cá tuế ấy (họ nhà cá này ở ngay bên cạnh trong đám sậy lặn lẽ ven bờ) không bao giờ thềm ra ghềnh ngó ngang gì tới cô cả.

Ghềnh ở đây là một khúc sông nhánh nhỏ bé, tách rời hẳn với ngọn thác thường xuyên tung bọt trắng. Có một tảng đá xám nham nhở lỗ chỗ đứng chắn ngang đường, ngăn cách ghềnh với con sông to, con đường đi chính của những loài cá lớn. Mặt trên tảng đá đầy những vết trắng trắng, bởi vì đây là chỗ lũ chim chìa vôi vẫn thường hay đến đậu. Dưới chân tảng đá là những khe xói, những khe xói cứ tinh với dòng nước nguồn mát lạnh. Những khi trời nắng chỉ cần lặn xuống khe đó, rồi nếu trời trở đông bão thì cũng lại khe xói che chắn cho. Mà cái chính là liệu còn có thể trốn tránh kẻ thù ở chỗ nào khác được nữa, ngoài chỗ này?

Mà kẻ thù thì nhiều lắm. Bọn chúng ở khắp mọi nơi. Tụi cá măng rắng lồm chồm nhón hoắt chuyên môn sục mũi ở những bụi cỏ lác ven bờ. Lũ cá rô vây hồng như màu lửa, tham ăn, hỏn hào chẳng khác gì kẻ cướp, hoặc bọn cá tuyết chuyên môn giả vờ nằm núp bên những tảng đá trông như những cây gậy màu xám. Rồi lại cả mấy con cá dày nữa... Bọn chúng càn rỡ kinh khủng, cứ từng đàn tiên ra ghềnh rồi lại tán nhanh ra xung quanh như để tấn công ai, nhưng rồi lại đứng im, giương vây, thô lỗ đòi con mắt xanh to tướng, khiến không ai dám động tới.

Vì vậy cô cá hồi Kraxápka không dám rời ghềnh đá ra lấy một bước. Từ sáng sớm cô ra bắt những con nhện nước hoặc sâu bọ bị dòng nước cuốn tới. Sau đó nếu hôm nào trời có nắng một chút thì cô chơi đùa: hoặc lấy mũi dũi dũi những viên đá long lanh như lửa ở dưới đáy, hoặc nhảy lên đuôi theo mây chị chuồn chuồn màu ngọc bích hay sà xuống sát mặt nước, cũng có một đôi khi cô lại lao vào một chú cá bột nào đó ngắn ngo vô tình đi qua.

Nhưng cô đặc biệt thích ngắm những con cá to. Cô có thể đứng hàng giờ liền ngắm nhìn bọn cá thyman nhanh nhẹn nhảy múa ngoài đầu thác nhộn nhịp, hoặc xem lũ cá hồi trắng điển trai lao đi vun vút như những tia chớp bạc xé toang màn tối dưới đáy lạch sâu như một cái hồ khổng lồ tiếp ngay dưới chân hòn đá tảng.

Và nói chung là cô rất thích cái cuộc sông ở cái ghềnh đá vui vẻ của cô.

Thế nhưng rồi những ngày tối tăm với mưa rá rích và sương mù giăng giăng đã đến. Cô cá hồi bắt đầu cảm thấy buồn.

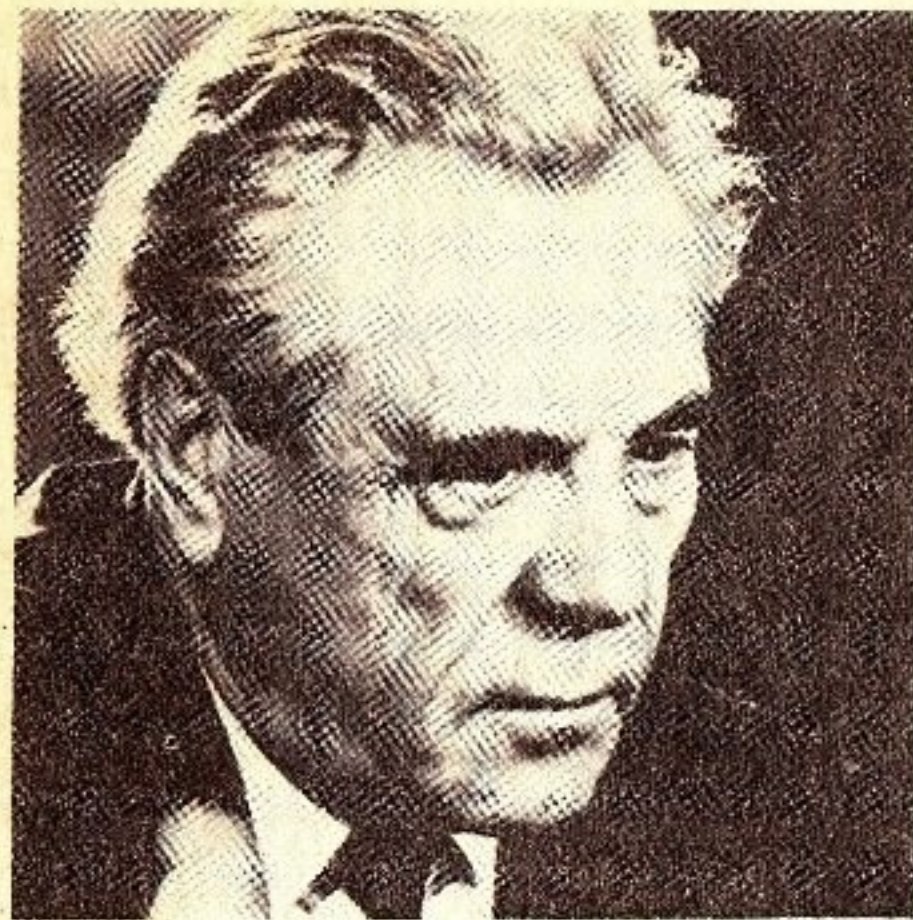
Mặt trời bây giờ chỉ thỉnh thoảng ló ra chốc lát. Từ trên cao rụng xuống những chiếc lá xơ xác trơ trọi. Cuộc sông ở ghềnh đã mất hết vẻ nhộn nhịp và thoải mái. Thêm vào đây là cứ đêm đêm thằng cá tuyết tham lam lại bắt đầu nhòm ngó tới gần hòn đá tảng. Mình trơn nhẵn và trần trụi một cách quái gở, hôm lại có mấy sợi râu dài, thằng này xục xạo rất lâu dưới chân hòn đá, đánh hơi và khịt khịt một cách nặng nề. Cô cá hồi lại càng nép sâu hơn xuống hốc và sợ run lên cho đến tận sáng. Cứ như vậy hết đêm này sang đêm khác.

Biết làm thế nào được? Trốn đi đâu bây giờ?

Thế rồi một buổi sáng trong khi đang triển miên không biết đến bao nhiêu lần suy nghĩ về cái số phận đắng cay của mình thì cô bỗng thoáng thấy một con cá to rất lạ ở phía bên trái tảng đá nơi có con đường chính của dòng sông.

Con cá đó lưng thừng bơi xuôi dòng và mỗi khi nó quẫy đuôi thì những con sóng to lại cuộn lên và tán ra xung quanh. Con cá ấy mới đẹp làm sao! Mình dài lẳn với những đốm hoa màu hồng, màu vàng, những cặp vây sẫm viền da cam...

Con cá kỳ diệu đó vừa bơi qua thì ngay lập tức cả một bầy cá ngũ sắc xuất hiện, những con cá nhỏ cũng sắc sỡ như Kraxápka, chỉ có điều to hơn một chút. Có cái lạ là những con cá ngũ sắc này bơi lội một cách vui



Sinh năm 1924.
Tập truyện đầu tiên
«Trước mùa xuân tương
lai» in ra năm 1953.
Axtaphiép được biết tới
rộng rãi là nhờ truyện
vừa «Vụ ăn cắp» (1966).
Ngoài ra là cuốn sách
có màu sắc tự truyện
«Đâu đó nổi lên chiến
tranh» (1967), «Lời chào
cuối cùng» (1968), truyện
vừa có tính chất ngụ
ngôn về tình yêu trong
chiến tranh «Những
người chẵn cừu» (1971),
tiểu thuyết «Cá vua»
(1976) và nhiều truyện
ngắn khác.

Víchto Axtaphiép

LỜI NGUYÊN

Cái cây non ấy nhỏ lắm. Bé Ôđarka nâng nó trong tay như nâng một chú gà con bé bỏng và cảm thấy rễ cây cào cào trong lòng bàn tay.

Khi đưa cho Ôđarka cái cây ấy, ông nói những lời trịnh trọng như thế này:

— Ôđarka này, ngày hôm nay là cháu vừa tròn bảy tuổi. Cháu hãy trồng cái cây anh đào này để cho nó lớn lên cùng với cháu, vì con người sinh ra là để trồng chứ không phải để chặt cây, cháu ạ.

Tự tay cô bé đào hốc trồng cây anh đào. Đào lâu lắm. Vừa ăn gót chân nhỏ nhưng cũng nhấn nhúm lại vì sợ hãi vào vai cái xẻng lạnh ngắt, bé Ôđarka vừa xới xới dưới cửa sổ mảnh đất chẳng chịt rễ cỏ và lẫn đầu

tiên trong đời bé hiểu ra rằng cái công việc làm đất này mới vất vả làm sao.

Ông đang ngồi trên mô đất bên thềm nhìn cháu làm qua đôi mày rậm. Khi cái hốc đất đào đã sâu đến ngang đầu gối cháu, ông rời bức tường, ngồi xổm xuống và mọi thứ xương xẩu trong người ông kêu lên rảng rảng nghe như củi khô cháy trong lò vậy.

Bằng những ngón tay xương xẩu cong queo ông cẩn thận bóp nát từng cục đất, bứt những đoạn rễ cỏ đứt còn sót lại trong hốc, sau đó cầm lấy cái cây non. Trên thân cây tách đôi thành hai nhánh mấy chiếc lá treo lủng lẳng ú rũ. Chỉ còn mỗi một chiếc vênh lên như cái tai thỏ đang nghe ngóng. Cẩn thận nhẹ nhàng như người thợ thêu, ông trải những sợi rễ cây xuống hốc và một tay giữ cái thân cây mảnh mai tay kia san san, xới xới cho tơi những xẻng đất do Ôđarka xúc cho.

Ôđarka lấy cái thùng tưới cũ xách nước tới và nhẹ nhàng như lời ông dặn, tưới vào gốc cái cây non chỉ còn hơi nhô lên trên mặt đất.

Sau đó, bé ngồi xuống cạnh ông, ngắm nhìn cái thân cây non éo lá tách đôi, ốm yếu. Bé không thể tin là cái cây non mảnh khảnh này lại có thể mọc lên thành cái cây to. Nhưng ông thì nói chắc chắn là nhất định nó sẽ mọc và nếu cháu muốn biết thêm thì ông còn có thể nói là nó sẽ vươn cao hơn cả mái nhà nữa cơ. Thế rồi ông kể cho bé nghe là ở cái vùng Vôlun này mọi người coi anh đào là thứ cây thiêng. Trong làng cũng như khắp cả vùng có cái tục lệ ngàn đời là kiêng không ăn quả anh đào trong vòng tám năm nếu trong nhà có người thân mất. Chính tay ông, hồi còn nhỏ đã trồng cái «cây mẹ của cái cây con này». Cái cây ấy vươn cao «lên tận trời», ấy thế mà ông chưa hề được nếm một quả nào. Tín ngưỡng trong họ nghiêm là như vậy đây, ông bảo Ôđarka phải nhớ lấy và tôn trọng phong tục tập quán của cha ông.

— Còn cái cây non này, — ông chỉ vào cái mầm cây anh đào, — cầu mong cho nó được may mắn hơn mẹ

về và vô tư, hình như ít ra thì chúng cũng được con cá to kia che chở.

Chẳng nghĩ ngợi lâu la gì, Kraxápka lao ngay ra chắn ngang đường chúng, hỏi:

— Các bạn ơi, cho tôi hỏi một tí,—nó nói rất lễ độ,—chứ cái chị cá gì vừa mới bơi qua đây, các bạn?

— Sao?—lũ cá ngũ sắc ngạc nhiên hỏi lại.—Thế cậu không nhận ra họ hàng cá hồi nhà cậu à?

— Họ hàng à?—cô cá hồi bàng hoàng lấp bắp.—Có nghĩa là tôi cũng sẽ to và khỏe như chị cá ấy ư?

— Chứ còn gì nữa... Cậu hãy còn ngốc quá!—lũ cá ngũ sắc cười ồ lên.—Mà cậu từ đâu đến đây nhỉ?

— Tôi... Tôi ở ngay ghềnh này đây mà...

— À, ra nó là con cá lura năm nay,—bọn cá ngũ sắc thất vọng nói,—và chưa biết gì về cuộc đời cả. Cậu có muốn cùng bọn mình ra đầu thác không?

— Các bạn định làm gì ngoài đó?

— Thế mà cũng hỏi! Khi một con cá hồi đẻ trứng thì người ta làm gì?

Cách ăn nói thô lỗ, suồng sã đây về trích thượng của lũ cá ngũ sắc làm cô cá hồi rất khó chịu. Nhưng nếu cô nhập bọn với chúng nó thì đã sao.

Ở hốc đá râm bên cái thác nước âm âm sôi lại đang có chuyện rất lạ. Một chị cá hồi to đang khua vây để gạt những viên cuội nhỏ nhiều màu ra xung quanh, bên cạnh chị là một con cá hồi khác màu hồng hồng nhỏ hơn có cái đầu dài, xương xẩu, và một mẩu sụn dị dạng chìa ra ở đầu hàm dưới. Như người ta nói với cô, thì đó là con cá đực có tên gọi là Móc Câu.

— Bọn họ đang làm gì đây?—cô cá hồi tò mò theo dõi hai con cá kia, khẽ hỏi:

— Họ đang đào hồ để đẻ trứng đây.

Lũ cá ngũ sắc đi tránh sang bên con cá hồi to rồi sau đó bắt đầu bơi xuôi dòng xuống đoạn thác đổ âm ỉ, sủi bọt.

— Ô, sợ quá, tôi bị trôi mất,—cô cá hồi kêu to, đuôi quẫy liên tục một cách tuyệt vọng.

— Đừng sợ, cô ngốc ạ. Làm gì có thác nào nước chảy xiết như cậu nghĩ đâu.

Phải nói thật là cô cá hồi không chỉ sợ riêng mình cái thác mà cả cái cô nhìn thấy ở dưới chân thác. Ở đó, dưới lớp bọt nước dày, lúc nhúc cả một bầy cá lớn: những con cá thymen lưng đen xì vây màu da cam và lũ cá tuyết trán phẳng lý mình nhẵn bóng. Đại gì mà cô lại đi chui vào mồm chúng cơ chứ?

Cô cá hồi lách sát vào đàn ngũ sắc đang dừng lại cạnh tảng đá bên dòng nước xiết chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra.

Mặt trời màu xám chì mờ mờ chiều. Những viên cuội bị vây cá lật lên lao xuống chân thác kêu lộc cộc.

Bỗng vùng nước xung quanh (lúc này hai con cá hồi to đã lọt được nửa mình xuống hốc) sôi réo cuộn cuộn. Hai con cá quẫy đuôi dữ dội, mình quắn quại, ra sức cọ bụng vào lớp đá dăm dưới đáy.

Bọn cá ngũ sắc chững lại nghe ngóng.

— Họ đang làm gì vậy, các cậu?—cô cá hồi se sẽ thì thào hỏi, hắt đầu về phía hốc.

Cậu thật là chẳng biết gì cả. Bọn họ đang yêu nhau mà...

— Để làm gì?

— Còn để làm gì nữa...

Từ phía dưới đuôi con cá hồi cái tuôn ra liên tiếp những hạt tròn nhỏ, như những hạt đậu, màu da cam vui mắt và ngay lập tức từ bụng con cá đực phun ra một làn mây màu trắng đục...

Lũ cá ngũ sắc lao ngay vào đón những hạt tròn đó. Cô cá hồi con cũng vớ được mấy hạt.

— Sao, trứng cá hồi có ngon không?—một con cá ngũ sắc hỏi cô như vậy.

— Ngon, ngon lắm.—Cô cá hồi con quẫy quẫy cái đuôi nhỏ vì khoan khoái.—Tôi chưa bao giờ được ăn thứ gì ngon như vậy.

— Có thể chứ.

Trong khi đó trứng cứ đùn mãi, đùn mãi ra từ phía dưới đuôi con cá hồi cái và tuôn chảy theo dòng nước

xâm nào đó chìm đi rồi tắt hẳn trong tiếng nổ đầy chết chóc, một tiếng kêu đơn độc: «Mẹ ơi!» — thế rồi Ôđarka mất đứa con trai.

Nhiều đêm trần trọc thao thức, khi ôm vào lòng đứa cháu trai tỏa hơi ấm, Ôđarka nghe tiếng cây anh đào âm thầm khóc ngoài cửa sổ, nhỏ những giọt lệ to, bà có cảm tưởng những giọt nước mắt đỏ như máu ấy thiêu đốt mặt đất.

Những giọt nước mắt ấy rất nhiều, nhiều lắm. Nhưng nếu có thêm cả nước mắt của bà Ôđarka vào đây thì chúng vẫn không đủ để khóc con trai, khóc chồng bỏ mình ngoài mặt trận, khóc đứa con gái chết vì thương hàn trong nhà thương, khóc em trai bị bọn phỉ Pêtlura giết hại, khóc con dâu, khóc cháu và bao nhiêu người khác nữa...

Trên thân cây anh đào đã có những vết rạn để lộ ra cái lõi cây màu tối sẫm. Cây không còn lớn nữa nhưng ăn rất sâu vào lòng đất như sợ đổ và đè bẹp mất ngôi nhà nát ngấp dưới đất đến tận bầu cửa sổ, cái ngôi nhà chưa có ai được ăn lấy một quả anh đào hái từ trên cành sum suê trĩu quả.

Bây giờ thì sẽ chẳng có ai ăn quả cây anh đào ấy cả, bà Ôđarka nghĩ, bởi vì hạn này chưa qua hạn kia lại đến, cái chết này nối theo cái chết kia. Bà bây giờ không còn nhớ là đến khi nào thì ai chết đã được tám năm. Trong ký ức bà mọi thứ đều lẫn lộn cả. Bà chỉ cảm thấy có một điều là cả cuộc đời bà là một lời nguyện.

Bà Ôđarka đã già và yếu lắm khi tiếng đại bác lại ầm ì trên trái đất, lại lan đến làng quê bà, lũ phátxít ngoại bang lại giày xéo lên Tổ quốc đã được nghe nhiều tiếng khóc và chứng kiến nhiều những cái hôn vĩnh biệt của bà. Bà chỉ còn lại một mình bởi vì thằng cháu Pêtorô của bà một hôm chạy về nhà ôm chặt bà đến nỗi xương sườn bà kêu lên rằng rắc rồi hết gì đó vào cái tai điếc của bà, lấy tay chỉ về phía những cuộc chiến tranh vẫn thường kéo đến như những đám mây đen của định mệnh.

Bà cụ bây giờ hết ngày này sang ngày khác hay ngồi trên mô đất thấp dưới gốc cây anh đào thân chẻ đôi. Cây anh đào đã héo một thân, chính cái thân trước đây đã từng ôm ấp che chở cho ngôi nhà. Còn cái thân kia vẫn vươn lên trời một cách kiên trì vô vọng. Bà cụ Ôđarka ngồi chờ thằng cháu và từ từ đi vào cõi mơ màng mãi mãi lúc nào không hay. Bà không còn nghe thấy tiếng lá reo xào xạc trên đầu lẫn tiếng chim kêu: cùng với tất cả cái hồi hã của mình, vạn vật đã cảm lạnh và dần lánh xa bà. Chỉ còn tiếng rền vang của chiến tranh là lọt được đến tai bà và bà thỉnh thoảng lại rùng mình vì tiếng rền đó. Bà cụ như thấy từ dưới gốc cây anh đào mà bà đã trông không hiểu để làm gì đó từ cái thời xa xăm, thằng cháu bà bước ra, bước ra từ trong lòng đất, từ trong cái bụng tối đen của đất.

Một hôm có người khẽ chạm vào vai bà lão, bà miễn cưỡng mở mắt ra, nhìn mãi con người đầy mồ hôi và khói, râu ria rậm rạp đang đứng trước mặt bà.

Anh ta hỏi bà Ôđarka cái gì đó, tay chỉ lên cây anh đào. Bà lão chăm chú dõi theo cặp môi của anh ta đang mấp máy điều gì và có cảm tưởng như anh ta nhắc đi nhắc lại mãi cái tên «Pêtorô».

— Thằng cháu của già đâu? Thằng Pêtorô nhà già đâu? — bà hỏi và nghĩ rằng chính nó đây, cái người ấy là thằng cháu Pêtorô của bà đây, cái thằng Pêtorô đã bị chiến tranh, mệt mỏi và tai họa làm cho khác đi đến nỗi bà chẳng nhận ra. Bà lão ôm lấy anh chiến sĩ và hôn bằng cặp môi khô héo lên mái đầu tóc vàng hoe đầy bụi đường trường. Sau đó bà chỉ vào cây anh đào, bảo: — Cháu chặt đi. Chặt cái nỗi khổ đau ấy của nhà bà đi!..

Người ta cưa gốc cây anh đào, rồi mấy anh chiến sĩ Hồng quân ghé vào đây. Cái thân cây khô héo rít ầm lên như tiếng súng sau đó cái lõi cây đen sì mục nát chĩa thẳng vào bà lão như họng súng đại bác.

Mấy anh lính pháo binh dọn một vòng tròn trước khẩu pháo, họ gọi là «bãi quang đầu nòng». Họ dẫn thân cây thành từng khúc, bê ra ngoài hàng rào rồi vứt

như một chuỗi hạt hồ phách. Những hạt trứng đó bị lũ cá ngũ sắc đớp lấy, lũ cá tuyết nuốt chửng và bọn cá thyman lung sục. Và cứ như thế suốt đêm ngày.

Cô cá hồi ăn no phê phỡn.

Cô rất biết ơn con cá hồi lớn và định bụng ít ra thì cũng thể hiện lòng biết ơn đó ra lời.

— Trứng cô ngon lắm, — cô thận trọng tiên đến bên con cá hồi lớn nói.

— Mày là cái đũa ăn thịt đồng loại, — con cá hồi lớn khàn giọng nói. Mất nó mờ đại hản đi, đuôi vẫy một cách khó nhọc, rõ là nó đã mệt vô cùng.

— Thế nghĩa là thế nào ạ?

— Tao đẻ trứng và từ mỗi một hạt trứng sẽ nở ra một con cá hồi con. Còn mày thì lại đi ăn thịt các em gái, em trai của mày.

— Trời đất! Chẳng lẽ lại thế ư? Cháu xin lỗi cô vì cháu không biết.

Kraxápka đứng bàng hoàng nhìn ra xung quanh một lúc, rồi sau đó chạy đi can ngăn lũ cá ngũ sắc:

— Thôi, dừng lại! Các bạn có biết là các bạn đang làm gì đây không? Các bạn đang ăn thịt các em trai và em gái của mình đây.

Bọn cá ngũ sắc cười vang:

— Ra cái điều đạo đức! Lại còn lên mặt dạy đời nữa cơ đây. Chính mình cũng ăn mà lại bảo người khác đừng ăn...

Cô cá hồi buồn rầu quay trở lại chỗ chị cá hồi lớn.

— Cô ơi, bọn chúng nó không nghe cháu.

Chị cá hồi lớn không nói năng gì. Chị rời cái hồ. Anh Móc Câu không còn đây nữa.

Cô cá hồi bị nổi tò mò thôi thúc, liền bơi đến rìa hồ nhìn xuống. Ở đó, ở dưới đáy hồ phủ đá rậm, đôi chỗ lác đác những vẩy cá ánh bạc, là một đồng trứng cá màu da cam vui mắt. Và dường như những cái trứng cá đó cười, vui mừng vì được xuất hiện trên cõi đời này vậy. Chẳng lẽ lại đúng là từ những hạt nhỏ li ti đó lại nở ra những con cá con ư?

Bống cát cuội rơi ào ào xuống hồ. Cô cá hồi sợ hãi

nhảy vọt sang bên. Chị cá hồi lớn đang dùng đuôi và vây lấp cái hồ.

— Ôi, cô ơi, — cô cá hồi tức giận nói to, — cô làm gì đây? Làm thế thì trứng cá chết mất dưới lớp đá dăm chứ còn gì.

— Chúng không chết đâu, — chị cá hồi lớn đáp. — Chứ nếu cô không lấp đi thì chúng mới chết. Bởi vì lũ cá lớn sẽ ăn hết. Còn bây giờ thì trứng sẽ nằm đó yên lành cho đến khi xuân về, nước lũ cuộn đi lớp đá phủ hộc, lúc đó trứng sẽ nở ra cá con. Cháu hiểu chưa?

— Nhưng sao cô lại để cho lũ cá kia ăn trứng của cô? — cô cá hồi gạn hỏi. — Sao cô không đuổi chúng đi? Cô to lớn khỏe mạnh thế này cơ mà.

— Chà cháu hãy còn bé quá và chưa hiểu gì cả. Khi nào cháu làm mẹ, cháu sẽ hiểu để con ra nó vất vả như thế nào. Cô đau đớn và cạn hết cả sức lực rồi, cứ động vẩy khó khăn lắm. Thế mà cô lại còn phải ra biển nữa cơ.

Ra biển ư cô? Biển là cái gì vậy?

— Biển ư... — Đôi mắt chị cá hồi lớn long lanh sáng. — Biển ở một nơi xa, xa lắm. Khi nào cháu lớn cháu sẽ hiểu.

Chị cá hồi uốn có cong đuôi, bắt đầu vươn mình dậy. Trông chị mà đau lòng: thân hình gầy rộc, xác xơ và phẳng như một tấm gỗ. Dưới bụng lại có mấy vết xước rỉ máu.

Dòng nước xiết cuộn luôn chị cá hồi ra chỗ bờ thác đổ ngẫu bọt.

— Chúc cô đi đường mạnh khỏe nhé! — cô cá hồi hét với theo.

Không có tiếng trả lời. Con thác vẫn âm âm réo. Ở chỗ cái hồ trước đây, nơi chị cá hồi nằm, bây giờ nhô lên một cái ụ con con có những dòng nước nhỏ chảy quanh. Lũ cá ngũ sắc sau khi đã ăn no lặc lè, bây giờ từ từ bơi ngược dòng lên phía trên.

«Cuộc sống được an bài mới lạ lùng và khó hiểu

ngón ngang dưới con mương xói. Vừa đi họ vừa vội vã bứt quả bỏ vào miệng. Bà Ôdarka định quay đi không nói, nhưng có một người nào đó đã đứng tuổi, không phải người vùng này hét thật thanh.

— Đừng ăn!

— Sao lại đừng hờ bà?— Cái người mà bà lão Ôdarka hôn vào đầu và tưởng là thằng cháu ấy, đến gần bà, hỏi.

— Đừng ăn quả ấy, phải tội chết.

Anh ta nhún vai. Mấy anh lính liếc nhìn bà lão, cần nhìn (cứ nhìn môi họ thì biết) nhưng vẫn bắt tay vào làm việc, thậm chí còn hăng hơn trước nữa. Nhưng anh thủ trưởng vừa đi khỏi là họ lại bốc quả bỏ vào mồm.

Bà lão Ôdarka lắc đầu ra dáng trách móc, nhưng nói thì bà không nói gì nữa. Một anh lính khi đi ngang qua lại còn bốc một vốc quả bỏ vào vạt áo bà nữa. Bà rung mình định hắt những quả anh đào trong vạt áo đi, nhưng chắc là bà chợt nhớ ra rằng xung quanh bà biết bao nhiêu người đã chết mà chẳng có lẽ lại kết tội bà hay là đuổi bà ra khỏi nhà chỉ vì một nỗi bà ăn quả từ cây nhà ư? Bà lão thận trọng bỏ một quả vào đầu lưỡi.

— Đáng ra phải thế từ lâu rồi cơ, bà ạ. Thế mà bà cứ bảo đừng ăn mãi.— Mấy anh lính nói vậy.

Bà lão không nghe ra mấy câu ấy. Vì cố gắng nhìn môi họ nói, bà tập trung cao độ nên không nhận ra là mình đã nuốt trôi mất quả anh đào lần cả hột. Đến lúc đó bà lão vội vàng sợ hãi và tuyệt vọng bỏ cả nắm quả vào cái mồm móm mém. Bà nhai, bà lấy lưỡi nghiền nát nắm quả đó rồi bị nghẹn chẳng hiểu vì quả hay vì nước mắt:

— Ôi, đắng quá, đắng quá...

Các anh lính an ủi bà. Họ không hiểu ra sao cả, vì những quả anh đào ngọt là thế, mọng là thế cơ mà.

Bà lão Ôdarka vùng ra khỏi bàn tay những người lính đang giữ bà, rồi định nằm úp ngực xuống đất. Nước anh đào đỏ như máu ứa ra trên đôi môi khô héo của bà lão, còn bà vẫn luôn mồm kêu:

— Ôi, đắng quá, đắng quá...

Những người lính biết rằng bất cứ thứ quả nào lẫn với nước mắt đều chẳng ngọt ngào gì, nhưng dù sao thì cũng không đắng như khổ ngải. Hay là bà lão làm sao?

Có người hàng xóm sang và kể cho mấy anh lính nghe về cái lệ kiêng của vùng Vôlun đối với quả anh đào, về cuộc đời bà lão Ôdarka, về đứa cháu nội Pêtorô của bà mà bà không còn chờ được nữa.

Những người lính im lặng hồi lâu, sau đó họ bắt tay vào việc và hướng nòng đại bác về phía quân thù.

Suốt đêm đó ngôi nhà bà lão Ôdarka rung lên vì những loạt đại bác, và đến sáng thì cả khu vườn vắng tanh. Các chiến sĩ đã tiến lên phía trước và kéo pháo theo.

Trong làng lại trở nên im ắng và ngôi nhà của bà lão Ôdarka quang hắt ra. Bà lão cũng không hiểu tại sao. Khi bà bước ra vườn thì mới rõ: cây anh đào không còn nữa cho nên nó không chắn mất ánh sáng lọt vào nhà.

Bà lão Ôdarka lấy thùng vôi quét lại tường nhà bị nước mưa rỏ từ trên cành cây xuống làm hoen ố. Sau đó bà đi nhặt hết những mẩu gỗ và những gỗ dăm cho vào lò. Bỗng tay bà chạm phải một cái mầm cây nhỏ nhoi bên gốc cây bị đốn. Bà định bứt nó vứt đi nhưng hai tay như không nghe theo ý bà nữa. Tự chúng lại xới đất, lại bóp vụn từng cục.

Bà lão Ôdarka quì hồi lâu trước đứa con ốm yếu của cây anh đào, ve vuốt làn đất xung quanh mầm cây và lầm rầm thốt lên những lời nguyện, nghe như tiếng lá rì rào:

— Cầu mong cho phận này được may mắn hơn! May mắn hơn... May mắn hơn... May mắn...

Nguyễn Hữu Giát dịch

làm sao... — cô cá hồi thầm nghĩ. — Sao Cá Hồi lại phải ra biển? Và biển là cái gì nhỉ?»

2

Kraxápka đem câu đó đi hỏi nhiều loài cá khác. Nhưng chưa có ai trong số bọn họ nghe thấy gì về biển, kể cả lũ cá hồi trắng cũng như bọn cá ê lét, thyman, đến như tụi cá ngu ngốc và càn rỡ như cá dày thì lại càng chưa hề nghe thấy. Có thể lũ cá măng và cá rô biết chẳng? Nhưng làm thế nào mà đến gần cái tụi yêu tinh ấy được? Không có con cá nào lại có thể đi ngang qua khu vực chúng ở mà không cảm thấy sợ hãi, chứ đừng nói gì đến chuyện tự đứng lại dấn thân vào chỗ chết...

Đêm lại càng dài hơn và buồn thảm hơn. Trên cao những bông tuyết trắng vẫn cứ rơi triền miên hết ngày này sang ngày khác. Lớp băng vụn xộp phủ trên sông ngày càng dày. Mặt trời không hiểu lần đầu mất dạng.

Mọi người xung quanh thường kháo nhau là mỗi khi cá hồi bỏ họ ra đi thì trời đều như thế cả.

Chẳng lẽ cá hồi đi đã mang theo cả mặt trời ư? Nếu thế thì ác quá, độc quá!

Lũ cá đã trở nên hiền lành, im lặng hơn, uể oải và lờ đờ hơn. Trong số chúng đã có nhiều con chuyển ra ở bên thác, ở đó nước vẫn còn chảy mạnh và dễ thở hơn.

Thế rồi mạn thác cũng bị băng phủ kín. Dưới đáy sông là đêm đen dày đặc.

— Chuyện gì thế nhỉ? — cô cá hồi sợ hãi hỏi bọn cá.

— Đã đến mùa ngọt ngào lớn đây mà, đó là mùa khó chịu nhất đối với chúng mình đây.

Dưới đáy sâu nơi nghỉ đông của bọn cá, chật chội lắm. Toàn bộ cư dân của con sông to có, nhỏ có đều dồn cá về đây. Ngọt ngọt. Tăm tối. Ở những lớp nước dưới sâu thẳng cá tuyết ngày đêm hoành hành. Như mọi người nói thì đến thời gian này là bắt đầu mùa cưới và vì vậy mà thỉnh thoảng từ đáy sông lại vang lên tiếng rú của một nạn nhân đến lượt.

Cô cá hồi dừng lại bên một tảng đá ngay giữa dòng ra thác, cô đang sông dở chết dở, không dám thở mạnh, chẳng thiết gì đến ăn uống, đi lại. Cô chỉ cần một ngum không khi tươi mát, chỉ một ngum thôi cũng được. Sau đó cô cảm thấy lãnh đạm thờ ơ với tất cả. Cô thấy buồn ngủ, một cơn ngủ triền miên, nặng nề...

Một điều rất đáng ngạc nhiên là sự giải thoát lại đến từ phía con cá măng hay ít ra thì ở dưới sông người ta đồn như vậy. Hình như có lần cá măng nổi giận quật đuôi vào lớp băng phủ như chiếc áo giáp, thế là lớp băng vỡ tan.

Ôi, hạnh phúc biết bao, thế là lại được thở hít tự do, lại được cử động, bắt sâu thoải mái, lại được ăn đầy đủ.

Để ăn mừng ngày giải phóng họ hàng nhà cá trong lạch tổ chức những trò chơi ngày hội cưới. Hết ngày này sang ngày khác ở vùng nước ven bờ tụi cá măng cứ sùng sục kiếm tìm, lũ cá rô lồng lộn như lũ quỉ ở vùng dòng chảy, vừa đi vừa tiết ra những dòng trứng cá màu xám xám trông như cháo. Còn đàn cá thyman lại vui vẻ bơi, rẽ tung làn nước đục ngầu và thậm chí cả bọn cá dày mắt xanh cũng giương vây hiệu chiến tưng tưng không nghỉ ở những vùng nước lặng êm đềm. Sau đó những con thác bắt đầu đổ nước âm âm, sủi bọt trắng, rồi những cánh đồng dưới nước xanh um, nơi bọn cá rất thích đến kiếm ăn vào mùa hè. Thế rồi... Thế rồi vùng mặt trời bắt đầu soi bóng xuống dòng sông và trải những tia lửa vàng rực khắp đáy sông phủ đầy đá.

Hoan hô! Chị cá hồi lại đang đến với chúng ta đây rồi!

Cô cá hồi mắt ăn mắt ngủ không yên. Cô luôn luôn lắng tai nghe những tiếng động, tiếng quẫy đuôi và hay bơi ra vùng lạch sâu, và rất hay (mặc dù vụng trộm) nhìn ngắm bóng mình trên những viên đá sáng bóng, bởi vì cô rất muốn chứng chắc hơn và xinh đẹp hơn. Chứ còn gì nữa, hình như cô đã lớn hơn đôi chút, bộ áo cô đang mặc đã trở nên sắc sảo hơn. Cuối cùng,



Ixaác Baben

Sinh năm 1894, mất năm 1941. Sau khi học xong trường thương mại, năm 1915, Baben lên Pêtorôgrát, thử làm quen với sáng tác văn học. Hai chùm truyện ngắn nổi tiếng của tác giả là «Quân đoàn kỵ binh» (1926) và «Truyện ngắn Ôđétxa» (1931). Những tác phẩm tiếp đó của ông — các vở kịch «Mặt trời lặn» (1928) và «Maria» (1935), các truyện ngắn in ra những năm 30 («Thức tỉnh», «Guy đơ Môpátxăng», «Phô Đantê» v. v.) đã nhanh chóng trở thành những sự kiện trong đời sống văn học.

GUY ĐƠ MÔPÁTXĂNG

Mùa đông năm mười sáu tôi nương náu ở Pêtécua với tâm can cực giả và không một xu dính túi. Người cho tôi ở nhờ là một anh giáo dạy văn học Nga tên là Alêchxây Kadansép.

Anh sống ở khu Pexki, một khu phố lạnh lẽo, vàng xỉn, hơi hám. Anh kiếm thêm để phụ vào số tiền lương còm bằng cách dịch tiếng Tây Ban Nha; thời ấy Blasko Ibanes¹ đang nổi như cồn.

Kadansép chưa từng đặt chân đến Tây Ban Nha, dù chỉ là đi ngang qua, nhưng tình yêu xứ ấy xâm chiếm toàn bộ con người anh. Anh biết hết mọi lâu đài, công

¹ Blasko Ibanes (1867-1928) — nhà văn Tây Ban Nha.

viên, sông ngòi ở Tây Ban Nha. Ngoài tôi ra, chỗ Kadansép còn cả một lô những kẻ bị bật ra khỏi cuộc sống ngay lành. Chúng tôi sống rất đói rách. Tháng hoặc, mấy tờ báo lá cải mới dành vài dòng chữ nhỏ đăng những mẫu tin vặt của chúng tôi.

Sáng sáng tôi la cà ở các khu nhà xác và đồn cảnh sát.

Người hạnh phúc hơn cả trong bọn vẫn là Kadansép. Anh còn có Tây Ban Nha là Tổ quốc.

Tháng Mười một, tôi được giới thiệu một chân văn phòng ở xưởng Ôbukhốp, một chỗ làm không đến nỗi tồi tránh cho tôi khỏi phải vào lính.

Tôi đã từ chối không làm một gã thày ký.

Ngay từ lúc ấy — mới hai chục tuổi đầu — tôi đã tự nhủ: thà đói khát, tù đầy, lang bạt còn hơn ngồi lì ở phòng giấy suốt mười giờ mỗi ngày. Chẳng phải có gì táo tợn lắm trong lời nguyện ấy, nhưng tôi đã và sẽ không đời nào vi phạm nó. Tôi vẫn giữ được cái thiện lương của ông cha: chúng ta sinh ra trên đời là để tận hưởng thú vui làm lung, đánh nhau, yêu đương, chúng ta sinh ra là cho những cái ấy chứ không phải cái gì khác.

Nghe tôi lý sự, Kadansép cứ xoắn mãi cái chòm tóc vàng hoe ngắn ngủn trên đầu. Nỗi sợ hãi trong ánh mắt anh pha lẫn vẻ thích thú.

Đến hôm lễ Giáng sinh thì chúng tôi gặp may. Luật sư Benderxki, chủ nhà xuất bản «Ansiôna» có ý định cho ra một tập tuyển mới của Môpátxăng. Việc dịch do Raixa, vợ ông, đảm nhiệm. Cái trò chơi quý tộc chẳng đi đến đâu.

Người ta hỏi Kadansép, người dịch tiếng Tây Ban Nha xem anh có biết ai giúp việc được cho Raixa không. Kadansép trả lời.

Hôm sau, khoác một cái áo vét đi mượn, tôi đến nhà Benderxki. Họ sống ở góc đường Népki và Môika, trong một ngôi nhà xây bằng đá hoa cương Phần Lan, bên ngoài có ốp những hàng cột giả màu hồng, lỗ châu mai và gia huy chạm đá.

không nén được, cô mò ra tận gần chỗ thác đổ. Bởi vì chính từ đó từ chỗ cái vực sôi réo âm âm đó chị cá hồi sẽ phải đi qua để đến đây. Mà còn ai nữa, ngoài cô ra, là người đón chị?

Lúc đó trời còn rất sớm. Lũ cá cũng chỉ vừa mới tỉnh giấc. Bỗng khắp lạch sâu truyền lan đi tiếng âm âm chưa từng thấy. Rồi sóng nổi lên. Đó là cá thần báo cho cả lạch biết rằng cá đã trở về.

...Đây rồi, chị ấy đây rồi! Chị ấy như một cái nệm bạc xé toạc cái hồ tối tăm. Một cái quẫy đuôi giận dữ và thân mình chị, đẩy bọt và bụi nước, vút lên khỏi mặt nước...

Dòng sông bỗng trở nên im ắng và nặng nề sau khi chị kết thúc điệu nhảy của chị. Bọn cá, cả cá nhỏ lẫn cá to, đều nằm im trong những chỗ trú ẩn của mình.

Cô Kraxápka mạnh dạn bơi đến chỗ chị cá hồi. Cô có gì mà sợ? Đó là người quen cũ của cô cơ mà.

— Chào cô. Cô có nhận ra cháu không?

Chị cá hồi nọ cau có nhìn cô cá con khoác áo hoa sặc sỡ.

— Chẳng lẽ cô không nhận ra cháu ư?—cô cá hồi con vui vẻ nhắc.—Mùa thu trước ở dưới hồ ấy mà. Cô có nhớ không, cháu còn tiễn cô ra biển nữa cơ mà.

— Cháu nhầm đây, cô bé ạ. Mùa thu trước ta có ở đây đâu.

— Lạ thật. Đúng là một cô cá hồi như thế này, chỉ có điều là mặc áo khác thôi. Áo màu hồng hồng có ánh vàng. Cô ấy lại còn định kể cho cháu nghe về biển nữa cơ mà.

— Biển à?—Đôi mắt chị cá hồi long lanh sáng.—Biển đẹp lắm. Ngoài đó bây giờ đang tràn trề ánh nắng. Mà bão, mà sóng ở ngoài đó thì...

— Ôi, sao cháu muốn ra biển thế!—cô cá hồi sôi nổi thốt lên.

— Với tuổi cháu thì hãy còn sớm. Nhưng một năm nữa,—chị Cá Hồi nhìn cô, đã vui vẻ hơn,—cháu sẽ thấy biển. Còn bây giờ thì đừng tránh ra. Ta muốn dạo một vòng ở con lạch này.

Một cái quẫy đuôi ngắn và thê là một con đường nhỏ, vui vẻ, lóng lánh những viên cuội trắng, cuội vàng, lao vút xuống đáy sâu tối om của dòng sông.

Cuộc sống bây giờ trở nên thú vị hơn. Lũ cá mẫn không còn dám thò mũi ra khỏi đám cỏ nữa. Còn bọn cá tuyết bị cơn nóng nực làm cho mệt mỏi, nằm ườn dưới những gốc cây cong queo, xù xì. Tụi cá con phát ghen lên với cô cá hồi nhỏ. Chứ lại không à, được đánh bạn với chính chị cá hồi chứ có phải chơi đâu. Không một con cá nào lại dám dạo chơi trên đường đi của chị cá hồi. Ấy thế mà cô Kraxápka lại đi lại hàng ngày cơ chứ. Ai dám bơi lại gần—chỉ bơi lại gần thôi—chị cá hồi to, mỗi khi ngày nắng chị nằm nghỉ trong đám cỏ, và ai dám cá gan hỏi chuyện với chị về biển cả?

Nhưng cô cá hồi thích nhất là những lúc chị cá hồi biểu diễn những điệu nhảy sáng và chiều của chị. Tùm-tùm, những tiếng quẫy đuôi đục vang lên trong lạch, thê rồi ở gần đó, phía bên, ven bờ, những vòng sóng nhỏ lẳng lẽ lan ra xung quanh như những vòng sóng của những giọt mưa rơi. Đó là cô cá hồi đang học nhảy những điệu nhảy cá hồi.

Quả vậy, cô đã học được nhiều ở chị cá hồi lớn. Ấy thế mà trong đời chị vẫn còn có bao điều mà cô cảm thấy không tài nào hiểu nổi. Thí dụ, cô cá hồi vẫn chưa bao giờ thấy chị ấy ăn cá.

— Họ nhà cá hồi chúng ta,—chị ấy trả lời,—không bao giờ ăn trong vùng nước sông cả. Lớn lên rồi cháu cũng sẽ có thể không cần ăn.

Hay là còn chuyện lạ lùng thế này nữa. Tầm áo bạc của chị cá hồi bỗng tự dưng sẫm màu lại và có sắc hồng đục.

— Da cô bắt nắng nhiều nhỉ,—một lần cô cá hồi nói như để lấy lòng chị cá lớn.

Đáp lại chị chỉ mỉm cười yếu ớt:

— Không phải là da rám nắng đâu, mà là sắp đến mùa ép trứng, mùa hội cưới đây. Lúc đó họ cá hồi nhà

Những tay chủ nhà bằng mắt gỗ, mới cái đạo và phất lên nhờ nghề chạy hàng đã cho xây lên ở Pêtecua trước ngày có chiến tranh hàng lô thứ lâu dài chường mắt, ngạo nghề đến lô bạch ấy.

Cầu thang trái một tâm thắm đỏ. Ở những chỗ nghỉ cầu thang có đặt những con gấu nhung với đáng đứng chồm hai chân lên cao.

Vợ chồng nhà Benderxki sống trên tầng ba. Ra mở cửa là một cô hầu gái đội mũ mào, ngực cao. Cô ta đưa tôi vào gian tiếp khách bày biện theo lối Xlavor cổ. Trên tường treo những bức tranh gam xanh lơ của Rerikhor¹ — những tảng đá và quái vật thời tiền sử. Khắp các góc nhà bày la liệt những tượng thánh kiểu cổ đặt trên bệ. Cô hầu gái có bộ ngực cao điệu khắp phòng một cách trịnh trọng. Cô người cân đối, mắt cận thị, vẻ kiêu kỳ. Trong cặp mắt xám mờ to của cô lộ rõ vẻ phóng đảng trơ tráo. Cô đi lại chậm chạp. Tôi thoáng nghĩ rằng khi yêu chắc hẳn cô ả vẫn vũ cuồng nhiệt và sành sỏi lắm. Tâm rèm gấm treo nơi cửa ra vào chợt lay động. Bước vào phòng, mang một bộ ngực đồ sộ là một phụ nữ tóc đen có cặp mắt màu hồng. Chẳng cần nhiều thời gian cũng nhận ra bà Benderxkaia thuộc loại phụ nữ Do Thái đến đây từ Kiép và Pôntava, từ những miền thảo nguyên, những thành phố sung túc trông đầy dẻ và keo và dễ làm cho người ta say mê. Tiền của do các đức ông chồng khéo xoay xở đã được những người đàn bà này chuyển biến thành lớp mỡ hồng hào nơi bụng, gáy, trên đôi vai tròn lẳn. Cái khéo cười mỉm ngái ngủ, mượt mịn của họ khiến các chàng sĩ quan đồn trú mê mẩn như bị hấp hồn.

— Mốpátxăng là niềm say mê duy nhất của đời tôi, — Raixa nói với tôi.

Cô giữ cho cặp đùi đồ sộ đừng dong đưa quá, nàng ra khỏi phòng rồi trở lại với bản dịch «Cô Garriét». Trong bản dịch ấy của nàng không còn lại chút dấu vết gì câu chữ của Mốpátxăng, cái giọng văn khoáng đạt,

¹ Rerikhor N. C. (1874-1947) — họa sĩ Nga nổi tiếng.

mượt mà, nghe như có tiếng thở dài say đắm. Những câu văn của bà Benderxkaia đúng văn phạm đến mức khó chịu, tẻ ngắt và thô kệch — hết lối viết tiếng Nga trước của dân Do Thái.

Tôi đem bản thảo về nhà và trong gian gác áp mái của Kadansép — giữa đám người đang ngủ — suốt đêm cầm cùi gọt đẽo bản dịch của người. Kể ra thì công việc ấy cũng không đến nỗi tẻ như tôi nghĩ. Câu cú dễ ra cùng lúc có thể hay và có thể dở. Bí quyết là ở sự xoay chuyển mà ta cần sớm cảm nhận. Cây đòn bẩy phải ở trong tay và ấm nóng lên. Và chỉ được xoay tay đòn một lần, chứ đừng đến hai lần.

Sáng ra, tôi đem đến bản thảo đã sửa xong. Raixa đã thất lòng khi nói nàng mê Mốpátxăng. Nàng ngồi bất động suốt thời gian đọc lại bản dịch, tay đan chéo nhau: hai cánh tay mịn màng buông thõng xuống, vầng trán trắng nhợt, viền裳 ten giữa hai bầu vú bị dồn ép xô lệch đi, hết dâng lên lại hạ xuống.

— Anh đã làm cách nào vậy?

Lúc ấy tôi đã nói về văn phong, về đội quân từ ngữ, đội quân trong đó sử dụng đủ loại khí giới. Không thứ sắt thép nào có sức làm tê buốt trái tim người ta bằng một dấu chấm câu đặt đúng chỗ. Nàng lắng nghe, đầu cúi, đôi môi thoa son hé mở. Một ánh đèn sáng lên trên mái tóc chải dầu bóng và để ngôi. Đôi bắp chân mang tất ôm khít, khỏe và thon duỗi trên tâm thắm trái sần.

Cô hầu gái đưa cặp mắt dâm đảng trơ tráo sang phía khác, bùng mồm dọn bữa sáng lên.

Ánh nắng Pêtecua lấp lánh rơi xuống tâm thắm trái sần mấp mô bột màu. Hai mươi chín tập sách của Mốpátxăng xếp chặt cái giá nhỏ phía trên bàn viết. Tia nắng lung linh nháy nhót vượt ve những gáy sách bọc da, nằm mờ tuyệt vời của một trái tim người.

Cà phê sáng đem lên cho chúng tôi đựng trong những cái tách màu xanh lơ, và chúng tôi bắt đầu dịch «Cánh diên viên». Ai mà chẳng nhớ truyện ngắn kể về

ta thường mặc những bộ áo cưới mới, sáng màu, sắc sỡ...

— Cô kể nữa đi, kể nữa đi...

— Cháu hãy còn nhỏ, chưa đến tuổi biết đến những điều đó đâu.

Thế rồi cuối cùng, đến lúc chị cá hồi thôi không nhảy múa nữa. Bây giờ chị thích nằm im và luôn luôn buồn ngủ, mơ màng...

— Chơi với cháu cô không vui, hờ cô? Hay là cháu đã làm điều gì không nên không phải? — cô cá hồi buồn rầu gạn hỏi.

Thường thì chị cá hồi im lặng, nhưng có một lần chị phát bần lên:

— Thôi đi chỗ khác. Mà làm tao rắc tai với những câu hỏi của mày rồi.

Đáng lẽ là đến đây thì tình bạn giữa cô cá hồi và chị cá hồi lớn chầm dứt bởi vì tình cảm thì ai nỡ ép buộc. Nhưng bỗng từ đâu giáng xuống tai họa làm đảo lộn cả sinh hoạt của loài cá.

Trên sông bỗng xuất hiện con người. Kẻ thù nguy hiểm nhất, như bọn cá vẫn thường nói về họ. Bọn họ, những con người ấy, trông giống như những thân cây mọc ven sông. Chỉ có điều là những cái cây ấy di động được và phát ra những tiếng ồn ào và những tiếng động khủng khiếp. Họ chọc chọc nước bằng những cây gậy dài và giăng khắp sông một tấm mạng nhện nham hiểm.

Lũ cá như bị ù tai chạy tứ tung khắp con lạch bị khuây đảo.

Đến chiều tối khi tất cả đã im ắng trở lại, cô cá hồi lên đường đi tìm người họ hàng của mình. Trời đất ơi! Chuyện gì đã xảy ra ở dưới lạch thế này! Bọn cá thymán vui tính không còn quấy nước phía sau tảng đá xám dưới ghềnh như trước nữa. Còn ở chỗ trú chân của bọn cá ê lét béo núc thì trông huếch trông hoác. Trông huếch trông hoác ngay cả ở chỗ bọn cá hồi trắng vốn rất hồ hởi nữa.

Còn chị cá hồi, chị cá hồi lớn thì Kraxápka tìm thấy

ở một chỗ không thể ngờ được — ở dưới đáy hồ tối om bên bờ, dưới cái gốc cây khô đầy rêu bám.

— Bọn họ đi hết rồi ư? — chị cá hồi hỏi.

— Vâng họ đi rồi.

— Nhưng họ lại đến, nhất định sẽ lại đến, — chị cá hồi âm thầm nói một cách chắc chắn. — Bọn họ sẽ không để ta yên đâu.

Và quả vậy, những ngày sau con người lại đến và lại đóng cọc âm ỉ, lại đem cái mạng nhện của họ giăng khắp lạch.

Chị cá hồi bây giờ suốt ngày không ra khỏi chỗ trú ẩn. Mấy con cá dày gập Kraxápka lại còn tỏ ra vui mừng một cách đầy ác ý:

— Thế nào, cô mày sao thế? Sợ à? Bọn tao thì chẳng sợ gì. Đến cả quỷ bọn tao cũng coi như không.

Lũ cá măng được thế không ai trừng trị cũng làm càn.

Cô cá hồi van vãn chị cá lớn:

— Cô đi đi, đi đi. Không có cô cháu sẽ rất buồn, nhưng cô không nên ở đây. Người ta bắt cô mất.

— Không, ta không đi khỏi đây được, — chị cá hồi đáp. — Cháu còn nhỏ nên chưa hiểu gì cả.

Ngày tháng cứ trôi qua, đơn điệu và một màu xám xịt. Mưa dầm dề. Tiết trời rất xấu. Sáng sáng, những buổi bình minh mờ đục dài lê thê. Cô cá hồi chạy đến «rạc cả căng» vì cô vừa phải kiếm cái ăn, lại vừa phải tránh bọn cá dữ dưới sông, lại vừa phải đến thăm chị cá hồi.

Rồi bỗng một hôm, khi cô cá hồi đến chỗ chị cá lớn thì không thấy chị ở đây nữa.

Một ngày rồi hai ngày, cô cá hồi chạy khắp lạch để tìm chị cá lớn. Mưa rơi. Những con sóng lắc lư nghiêng ngả. Lũ cá tội nghiệp nằm ép sát vào những tảng đá và rễ cây. Bọn họ không ai biết chị cá lớn đi đâu cả.

Cuối cùng thì Kraxápka tìm thấy chị ở một cái hồ đá dưới cùng. Và mọi chuyện giống như năm trước: chị cá hồi đang nằm dưới cái hồ phủ đá rậm nặng nề

anh chàng thợ mộc đói khát bú bầu sữa đang căng tức của cô nữ mẫu đầy đà. Chuyện ấy xảy ra trên một chuyên tàu đi từ Nixơ đến Mácxây, vào một trưa oi ả, ở xứ hoa hồng, quê hương của hoa hồng, nơi mà những cánh đồng trồng hoa tràn xuống tận mép biển...

Tôi ra khỏi nhà Benderxki với hai mươi lăm rúp tạm ứng trước. Cái hội của chúng tôi ở khu Pexki tôi ấy say ngất ngư chẳng khác gì đàn ngỗng no căng nước. Chúng tôi đã dùng thìa mà xúc món trứng cá tằm và nhâm nó với món giò lòng. Khi đã chệnh choáng, tôi quay ra phỉ báng Tônxtôi:

— Cự hải rồi, cái cự bá tước của các anh ấy, cự nhất... Tôn giáo của cự là sợ hải... Hải đói, hải già, thế nên ngài bá tước bèn may cho mình một cái áo bằng đức tin...

— Rồi sao nữa? — Lắc lắc cái đầu chim, Kadansép cô hỏi tôi.

Chúng tôi lìm lũi bên chân giường. Tôi mơ thấy Katia, chị thợ giặt đã bốn chục tuổi, sống ở dưới nhà. Sáng sáng chúng tôi thường xuống chỗ chị ta xin nước sôi. Ngay đến mặt chị ta tôi cũng chưa kịp nhìn cho kỹ, ấy thế mà trong mơ có trời biết là tôi và Katia đã làm những gì. Chúng tôi đã quần nhau hôn hít đến mệt nhoài. Sáng hôm sau, tôi không cầm lòng được đã ghé xuống chỗ chị ta xin nước sôi.

Tôi bắt gặp một người đàn bà đáng ừ ề, đầu bịt khăn, mớ tóc xám màu tro rồi tung và đôi tay sưng mọng vì dầm nước.

Kể từ hôm ấy, sáng nào tôi cũng ăn ở đằng nhà Benderxki. Trong căn gác áp mái của bọn tôi có thêm được một cái bếp lò mới, cá trích hộp, sôcôla. Hai lần Raixa còn đưa tôi ra đảo chơi. Không dừng được, tôi đã kể cho nàng nghe về thời thơ ấu của mình. Câu chuyện kể nghe thắm đậm khiến chính tôi cũng phải ngạc nhiên. Từ dưới viên mũ bằng lông điêu thừ, đôi

mắt sợ hãi long lanh nhìn tôi. Hàng mi hung khê chớp đờm về thương xót.

Tôi đã làm quen với chồng Raixa — một tay Do Thái mặt búng, đầu hói trụi và mình dẹt rất khỏe, trông nghiêng như chực rướn bay lên. Nghe đâu ông ta là chỗ thân cận với Raxputin¹. Những khoản lợi tức ông ta thu được nhờ chạy hàng quân nhu khiến ông ta có vẻ như một kẻ bị ma ám. Mắt ông ta lơ lảo, đôi với ông cuộc đời như tấm màn che đã rách nát rồi. Raixa thường ngại ngùng khi phải giới thiệu với chồng những người quen mới của mình. Vì còn non nớt nên hàng tuần sau tôi mới nhận ra điều đó.

Sau Tết, nhà Raixa có hai người em gái từ Kiép tới chơi. Đâu như tôi có mang tới tập bản thảo «Lời thú nhận» và vì không gặp Raixa nên đến tôi mới trở lại. Mọi người đang dùng bữa trong phòng ăn. Từ phía ấy vọng ra tiếng cười lạnh lạnh như ngựa hí của đàn bà, và tiếng ồm ồm của đàn ông đang cơn hứng. Ở những nhà giàu không có nền nếp, người ta ăn uống rất ồn ào. Thứ tiếng ồn rất Do Thái, rộ lên từng đợt và về cuối trở nên du dương. Raixa ra đón tôi trong bộ áo dạ hội hở lưng. Chân đi giày láng bóng bước vụng về.

— Tôi say rồi, chú bồ câu ạ. — Rồi nàng chìa cho tôi đôi tay đeo đầy những chuỗi bạch kim và những ngôi sao hồng ngọc.

Tâm thần nàng đông đưa, rướn cao như con rắn ngóc lên theo tiếng nhạc. Nàng lắc lắc cái đầu uôn quần làm cho mớ vòng khuyên kê lạnh canh, rồi bất thần ngã vật ra chiếc ghế bành chạm trổ kiểu Nga cổ. Trên khoảng lưng trần xoa phấn của nàng hằn lên những vết tím bầm.

Phía sau tường lại vang lên tiếng phụ nữ cười. Hai cô em có ria mép từ phòng ăn đi ra, cũng vú to, người phồng y hệt Raixa. Ngực các cô ưỡn ra, tóc đen xỏa tung. Cả hai đều lấy chồng người trong họ Benderxki.

¹ Raxputin G. E. (1872-1916) — sủng thần của Nga hoàng Nicôlai II và vợ ông ta.

trần trổ, phía trên chị, là anh cá Móc Câu màu hồng hồng đang vừa oằn oại một cách say mê vừa tiết ra một tia dài màu trắng, còn ở phía dưới, chỗ thác đổ bọn cá ngũ sắc, cá thymen nhanh thoăn thoắt và lũ cá tuyết chen chúc nhau há mồm chờ sẵn.

— Ôi, lại gặp được cô, cháu vui quá! — Kraxápka nói và bơi gần đến chị cá hồi. — Thế mà cháu cứ lo mãi, lo mãi. Sao cô bỏ đi mà không nói với cháu một lời.

Chị cá hồi không nói. Còn Kraxápka vì tê nhị nên lách sang bên. Một lát sau, khi chị cá lớn từ dưới hồ đã lên và lấy đá rậm lấp hồ lại thì nó mon men đến gần hỏi:

— Cô sắp ra biển đây ư. Cô cho cháu theo với nhé!

— Cháu còn chưa đến tuổi, sớm quá. Cháu không đủ sức đâu. Ôi, đó là một con đường dài, dài lắm. Chính cô cũng còn sợ nó nữa là.

— Nếu thế cô cứ ở lại đây đi. Cháu sẽ làm tất cả mọi thứ cho cô.

— Cháu đừng có nói những chuyện ngốc nghếch. Cô sẽ chết ngột trong con sông nhỏ này mất.

Uôn mình một cái, chị cá hồi nói: «Tạm biệt cháu nhé». Thế rồi bị dòng nước cuốn đi, va cả đầu, cả mình vào đá, chị lao ra phía thác đổ.

Một nỗi buồn âm ỉ như thất lạc tim Kraxápka. Cô nhìn mãi về phía bờ thác sủi bọt, chỗ chị cá hồi vừa đi khuất, trong lòng cảm thấy sợ hãi khi nghĩ đến cái điều đang chờ cô phía trước. Ngột ngạt, tâm tột cùng với nỗi sợ hãi triền miên đối với bọn cá măng, cá tuyết... Trong khi ở một nơi nào đó là biển cả, là bao la... Và nắng nữa, rất nhiều nắng.

Không, cô không thể nào tiếp tục ở lại cái con sông này được nữa. Không. Nhất định không.

Thế rồi co hết cả cơ bắp lại, cô liêu mình lao vào cái mồm há hoác réo âm âm của con sóng bạc đầu.

Những ngọn thác đổ rền rĩ âm âm, những con lạch bị xói mòn rộng hoác, những cái hồ sâu không đáy như trái dài mãi, trái dài ra vô tận.

Chị cá hồi lớn tuổi mình đầy vết xước, mệt mỏi, với những tâm vảy rách nát, xác xơ, hình như đã hoàn toàn kiệt sức. Đến những đoạn thác đổ dữ dội chị bị nước cuốn đi quay cuồng như một cái dăm gỗ, va đập vào đá. Nhưng chị vẫn cứ bơi mãi, bơi mãi...

Điều khó khăn nhất đối với Kraxápka là kiếm cái ăn. Quả đáng tội, khi hai cô cháu còn bơi trong con sông nhỏ thì cô cá hồi cũng giải quyết qua loa được chuyện đó: chỗ này cô đớp một con bọ, chỗ kia lại bắt được con sâu nào đó.

Nhưng bây giờ họ đã ra đến con sông cái và Kraxápka ỉu xiu đi trông thấy. Cái đói dần vặt cô. Mặc dù đôi lúc cô cũng tạt được vào chỗ doi đất và chộp được một chú bọ dừa nhỏ nào đó. Nhưng đó đâu có phải là thức ăn?

Có một lần khi hai cô cháu còn đang đi trong con lạch sâu, ảm đạm chị cá hồi bỗng quay lại hỏi:

— Cháu vẫn nhất quyết đi đây à?

Kraxápka bối rối, bởi vì cô vẫn nghĩ rằng cho đến lúc đó chị cá hồi vẫn không nhìn ra cô.

— Cháu là con bé can đảm đây, — chị cá hồi nói. — Nhưng cô khuyên cháu nên về đi thì hơn. Sắp tới sẽ ra đến con sông lớn, ở đó cháu sẽ không thể tìm thấy cái ăn đâu. Cháu về đi. Cháu vẫn còn kịp về đến nhà trước cơn ngột ngạt lớn sắp tới.

Kraxápka rầu rĩ lặng im.

— Con ngốc ạ, nghe cô bảo! — chị cá hồi cao giọng nói. — Cháu có biết là họ hàng nhà ta đã bao nhiêu người bỏ mình trên con đường lớn này không? Cháu còn chưa đến lúc. Cá hồi con ra biển vào mùa xuân kia, hiểu không?

Lời nói của chị cá hồi lớn làm Kraxápka rất lo. Bây giờ cô hiểu là cô đã hành động một cách thiếu suy nghĩ

Căn phòng tràn ngập tiếng đàn bà cười đùa chẳng đâu vào đâu, lời cười đùa của những người đàn bà đã trưởng thành. Hai ông chồng ú ăm cho các cô bằng áo bành tô da hái cầu, khăn quàng Ôrenbua, đi cho họ giày đen cao cổ; sau lớp lông tuyết xù lên của vành khăn chỉ còn thấy những đôi má đỏ lựng, chòm mũi trắng như sứ và ánh mắt cận thị của dân Sêmit. Đùa chán, họ đi đến nhà hát hôm ấy đang diễn vở ôpêra «Iudipho» do Saliapin¹ sắm vai chính.

— Tôi muốn làm việc, — Raixa thì thầm, dang hai cánh tay trần, — chúng ta đã bỏ mất cả tuần này rồi...

Nàng sang phòng ăn lấy một cái chai và hai cốc lớn. Bộ ngực không đeo nịt núng nính qua lần áo, hai núm vú hằn rõ trên nền lớp lụa mềm.

— Thứ quý, — Raixa vừa nói vừa rót rượu ra, — loại nho xạ năm tám ba đây, chồng tôi mà biết thì ông ấy giết tôi...

Tôi chưa bao giờ được thưởng thức thứ rượu nho cất từ năm tám ba và cũng không hề có ý định nốc cạn ba vại liền. Chúng lập tức kéo tôi vào những hẻm phố chập chờn những đốm lửa màu da cam và vắng nghe có tiếng nhạc.

— Tôi say rồi, chú bồ câu ạ... Hôm nay ta làm gì đây?

— Hôm nay ta làm «*L'aveu*»²...

— Ờ phải, «*Lời thú nhận*». Ánh nắng, đó là nhân vật của truyện ngắn ấy, *le soleil de France*³... Những giọt nắng cháy tràn, nhỏ xuống khuôn mặt nàng Xêlesta tóc hung, biến thành những mụn tàn nhang. Những tia nắng rọi thẳng, rượu vang và rượu táo khiến nước da của chàng đánh xe Pôlít láng bóng lên. Mỗi tuần hai bận, Xêlesta theo xe vào thành phố bán gà, trứng và váng sữa. Nàng trả cho Pôlít mỗi chuyến xe mười xu

công chở mình và bốn xu cho gió hàng. Và cứ mỗi chuyến đi như thế Pôlít lại nháy mắt hỏi nàng Xêlesta tóc hung: «*Bao giờ thì mình được vui thú với nhau, ma belle?*»¹ — «*Thế nghĩa là sao cơ, anh Pôlít?*» Nhấp nhòm trên ghê xà ịch, anh đánh xe giải thích: «*Vui thú với nhau tức là vui thú với nhau, bồ khỉ... Một khi trai cận gái kề, lọ là đàn sáo mới làm nên duyên...*»

— Em chả ưa cái lời đùa nhả thế đâu, anh Pôlít, — Xêlesta đáp và giật phắt cái vạt váy phủ trên đôi bắp chân chắc nịch mang tất đỏ lại phía mình.

Nhưng cái anh chàng Pôlít quý sứ nọ cứ cười hô hô, ho sặc lên mãi, — rồi sẽ có lúc chúng mình vui thú với nhau, *ma belle*, — và những giọt lệ vui lăn trên khuôn mặt đỏ ửng màu máu đặc quánh và màu rượu.

Tôi uống cạn một cốc nữa thứ rượu nho quý giá kia. Raixa cũng chạm cốc với tôi.

Cô hầu gái có cặp mắt trơ tráo đi ngang qua phòng rồi biến mất.

*Ce diable de Polyte*²... Trong hai năm nay Xêlesta đã trả cho anh ta bốn mươi tám quan. Tức là thiếu hai quan nữa thì tròn năm chục. Đến cuối năm thứ hai, lúc chỉ có hai người ngồi trên xe, và Pôlít, đã nốc đầy rượu tân trước khi đi, lại hỏi cái câu thường lệ của mình: «*Thế hôm nay mình đã vui thú với nhau được chưa, cô Xêlesta?*» thì nàng đáp, mắt nhìn xuống: «*Em xin chiều anh, anh Pôlít...*»

Raixa cười rữ và ngả người ra bàn. *Ce diable de Polyte*...

Cỗ xe đóng một con ngựa trắng còm. Con ngựa trắng còm có cái mõm đỏ loét già nua thủng thẳng đêm bước. Cái nắng tươi vui của nước Pháp khuyen tròn cái khoang xe được ngăn cách với thế giới sau một tấm mui bằng vải bố sờn bạc phêch. Một khi trai cận gái kề, họ là đàn sáo mới làm nên duyên...

¹ Người đẹp của tôi (*tiếng Pháp*).

² Cái anh chàng Pôlít quý sứ kia (*tiếng Pháp*).

¹ Saliapin Ph. I. (1873-1938) — ca sĩ nổi tiếng Nga.

² «*Lời thú nhận*» (*tiếng Pháp*).

³ Ánh nắng nước Pháp (*tiếng Pháp*).

khi dần thân vào cuộc phiêu lưu này. Nhưng biết làm thế nào được?

Chẳng bao lâu sau hai cô cháu bước sang một con sông mới. Trời! Nước mới đen làm sao, vừa tối, vừa sâu. Chỉ mong sao có một doi cát trên đường đi. Vì luôn luôn bị ăn đói cho nên cô bị hoa mắt, mây cái vẩy ử rữ như không nghe theo ý cô nữa. Cô khóc và thèm được, như chị cá hồi lớn, nhịn ăn một thời gian dài mà không đói.

Có một lần, cảm thấy quá mệt, cô không nén được, thốt lên van vớ:

— Cô dừng lại một chút chờ cháu. Cháu không thể nhịn ăn tiếp được nữa. Cô đứng ở đây, cháu bơi vào bờ một chút thôi.

— Cô không thể dừng được, — chị cá hồi hỏn hển nói. — Cô đang đói. Người cô khô kiệt, héo hon cả rồi, chỉ còn có da bọc xương đây này.

— Thế thì cả hai cô cháu ta cùng bơi vào.

— Cháu quên là cô không thể ăn được ở vùng nước ngọt ư? Ở đây làm gì có thức ăn cho cô.

— Thế cô có thể đợi cháu được không? — Hy vọng là chị cá hồi không nỡ bỏ cô mà đi, Kraxápka liền bơi vào bờ.

Vùng ven bờ băng đã phủ kín nhưng cô vẫn kiên ra được mấy con sâu. Vui vẻ và lấy lại được tinh thần, cô vội quay lại chỗ cũ. Chị cá hồi không còn đây nữa. Kraxápka kêu gào, chạy lung tung khắp chôn tìm chị, sau đó đồ chừng là chị đã đi tiếp rồi, cô lao theo. Cô cứ bơi mãi, bơi mãi bơi lâu lắm thế mà chị cá hồi vẫn biệt tăm. Sợ hãi và tuyệt vọng đè nặng lên cô. Không biết rồi cô sẽ ra sao đây?

Thật là may cho cô, vì lúc đó xuất hiện mấy chị cá hồi khác đang nổi đuôi nhau bơi từ mạn trên xuống. Kraxápka mừng vô hạn:

— Các chị đi đâu đây? Có ra biển không?

— Có, bọn chị đang ra biển đây.

— Thế thì hay quá, em cũng đang định ra đó!

— Em mà ra biển ấy à? — mấy chị cá hồi cười,

dáng mệt mỏi. — Nhưng em là thế nào mà ra được đến chỗ này vậy?

— Ô, em ở cách xa đây lắm. Lúc đầu em đi với cá hồi lớn tuổi hơn qua con sông nhỏ, rồi đến con sông lớn, sau đó thì đến con sông này...

— À ra vậy, — mấy chị cá hồi đưa mắt nhìn nhau, — con bé có lẽ thuộc chị cá hồi hề nào cũng lên vùng thượng lưu sông Iula đây mà.

— Vâng, em cũng vẫn thường nghe nói là con sông của bọn em đổ vào sông Iula. Thế các chị từ đâu đến đây ạ? — Kraxápka rất vui vì được giải bày tâm sự với mấy chị cá hồi hay chuyện và còn tương đối khỏe này.

— Bọn chị ấy à? Bọn chị không ngốc nghếch như họ nhà em đâu. Nhà bọn chị gần hơn. Cho nên đi ít mệt hơn. Nhưng em làm thế nào mà đến được đây? — mấy chị cá hồi căn vặn. — Chuyện này bọn chị chưa từng nghe thấy bao giờ đây. Em hãy còn là một con bé ngốc nghếch thế kia cơ mà.

— Vâng, có lẽ em ngốc thật, — Kraxápka thú nhận với giọng đờm buồn. — Có cá hồi trước đây cũng bảo em như vậy.

— Cả cái cô ấy nữa cũng ngốc lắm. Mà lại còn ngốc hơn cả em nữa cơ. Sao mà lại có thể đánh lòng mang theo một con bé còn vớt mũi chưa sạch thế này cơ chứ. Em thử nhìn lại mà xem, em còn chưa thay áo trẻ con cơ mà. Thế mà cũng đòi ra biển...

Thấy kệ, mặc cho họ cười. Chỉ miễn họ đừng đuổi đi là được. Thế rồi cả bọn lại lên đường. Lại đói. Lại con sông hung hãn dài vô tận, không đáy, không bờ...

Thế rồi cuối cùng, một hôm, lúc đó trời mới hửng, cả đàn cá hồi ra đến một doi cát. Phía trước mặt có cái gì âm ỉ, vang dội. Nước màu xanh đục dâng những con sóng, phả lên cái vị mặn chát.

Kraxápka chăm chú lắng nghe tiếng âm ỉ đó rồi rụt rè hỏi:

— Cái gì đây hả các chị?

— Biển đây, ngốc ạ. Ôi, biển! Thật là tuyệt!

Raixa chia cho tôi một cốc nữa. Đây là cốc thứ năm.

— *Mon vieux*¹, vì Môpátxăng...

— Thế hôm nay ta đã vui thú với nhau được chưa, *ma belle*...

Tôi nhào người ôm lấy Raixa và hôn lên môi nàng. Đôi môi run run và mọng lên.

— Anh ngộ thật đấy,— Raixa lúng búng qua kẽ răng và chuối ra.

Nàng đứng nép vào tường, dang rộng hai cánh tay trần. Trên tay và vai nàng nổi những vết bầm tím. Trong số các chúa bị đóng đinh trên thập giá, đây là đang có sức quyền rũ mê hồn nhất.

— Hăng ngổi xuống đã nào, anh Pôlít...

Nàng chỉ cho tôi cái ghế bành xanh lưng ngả đóng kiểu Xlavor. Lưng ghế ken song gỗ chạm hình trang trí. Tôi loạng choạng lần đến đó.

Đêm đã lên chuốc thêm vào tuổi trẻ đói khát của tôi một chai rượu nho xạ năm tám ba với hai mươi chín cuốn sách, hai mươi chín quả pháo đùng nhồi chất những xốt xa, thiên tài, đam mê... Tôi đứng bật dậy, xô đổ ghế, quờ tay vào cái giá. Hai mươi chín tập sách đổ nhào xuống thảm, những trang sách bay tung, những cuốn sách dựng đứng... và con ngựa trắng cồm nhom của số phận tôi cất bước.

— Anh ngộ thật đấy,— Raixa gừ gừ.

Tôi ra khỏi ngôi nhà đá hoa cương ở phố Môika vào lúc mười hai giờ, trước khi hai cô em cùng chồng đi xem hát về. Tôi đã đủ tỉnh để có thể lần dọc theo một bên đường, nhưng chệnh choạng vẫn hay hơn nhiều và tôi cứ chúi hết bên nọ lại dạt sang bên kia, mồm hát văng lên những câu nhăng nhít vừa nghĩ ra. Dọc những quãng đường ngấm giăng hàng chuỗi đèn treo, hơi sương mù dựng thành lớp. Lũ yêu quái gào rú sau những bức tường đang sôi lên. Mặt đường như cắt rời chân những khách bộ hành.

¹ Mời anh bạn (tiếng Pháp).

Ở nhà Kadansép đã ngủ. Anh ta ngủ ngổ, đôi chân khằng khiu thọc trong đôi ủng da. Chòm tóc vàng hoe vênh trên đầu anh. Anh thiếp đi bên bếp lò, đầu gục trên tập «Đôn Kihôtê» bản ra năm 1624. Trên trang bìa phụ cuốn sách có lời đề tặng công tước Đơ Brôgliô. Tôi sẽ sàng nằm xuống để khỏi làm thức giấc Kadansép, kéo dịch cây đèn lại và bắt đầu đọc cuốn sách của Edua đơ Mênian «Về cuộc đời và văn nghiệp của Guy đơ Môpátxăng».

Môi Kadansép mấp máy, đầu nghẹo sang một bên.

Và vào cái đêm ấy, nhờ Edua đơ Mênian, tôi biết rằng Môpátxăng sinh năm 1850, cha là một quý tộc người Normandi và mẹ là Laura đơ Poateven, em họ của Phlôbe. Mới ở tuổi hai mươi lăm ông đã gánh chịu trận công phá đầu tiên của bệnh giang mai di truyền. Sinh lực tràn trề và bản tính vui tươi của ông chống trả bệnh tật quyết liệt. Ban đầu khổ sở vì những cơn đau đầu và những nỗi ưu tư bệnh hoạn. Rồi bóng ma của sự mù lòa xuất hiện. Mắt ông kém hẳn. Mỗi ngày vực ám ảnh khiến bệnh diễn của ông thêm nặng, càng ngày ông càng sợ tiếp xúc và trái tính hơn. Ông đã vật lộn chống lại bệnh tật một cách điên cuồng, đã vật vã giống buồm giương ruồi khắp biển Địa Trung Hải, chạy sang Tuynidi, Maroc, Trung Phi, và viết không ngừng tay. Khi đạt tới đỉnh vinh quang, ông đã dùng dao tự cắt cổ mình năm bốn mươi tuổi, máu chảy đầm đìa, nhưng vẫn sống. Ông bị người ta đem nhốt vào nhà thương điên. Ở đây ông đã bò lồm cồm... Dòng cuối cùng trong tờ chúc thư của ông viết:

«*Monsieur de Maupassant va s'animaliser*» («Ngài Môpátxăng đã biến thành một con vật»). Ông chết năm bốn mươi hai tuổi. Bà mẹ còn thọ lâu hơn ông.

Tôi đã đọc cuốn sách cho đến hết và đứng lên. Sương mù lan ngập cửa sổ và che khuất trời đất. Tim tôi thất lại. Linh báo sự thật khiến tôi bàng hoàng.

Ngô Thê Phúc dịch

Bầy cá hồi mệt mỏi rã rời, kiệt sức nằm trên doi cát như trên tấm đệm lông, nhẹ nhàng lắc lư theo nhịp sóng đung đưa. Những cái mồm lồm chồm đầy răng của chúng há rộng, chúng khoan khoái nuốt vào cái chất nước mặn đắng đã làm Kraxápka chóng mặt.

— Sao thế, chóng mặt à? — một chị cá nằm bên cạnh cô hỏi. — Say sóng đấy. Nhưng nó sẽ qua ngay thôi. Em thật là may mắn đây, cô bé ạ. Em là người đầu tiên ở lứa tuổi này ra được đến biển.

Bầy cá hồi nân ná thêm một lúc, sau đó, bỗng quẫy đuôi với một sức mạnh không ngờ. Kraxápka băng theo bọn họ, nhưng một con sóng bất thần lao tới hất cô trở lại.

— Các chị ơi dừng lại, chờ em với! — cô kêu to. — Dừng lại!

— Dừng sợ, cô bé, — từ dưới đáy sâu vọng đến giọng nói đầy khích lệ của một chị cá hồi. — Chỉ cần em nhảy qua được con sóng đó sang đây thôi. Bên này yên tĩnh lắm.

Biển sục sôi âm ỉ, cuộn cát từ dưới đáy lên, và cô cá hồi còn bị sóng giồi, lắc hết bên này sang bên kia một thời gian dài nữa như một cái dầm gỗ, cho đến khi cô xuống được đáy sâu, chỗ đàn cá hồi đang nghỉ ngơi.

Tôi tắm, ảm đạm. Phía trên là những tảng băng trắng, to, lắc lư chao đảo...

Đây chính là biển, cái biển mà cô hằng mơ ước tới đây ư? Không, trước đây cô nghĩ biển khác cơ. Hồi đó cô cứ tưởng biển là một con sông to, sáng, mãi mãi ngập tràn ánh nắng. Hay là chuyện về vầng mặt trời bị cá hồi mang đi chỉ là chuyện người ta bịa ra với cô? Nó đâu rồi cái vầng mặt trời đó? Trong suốt cả quãng đường đi, cô chưa lần nào thấy nó đâu cả.

Nhưng điều làm cô thất vọng hơn cả lại chính là đàn cá hồi. Có một lần từ phía bên trong làn nước xanh ngắt xuất hiện một đàn cá vẩy loáng bạc, giống như loài cá thiếu, lũ cá hồi kêu to: «Cá trích! Cá trích!» — rồi lao vào bọn chúng. Bắt đầu một cuộc tàn sát dã man, ghê tởm. Những con cá run rẩy lần lượt hết con này đến con khác biến mất vào những cái mồm lồm chồm đầy răng.

Cô cá hồi sợ hãi nhìn cái cảnh đó. À ra chính vì cái ấy mà họ ra biển đây!

Sau khi đã chén gọn đàn cá trích, lũ cá hồi vừa ợ vừa nhìn nhau với vẻ thỏa mãn ra mặt nói:

— Thế là xong tuần chay lớn của chúng mình rồi. Bây giờ chúng mình có thể ăn một cách thỏa sức.

— Còn em sao cứ đứng giương mắt ra thế? Không đói à? — một chị cá quay sang hỏi Kraxápka.

— Nhưng em chỉ ăn được sâu bọ với tép thôi.

— Ô, không, — chị cá nọ nói, — sâu bọ, tép đó không phải là thức ăn của họ cá hồi nhà ta đâu...

— Nhưng em không hiểu là làm thế nào chúng ta lại có thể nuốt được những con cá sông. Bởi vì thế thì chúng sẽ đau lắm.

Lũ cá hồi cười ha hả:

— Này cô em, hãy nhớ lấy điều này: biển có nghĩa là hoặc mày nuốt người ta, hoặc người ta nuốt mày. Và nếu chỉ có mầy con sâu trong bụng, thì cô em sẽ không thể đi lâu trên biển được. Biển thích những kẻ mạnh.

Và cũng hãy nhớ cả điều này nữa, — một chị cá khác bảo. — Đứng xa bọn chị ra. Bởi vì không phải lúc nào bọn chị cũng phân biệt những cái gì mà mình ghét. Em hiểu không?

Thế rồi đàn cá hồi lại uốn cong đuôi hăng hái lao về phía trước.

4

Bọn họ đi hết cả rồi... Chỉ còn lại một mình cô giữa biển cả mênh mông... Cô phải làm gì bây giờ đây? Chạy đuổi theo họ ư? Nhưng cô nhớ lại lời răn đe của chị cá hồi và tim cô thất vọng vì sợ hãi. Tất cả đều là thù địch. Không thể dựa dẫm được gì vào lũ cá hồi rồi...

Xung quanh thấp thoáng những cái bóng bí hiểm và đáng sợ, còn phía dưới là vực thẳm tối đen. Còn cái đói thì vẫn cồn cào gan ruột.

Cô bơi về phía bờ. Ở đó có đáy và chắc chắn là cô sẽ kiếm được con sâu nào đó.



Khi cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại bắt đầu, Barudordin (sinh năm 1926) mới 14 tuổi. Tiểu thuyết «Ôn lại những gì đã qua» (1964), tác phẩm đồ sộ nhất của Barudordin với tư cách một người viết văn xuôi, là dành để nói về chiến tranh. Ngoài ra là các tiểu thuyết «Câu chuyện về phụ nữ» (1967), «Cô Êlidavêta Paplôpna» (1979), truyện vừa «Tự mình» (1980), «Mùa lá rụng» (1982) v. v.

Xécgây Barudordin

ME

Cha Dina mất cách đây ba năm, khi em mới mười ba tuổi. Cha mất ở xa, tại một đồn biên phòng trong chuyến đi công tác, và hôm cử hành lễ tang ở Mátxcơva hai mẹ con không vĩnh biệt ba mà vĩnh biệt chiếc quan tài kẽm đóng kín. Mẹ như người mất hồn nên các đồng chí trong cơ quan đứng ra tổ chức tang lễ. Các quân nhân đến rất đông, có cả quân nhạc và bắn súng tiễn đưa. Mẹ đứng đó, mặt không còn chút sinh khí, vàng ệch như sáp ong, không khóc lóc, không nói năng gì, và Dina đỡ một bên để mẹ khỏi ngã. Và mẹ vẫn ngồi lặng thinh như thể cả trong bữa cỗ mời mọi người đến dự đám tang, và khi tất cả mọi người nhanh chóng ra về, mẹ nằm ngủ và ngủ liền hơn một

ngày đêm. Dina rón rén đi lại loanh quanh, sợ làm mẹ thức giấc.

Suốt nửa năm hai mẹ con sống rất lạ lùng, gần như không giao tiếp với nhau. Thực ra, vẫn như trước, mẹ đến làm việc ở nhà máy dệt của mình, mẹ được tặng thưởng huân chương vì thành tích thực hiện kế hoạch năm năm và được bầu là đại biểu Xô-viết, chân dung của mẹ được treo trên Bảng danh dự của quận. Ngày nào Dina cũng trông thấy tấm bảng ấy trên đường tới trường và từ trường về. Nhưng ở nhà mẹ rất lảm lỳ. Mẹ nấu nướng giặt rũ, quanh quẩn chỉ thế thôi. Hầu như mẹ không xem truyền hình. Và Dina không có cách nào hiểu được nỗi lòng của mẹ, không tìm được cách gì làm cho mẹ khuây nổi phiền muộn. Em thử kể chuyện ở trường học, thậm chí còn bịa ra một chuyện rất buồn cười, như thể em đã yêu đương, nhưng cũng không ăn thua gì.

Rồi thì chính Dina cũng đâm ra u sầu, đêm đêm em khó ngủ, nhưng chính lúc đó, mọi chuyện bắt đầu.

Hè đã gần tàn. Dina ngồi bên ô cửa sổ mở, ngắm nhìn, hít thở không khí nồng hơi xăng. Cửa sổ trông ra đường phố ồn ào đông người. Những chiếc xe chuyên dụng chở những bức tường lắp sẵn chạy dọc phố—xí nghiệp xây dựng nhà cửa ở ngay bên cạnh. Xung quanh cây cối xanh tươi, nhưng vẫn ngột ngạt.

Tối hôm ấy mẹ không về một mình.

Đứng bên cạnh mẹ, là một người đàn ông cao lớn, mặt mỏng dính đỏ gay với hai hàng tóc mai nhỏ bên thái dương. Ở ông ta nồng nặc mùi rượu.

— Đây là bác Kôlia, — mẹ nói, — con chào bác đi!

Bác ta chìa ra bàn tay nhóp nhố hôi:

— Bác là Kôlia.

Mẹ náo nức đến không nhận ra được. Mẹ bận rộn trong bếp và bên bàn ăn, rồi sau đó ba người cùng ăn tối, và uống trà. Dina không để ý nghe câu chuyện giữa mẹ và ông khách, em cứ lặng thinh.

Uống trà xong em nói:

Nhưng sở cô ngày hôm ấy không kiếm được gì để ăn cá. Cô vừa mới trông thấy lớp cát pha vàng vàng dưới đáy, thì ngay lập tức có con cá to, vẩy đỏ lao vút từ dưới lên. Cô bán sống bán chết chạy vội sang bên...

Chẳng bao lâu mọi chuyện lại giống như hồi nào còn ở trong sông. Cô nằm bên một tảng đá to nép sát cái thân hình run rẩy của cô xuống lớp cát. Đói, cô đơn. Không hiểu cô đi ra cái biển này để làm gì nhỉ?

Đêm đó tối và dài lắm. Có những đốm lửa xanh, đỏ nào đó bò xung quanh. Tảng đá như run lên vì bị băng xô, lắc qua lắc lại. Những con sao biển xa xăm tua tủa gai, thỉnh thoảng lại rơi vào bãi rong tời đen ngăm dưới nước. Cô cá hồi đói bụng suốt đêm không hề chợp mắt, không dám ra xa hòn đá tảng.

Đến gần sáng thì băng đã phủ đầy tảng đá. Ánh bình minh màu hồng yếu ớt xuyên qua lớp băng đó. Thề rồi lớp cát dưới đáy biển trần trụi, hoang vắng đã ngả dần sang màu vàng. Sâu bọ đâu cả rồi? Tôm tép đâu cả rồi? Chẳng có lẽ cô phải chịu chết đói ư?

Bỗng cô trông thấy ở cách chỗ cô không xa lắm có một cái ụ cát nhỏ đang ngọ nguậy. Từ trong ụ nhô ra lúc đầu là một cái mũi nhọn nhọn sau đó là cả cái thân dẹt dẹt của một con cá kẻ sọc dưa ươn, lắc chui hẳn ra ngoài. Đó là con cá cát vẫn thường hay trú đêm trong cát. Cô cá hồi như mê mẩn tâm thần lao ngay vào đớp con cá cát... Sau đó cô vừa nuốt con cá vừa khóc. Cô khóc vì hóa ra cô cũng là một con cá dữ như mọi con cá hồi khác...

Nhưng bây giờ cô đã biết là cô sẽ không chết.

5

Đầu mùa xuân, ven bờ biển vùng Bắc Na Uy thường có những đàn cá trích rất đông tụ họp. Đó là chỗ chúng vẫn đẻ trứng. Những vùng biển và doi cát lúc nhúc đầy cá trích, trông giống như những cái nổi khổng lồ. Không khí như bị xé rách thành nhiều mảnh bởi tiếng kêu của lũ hải âu không bao giờ no bụng. Những cây cần câu kéo lưới của tàu đánh cá rít ken kết. Trong khi đó từ phía

biển, từng đàn cá hồi xông vào tấn công bầy cá trích yếu đuối như những con lốc.

Cô cá hồi của chúng ta no nê phê phởn trong một cái vùng biển như vậy. Nhưng đồ ai có thể nhận ra được cô bây giờ! Mới chỉ có năm rưỡi trời qua mà từ một cô cá con sặc sỡ không to hơn một con cá bống nhỏ bao nhiêu, cô đã trở thành một cô cá to, dài nửa thước với lớp vẩy loang loáng ánh bạc. Quả là so với những con cá hồi khác thì cô chỉ là một con cá con mới lớn, nhưng về tính nhanh nhẹn và dẻo dai chịu đựng thì bất kỳ chị cá hồi lớn tuổi nào trông thấy cô cũng phải thèm.

Cô không hề biết đến cơn mồi rã rời. Cô chẳng sợ gì đông bão. Cô có thể hết ngày này sang ngày khác đuổi theo những cái bóng có cánh bay vẩn lượn trên mặt biển, bởi vì đàn hải âu chính là những người dẫn đường chủ yếu của loài cá hồi ngoài biển khơi. Sớm hay muộn nhất định chúng cũng sẽ dẫn bầy cá hồi tới được một đàn cá trích mới.

Còn một nét nổi bật nữa ở cô cá hồi là sự háu ăn lạ thường. Nước biển mặn lại càng làm cô thêm ăn điên cuồng. Hơn nữa cô còn có những lý do riêng khiến cô háu ăn. «Biển thích những kẻ mạnh». Ôi, bài học đó làm sao mà cô có thể quên được?

Cô không có thì giờ để phung phí hàng tháng trời vào việc thích nghi với hoàn cảnh mới, như vẫn thường thấy ở lớp cá hồi trẻ, ra biển vào mùa xuân. Cô đã phải gấp rút qua cái trường học đó. Hơn nữa lúc đó lại là cuối thu. Và cô đã qua được.

Gần một tháng trời cô cá hồi ở vùng ven bờ sông Bắc Đvina. Và trong suốt thời gian gần một tháng đó cô chỉ có ăn, ăn không ngừng. Phải lớn mau lên mới được. Phải mau mau trở thành một con cá khỏe như những chị cá hồi khác mới được.

Thế rồi đến một ngày nọ, cô cảm thấy mình đủ cứng cáp để có thể nhập vào bầy cá hồi cuối cùng đi ngang qua để ra khơi xa.

Cô ghen thờ vì những cảm giác mới. Những bãi rong ngăm dưới biển màu đỏ, hoặc hung hung nâu, những loài

— Con đi đây.

Và em bước vào phòng của ba, hay đúng hơn vào phòng làm việc, như cả nhà thường gọi khi ba vẫn còn.

Em nghe thấy mẹ và bác Kôlia cười ở bên kia tường và sau đó họ mở máy thu hình.

Dina nhìn đồng hồ và vẫn chờ cho cái ông Kôlia ra về. Nhưng bác ta không về.

Quá mười một giờ mẹ rẽ vào.

— Con có thể ngủ ở đây được chứ? — mẹ hỏi.

— Được, mẹ ạ, — Dina đồng ý và em hiểu rằng bác Kôlia sẽ ở lại.

Dina chuyển giường của em vào phòng làm việc và chui vào chăn. Em bật đài.

Biết bao chàng trai độc thân
Vây mà tôi yêu một chàng có vợ, —

đài đang hát.

Tối nào bác Kôlia cũng đến và ngủ lại. Lúc nào đến bác ta cũng chuyển choáng hơi men và đem theo rượu hoặc cognac. Bác ta uống rượu với mẹ.

Mẹ đôi khi khác hẳn, gương mặt mẹ rực hồng lên, mẹ bắt đầu hay nói như trước kia, khi ba còn sống, chăm lo chải chuốt đầu tóc và trang phục.

Nhưng với Dina, mẹ chỉ chuyện trò qua loa, thuận dịp thì nói:

— Con thế nào?

— Ở trường vẫn bình thường chứ?

— Ờ, được, được!

Còn Dina, sau khi chui vào phòng làm việc của ba, em làm bài, và sau đó nhìn mãi lên tường. Ở đây có con dao găm sĩ quan của ba. Dưới lần kính là tấm bằng sáu lần khen thưởng của Tổng tư lệnh tối cao. Và ảnh, toàn ảnh là ảnh... Ảnh ba, năm mười bảy tuổi, được tặng chiếc huân chương đầu tiên; năm bốn mươi lăm ở Berlin, đã là thượng úy. Ảnh mẹ, hồi là nữ sinh phổ thông và hồi là sinh viên đại học, khi hai người quen nhau. Ảnh cha mẹ ngoài Quảng trường Đỏ và

dưới tấm ảnh này còn dòng chữ do tay ba viết: «Ông mãnh già thừa trước. 1961». Trên tấm ảnh đó, ba đã mang quân hàm thiếu tá và công huân chương xếp thành ba dãy. Còn mẹ vẫn rất trẻ trung. Bức ảnh đầu tiên của Dina chụp năm sáu mươi hai. Em lên một. Rồi sau là ba, mẹ và Dina năm sáu mươi tám, khi em bắt đầu đi học và bức ảnh cuối cùng chụp năm bảy mươi lăm. Ba mươi năm Chiến thắng. Ba là đại tá, công huân chương xếp thành bốn dãy. Mẹ đứng bên cạnh, vẫn như bây giờ.

Ngoài đường trời đã tối. Từ cửa sổ phảng phất hơi lạnh êm dịu. Các ô kính bày hàng, những cây đèn đường cổ cong như cổ thiên nga dọc phố sáng rực lên, bánh xe tơrôlâybuýt, bánh ô tô khê lạo xạo.

Dina nhìn và suy nghĩ: ba mẹ đã sống như thế nào suốt cuộc đời dài lâu ấy? Ba mẹ sống hòa thuận. Không hề có một vụ cãi cọ, xích mích nào. Ba có đôi tay vàng ngọc. Ba có thể mua được đủ mọi thứ, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa. «Em cứ nghỉ đi!» — ba thường bảo mẹ, và quả thật là mẹ nghỉ ngơi với cuốn sách hoặc ngồi bên máy thu hình, còn ba làm việc nhà hết sức nhanh chóng và gọn gàng. Nhà hay có khách, ba thường giành lấy hết mọi việc bận rộn, cả việc mua hàng lẫn việc bày biện bàn ăn. Và ba đôi với Dina... Dina biết, đôi với ba, em là đứa con đặc biệt — đứa con muộn màng và duy nhất. Và cứ thực tâm mà nói thì em yêu ba hơn yêu mẹ tí chút. Ba đưa em đi nhà trẻ, chiều chiều đón em về, và mùa hè thế nào ba cũng nghĩ ra một chuyến đi đâu đó rất «đàn ông», như ba thường bảo, một chuyến đi mười mười hai ngày. Hai cha con đi Krum, đi Kápkador, đi hồ Ixxúc-kun xa xôi, vùng ven biển Bantích, đảo Kigi, Mônđavi. Đó là khi Dina đã học phổ thông. Mẹ không thích những chuyến du lịch ấy và không giàu gièm điều đó. Mẹ thích ngôi nhà. Mẹ lo lắng khi hai cha con lên đường thực hiện những cuộc chu du gần, xa, và mẹ rất vui mừng khi hai cha con trở về. Mẹ vui mừng đến nỗi thậm chí không hỏi xem hai cha con đã thấy những gì, đã ở những đâu. Riêng Dina

cá lạ mà cô chưa hề biết đến, những con sứa, những con quái vật khổng lồ — những con cá mập, những con hải cẩu như những khúc gỗ lao vun vút từ dưới đáy biển đen ngòm lên...

Ngoài biển có rất nhiều kẻ thù. Từng phút từng giây phải luôn luôn đề chừng. Nhưng phóng khoáng biết bao! Và tự do, và rộng rãi đến lạ lùng!

Để đến được bờ biển Na Uy, đến bãi chôn từ bao đời này của mình, đàn cá hồi Bạch Hải đã phải đi hàng trăm, hàng nghìn cây số. Và đến đây thì bắt đầu ngày hội thực sự của bọn chúng là chỉ có việc chèn phè phỡn không ngừng.

Cô cá hồi lao nhanh như một tia chớp vào đàn cá tội nghiệp. Mấy chị cá hồi lớn tuổi hãy còn bơi ở phía sau, nhằm rình sẵn mồi cho mình thì cô đã hung dữ cắn hàm răng trẻ của mình vào con mồi. Một tiếng rắc của con cá đang giãy giụa, thế rồi cô lại lao tiếp về phía trước. Không được chậm trễ! Bọn cá hồi lớn tuổi sẽ không phân biệt mồi là ai, là người trong bọn hay là một con cá trích nhỏ bé đâu.

Nhiều tuần, nhiều tháng đã trôi qua. Vầng mặt trời không bao giờ tắt lại mọc trên biển Barents hung dữ. Đã bắt đầu cái mùa hè mà bọn cá thích nhất. Nhưng có chuyện gì xảy ra với loài cá hồi thế kia? Bọn chúng tiến ngày càng chậm, thường ngừi nước để đánh hơi, thế rồi cuối cùng, một hôm, tất cả bọn cá hồi tụ tập lại thành đàn và quay trở lại.

Cô cá hồi không khỏi ngạc nhiên về chuyện đó.

— Các chị ơi, — cô đuổi theo một chị cá hồi bơi cuối đàn, hỏi. — Sao các chị lại quay lại? Chẳng lẽ ở đây lại không đủ thức ăn ư?

— Sao? Thế em quên là mùa này chúng ta phải quay về quê hương ư?

— Về quê hương? Là cái gì vậy? Đến biển khác chẳng?

Chị cá nọ tròn mắt ngạc nhiên, sau đó phá ra cười to đến nỗi các chị khác cũng phải dừng lại.

— Này, các chị ơi, nghe này. Cái con này nó không

biết quê hương là gì đâu. Nó bảo quê hương là biển đây.

Lũ cá hồi vây xung quanh Kraxápka và phần nộ lên tiếng:

— Thật là nhục. Thật là xấu hổ. Nó quên mất quê hương rồi.

— Thế mà không cảm thấy muốn về nhà ư, hử con bé đáng thương kia?

— Mà không biết là mà từ đâu đến đây à?

Kraxápka thật thà muốn nhớ lại xem quê hương là gì, cái nơi mà từ đó cô đến đây đây? Nhưng trong ký ức của cô chỉ trôi dạt một cách lơ mơ cái cảnh ngọt ngào nào đó, con đường đầy khó khăn, đầy đau khổ mà thôi.

— Mà là một con bé đáng thương nhất trong loài cá hồi, — chị cá lớn nhất lên tiếng với giọng dễ sợ. — Mà không còn nhớ đến quê hương, mà quên mất luật lệ vĩ đại của Tổ tiên chúng ta rồi.

— Em xin lỗi các chị, — cô Kraxápka nói. — Nhưng sao các chị lại nói với em bằng cái giọng thù địch như vậy? Có thể là em có lỗi. Nhưng quả thật là em không nhớ rõ cái mà các chị gọi là quê hương. Bởi vì em ra biển từ hồi còn tấm bé cho nên em chưa bao giờ nghe nói đến cái luật lệ vĩ đại nào của Tổ tiên cả.

— Thật có Trời mới biết thế này là thế nào! — bọn cá hồi thốt lên về bất bình. — Thanh niên bây giờ là như thế đấy! Con bé này nó chưa nghe gì về luật lệ vĩ đại của Tổ tiên! Thế mà nghe được những cái gì, hả?

Kraxápka nổi cáu:

— Tốt nhất là các chị hãy chỉ bảo cho tôi còn hơn là cứ đứng đây mà gào lên như vậy. Chuyện này thì có gì là xấu xa, bởi vì tôi đã thành thật thú nhận là không biết gì về cái luật lệ của Tổ tiên này rồi cơ mà. Hay là các chị muốn tôi nói dối?

Tuy vậy cũng có một chị có suy nghĩ chín chắn lên tiếng nói với cô một cách ân cần, bình tĩnh:

— Em bảo là chưa nghe nói gì về luật lệ Tổ tiên cả phải không? Thế chẳng hóa ra là em chưa thực hiện cái

rất tự hào về những chuyến đi đó. Đến đâu, hai cha con cũng tìm mọi cách gặp gỡ các chiến sĩ biên phòng. Dina đã thấy và hiểu ra rằng họ yêu mến và quý trọng ba em. Chính em dường như đã sống bằng ánh sáng phản chiếu lên người em. Chính vì thế trong buổi lễ tang ba có rất đông chiến sĩ biên phòng. Cả những người cùng cơ quan ở Mátxcơva, và cả những người từ các vùng biên giới xa gần, và đặc biệt là từ biên giới phía đông nơi ba đã qua đời, về đây chỉ cốt để đưa đám ba em.

Gần tới trời muộn nổi cơn đông. Ở nơi nào xa xôi có tiếng âm ì. Ngoài khoảng đất trống sau nhà thờ, trong các cánh rừng chốc chốc chớp lại lóe lên. Nhưng trời không mưa. Chỉ có gió bốc bụi trên mặt đường và trên các vỉa hè: gió thổi thúc khách bộ hành đang vội vã.

Bác Kôlia đến một mình, không thấy mẹ.

— Mẹ cháu đâu ạ? — Dina hỏi.

— Hợp chi ủy, — bác Kôlia đáp.

Lúc này hơi rệu rã từ người bác nặng nề hơn mọi khi.

Trước kia không bao giờ bác rẽ vào phòng làm việc của ba (có lẽ bác ta chỉ vào đó khi Dina vắng nhà chăng?) lần này bác không chỉ ghé vào mà còn ngồi xuống ghế bành, Dina ngồi sau bàn của ba để tỏ thái độ.

— Chà, chà, — bác Kôlia thốt lên khi nhìn các bức ảnh treo trên tường. Tất cả các bức ảnh đều treo phía trên bàn. Và con dao găm, khúc gỗ điển điển, chiếc mặt nạ gỗ của dân tộc Nhípơ, đầu chú cọp găm — những tặng vật Viễn Đông của ba — treo phía trên chiếc giường Dina vẫn ngủ.

— Viện bảo tàng! — Bác Kôlia thốt lên. Đôi đồng tử của bác ta thu hẹp lại. Hình như bác ta đang cười. — Chà, còn thiếu một thứ nữa đây.

— Cái gì kia ạ? — Dina không hiểu.

— Ảnh của bác và mẹ cháu chẳng hạn.

Ôi, giây phút này Dina bỗng căm ghét bác ta làm sao! Cả người em giật dội.

Bác Kôlia không nhận thấy điều đó.

— Nhất trí không? — bác ta hỏi.

— Không.

— Sao lại thế?

«Tôi không muốn trông thấy cái mặt ông nữa», — Dina những muốn nói thế, nhưng em ghì lại được. Em hỏi,

— Ông là thế nào với mẹ tôi?

Bác ừ hừ:

— Ờ, tựa như một ông chồng.

— Tôi chưa từng thấy loại chồng như thế! — Dina xẵng giọng đáp.

— Thì rồi sẽ có thôi! — Bác Kôlia cười phá lên.

Và đột nhiên bác ta im bặt, trở nên nghiêm trang hơn, nom thăm hại thế nào ấy.

Và bác ta bắt đầu chứng minh cho Dina thấy rằng sống với bác ta hai mẹ con em sẽ rất dễ chịu, bác ta có một công việc và những quan hệ đặc biệt gì đó, bác ta có thể xoay được mọi thứ, còn Dina, em đã hoàn toàn là một thiếu nữ, chính em cần phải có rất nhiều thứ: quần áo này, ăn uống cho ngon hơn này, còn bác, bác...

Dina đưa tay bịt chặt tai. Em muốn đánh hấn, tông cổ ra khỏi nhà, để cho hấn không bao giờ ló mặt đến đây nữa, và bây giờ ít nhất là hấn phải ra khỏi phòng làm việc của ba. «Hấn có bộ mặt nhòn mỗ, đôi tay nhòn mỗ, và toàn bộ con người...» — em nghĩ.

— Ông im đi! — Dina đột ngột quát lên. — Ông rút khỏi đây ngay, — em nói thêm.

— Bác đi đây, bác đi đây, — hấn ta lúng túng đứng dậy, đi ra cửa.

«Lạy Chúa», — Dina chột nghĩ.

Nhưng nửa tiếng sau hấn ta quay về cùng với mẹ.

— Có chuyện gì giữa hai bác cháu thế? — mẹ đâm bỏ về phía Dina, không kịp cởi áo ngoài.

— Chẳng có chuyện gì, — Dina lạnh lùng đáp.

luật lệ ấy bao giờ ư? Chẳng hóa ra là em chưa bao giờ quay về quê hương ư?

— Chưa ạ, em ra biển hồi còn nhỏ, từ đâu em cũng không rõ nữa.

— Lại thật đây,—bọn cá hồi nói đưa mắt nhìn nhau.—Phải giải thích cho nó về luật lệ của Tổ tiên chúng ta thôi.

— Thế thì em hãy nghe đây,—chị cá hồi lúc này cất giọng trang nghiêm,—và hãy gắng mà nhớ suốt đời.

Ngày xưa ngày xưa, lâu lắm rồi. Tổ tiên chúng ta chuyên sống trong sông lạch chẳng khác gì những loài cá nọ, cũng chẳng khác gì với các chị em họ xa của chúng ta như bọn cá hồi trắng, cá thyman. Cũng giống như lũ cá hồi trắng và cá thyman, Tổ tiên của chúng ta thường đi từ cửa sông lên đến thượng nguồn kiếm ăn, và chỉ an phận thế thôi. Thức ăn kiếm được rất ít. Tổ tiên chúng ta thường bị đói và lớn lên thành những con cá ốm yếu, gầy gò, thịt trắng bợt như thịt lũ cá sông khác. Sau đó, mùa đông về, cuộc sống của họ trở nên chật vật. Họ ngớt ngát sống dưới lớp vỏ băng và chết dần chết mòn. Thêm vào đó bọn cá măng, cá tuyết lại chèn ép họ... Cứ như vậy cho đến một hôm trong bộ tộc cá hồi sinh ra một chàng trai tên là Lôkhor. Đó là một chàng trai phi thường. Chính thiên nhiên cũng đã đánh dấu điều đó: ở hàm dưới của chàng mọc ra một cái móc, vì vậy mà từ đó đến nay, đàn ông trong họ nhà ta còn có tên gọi là Móc Câu. Người ta đã dựng nhiều truyền thuyết về lòng can đảm của chàng. Chàng không sợ tụi cá rô cũng như cá tuyết, thậm chí cả đối với lũ cá măng hung ác chàng cũng không hề nhường bước. Thế rồi một hôm, khi mùa ngớt ngát lớn đang đến gần, chàng thôi thúc những chàng cá trẻ và can đảm:

«Chúng ta không thể sống như trước đây được nữa. Giống nòi đang bị tuyệt diệt, chết dần, chết mòn vì lũ cá măng hung ác, vì chật hẹp và ngớt ngát. Chúng ta hãy lên đường tìm những vùng nước mới».

Những người già nghe được những lời nói đó, liền cho gọi chàng đến hỏi. Trong buổi gặp đó người ta tranh cãi nhiều lắm, đã nhiều lần đi tới xung đột. Nhưng cuối cùng những người già thông minh, sáng suốt đã bàn bạc xong.

«Thôi được,—họ bảo chàng Lôkhor,—lời anh nói nghe có nhiều sự thật. Quả là nòi giống chúng ta đang suy yếu dần năm này qua năm khác. Anh hãy chọn những người khỏe mạnh nhất và hãy đi tìm những con sông mới. Nhưng trước khi lên đường anh phải thề, Lôkhor ạ, rằng anh sẽ không quên quê cha đất tổ, rằng anh sẽ luôn tâm niệm trong lòng, rằng nhất định anh sẽ về. Bằng không anh sẽ không thể gặp may đâu».

Lôkhor và các chàng dũng sĩ của mình phát thệ rồi lên đường.

Lôkhor và các bạn biệt vô âm tín một thời gian dài. Mọi người đều cho rằng họ đã bỏ mình cả rồi. Bọn cá rô, cá tuyết cười nhạo họ cá hồi chúng ta, còn lũ cá măng độc ác thì mặc sức can rở, luôn luôn tấn công vào đàn cá hồi bất cứ lúc nào. Nhưng rồi một hôm, sau khi đã qua mùa ngớt ngát lớn và vầng mặt trời đã trở lại bên sông thì trong vùng sông nước chúng ta xuất hiện những con cá kỳ lạ, ít lắm. Chỉ có vài con thôi nhưng là cá ra cá! To, khỏe. Thân mình họ như được đúc bằng bạc vậy. Họ bơi ở giữa sông. Những lúc đó thì tất cả dạt hết sang hai bên. Còn khi họ bắt đầu đùa nghịch, nhảy cá lên mặt nước thì đến cả bọn cá măng cũng không dám ho he.

Tổ tiên chúng ta cũng sợ họ và bỏ chạy cùng các loài cá khác. Bỗng một giọng nói như sấm rền lan khắp sông:

«Mọi người bỏ chạy đi đâu đây? Chúng tôi là con em các vị đây mà. Chẳng lẽ các vị đã quên mất thằng Lôkhor rồi ư?» Đúng vậy, đó chính là chàng Lôkhor của chúng ta, chàng Lôkhor vĩ đại của chúng ta... Chàng nói bằng thứ tiếng của loài cá hồi chúng ta. Đến lúc đó thì các cụ trong họ nhà ta quay trở lại chỗ các chàng cá

— Như thế là thế nào, hả? — mẹ nhắc lại.

— Chẳng thế nào cả, — Dina nói và vào phòng làm việc của ba, đóng chặt cửa lại.

Cơn dông cứ âm ỉ ở nơi nào đó bên cạnh, chớp rạch trời. Gió giật từng cơn trên ngọn cây và lá cây reo ào ào.

«Thật đáng ghét!» — Dina nhủ thầm.

Hai mẹ con thế là vẫn chẳng giải bày gì với nhau cả. Mẹ có hỏi một vài lần, nhưng Dina vẫn cứ một mực: «Chẳng sao cả!»

Và em càng để ý xét nét bác Kôlia kỹ hơn.

«Sâu rượu» — em thấy rõ điều đó.

«Hơn mẹ đâu gần chục tuổi, — em thầm nhận xét. — Ba cũng hơn mẹ mười lăm tuổi, nhưng ba trông không già. Còn đằng này đúng là một lão già».

Dina không biết bác Kôlia làm việc gì và làm ở đâu, nhưng em cảm thấy bác ta là nhân viên cung ứng gì đó. Đây, bác ta tặng mẹ toàn đồ quý: khăn quàng Ôrenbua, bộ com lê phụ nữ, giày Nam Tư.

Và em còn thấy bác ta ít tắm giặt hay sao ấy.

«Phải chăng là do mình ghen ghét? — Dina nghĩ. — Không, đây không phải là ghen. Đúng trước kia cũng như bây giờ mình vẫn yêu ba. Và mẹ cũng yêu ba. Và mình mong mẹ hạnh phúc. Nhưng miễn là không phải với lão này!..»

Trong lớp có rất nhiều người mê bơi lội, vì bể bơi «Đinamô» ở ngay bên cạnh. Dina đến bể bơi năm nay là năm thứ hai. Em đi với các bạn cùng lớp — bạn gái và bạn trai. Quả thật năm nay thẻ bơi dài hạn không được như ý — bơi buổi tối, từ sáu giờ. Nhưng dù sao ở bể bơi cả mùa hè lẫn mùa đông đều rất tuyệt.

Như mọi bận, một lần em đến bể bơi vào quãng sáu giờ, em gặp bạn và bắt đầu thay quần áo.

— Đi thôi! — Em ra khỏi phòng và kêu lên.

Và đột nhiên em trông thấy mẹ và bác Kôlia ở bể bơi. Mẹ em mảnh mai, xinh đẹp, gọn gàng trong chiếc

áo tắm màu xanh da trời có ngôi sao nhỏ trên ngực, còn bác Kôlia thì béo bệu, bụng phệ.

Dina bất giác lùi lại: «Chỉ mong hai người không trông thấy mình».

— Bạn làm sao thế? — một cô bạn hỏi.

— Mình ra ngay đây, — Dina đáp, — các bạn cứ đi đi, đi...

Em lúng túng. «Mẹ biết mình vẫn đến bể bơi. Thế mà chẳng nói gì với mình cả».

Qua cửa, em nhìn chừng một phút, thấy mẹ và bác Kôlia xuống nước, sau đó em quay ngoắt lại và mặc quần áo...

Ở nhà Dina nóng lòng chờ mẹ về. Chắc chắn là mẹ và bác Kôlia lần đầu tiên đến bể bơi, và Dina chờ xem mẹ sẽ nói với em điều gì đó.

Mẹ xúc động, vui tươi, cùng bác Kôlia trở về lúc tám giờ.

Mọi người chào nhau — có thể thôi.

Bác Kôlia cúi xuống, đặt chai rượu lên bàn.

«Quên đi», — Dina quyết định.

Hôm ấy là một ngày tuyệt đẹp: sáng sủa và tươi tắn. Những đám mây nhợt nhạt nhõn nhõn trên bầu trời, không khí thơm thơm mùi lá cây, mùi cỏ mới cắt. Những chiếc máy cắt cỏ loại cầm tay chạy xành xạch trên các thảm cỏ,

Dina đang vui mừng. Em được nhận thẻ đoàn viên.

Em chỉ mong đến chiều.

— Mẹ ơi, mẹ xem này, — em chạy ra cửa khi mẹ vừa mới xuất hiện, và đằng sau mẹ, như mọi bận, là bác Kôlia.

— Chúc mừng con, — mẹ hôn vào má Dina.

— Cần mở tiệc ăn mừng, — bác Kôlia nói.

Dina quay lại và về chỗ của mình. Em đóng cửa.

Mẹ bận rộn trong bếp và bên bàn ăn. Dina nghe thấy rõ. Cuối cùng mẹ mở cửa:

— Ra ăn nào.

— Con không muốn ăn, — Dina đáp.

hồi đó. Và niềm vui lớn, nỗi hân hoan đã đề với bộ tộc cá hồi.

«Anh đi đâu biệt tăm vậy, Lôkhor? Anh từ đâu về? Làm sao mà anh có thể trở thành một con cá khổng lồ như thế này trong khi bọn ta thì gần như chết vì ngột ngạt?»

Rồi Lôkhor kể, kể nhiều lắm về con đường mà anh cùng các bạn đã đi ra sao, bao nhiêu người đã ngã xuống trên đường đi như thế nào. Sau đó chàng hát bài ca ngợi biển, nơi sinh ra những chàng tráng sĩ. Chàng kể rằng ngoài đó có những khoảng bao la kỳ diệu, rằng ở đó có rất nhiều thức ăn, nhiều đèn nổi chàng và các bạn của chàng bây giờ có thể nhìn suốt cả mùa hè.

Chàng nói:

«Các vị hãy lại gần tôi và sờ thử vào các bắp thịt của tôi, vào đuôi tôi mà xem. Tất cả những thứ đó là biển cho tôi cả. Tôi đã tắm đầm nước mặn đủ cho đến cuối đời và thân thể tôi đỏ hồng như vầng mặt trời buổi hoàng hôn»

Và lúc đó Tổ tiên của chúng ta hăng lên vì lời nói của chàng, thốt lên:

«Này Lôkhor, anh hãy dẫn chúng ta ra biển! Chúng ta muốn trở nên mạnh mẽ, vững chãi như anh và các bạn anh».

«Được, — chàng nói, — tôi sẽ dẫn các vị ra biển. Nhưng không thể trước khi mùa ngọt ngào lớn bắt đầu được. Từ nay đến đó tôi muốn tận hưởng cho thỏa thích làn nước ngọt, muốn đùa nghịch trong con sông thân yêu bởi vì chỉ có ý nghĩa về con sông đó mới đem lại cho chúng tôi thêm sức mạnh trong cuộc tranh đấu với biển vừa qua».

Và thế là từ đó, — chị cá hồi kết luận, — chúng ta bắt đầu sống theo luật lệ của Lôkhor vĩ đại. Mỗi khi mùa ngọt ngào lớn bắt đầu thì chúng ta lại ra biển và khi mùa đó qua chúng ta lại trở về nơi quê cha đất tổ.

Cô Kraxápka nghe mê mẩn cả người. Ra cái điều bí mật bao trùm lên họ cá hồi nhà cô là như vậy đó! Ra vì vậy mà cá hồi phải ra biển đây! Thế mà cô thật là

ngốc nghếch, lại chỉ nghĩ đến có chuyện ăn, đến những khoái lạc riêng tư của mình. Và cô cảm thấy vô cùng xấu hổ cho cuộc đời vị kỷ nhỏ nhen của cô.

— Chị ơi, — cô hỏi, — thế còn chàng Lôkhor vĩ đại rồi sau ra sao?

— Vì chiến công của chàng Lôkhor vĩ đại, thiên nhiên đã ban cho chàng sự bất tử.

— Bây giờ chàng vẫn còn sống ư? — Kraxápka thốt lên.

— Ô, bây giờ chàng đang sống với chúng ta.

— Trời đất, thế ra em cũng sẽ có thể gặp chàng Lôkhor vĩ đại được ư?

— Không, — chị cá hồi đáp. — Em sẽ không bao giờ được gặp chàng cả. Bởi vì trong lòng em không có chỗ cho luật lệ của chàng. Em đã quên mất quê hương xứ sở. Còn Lôkhor vĩ đại chỉ chọn một người nào đó trong số bọn chị...

— Thế đây, — Kraxápka ngắt lời chị cá hồi, — hóa ra là cũng có thể kết bạn với Lôkhor được đây. Chà, sao em muốn được làm bạn của chàng như vậy.

— Không, — chị cá hồi nói. — Em sẽ không bao giờ trở thành bạn gái của chàng được. Chàng chỉ chọn trong số bọn chị ai là người xứng đáng nhất, can đảm nhất, ai là người coi luật lệ của chàng là trên hết cơ.

Kraxápka buồn rầu suy nghĩ. Thật là đáng tiếc vì cô sẽ không bao giờ được gặp Lôkhor vĩ đại, được kết bạn cùng chàng. Chẳng có lẽ cô lại không phải là người can đảm ư? Mấy chị cá hồi lớn tuổi đã chẳng từng nói với cô hồi nào rằng trong cả họ cá hồi chưa từng có con bé nào liều lĩnh dám ra biển ở lứa tuổi cô đó sao?

Cô cá hồi liền vui vẻ trở lại. Cô muốn hỏi xem chàng Lôkhor vĩ đại vẫn thường chọn bạn ở đâu và khi nào, vì cô cũng phải thử xem hạnh phúc của mình ra sao chứ, nhưng đàn cá hồi chừng như quên hẳn cô, đã bỏ đi xa.

Kraxápka băng theo bọn họ. Ừ, nhất định cô sẽ tuân theo được luật lệ của Lôkhor, cô sẽ trở về được

— Sao con, ăn rồi à?

— Vâng.

— Tùy con.

Mẹ quay ra và khép cửa lại.

Suốt buổi tối hôm ấy, em ngồi một mình. Em làm bài qua quýt. Sau đó nhìn lên các bức ảnh.

Mẹ và bác Kôlia cười vui trong phòng ăn. Rồi em nghe thấy mẹ và bác bật máy thu hình.

Dina không bước ra ngoài.

Giờ này rồi giờ khác trôi qua.

Máy truyền hình tạch một tiếng. Mẹ và bác tắt máy. Mẹ rửa bát đĩa lạnh canh trong bếp. Cuối cùng ở ngoài đó trở nên yên ắng.

Dina vẫn ngồi sau bàn làm việc của ba. Kim đồng hồ chỉ mười một giờ rưỡi.

— Sao con chưa đi ngủ? — Mẹ xuất hiện trong chiếc áo ngủ.

— Con không muốn, — Dina đáp.

Mẹ khép cửa lại và bước đến bên em:

— Vì sao mà con bức mình?

— Thế vì sao mẹ không lấy chồng? — Em hỏi, giọng gay gắt.

— Ô, con bức mình vì chuyện đó đây à? — Mẹ làm bộ ngạc nhiên. — Thế nếu mẹ không muốn thì sao?

Dina im lặng.

— Mọi chuyện giữa mẹ và bác ta thế là hết rồi.

Dina nhướn cao đôi lông mày.

— Thế nào ạ?

— Thế đây!

Và mẹ đi ra, thậm chí không buồn nói «chúc con ngủ ngon».

Trước kia Dina không hiểu gì cả, còn bây giờ thì em hoàn toàn rồi trí.

Ngày hôm sau bác Kôlia không đến nữa thật. Thay vào đó là một người khác, trẻ trung, trẻ hơn mẹ, mũi gồ, đeo kính. Người đó tự giới thiệu với Dina:

— Tôi là Valêri Alêchxêvích.

Mẹ lại quỳnh lên, không biết làm cách nào chiều lòng Valêri Alêchxêvích. Còn người đó ngượng ngịu, im lặng, và có lẽ vì rụt rè, còn gọi Dina là «chị».

Valêri Alêchxêvích dễ chịu hơn bác Kôlia. Chú ở lại nhà đến đêm khuya, Dina đã ngủ thiếp đi, nhưng sáng ngày ra chưa bao giờ thấy chú.

«Hoặc là chú ấy về từ đêm, hoặc là về từ sáng sớm», — Dina nghĩ.

Cứ như thế đến nửa năm. Valêri Alêchxêvích biến mất cũng đột ngột như khi xuất hiện.

Và chỉ đúng tối hôm sau, bác Giôra đến thay thế chú kia. Họ thay nhau như lính đổi gác. Lần này lại là một ông tóc bạc đã già, thấp hơn mẹ nửa mái đầu, và còn nói lắp nữa.

Bác Giôra ngủ cho đến sáng và sáng ra bác chẳng vội vàng đi đâu. Bác ngồi mãi trong bốn tấm, khiến cho Dina không kịp rửa mặt nữa. Em nghe phong phanh đâu rằng Valêri Alêchxêvích là phó giáo sư, còn bác Giôra là họa sĩ. Bác còn có cả xưởng họa riêng.

— Dina, cháu đến bác chơi đi, bác sẽ cho cháu xem tranh của bác.

Bác Giôra xưng hô với em quá thân mật, thường «mày mày tao tao» và gọi em là Dina nghe rất đáng ghét, đôi tay của bác thô ráp, xù xì, và chính bác gọi nhớ đến miếng bítcôt khô cứng.

Mùa hè đến, bác Giôra và sau đó cả mẹ nữa đều nài Dina đi chơi một chuyến trên sông Vônga đến Axtrakhan, nhưng Dina cương quyết từ chối.

— Không, không, không, con sẽ đi trại hè phụ trách thiếu niên!

Và em đã đi suốt hai đợt ba tháng liền, em lấy làm hạnh phúc vì mình vắng nhà, không phải nhìn thấy chẳng những là bác Giôra, mà cả mẹ nữa.

Cuối tháng Tám, khi em về nhà, không thấy bác Giôra, không thấy ai, còn mẹ lại buồn bã, lặng lẽ, chẳng thiết làm gì.

Chiều chiều hai mẹ con không ăn ở nhà (mẹ cho tiền: «Đi ăn chút gì con nhé»), và thậm chí họa hoằn

con sông thân yêu và may ra một lúc nào đó Lôkhơ vĩ đại nghe nói về cô và sẽ đến với cô chăng?

Đàn cá hồi đi mãi, đi mãi giữa biển khơi hung dữ. Họ đi ngang qua những bờ đá, đi dưới đáy sâu thăm thẳm, đi theo những doi cát.

Cô cá hồi thỉnh thoảng lại bứt lên phía trước. Biết thế nào được, nhớ đâu từ nơi nào đó bên cạnh, Lôkhơ vĩ đại lại chẳng nhìn họ, và cô phải làm sao cho chàng thấy cô chứ.

Có lần bên một doi cát họ gặp đàn cá hồi to rất đông. Tim cô cá hồi rộn lên sung sướng. Cô cho rằng đây chính là nơi cá hồi tụ họp từ khắp miền biển cả và là nơi Lôkhơ vĩ đại thường tổ chức buổi lễ đón Lôkhơ vĩ đại. Nhưng chị cá hồi được cô hỏi đã bấu môi khinh bỉ nói:

— Đó là lũ cá hồi biển. Lôkhơ khinh bọn này lắm đây.

— Vì sao?

— Vì bọn chúng không tuân theo luật lệ của chàng. Bọn này chỉ về những con sông quê nhà vào mùa thu thôi và cũng mùa thu đó quay ngay ra biển.

Kraxápka quay ngay lưng lại cái bọn vô tích sự đó. Cô không muốn dính dáng gì tới cái bọn đã phản bội Lôkhơ vĩ đại đến quá nửa đó. Cô lại nhẹ nhàng lao lên phía trước và là người đầu tiên đối đầu với làn sóng đang âm ỉ xô tới, vì Lôkhơ chỉ yêu những con người can đảm.

Sau đó là cái thời điểm không bao giờ cô có thể quên được khi cô hóp vào miệng làn nước ngọt. Mấy chị cá lớn tuổi khoan khoái lắc lư người theo nhịp sóng nhẹ chẳng ngưng ngừng gì, òa lên khóc...

— Xin kính chào quê hương, — bọn họ khẽ lầm rầm như cầu kinh.

— Tôi đã thấy mùi sông nhà mình rồi! — có tiếng nói to vui vẻ.

— Tôi cũng thấy! Tôi cũng thấy!.. — cả đàn cá kêu to.

Tim cô cá hồi như run lên vì hạnh phúc. Cô cũng

âm thầm có một dòng nước nào đó làm người ta hồi hộp, mệt mỏi, lọt vào miệng cô. Và đúng lúc đó đã xảy ra cái chuyện không thể nào tin được: trong ký ức cô bắt đầu trỗi dậy hình ảnh con sông chôn xa xăm, xa lắm với những dòng thác đổ như hát ca.

«Ồ, dễ chịu quá!» — cô thầm thì nói khẽ. Không, kẻ nào nói rằng cô không tâm niệm trong lòng luật lệ của Lôkhơ là sai. Có đấy. Bây giờ cô đã biết đường trở về nơi quê cha đất tổ của mình rồi. Dòng nước thân yêu mảnh dẻ như một sợi chỉ, sẽ dẫn cô đi lên phía trước.

Đường đi rất đổi gian truân. Dòng chảy điên cuồng hung dữ, nhiều chỗ băng án ngữ, hoặc những thân cây chắn ngang khắp mặt sông. Nhưng cô nào sá kể gì đến những trở ngại đó, khi cuộc đời của cô đã tràn đầy ý nghĩa cao cả.

— Thế là chúng ta đã về đến nhà rồi, — mấy chị cá hồi nói và dừng lại ngoài lạch rộng. — Các bạn có nghe tiếng dòng sông quê hương chào đón chúng ta không?

Từ xa vọng lại tiếng nước trầm đục.

Những con thác của chúng ta đang gầm đây, — một chị cá mà cô Kraxápka vẫn đi cùng, giải thích. — Những con thác của chúng ta mới kỳ diệu chứ. Mà nước mới trong làm sao, nước nguồn mà lại. Đi với bọn mình đi, — chị đột nhiên rủ cô cá hồi. — Em là một người bạn tốt. Chúng ta sẽ vui chơi thỏa thích trong dòng sông của chúng ta. Bọn chị sẽ dạy em những điệu múa của bọn chị. Những chàng Lôkhơ ở chỗ chị là những chàng trai cừ khôi.

— Không, không, — Kraxápka vội vàng nói. — Em phải về con sông quê mình cơ. Chẳng lẽ chị lại không biết luật lệ của chàng Lôkhơ vĩ đại ư?

Một lúc sau từ đàn cá hồi thấy tách ra một gia đình, một gia đình nữa, rồi lại một gia đình nữa. Còn Kraxápka thì vẫn tiếp tục đi lên phía trước cùng với đàn cá ngày một thưa dần. Quê hương cô ở xa, điều đó tất nhiên là không hay rồi, nhưng quê hương xứ sở thì có ai chọn bao giờ đâu.

Họ chỉ còn lại có vài người, khi họ về đến dòng

lắm mới uống trà, và không xem truyền hình. Dina lại đến bể bơi, và mùa đông em còn đi trượt băng ở sân trượt của câu lạc bộ thể thao quân đội ngay cạnh nhà, em cô tình trở về nhà muộn một chút.

Nhiều lần em định chuyện trò với mẹ. Em đến nép mình vào mẹ, cứ toan nói, nhưng không sao nói được điều gì. Chính mẹ cũng chẳng nói gì, và Dina thầm oán mẹ.

«Mình chẳng còn bé bỏng nữa, — em nghĩ. — Người ngoài tin cây giao phó con họ cho mình, thế mà đây thì...»

Chiếc đồng hồ cổ kính ba mang về từ hồi nào vẫn gõ nhịp đều đều trên tường, con lắc rần rỏi bằng đồng vẫn lắc lư đêm thời gian. Cứ nửa giờ lại vang lên một tiếng chuông du dương êm nhẹ.

Có lẽ bây giờ lần đầu tiên Dina mới nghĩ đến thời gian. Thời gian trôi đi chậm làm sao và cũng nhanh làm sao! Dường như chỉ mới hôm qua thôi em vào học lớp một, thế mà bây giờ đã sắp tốt nghiệp trường phổ thông. Dường như chỉ mới hôm qua thôi, mọi chuyện ở nhà đều tốt đẹp, thế mà bây giờ ba không còn nữa.

Và những tâm ảnh — nhân chứng thời gian. Người chiến sĩ Hồng quân. Thượng úy. Thiếu tá. Đại tá. Mẹ thời trẻ và bây giờ. Và em, Dina từ lúc bé xíu cho đến gần đây.

Thời gian cứ trôi, trôi đi, trôi đi mãi, mà vẫn chưa có gì trọn vẹn.

Cả với mẹ cũng thế. Những bác Kôlia, những Valêri Alêchxêvich, những bác Giôra ấy.

Trong công tác, mẹ được quý trọng yêu mến, Dina biết, nhưng ở nhà, mọi chuyện đều lộn tung phèo, đều là ngẫu nhiên, dường như đến cả thời gian cũng ngưng lại. Có thể sống như vậy được ư?

Sự đổi thay xảy đến đúng vào mùa đông. Một buổi tối tháng Hai có một chú về cùng với mẹ — người cao lớn, dải dầu tuyết sương, mặc quân phục, có nét gì hao

hao giống ba. Từ người chú tỏa ra hơi lạnh và mùi tuyết mới xuống.

Ngay lập tức, Dina hiểu rằng em đã gặp chú ở đâu đó, nhưng ở đâu thì em không tài nào nhớ ra. Chú khiêm tốn và niềm nở đúng mực, không xôn xỏ làm thân với Dina, nhưng lại chuyện trò với em như bạn cùng lứa. Khi đi rửa mặt, chú hỏi xem mẹ và em có cần dùng nhà tắm hay không. Khi đi làm, chú để ý đến xem cần mua gì để chiều mang về. Hút thuốc, chú xin phép.

Ở bên chú, mẹ náo nức, nhưng không tíu tít và không sôi nổi giả tạo.

Chú tên là Vaxili Pêtrôvich, khoảng bốn mươi tuổi hoặc hơn chút ít.

Ngày nào chú Vaxili Pêtrôvich cũng đến, nhưng không cùng với mẹ (trừ lần đầu tiên) mà thường về muộn hơn một chút. Và chú đến là mang theo một cái gì điềm tĩnh và đàng hoàng.

Dina thích chú ngay, và giữa hai chú cháu có những quan hệ tốt đẹp, đôn hậu. Chú Vaxili Pêtrôvich có lẽ còn quan tâm hơn cả mẹ đến công việc ở trường và nói chung chú quan tâm đến mọi chuyện — trượt băng, bơi lội, những cuốn sách Dina đọc. Hai chú cháu thường ngồi trong phòng làm việc và chuyện trò về ba em mà chú Vaxili Pêtrôvich quen biết đã nhiều năm.

— Chú kém ba cháu gần chục tuổi, và chú đã học hỏi được nhiều ở ba cháu. Ấy là sau này chú và ba cháu mới kết bạn với nhau, chứ lúc đầu chú là loại học trò của ba cháu. Chú chưa trải qua chiến tranh, hồi ấy chú còn nhỏ tuổi quá, thế nên chú rất cần đến kinh nghiệm của Xécgây Kônxtantinôvich, — Vaxili Pêtrôvich đã nói đại loại như thế.

Và chú kể chuyện chú và ba em suốt những năm này đã đi gần hết các biên giới, nói chung thật may mắn là hai người được phục vụ trong đội biên phòng, và làm công tác chính trị trong các chiến sĩ biên phòng là một công việc đặc biệt và hấp dẫn.

— Ở biên phòng không có thời bình, — chú nói thêm.

sông thân yêu vào một buổi sáng sớm. Nhưng, trời ơi, họ vẫn thấy vui biết bao khi bước vào con sông đó. Ở chỗ chân thác đổ nước chảy róc rách, nhảy từ hòn đá này sang hòn đá kia. Phía trên là sương mù giăng giăng và vầng mặt trời hồng, thanh xuân tò mò ngó xuống đàn cá to ánh bạc đang quẫy dưới chân thác.

— Đây mới thật là nước, — mấy chị cá hồi nói, lặng người khoan khoái dưới dòng nước chảy như mơn man da thịt. — Trên đời này không đâu có con sông nào như sông quê ta.

Sau khi đã tẩy rửa hết bụi đường, họ rủ nhau ra con lạch gần nhất và bắt đầu điệu nhảy đầu tiên của họ trên sông. Tổ tiên họ trước đây mỗi khi trở về sau một chuyến đi xa vẫn chào mừng quê hương như vậy.

Mọi người đều công nhận là cô cá hồi nhảy cao hơn cả. Và Kraxápka thì cảm thấy thích thú vì những lời khen của các bạn gái giàu kinh nghiệm nọ.

Sau đó bắt đầu cuộc dạo chơi không gì vui bằng trên con sông quê hương. Hết ngày này qua ngày khác đá cuội và cát lại long lanh sang như lửa, và những con thác lại hát ca. Và yên tĩnh, cái yên tĩnh dịu dàng của những buổi bình minh đỏ rực... Các loài cá nhỏ ở sông sợ hãi cuồn quýt chạy. Bọn cá ê lét, cá dày, cá thyman thì chạy tứ tung tán loạn. Lũ ngốc! Bọn bay thì việc gì mà sợ! Tội cá mắng ác độc cơ, bọn ấy mới phải dạy cho chúng một bài học. Cả đời bọn chúng đi ăn cướp thế là đủ rồi. Nhưng bọn chúng đâu rồi? Chẳng lẽ những đốm lửa nhòn nhọt thỉnh thoảng lại lập lòe dữ tợn trong bụi cỏ lác xanh um ven bờ kia lại là mắt chúng ư! À, ra là chúng sợ, bọn đáng nguyên rủa ấy!

Mực nước sông đang dần dần xuống. Bầy cá hồi lần lượt nổi đuôi nhau xuống đậu dưới lạch, nơi chúng trưởng thành trước đây. Con nào cũng muôn mời Kraxápka vào nhà mình, nhưng cô kiên quyết chối từ. Chẳng lẽ luật lệ của Lôkhor vĩ đại mà lại vi phạm được ư? Không, cô sẽ về con lạch của cô.

Sau khi còn lại có một mình, cô tiếp tục đi mãi lên phía thượng lưu con sông. Đã có đôi lúc cô thấy nản

chí. Sau mỗi đoạn thác, con sông lại hẹp dần, hẹp dần. Cô cá hồi phải thường xuyên nhảy qua những lớp sóng bạc đầu cuồn cuộn dâng, hoặc rơi thẳng cánh xuống những tảng đá nhọn và cho đến khi cô bước vào con lạch của cô thì cô không biết nên cười hay nên khóc nữa. Sao mọi thứ xung quanh lại hóa nhỏ bé, khó coi đến thế. Con lạch mờ màng hai bên bờ ngu ru bằng mọc rậm rạp. Còn những con thác (sao mà hồi bé cô sợ chúng đến thế!) thì thều thào như mây bà lão móm mém. Còn cái ghềnh của cô nữa, cái ghềnh sáng sủa mà ở đó cô đã sống qua bao ngày vui, bao ngày lo lắng! Dòng nước lờ lờ uể oải cô cắt nép mình vào tảng đá xám. Có một con cá con sắc sỡ, thoáng thấy bóng cô, sợ hãi chui tọt ngay vào bụi rong. Chẳng lẽ có thời cô cũng đã là con bé con tí xiu như vậy ư?

Quả là chẳng có con cá nào dám ra gặp cô cả. Biển đã vĩnh viễn ngăn cách cô với cư dân vùng sông ngòi mất rồi. Ở đây cô là khách, là người khách ghé qua một thời gian không lâu. Nhưng dù sao cô vẫn thấy vui vì đã lại được trở về quê hương. Cá hồi sống theo luật lệ của Lôkhor vĩ đại và cô sẽ tuân theo luật lệ đó.

6

Hè năm đó nóng bức và oi nồng. Những đêm trắng ngắn ngủi và nhẹ nhàng như một hơi thở, không làm tươi mát lại được vũng nước đầy rong rêu. Chung quanh ngột ngạt, khó thở. Thêm vào đó lại còn có cơn rệp biển nó hành hạ Kraxápka và cô không sao có thể gạt nó ra ở chỗ thác nước cạn được.

Tuy vậy cô vẫn dũng cảm chịu đựng mọi thử thách. Sáng sáng cô nhảy múa hoặc lao theo đuôi tội cá mắng nếu như bọn này dám cả gan lộ mặt ra lạch. Mặc cho chúng chết đói trong bụi cỏ tằm lợm của chúng. Bởi vì bảo vệ kẻ yếu cũng là luật lệ của chàng Lôkhor. Chàng Lôkhor vĩ đại không thể không công minh được...

...Những đêm trắng mờ dần rồi tắt hẳn. Trên mặt

Qua chú Vaxili Pêtrôvích, Dina được biết sau chiến tranh ba em đã tốt nghiệp loại ưu trường quân chính bộ đội biên phòng, sau đó phục vụ ở bán đảo Kamtsátka xa xôi và mãi sau này mới chuyển về Cục Chính trị của bộ đội biên phòng ở Mátxcơva.

Bây giờ thì Dina nhớ ra vì sao em biết chú.

— Cháu đã trông thấy chú ở đám tang ba cháu, — em nói.

— Đúng chú đã bay đến Tsita để lấy thi hài của Xécgây Kônxtantinôvích khi mọi chuyện đó xảy ra và sau đó bay về Mátxcơva cùng với chiếc quan tài kẽm. Đó là một hành trình buồn thảm.

Chú nói đến ba như nói đến người đang sống.

— Chú quen với Xécgây Kônxtantinôvích chính ở Kamtsátka, — Vaxili Pêtrôvích nói. — Chú ở dưới quyền ba cháu. Chú là bí thư đoàn. Và sau đó, nhờ ba cháu can thiệp, chú đã vào học ở trường mà Xécgây Kônxtantinôvích công tác. Tình bạn giữa chú và ba cháu đã nảy nở như thế đây.

Bây bạn ăn xong, mẹ mời hai chú cháu:

— Nào, những người đồng mưu, đi ăn thôi!

— Con với chú không phải là những người đồng mưu, — Dina biện bạch.

Dina mong được đi đâu đó cùng với Vaxili Pêtrôvích hoặc dù chỉ là ra biên giới, như hai cha con đã từng đi và nhất định là có cả mẹ ở bên. Nhưng em chẳng được đi đâu.

Em nhớ đến bác Kôlia.

Em sẽ rất hài lòng nếu được chụp ảnh cùng với Vaxili Pêtrôvích. Có cả mẹ nữa. Và bức ảnh ấy sẽ treo trong phòng làm việc của ba. Ba sẽ chẳng giận. Chú với ba là chỗ bạn bè.

Nhưng Vaxili Pêtrôvích không đưa ra đề nghị...

Đông qua, xuân đến rồi sang hè.

Mùa hè họ đến nhà nghỉ do Vaxili Pêtrôvích thuê, và Dina hoàn toàn không buồn chán, bởi vì ở đó còn có Masa — con gái chú Vaxili Pêtrôvích — cùng tuổi với Dina. Masa là một cô bé lặng lẽ kín đáo, nhưng hai

đứa đã kết bạn với nhau. Dina sôi động đã thân được với Masa trầm lặng một cách khá nhanh chóng. Qua Masa, Dina được biết mẹ của Masa mất đã lâu lắm rồi, khi Masa mới lên năm, trong một cuộc khảo sát địa chất và cha của Masa không lấy vợ, hai bố con sống với bà, nhưng rồi bà cũng đã qua đời.

— Tôi chỉ mong bố tôi lấy mẹ cậu, — Masa nói. — Thế còn cậu?

Dina nhớ đến bác Kôlia, Valêri Alêchxêvích, bác Giôra và thận trọng đồng ý:

— Tốt thôi...

Từ nhà nghỉ họ trở về Mátxcơva, Dina có lần buột miệng nói với mẹ chuyện này. Vaxili Pêtrôvích đi công tác.

Dina cứ vin vào Masa:

— Masa bảo bạn ấy chỉ mong mẹ và bố bạn ấy lấy nhau.

Mẹ dăm chiêu. Rồi sau đáp:

— Mẹ không biết, Dina thân yêu, mẹ không biết...

Dina im lặng.

Em hơi tủi thân vì mẹ không tâm sự với em.

— Sau mọi chuyện vừa qua mẹ thấy sợ, — mẹ nói tiếp. — Bây giờ tất cả đều tốt đẹp và giản đơn, chứ nếu chính thức thì chẳng biết thế nào... Thôi, không nói chuyện ấy nữa!

Thế là hai mẹ con lại không nói chuyện được với nhau.

Chuyện ấy xảy ra vào tháng Mười một.

Mùa đông đến sớm và ổn định. Ngày nào tuyết cũng rơi, xe chuyên tải chạt vật lắm mới kịp dọn sạch đường phố. Những người quét sân đành bó tay với tuyết rơi. Vía hè hẹp lại và khách bộ hành khó nhọc len lỏi theo những dải đường hẹp giữa những đồng tuyết vô tận.

Dina không hề nhớ có lần nào mẹ đã ôm mà phải nhờ đến bác sĩ, chứ lần này mẹ đến bệnh viện đa khoa và khi về mẹ buồn phiền:

— Chắc là phải nằm viện thôi.

Cả Vaxili Pêtrôvích, cả Dina đều không hiểu có chuyện gì xảy ra.

— Họ bảo có những chỗ dính nào ấy và cần phải mổ, — mẹ nói.

Vaxili Pêtrôvích cùng với mẹ đi đâu đó, làm sáng tỏ chuyện gì đó.

Tuần lễ sau, mẹ được đưa vào bệnh viện.

Bệnh viện đang thực hiện chế độ cách ly, vì thế Dina không được vào.

Còn Vaxili Pêtrôvích có giấy phép đặc biệt, hàng ngày chú vào thăm mẹ sau giờ làm việc.

Ở bệnh viện về, vẫn như trước kia, chú về nhà và Dina nóng lòng đón chờ chú.

— Chú ơi, thế nào ạ?

Dina cảm thấy chú kể chuyện rất dè dặt, rồi chuyển cho em những mẩu giấy:

«Dina con... Về phần mẹ thì ổn thôi. Con thế nào? Ở trường ra sao? Con hãy giúp đỡ Vaxili Pêtrôvích nhé. Hôn con! Mẹ».

«Dina ơi, mẹ rất nhớ con! Mẹ rất mong gặp con! Mẹ không biết bao giờ họ mới bỏ chế độ cách ly. Hôn con! Mẹ».

«Dina, con hãy chăm sóc chú Vaxili Pêtrôvích chú ấy chu đáo và tốt bụng. Con hãy chỉ bảo cho Masa của chú ấy. Về phần mẹ thì ổn cả thôi. Hôn con! Mẹ».

Dina hỏi chú Vaxili xem họ xử trí như thế nào với mẹ, điều trị bằng cách nào và bao giờ thì mổ.

— Tuần sau sẽ mổ, — Vaxili Pêtrôvích nói. — Chắc là thứ ba. Còn bây giờ phải truyền huyết thanh. Tiêm nhiều loại thuốc. Và xét nghiệm.

Dina cảm thấy chú Vaxili Pêtrôvích không nói hết và giấu em điều gì đó. Nhưng chuyện gì nhỉ? Làm thế nào dò ra được?

Tan học, em rẽ vào với Masa nhiều lần, còn Masa đến với em hai lần. Hai đứa đi trượt băng, nhưng băng chưa rắn chắc.

Hôm mổ Dina xin phép nghỉ học và sáng tinh mơ

em đã vào viện. Họ không cho em vào quá phòng gửi áo. Chẳng mấy chốc chú Vaxili Pêtrôvích cùng với Masa đi ra.

— Cậu bỏ giờ học hay sao? — Dina hỏi Masa.

— Tôi được phép nghỉ.

Vaxili Pêtrôvích cởi áo khoác, choàng áo blu vào.

— Các cô bé ngồi đây một lát nhé! — Chú nói và đi ra thang máy.

Thời gian nhích chậm chạp. Hai đứa gần như không chuyện trò. Chỉ nhìn đồng hồ: mười giờ, mười rưỡi, mười một giờ, mười một rưỡi.

Gần mười hai giờ Vaxili Pêtrôvích xuất hiện, ngồi phịch xuống ghế và nói:

— Đến bây giờ mới xong. Đưa vào phòng hậu phẫu rồi. Mẹ đang ngủ. Chú nhìn thấy qua cửa kính.

— Họ tìm thấy gì hả chú? — Dina nóng lòng muốn biết tường tận.

Vaxili Pêtrôvích làm như không nghe thấy em hỏi.

— Nào sửa soạn đi, — chú nói và đi ra phòng gửi áo ngoài.

Khi họ đi ra, Dina lại hỏi.

— Chú Vaxili Pêtrôvích, nhưng mẹ cháu làm sao mới được chứ?

— Chú không biết, Dina, chú không biết đâu! Chú không thể nói điều gì được, — chú trả lời vu vơ.

Họ chia tay nhau bên tàu điện ngầm. Vaxili Pêtrôvích đi làm. Masa đến trường. Dina quyết định không đi học, thế là em về nhà.

Buổi chiều, Vaxili Pêtrôvích bảo:

— Hình như mẹ đã dễ chịu hơn.

— Chú ở chỗ mẹ cháu đây ạ?

— Ừ.

Vài ngày sau Dina lại bắt đầu nhận được những mẩu giấy của mẹ, rất sáng khoái và bình thường, như không hề có mổ xé gì cả. Em đi chợ — mua quả lựu và hồ đào Hy Lạp. Về nhà em ép quả lựu lấy nước và đập hồ đào, Vaxili Pêtrôvích đưa những thứ đó cùng với những mẩu giấy của Dina vào bệnh viện. Chú thường

kiếm được cả cua và trứng cá đen. Mẹ đã được đưa về phòng bệnh trước kia. Cuối tháng Chạp, Vaxili Pêtrôvích kiếm được một cây thông và đồ chơi, chú đem hết vào phòng mẹ.

Dina đón Năm mới cùng với Masa. Hai đứa xem chương trình «Ngọn lửa xanh» trên màn ảnh truyền hình. Vaxili Pêtrôvích vào bệnh viện.

Tháng Giêng là tháng tuyết và bão tuyết.

Thành phố hao hao giống cánh đồng tuyết mênh mông chưa ai đụng đến. Mái nhà, đường phố, vỉa hè—tất cả chìm trong tuyết. Vậy mà tuyết vẫn rơi hoài.

Ít lâu sau dịp đón Năm mới, Vaxili Pêtrôvích mang về một tin mừng:

— Từ mai bệnh viện bỏ chế độ cách ly. Cháu đến chứ!

— Tất nhiên, nhất định rồi!—Dina thốt lên.

— Nhưng đến vào sáu giờ, như chú ấy, — Vaxili Pêtrôvích yêu cầu. — Và...

Chú không nói hết.

Suốt ngày Dina chỉ mong đến chiều. Cả trong giờ học, cả sau giờ học. Chẳng chữ nào chui vào đầu. Em ra chợ, mua ba quả dưa chuột tươi và một quả cà chua. Đắt thật, nhưng mà mẹ thích. Em ép nước lựu. Vẫn còn lựu dự trữ. Em cứ đi loanh quanh khắp nhà, nhìn đồng hồ. Bốn giờ, bốn rưỡi, năm giờ, năm rưỡi. Khi ấy em chuẩn bị, ăn mặc tươm tất.

Ở bệnh viện em cởi áo ngoài, nhận áo blu, lên tầng bốn. Bệnh nhân nằm cả ở ngoài hành lang trên các giường xếp. Em tìm thấy số phòng.

Trong phòng kê bốn giường và một chiếc giường xếp bên cửa sổ. Và nếu không có Vaxili Pêtrôvích đang ngồi bên mẹ thì em đã chẳng nhận ra mẹ.

Mẹ nằm trên chồng gối cao, mặt hốc hác, xanh xao vàng vọt, nom kiệt quệ, chỉ có đôi mắt long lanh. Mẹ cất đầu rất khó—đầu chỉ chực ngẹo sang bên. Giá

truyền huyết thanh vẫn đặt bên cạnh. Ông caosu chạy dài đến tay.

— Dina đây này, — Vaxili Pêtrôvích nói bằng giọng phân chân có phần thiếu tự nhiên.

Dina hôn thật kêu lên má mẹ và không biết nói chuyện gì. Vaxili Pêtrôvích cầm lấy túi của em và hỏi:

— Cháu mang đến đây à? Chúng ta sẽ uống bây giờ. Ô, lại cả dưa chuột tươi và cà chua nữa! Tuyệt. Chúng ta sẽ chén.

Chú loay hoay một cách tự tin quanh mẹ, còn mẹ thì nhìn chú và Dina bằng đôi mắt như thể biết lỗi.

Dina im lặng.

Vaxili Pêtrôvích cho mẹ uống vài thìa nước lựu. Sau đó cắt cà chua và dưa chuột, rắc muối, cầm lấy đĩa:

— Ăn một chút nhé.

Mẹ ăn một cách khó khăn.

Người ta đem xuất ăn tối vào phòng.

Mẹ nhìn và bảo:

— Tôi không ăn đâu.

Mẹ nói về một mối, dường như nói là một việc vât vã. Và thở dốc, có tiếng khò khè.

— Cô ăn lấy một thìa cháo vậy!— Vaxili Pêtrôvích nài.

— Thôi, — mẹ trả lời gọn lỏn.

Và quay sang Dina:

— Con thế nào?

Dina muốn nói: «Mẹ đừng lo, tốt cả thôi», nhưng em nghẹn lời, chỉ sợ những lời ấy nói ở đây không đúng chỗ.

— Bình thường ạ, — em đáp.

Họ cùng ngồi thêm chút nữa, và mẹ có lẽ đã thiêu thiêu ngủ.

— Cháu đi đi, — Vaxili Pêtrôvích thì thầm, — và chờ chú ở dưới nhà.

Dina hoàn toàn nán lòng bước ra ngoài.

Em chờ Vaxili Pêtrôvích ở dưới nhà rất lâu.

Cuối cùng chú xuất hiện. Chú nói:

sông cuộn cuộn một lớp sương mù dày đặc. Sau đó ập xuống một trận mưa rào. Trong phút chốc con sông dâng trào lai láng. Những con thác lại đổ ầm ầm. Đó là điềm tốt. Con sông đang dọn đường đi cho chàng Lôkhor vĩ đại.

Cô cá hồi lúc mơ cũng như lúc tỉnh luôn nghĩ đến chàng. Những đêm thu tắm tối cô hầu như không ngủ. Một ngôi sao sa trên trời cô cũng nghĩ là Lôkhor đang trong ánh sao đến với cô. Tiếng ồn gì ngoài thác thê nhĩ?

Những tán lá trôi, quay cuồng trên mặt sông. Còn vầng mặt trời đã thừa lui tới vùng lạch nước này rồi. Thê mà Lôkhor vẫn chưa tới...

Một buổi sớm tinh mơ có chú cá hồi choai choai màu hồng thắm mò đến lạch, thở hồn hển.

—Ta đi xuống hồ đi. Bao ngày nay anh đi tìm bạn gái...

—Xuống hồ với đấng ấy ă?—Kraxápka suýt nữa bật cười, cái thằng oắt con này mới ngạo mạn, đáng buồn cười làm sao. —Tớ xuống đây làm gì?

—Sao, chẳng lẽ em lại không thấy cần phải xuống đó ư? Cá loài cá hồi bây giờ đang ở dưới hồ cả.

—Tớ chẳng có việc gì dưới đó cả. Tớ đang chờ chàng Lôkhor vĩ đại đây.

—Lôkhor vĩ đại...—cậu cá hồi giận dữ nói. —Cứ tưởng là ghê gớm lắm, kênh kiêu vừa chứ.

Tội nghiệp thằng cha ngốc nghếch. Nó không hiểu nổi là người ta nói về chàng Lôkhor nào nữa.

Những ngày sau đó nữa cũng có mấy chú cá hồi mò đến, toàn là một lũ oắt con, nhỏ bé, quặt quẹo và dị dạng với những cái đầu xương xẩu dài nghêu. Cả bọn đều van vớ, rủ cô cùng xuống hồ.

—Ôi, sao em tàn nhẫn thế,—cả bọn cùng rên rỉ lên như vậy.—Sao em cứ làm khổ bọn anh mãi thế?

Không, cô đâu có muốn làm khổ họ. Nhưng cô biết làm thế nào được nếu như cô không cảm thấy muốn xuống hồ. Và hơn nữa cô trở về đây đâu có phải để chơi đùa với bọn miệng còn hơi sữa đó ở dưới lạch phủ đá dăm?

Có những túm trắng rơi lá tả phía trên. Mới sáng ra lớp vỏ băng ven bờ dày thêm lên một chút. Mà chàng Lôkhor vẫn biệt vô âm tín, hay là chàng đã quên mất cô rồi? Hay là cô quá tự thị chăng? Có ai bảo là chàng Lôkhor vương giả phải đến với cô chứ không phải là đến với những chị cá hồi khác?

Một hôm, khi còn đang nằm dưới đáy lạch lắng nghe tiếng ồn của dòng sông, cô bỗng cảm thấy một cơn mệt mỏi là lạ chưa từng thấy lan truyền khắp cơ thể. Cô cảm thấy muốn xuống vùng đáy phủ đá cuội nhỏ mà không sao cưỡng lại được.

Cô khẽ than:

—Ôi chàng Lôkhor vĩ đại. Em đã gắng sông theo luật lệ của chàng. Em đã chờ chàng bao lâu nay mà sao mãi chàng chưa tới?

Xung quanh căm lặng và trông trái quá. Cô không nghe thấy tiếng trả lời. «Hay là ta đã làm điều gì không phải chăng?—cô chợt nghĩ.—Hoặc giả ta đã khiến chàng giận vì không chịu xuống hồ với lũ con trai của chàng? Chàng định trừng phạt ta vì thói kiêu ngạo chăng? Nhưng mà lũ cá hồi móc câu ấy đâu rồi? Họ lẩn đâu mất cả rồi?»

Cô chạy tới chạy lui khắp lạch sâu, trôi xuôi xuống tận chỗ con thác đổ. Mà lũ cá hồi đực cũng chẳng thấy đâu.

Sau cùng, kiệt sức hoàn toàn, lại bị nổi khát vọng khôn cùng nung nấu, cô chúi đầu xuống đáy lạch ngay bên chân con thác. Xung quanh là đêm tối. Những tảng băng xù xì trôi trong đêm va đập cả vào nhau. Lớp đá dăm phủ đáy cũng vỡ ra và trôi xuống thác.

Cô cá hồi đào một cái hồ. Đào một cách điên cuồng, hồi hả, tuân theo một bản năng mãnh liệt của sự duy trì nòi giống. Sau đó khi hồ đã đào xong, cô kiệt sức nhào vào đó và lại không biết là lần thứ bao nhiêu, sôi nổi thì thắm như kêu gọi:

—Ôi, chàng Lôkhor vĩ đại! Em tội tình gì mà chàng trừng phạt em như vậy? Có thể em không xứng đáng với chàng. Có thể là chàng đã quên hẳn em rồi. Nhưng

— Chú đã thỏa thuận về việc trực đêm, cả một tuần lễ.

Hóa ra ô tô chờ Vaxili Pêtrôvích bên lối vào.

Chú mở cửa cho Dina và ngồi xuống bên cạnh.

— Giêngia! Đến nhà Demenchiép nhé! — chú bảo lái xe.

Còn Dina thậm chí không chào hỏi người lái xe. Trong xe em hỏi Vaxili Pêtrôvích:

— Trầm trọng lắm hả chú?

— Rất trầm trọng, — chú đáp ngay, không cân nhắc.

Không phải ngày nào cũng được vào bệnh viện, nên hôm sau Dina không đi. Em ngồi nhà, chờ Vaxili Pêtrôvích.

Chú vắng mặt không lâu.

Chín giờ, chú gọi điện đến:

— Dina, cháu đây à?

Dina cảm thấy có sự chẳng lành:

— Cháu đây. Thế nào, chú Vaxili...

— Cháu đến bệnh viện ngay!

Dina lao đi. Em chạy ra tàu điện ngầm, sau đó ra torôlâybuýt, và còn đi bộ một kilômét nữa.

Vaxili Pêtrôvích đang đi đi lại lại ở phòng ngoài, áo blu mở phanh.

Trông thấy Dina, chú lại gần và ôm lấy em:

— Cháu ơi, phải bình tĩnh nhé!

— Cái gì thế ạ? — Dina không hiểu.

— Thế là hết. — Vaxili Pêtrôvích nói.

Dina lạnh người, rồi sau nóng bừng lên. Mắt mờ đi. Khi hoàn hồn, em hỏi:

— Thế cháu?... Cháu có thể vào đó không?..

— Có lẽ không nên đâu? — Vaxili Pêtrôvích lưỡng lự đáp.

— Nên chứ! — Dina trả lời cương quyết.

— Nào thì đi, — Vaxili Pêtrôvích đồng ý.

— Từ bao giờ ạ? — Dina hỏi trong thang máy. Em vẫn chưa thể quen được với ý nghĩ đáng sợ ấy.

— Cách đây nửa giờ. Hai mươi một giờ không năm, — Vaxili Pêtrôvích đáp.

Trên tầng bốn, hai người đi dọc hành lang đến căn phòng quen thuộc. Trong phòng, chiếc giường mẹ nằm che đi bằng tấm bình phong. Họ đã đưa giá truyền huyết thanh đi. Vaxili Pêtrôvích lật tấm vải ra.

Bây giờ gương mặt mẹ không vàng bủng nữa mà trắng bệch.

Vaxili Pêtrôvích đẩy tấm vải lại và nói:

— Đi thôi.

Sau đó họ ngồi trong phòng điều trị. Bác sĩ trực rót nước trà nóng ra cốc cho họ, đẩy lọ đường lại gần. Bác sĩ và Vaxili Pêtrôvích chuyện trò gì không rõ, nhưng Dina không hiểu. Em uống nước trà nóng bỏng và cố hình dung ra gương mặt mẹ mà em vừa nhìn thấy, nhưng không thể được. Em thấy mẹ với ba, với bác Kôlia, với Valêri Alêchxêvích, bác Giôra, chú Vaxili Pêtrôvích, nhưng còn gương mặt mẹ lúc này thì không thể được. Họ cùng trở về nhà bằng xe thư. Không còn ô tô nữa.

— Chú cho chú Giêngia về rồi, — Vaxili Pêtrôvích nói.

Bên ngoài bão tuyết hoành hành, gió gào rú, lạnh kinh người.

— Mọi chuyện xảy ra thế nào hả chú? — Dina hỏi.

— Khi chú đến, mẹ không nhận ra chú nữa. Mẹ đã được uống thuốc có ma túy. Chỉ có lúc hơn chín giờ mẹ mở to mắt, tựa như nhận ra chú, muốn nói gì, thế thôi... Chú nâng đầu cho mẹ...

Về nhà Vaxili Pêtrôvích gọi điện cho Masa. Chú nói hết mọi chuyện.

— Con ngủ đi, bồ ở đây, — chú nói thêm.

Chính hai chú cháu mãi không đi nằm. Dina lang thang vờ vẩn khắp nhà. Vaxili Pêtrôvích theo sau em. Sau đó chú đun nước và bảo:

— Uống một chút đi cháu!

— Cháu không muốn uống, — Dina đáp, nhưng

chàng có bao nhiêu là con. Chàng cho một người đến đây thì có mất gì đâu. Dù chỉ là một anh cá hồi gày yếu nhất cũng được...

Cô chỉ mới thốt ra những lời cầu xin đó thì ngay lập tức ở chỗ chân thác có tiếng động âm âm, lạnh lạnh và sau đó mọi vật xung quanh rung lên vì văng sáng chói lòa như ánh mặt trời giữa đêm đen.

Trong đời cô chưa bao giờ thấy cảnh tượng như vậy. Đó chính là chàng Lôkhor, chính là chàng Lôkhor vĩ đại đang đến với cô. Ngoài chàng ra thì còn ai có thể hiển hiện trong vầng ánh sáng và tiếng sấm rền như vậy? Đó chính là niềm hạnh phúc, là phần thưởng cho những đau đớn, khổ ải mà cô đã phải chịu đựng ở dòng sông này.

Cơn mệt mỏi đã rã rời ngọt ngào, như sóng cuộn dâng lên khắp người. Cô nằm im dưới hồ, đắm say trong vầng sáng huyền ảo diệu kỳ và chờ đợi...

Cú đập chính xác và không thương tiếc. Những cái răng thép của cây đinh ba cắm vào gáy cô. Cô vẫn còn vùng vẫy, quẫy đuôi cho đến khi người ta kéo cô lên thuyền...

—A, cá hồi!— một chàng trai trẻ khỏe, ngồi dằng lái dừng sào chông thuyền nói to giọng vui vẻ và nghịch ngợm.

—Im đi! Thằng ngốc!— một ông già râu, sợ sệt liếc nhìn xung quanh, nói, —lại muốn nộp phạt hả? Nhanh mà vào bờ!

Con thuyền tròn trành nghiêng ngả. Ánh lửa của bó đuốc làm bằng lưới mắt cáo tấm nhựa treo trên mũi thuyền lắc qua lắc lại. Những tia lửa bay vun vút trên bầu trời đen...

Và câu chuyện thật về cuộc đời của một cô Cá Hồi đến đây là hết.

1962

Nguyễn Hữu Giát dịch



Sinh năm 1928 ở bán Sêke thuộc Kiêcghidi, phía Nam Liên Xô. Năm 1952, in truyện ngắn đầu tay «Nhà báo Giuidô». Sau đó là nhiều truyện ngắn và bút ký khác. Các tác phẩm của ông như «Giamilia» (1958), «Cây phong non trùm khăn đỏ» (1961), «Người thầy đầu tiên» (1962), «Cánh đồng mẹ» (1963), «Vĩnh biệt Gunxaru» (1966), «Con tàu trắng» (1970), «Sêu đầu mùa» (1975), «Ga bão tuyết» đã được dịch ra các thứ tiếng của các dân tộc ở Liên Xô và ở nước ngoài.

Tsingit Aitmatov

QUẢ TÁO ĐỎ

Đêm khuya rồi mà Ixabêkốp vẫn ngồi suy nghĩ. Mở đầu lá thư thế nào đây? Mà nói chung anh sẽ viết gì trong lá thư này? Khó quá, quả là viết không nổi. Có biết bao nhiêu điều cần nói, bao nhiêu nỗi niềm đã tích tụ lại. Liệu nàng có hiểu những lời bộc bạch muộn màng của anh không?

Nhiều năm đời sống gia đình rắc rối đã lùi vào dĩ vãng. Liệu bây giờ, sau bao nhiêu phen hờn giận nhau, sau vô vàn lời trách móc bất tận, mà thường là oan uổng, sau bao nhiêu lần xích mích rồi lại làm lành, và cuối cùng, sau khi li dị, — liệu bây giờ nàng có thể tỉnh táo, không, không phải thế, liệu nàng có thể chỉ xét tình người mà hiểu anh và tha thứ cho anh được không?

ngay lúc đó em ngồi lên bếp, và tay ấp lấy tách trà nóng. Em lạnh run cầm cập.

Như chợt nhớ ra chuyện gì, Dina hỏi:

— Cháu hỏi thế này có phần không phải nhưng... chú Vaxili Pêtorôvích, chú có biết những gì đã xảy ra với mẹ cháu sau khi ba cháu qua đời.

Chú nói là có:

— Chú biết. Chính mẹ cháu đã kể cho chú nghe hết...

Chú im lặng một lát và nói thêm:

— Nhưng chú không phán xét mẹ cháu quá nghiêm khắc, nhất là bây giờ.

Dina không hỏi vì sao.

Có lẽ, em hiểu ý Vaxili Pêtorôvích. Mẹ cảm thấy cái điều hôm nay vừa xảy ra đang đến gần, thế là...

Như đoán ý nghĩ của em, Vaxili Pêtorôvích nói:

— Điều duy nhất mà chú không thể tha thứ cho bản thân mình là không thuyết phục được mẹ chính thức kết hôn. Lẽ ra chú với mẹ sẽ được sống như mọi người...

Từ nghĩa trang họ đi ra xe torôlâybuýt. Dina, Masa và Vaxili Pêtorôvích. Rất đông người đi đưa. Người từ nhà máy dệt. Một vài quân nhân ở Cục Chính trị. Thậm chí có người ở Đảng ủy quận và Ủy ban quận. Họ đọc điều văn, nhưng Dina không nghe thấy gì hết. Em thấy gương mặt mẹ và những miếng vải đỏ dính hai huân chương và ba huy chương. «Như ba, như các quân nhân», — Dina nghĩ.

Mẹ được mai táng bên cạnh ba, vẫn trong khu vực có tường vây ấy. Trên mộ ba có một tấm bia nhỏ bằng đá hoa cương. Trên mộ mẹ một đồng hoa vòng và hoa bó.

Chiều xuống, trời u ám. Tuyết lạo xạo dưới chân.

Đến gần ga, sau khi nhớ đến cái giấy chứng nhận mà em đã trông thấy ở Vaxili Pêtorôvích trong những ngày này, em hỏi:

— Chứng suy tim cấp tính là thế nào?

— Đây là chẩn đoán, — Vaxili Pêtorôvích nói và bảo thêm: — Có thể xem như kết quả cuối cùng.

— Thế chưa phải là kết quả cuối cùng à? — Dina hỏi.

— Cháu biết đây, — Vaxili Pêtorôvích giảng giải, — bệnh ung thư...

Ngày hôm sau, gần chiều Vaxili Pêtorôvích gọi điện cho Dina:

— Cháu có đi học không?

— Không ạ.

— Ngày mai cháu sẽ đi học. Được chứ?

— Vâng.

— Còn hôm nay, lúc bảy giờ, cháu hãy thu xếp đồ dùng, những gì cần thiết nhất, và chờ chú với Masa nhé.

— Nhưng cháu... — Dina muốn nói.

— Không có «nhưng» gì hết, — Vaxili Pêtorôvích cương quyết nói. — Chờ đây! Rồi sẽ cùng về nhà chú.

Dina không làm nổi việc gì hết. Em nhét bừa những thứ gì đó vào vali, vào chiếc cặp của ba để lại.

Bảy giờ Vaxili Pêtorôvích và Masa đến. Họ xách đồ lễ xuống dưới nhà rồi vào ô tô.

— Giênhia, về nhà chúng tôi, — Vaxili Pêtorôvích nói với người lái xe.

Minh Hà dịch

Liệu nàng có thể trở lại như những năm đầu chung sống—hồn nhiên cởi mở, dịu hiền được không? Nếu không thì sao? Nếu nàng không hiểu, hay tệ hơn nữa là lại oán giận, lại bắt đầu nói đi nói lại về lòng tự hào của phụ nữ, về số kiếp hẩm hiu... Nếu vậy thì sao?

Ixabêkôp nhớ lại anh đã gọi những đòi hỏi của nàng là thói tự ái đàn bà.

Nàng luôn luôn ghen với các bạn gái.

—Anh thấy đấy, ngay cả khi đến thăm nhà người khác, anh ấy cũng vẫn đắm đắm nhìn cô ấy và không ngại ngần quì xuống buộc dây giày cho cô ấy trước mặt mọi người.

—Anh không biết nịnh đầm và nói những lời yêu chiều,—Ixabêkôp sảng giọng đáp.

—Thế sao gọi là nịnh được nhỉ? Anh không nhạy cảm, không chân tình, em không biết nói thế nào, anh ngượng ngùng về tình yêu của anh chẳng? Em không muốn sống như thế, em muốn người em yêu không sợ công khai tỏ ra yêu em. Không thì thật bế. Chẳng qua là anh không bao giờ nghĩ đến điều đó.

—Mà anh cũng không muốn nghĩ nữa cơ. Anh không có thời giờ. Anh thật không hiểu làm sao em bận như thế, bảo vệ luận án đến nơi rồi mà còn có thể để ý đến chuyện vớ vẩn như vậy: ai buộc dây giày cho ai?

—Hoài hoi mà nói chuyện với anh, anh chẳng hiểu gì cả.

Nhưng bây giờ thì anh hiểu, anh hiểu nàng nói gì và anh cảm thấy, tuy không tự thú nhận với mình, rằng nàng vẫn có cái đúng.

Khi nàng đi trên phố và người qua đường nhìn nàng chăm chăm, Ixabêkôp cảm thấy thích thú. Anh cũng thấy nàng duyên dáng, yêu kiều, thông minh. Anh thích dáng đi của nàng. Nói chung dáng điệu nàng thanh thoát và rất đẹp, còn khi nàng đi giày cao gót thì có thể ngờ rằng đây là một cô bé mới lớn. Nàng khiêu vũ mới kiều diễm làm sao và mắt nàng sao mà chứa chan

hạnh phúc và trẻ trung khi nàng thấy mọi người thán phục nàng! Những lúc ấy anh yêu nàng biết mấy.

Tuy vậy bao giờ cũng có cái gì không để cho anh yêu nàng một cách thanh thản, khỏi phải nghĩ ngợi về việc vì sao anh yêu nàng. Yêu là yêu, thế thôi. Anh lơ mờ nhận ra rằng anh phải có một nỗ lực nào đó để thoát ra khỏi cái tính lăm li, anh muốn trở lại thời thanh xuân của mình, dường như anh đã bỏ lại ở đó cái gì không nên bỏ lại.

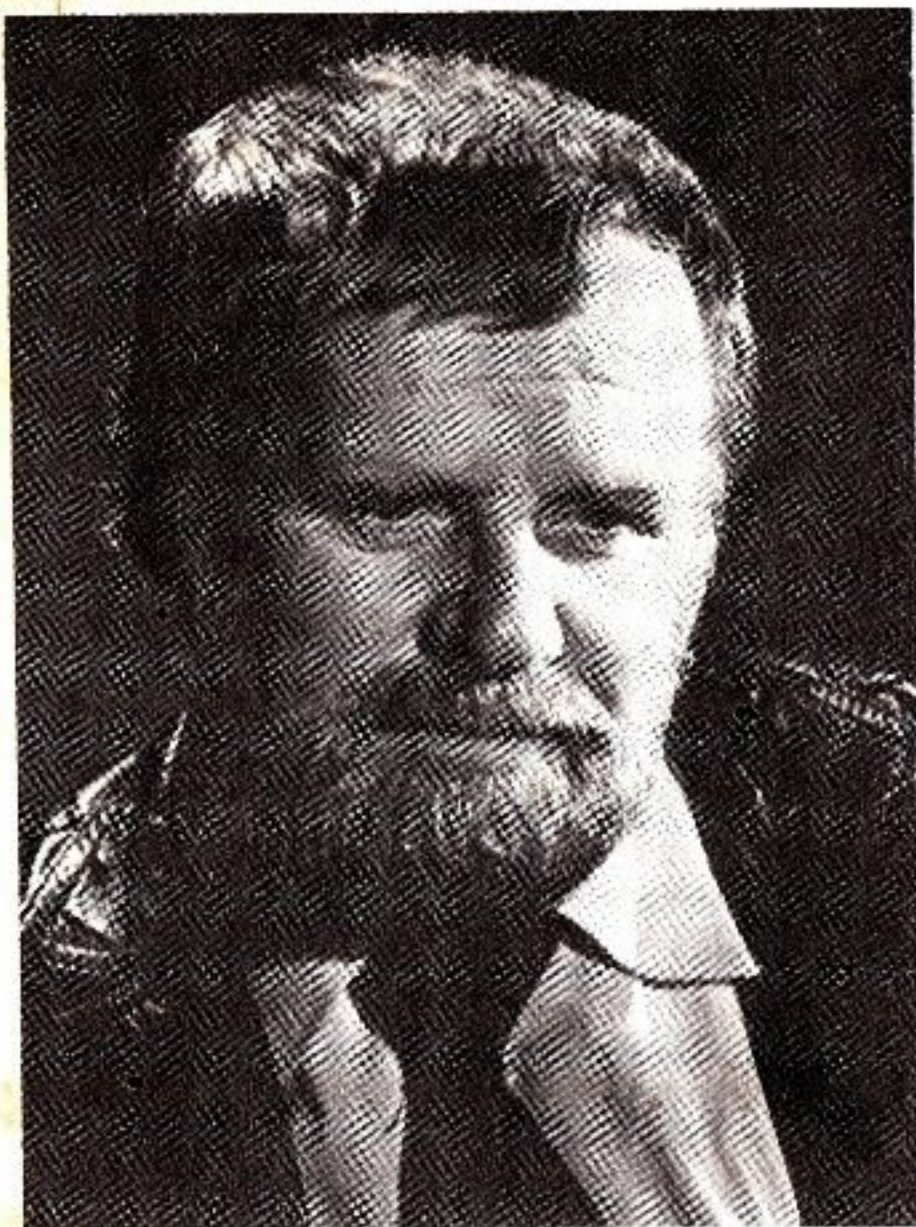
Bây giờ Ixabêkôp sắp thừa nhận lỗi lầm của mình, nếu có thể gọi đó là lỗi lầm. Nhưng có một cái khác làm anh lo ngại hơn: liệu bây giờ, khi mà như người ta thường nói, do tính tình không hợp, hai người đã chia lìa mỗi người mỗi nơi, sống xa nhau để quyết định dứt khoát xem tiếp sau đây phải làm gì, liệu nàng có thể vượt thắng bản thân mình và thử làm cách nào khác đặt mình ra ngoài cuộc mà nhìn lại quãng đời đã qua được không? Nếu nàng không thể làm như thế được thì sao? Vậy là hết ư? Chấm hết ư? Không, anh không thể chấp nhận điều đó.

Ixabêkôp mấy lần cầm lấy bút rồi lại quăng bút đi, đến gần cửa sổ, tựa vào tường, ủ rũ đứng lặng hồi lâu, thân hình gầy gò, cao ngẳng, tóc rối bù.

Những chuyên ô tô buýt cuối cùng dừng lại ở góc đường, nhanh chóng lấy khách rồi đi, nhấp nháy đèn đỏ trong bóng tối ảm đạm một đêm thu.

Một chàng trai nào không rõ đã mấy lần cùng cô gái nhà bên đến gần công, rồi đôi ấy lại đi và lại trở lại, họ luôn luôn cầm tay nhau như ở vườn trẻ. Không phải là Ixabêkôp ghen với họ, nhưng cảnh tượng đó có cái gì tốt đẹp, cảm động và quen thuộc đến nỗi lòng.

Ở nơi nào xa xa, sau những vầng ánh điện thành phố, chắc là mãi tít trên núi cao, một đốm lửa nhấp nháy ngời ngời như ngôi sao nhỏ. Có lẽ là đồng lửa của người chăn cừu. Lúc này anh bỗng muốn được ở nơi ấy, chẳng nghĩ ngợi gì, và co ro trong bóng đêm rờn rợn, ném những cành đổ tùng vào lửa cho nó nổ lép lép.



Vaxili Bêlốp

Sinh năm 1932 ở một làng nhỏ phía Bắc nước Nga. Sau khi học xong trường dạy nghề, đã làm thợ nguội, thợ máy của trạm phát điện lưu động. Tiểu sử văn học của Bêlốp bắt đầu với tập thơ «Xóm rừng nhỏ của tôi» (1961), sau đó truyện vừa «Sự nghiệp quen thuộc», «Những câu chuyện của người thợ mộc», chùm truyện hài hước «Bình minh hôn nhau» đều có tiếng vang lớn. Tác giả các sách «Ngày hôm trước», «Nhịp điệu. Những kiến thức sơ đẳng về thẩm mỹ dân gian».

CUỘC ĐỜI TÔI

Tự thuật của một phụ nữ

Tôi ra đời ở Leningrát trên đảo Vaxiliépki vào tháng Tư ngày ba mươi năm một ngàn chín trăm ba hai. Đầu tiên chúng tôi ở một căn hộ trên đường Xô ba, sau đó người ta cho chúng tôi một căn hộ khác và chúng tôi chuyển về phía cửa thành Narva.

Tôi vẫn còn nhớ rõ cha tôi. Ông người cao, vui tính. Ông làm thợ nguội trong nhà máy mang tên Kirôp. Lần nào người ta chuyển ông sang làm ca hai là lần ấy tôi không nằm ngủ. Tôi nhớ rằng mẹ tôi luôn mồm mắng mỏ, còn tôi thì khóc sướt mướt và chẳng muốn chớp mắt tí nào. Bao giờ cha tôi về nhà trong bộ

quần áo lao động lúc ấy tôi mới thiếp đi, còn cha tôi thì thay quần áo và tắm rửa. Sáng sau tôi dậy sớm và nhón chân đi bên giường ông, bởi lẽ mẹ tôi không cho phép tôi và thằng em Paplík làm ồn.

Mẹ tôi chỉ học đến trung học. Mẹ tôi vẫn muốn đi làm, nhưng khi sinh thằng Vichia, cậu em thứ hai, bà lại phải nghỉ nhà. Quả thật, dạo ấy nhà tôi cũng khá đầy đủ, mỗi tháng lại mua sắm được một vài thứ. Nhưng lúc bấy giờ tôi cũng không nghĩ nhiều những chuyện ấy, chỉ nghe chuyện người lớn mà biết.

Hắn đó là thời hạnh phúc nhất trong gia đình tôi. Chúng tôi thường đi chơi ngoại ô, đến Petergôp và Gáttrina: cũng thường đến thăm dì Nina nhưng rồi chiến tranh bắt đầu.

Dạo ấy là mùa hè, tôi vừa chín tuổi. Tôi chuẩn bị sang thu sẽ vào lớp hai. Một buổi sáng kia tôi thức dậy vì một bầu không khí tĩnh mịch nặng nề là lạ. Cha tôi ngồi bên bàn lục giở những giấy tờ riêng. Paplík và bé Vichia còn ngủ, mẹ tôi thì ngồi trước mặt cha tôi mà khóc.

Ngày hôm sau có lệnh động viên. Cha tôi đến phòng quân vụ mang theo một bọc đồ có cả ca, thìa, khăn mặt. Cả nhà tôi đưa ông đến bến tàu điện. Tôi còn nhớ cha tôi hôn cả ba chúng tôi một lần nữa, rồi ông ôm mẹ tôi mà bảo: «Có gì đâu, Klava, — người ta vẫn gọi mẹ tôi như thế, — có gì đâu, Klava, em phải biết rằng chiến tranh sẽ sớm qua thôi. Một tháng, hai tháng, chúng ta sẽ đánh thắng rồi lại cùng sống bên nhau».

Mẹ tôi vẫn kể lại rằng trước ngày ra trận ông còn về qua nhà trong bộ quân phục trung úy, nhưng ông về ban đêm, nên tôi không được gặp. Một tháng sau chúng tôi được tin ông mất tích. Cũng hôm đó máy bay địch tấn công ồ ạt vào Leningrát. Có thể nói đây là ngày chấm dứt thời ấu thơ hạnh phúc của tôi. Ngày nào mẹ tôi cũng khóc cha tôi. Mọi thứ thực phẩm chúng tôi phải mua theo phiếu. Dì Nina độc thân về ở với gia đình tôi. Ngày một tháng Chín dì dẫn tôi đến trường vào lớp hai, còn lượt về tôi chạy học tốc, ngày

nào dì Nina cũng dắt tôi đi như vậy. Đêm đêm mẹ tôi đi trực trong quân y viện, ban ngày mẹ tôi trông Paplík và Vichia để dì Nina dẫn tôi đến trường. Một bữa dì mới dẫn tôi qua được hai khu phố thì có lệnh báo động phòng không. Tôi còn nhớ giữa phố có một chiếc tàu điện bỏ không. Hình như bên trong có cái gì đó hoạt động nhưng không thấy người lái, không thấy hành khách, mọi người đã đi ẩn nấp cả. Dì Nina cắp lấy tôi kéo tuột xuống hầm làm cho hộp bút rơi ra khỏi cặp sách và tôi òa khóc. Tôi rất tiếc cây bút chì và cục tẩy. Nhưng rồi dì Nina cũng tìm lại được cho tôi hộp bút, dì đẩy tôi xuống tầng hầm, vào một cầu thang hẹp, tôi cưỡng lại không chịu đi, bởi vì lúc đó xung quanh rất im ắng và chẳng thấy tiếng bom nổ đâu cả, chỉ thấy đài phát thanh nhắc đi nhắc lại bảo chúng tôi phải xuống hầm. Tôi muốn xem máy bay Đức, tôi nghĩ rằng chúng chẳng có gì đáng sợ và muốn vượt cầu thang lên trên. Nhưng dì Nina túm chặt tay tôi. Tôi nhớ rằng trong tầng hầm có nhiều người đang ngồi, nhiều người chuyện trò vui vẻ. Bỗng nhiên mọi vật như giạt bắn lên và các cửa bật mở. Rồi có một tiếng nổ rầm trời đến nỗi tôi hét rít lên vì khiếp đảm. Sau đó tôi không nhớ gì nữa. Tôi chỉ nhớ rằng khi tỉnh dậy thì trong tầng hầm tôi ôm, mọi người kêu la âm ỉ. Bụi mù mịt ngạt thở. Dì Nina ôm chặt lấy tôi, còn tôi ôm chặt cặp sách có cái hộp bút và quyển tập đọc.

Khi chúng tôi lên phố, tôi lại nhìn thấy chiếc tàu điện kia có hành khách và người lái, tất cả lại nguyên như trước. Nhưng lúc tôi và dì Nina đến gần trường học, dì cháu tôi mới thấy chẳng còn cái trường học nào cả. Khói vẫn đang tuôn ra từ đồng gạch vụn, vôi vữa và đất cát. Ngôi nhà cạnh trường cũng đổ sập, lính cứu hỏa và đội cờ đỏ vừa chạy vừa là hét tíu tít. Một chiếc xe thùng xanh đứng cạnh đây và người ta cứ đưa vào xe những gì có vẻ khủng khiếp lắm.

Dì Nina thốt lên một tiếng than dài rồi kéo tôi về nhà. Từ đó tôi thôi học. Mùa đông hệ thống sưởi hơi ngừng hoạt động. Nina mặc cho chúng tôi tất cả mọi

thứ quần áo tìm được trong tủ. Bé Vichia bắt đầu bị viêm phổi. Mẹ tôi đi kiếm bác sĩ, bà bác sĩ mang đến một chai thuốc gì đó và bảo cho Vichia uống vào sáng và chiều. Thế nhưng nhiệt độ Vichia không giảm, cuối cùng em tôi qua đời. Tôi không hiểu qua đời là gì và cứ hỏi mãi sao Vichia không nói. Mẹ tôi khóc. Dì Nina quần Vichia vào một tấm khăn lớn cho vào vali rồi lên tàu điện đi đâu đó. Dì trở về không còn vali nữa, nhưng lại cho tôi và Paplík mỗi đứa một chiếc bánh ngọt. Dì bảo: «Này, cháu Tania, cháu ăn đi và hãy nhớ em Vichia».

Tôi cứ giữ mãi chiếc bánh ngọt ấy.

Bây giờ có phiếu cũng gần như không mua được gì nữa. Lúc nào chúng tôi cũng đói. Tôi và Paplík mặc bành tô, đội mũ âm chơi đùa cạnh lò sưởi. Lò sưởi này dì Nina đã quét dọn sạch, cọ hết sơn, làm thành lò đun. Chúng tôi bẻ cọc rào dần để đốt, nhưng không hiểu sao vẫn không ấm mà chỉ thấy khói mù mịt. Cuối cùng dì Nina tìm thấy ở cuối phòng một cửa thông gió và mở ra. Từ đó trong phòng không có khói hun nữa. Dì Nina mang ở đâu về nửa bao khoai tây đã héo vì lạnh và chúng tôi luộc khoai ngay trong bếp ấy.

Chúng tôi phải dự trữ nước trong một thùng lớn bằng gỗ sồi vì máy nước ít hoạt động. Cái thùng ấy dì Nina mang về tôi cũng không biết từ đâu.

Một lần qua câu chuyện giữa dì và mẹ tôi tôi nghe được rằng quân ta sắp chọc thủng vòng vây và chẳng mấy chốc Hồng quân sẽ phản công lớn. Đến bây giờ tôi và Paplík đã quen bom đạn và tranh nhau chạy xuống hầm trú ẩn. Dì Nina đuổi theo chúng tôi không kịp. Đôi chân dì đã phù lên, dì vẫn luôn mồm cáu gắt, nhưng chúng tôi biết rằng dì mắng chúng tôi không có gì nặng nề cả.

Một hôm, vào mùa xuân, đã hai ngày chúng tôi không ăn gì, mẹ tôi đi trực về, bước chân lão đảo, vừa đi vừa quát: «Cô ấy đâu rồi. Lại đi nhà thờ hả...» Tôi và Paplík nín thinh. Chúng tôi thương dì Nina, chúng tôi yêu dì và không hiểu vì sao mẹ tôi lại quát mắng dữ

Rồi anh rời cửa sổ và đi vào phòng ngủ thăm con gái, bé Anara. Nó lớn rồi mà vẫn cứ tung chăn ra, người tím lại vì lạnh. Lần này Anara ngủ yên giấc, chắc là ban ngày đã chạy chơi nhiều. Ờ, con bé ngủ yên và không hề ngờ rằng hôm nay nó đã gây nên chuyện gì. Ôi chao, Anara, Anara! Nó không biết nó đã khuấy động tâm hồn bố như thế nào! Nó không biết tại sao khuya khoắt thế này mà bố vẫn không ngủ. Nhìn con gái, Ixabêkốp thầm nói với nó: «Giờ đây con ngủ yên giấc, thế là tốt. Hãy còn chán thời giờ, rồi đây lớn lên con cũng sẽ có những đêm nghĩ ngợi. Hẳn là không ai tránh khỏi điều đó. Còn bây giờ thì ngủ đi, ngủ đi, mong cho con có những giấc mơ đẹp».

Ban ngày anh đã lái xe đưa Anara ra ngoài thành phố. Anh định bụng ở đây, giữa thiên nhiên, anh sẽ nói cho nó hiểu mối quan hệ giữa anh với mẹ nó. Trong thư, vợ anh kiên quyết đòi anh phải làm như thế. Anh muốn giải thích cho con bé hiểu mẹ ở Mátxcơva không phải chỉ vì bận làm luận án, mà còn vì lẽ hai người nên sống xa nhau thì hơn, còn Anara phải quyết định xem nó muốn ở với ai. Không hiểu sao anh có cảm giác rằng ra ngoài thành phố, anh làm việc đó sẽ dễ dàng hơn, và con gái dù sao vẫn sẽ ở lại với anh, sẽ không muốn đi Taskent, nơi vợ anh định chuyển đến nhận công tác ở một viện nghiên cứu.

Anara đang chơi ở sân thì ba gọi nó.

— Mặc áo len vào, ta ra ngoài thành phố.

— Ra ngoài thành phố!—Anara vỗ tay và bỗng ngạc nhiên hỏi:—Để làm gì kia ạ?

—Ta đi chơi một lát, thế thôi.

Ixabêkốp cúi kính vì các đường phố đông nghịt người, xe đi như rùa bò, đến là trật trật. Chủ nhật bao giờ cũng thế. Khi xe của bố con họ đã ra khỏi thành phố, luồng xe vẫn hẳn đi. Chiếc «Vônga» lắc lư nhịp nhàng, bắt đầu tăng tốc. Con đường nhựa nhẵn bóng hai bên viền những hàng cây cao, lấp lánh một màu sáng mờ đục, lên cao thoải thoải, chạy hút vào trong núi.

Ixabêkốp lẳng lẳng nhìn những đỉnh núi trắng trắng rõ nét phía trước.

—Ba ời, cho xe chạy chậm đi một chút,—Anara yêu cầu. Ixabêkốp giảm tốc độ.

—Con sợ ư?

—Không, con muốn thế thôi.—Nó đáp và lại áp mặt vào kính.

—Xưa nay con vẫn thích xe chạy nhanh mà.

Anara không quay lại và chẳng nói gì, dường như không nghe rõ.

Ixabêkốp nhìn đôi vai con trẻ gồ lên những góc cùng cạnh dưới tấm áo len mỏng, cái cổ gầy ngắc với những búp tóc quăn mềm mại đen nhánh và cảm thấy cái thân hình bé nhỏ trầm lặng áp sát vào cửa xe này có cái gì hoàn toàn lạ lẫm, không phải vốn có ở nó. Con bé có vẻ lo âu.

Có lẽ nó đoán ra chẳng? Chúng ta thường hay quên rằng trẻ em vốn rất nhạy cảm với tất cả mọi chuyện. Nhưng thế thì tại sao nó chẳng bao giờ hỏi gì cả?

Những ý nghĩ ấy làm cho Ixabêkốp bứt rứt trong lòng. Không, làm sao nó biết được? Nó không thể biết điều đó. Cả anh lẫn vợ anh đều không để lộ ra chút gì khiến nó có thể nghi ngờ. Nhưng ai mà biết được! Kinh khủng nhất—điều này bao giờ anh cũng để phòng—là làm hỏng tâm linh đứa trẻ. Tâm hồn con người vốn là như vậy: làm nó tê lạnh thì dễ, sưởi ấm cho nó thì khó, đôi khi còn không thể được nữa kia. Rồi sau này sẽ nảy sinh ra những kẻ loạn thần kinh. Không, Anara là con bé bình thường. Có lẽ nó linh cảm thấy điều gì. Thì thuở bé, trong nhà xảy ra tai họa gì anh cũng đều biết đấy thôi. Chẳng ai ngờ lúc ấy anh đau khổ như thế nào. Thôi được, sớm muộn gì rồi nó cũng phải biết. Anh không nói thì mẹ nó cũng nói, nàng vốn thẳng tính. Không, thà chính anh nói với nó còn hơn. Chẳng làm thế nào được. Không thể trì hoãn lâu hơn nữa... Cũng có thể chỉ là anh tưởng thế thôi, chẳng qua là Anara nhìn qua cửa sổ ngắm lá rụng mà thôi. Nhưng thực ra điều đó có làm thay đổi được gì

đội đến thê. Khi đi về mẹ tôi lại quát mắng rồi mẹ tôi òa khóc, nằm lăn xuống giường úp gôi vào mặt. Di Nina ngồi ghé bên cạnh: «Em đi nhà thờ thì có can gì đến chị đâu, chị Klava? Em không bắt bẻ chị điều gì thì chị cũng đừng can em. Em không làm điều gì xấu với ai cả...»

Di tôi đi nhà thờ hàng tuần và thường kể cho chúng tôi ai nói chuyện gì. Có nhiều tin đồn rất khủng khiếp. Di Nina nghe ai nói rằng người ta đang chuẩn bị danh sách sơ tán, rằng trước hết sẽ đưa đi những người là vợ con chiến sĩ Hồng quân. Di hết lời khuyên mẹ tôi lánh xa Leningrát. Đầu tiên mẹ tôi không nghe, nhưng sau di tôi cũng thuyết phục được. Tôi không biết di Nina nói thế nào mà xong. Mẹ tôi bắt đầu lo chuyện ra đi và tôi nhớ rằng sau ngày sinh nhật của tôi người ta mặc quần áo cho chị em tôi rồi dẫn sang phòng bên. Di Nina và mẹ tôi đã xếp xong hai cái tay nải và hai vali. Sau đó có một chiếc xe chở chúng tôi chạy tít ra ngoại ô và tôi chỉ nhớ rằng ở đó có nhiều người mang theo bao nhiêu vali và trẻ nhỏ. Quanh tôi toàn là tiếng khóc, tiếng la. Di Nina đưa chúng tôi đến, còn chính di thì không muốn sơ tán chút nào. Chúng tôi nghe tiếng máy bay rầm trời và chạy hết vào một nhà kho, lúc chạy suýt bị một ô tô đè nghiền. Thê là âm ỉ hoảng loạn cả lên. Nhưng hóa ra đó là máy bay ta chứ không phải Đức. Tôi nhớ rằng có một chiến sĩ nào đó cầm súng nhảy lên nóc kho xả một băng đạn lên trời. Sau đó anh bắt đầu diễn thuyết và nói rằng đây là điều nhục nhã đối với những người Leningrát, rằng lúc này không được phép bỏ rơi thành phố. Tôi và Paplík lại được đưa lên ô tô. Chúng tôi trở về thành phố, nhưng không về nhà mà đến thăm di Nina. Chúng tôi ở đây vì bọn Đức ít pháo kích tới đó.

Tôi sẽ không nhắc lại những gì chúng tôi trải qua mùa hè và mùa đông năm ấy. Sẽ chẳng có ai tin những điều tôi nói. Khi quân ta chọc thủng vòng vây ba mẹ con chúng tôi được đưa từ Leningrát về Vologda. Đó là vào tháng Giêng năm bốn mươi ba. Nhưng tôi

không nhớ gì chuyện ấy cả. Tôi chỉ nhớ rằng khi đến Vologda người ta cho tôi ăn một món gì nóng nóng bằng thìa nhỏ còn mẹ tôi thì được khiêng thẳng từ toa tàu ra bằng cáng tải thương.

Di Nina ở lại Leningrát và chúng tôi đoán chắc rằng di ấy đã chết.

Cả ba người—tôi, mẹ tôi và thằng Paplík—sống trong bệnh viện đến tận mùa xuân. Đầu tiên chúng tôi nằm buồng khác nhau, sau đó bà bác sĩ trưởng thu xếp cho chúng tôi được nằm một chỗ. Thực ra trong phòng đó còn sáu người đàn bà nữa không phải người sơ tán mà là người địa phương Vologda. Họ giúp đỡ chúng tôi hết sức, rất thương chúng tôi. Đặc biệt là cô Pania vừa bị cắt dạ dày loét. Lúc tôi tỉnh lại thì thấy cả phòng bệnh chỉ có cô Pania là đi lại được. Thấy tôi tỉnh lại, cô bảo: «Cháu ngoan ạ, thê là tốt rồi đây. Rồi cháu sẽ lại người ngay thôi».

Đầu tiên tôi thấy hoảng sợ. Nhưng sau thấy bên cạnh có mẹ tôi và Paplík dường như đang ngủ tôi mới yên tâm. Tôi gắng gượng trở dậy. Thằng Paplík thì cổ ngẳng như que diêm mà đầu đến to, ngật ngưỡng trên cổ, nhưng đã ngồi dậy, còn mẹ tôi thì chúng tôi cứ để yên cho ngủ. Cô Pania tìm được trong tủ đầu giường một gói giấy gì đó. Cô bảo: «Cho cháu này, cô giữ suốt bao nhiêu ngày không cho ai biết đây nhé». Tôi mở gói ra, trong gói có hai hạt dẻ màu nâu.

Cô Pania còn dậy tôi ngồi móc đăng ten. Lúc cô ra viện cô để lại cho tôi cái kim móc đó cùng hai cuộn chỉ mang số bốn mươi. Cô để lại cả địa chỉ của cô nữa.

Khi chúng tôi ra viện thì thằng Paplík đã chạy được khắp phòng tôi và mẹ tôi đi lại vẫn còn vấp vấp. Chúng tôi được thêm một ít tiền trợ cấp rồi được đưa về một làng xa. Mẹ tôi thậm chí còn chưa xách nổi vali. Chúng tôi mặc quần áo của mình, bước ra cửa và ngồi trên bực tam cấp bệnh viện. Chúng tôi không biết phải làm gì bây giờ. Các bệnh nhân qua lại chào hỏi chúng tôi, còn chúng tôi cứ ngồi mãi như đang nghỉ vậy. Tôi bảo

đâu, chẳng nào cũng phải nói thôi. Ôi chao, hôm nay ngày đẹp xiết bao! Giá như trong tâm hồn cũng tốt đẹp như thế...

Con đường đầy lá rụng, hoang vắng hợp với cảnh sắc mùa thu Ixabêkôp nghĩ rằng phóng xe với tốc độ như thế quả thực là vô lý. Lá quay vòng chậm chạp, nhẹ nhàng buông mình xuống đất. Có những chiếc rơi xuống nắp xe, dính vào kính chắn gió giấy lát, rồi bị cuốn sang bên và bay một lúc bên cạnh xe như không muốn rớt lại sau. Hai bên đường, ánh nắng tràn ngập những cánh đồng vàng úa đã gặt, những vườn nho tàn héo đã hái hết quả, những bãi cỏ ba lá xanh tươi. Một đàn chim hét đuôi theo máy kéo trên bãi cày. Những ngày cuối cùng của mùa thu vàng.

«Mưa mây trận là tất cả sẽ rũ xuống, sấm đi, mất hết màu sắc rực rỡ», — Ixabêkôp cảm thấy buồn tiếc. Anh bật lửa, châm thuốc hút và lại nhìn Anara. Nó nhìn ra cửa sổ.

— Sao con im lặng thế, Anara?

Cô bé ngạc nhiên nhìn bố và không trả lời gì hết.

— Hôm qua con làm bài xong rồi chứ?

Con bé gật đầu.

— Xung quanh đẹp đây chứ nhỉ?

— Vâng, đẹp lắm.

Ixabêkôp bối rối. Ai cần gì những câu hỏi gương gạo, tế nhạt ấy? Nhưng con bé làm sao vậy? Bình thường hai bố con vẫn chuyện gẫu với nhau thoải mái lắm kia mà? Chắc là hôm nay chính anh cũng rầu rĩ.

Để làm cách gì cho con bé vui lên, anh mở máy thu thanh. Trong xe vang lên một giọng trẻ con trai trầm thía, quen thuộc.

— Rôbertinô! — Anara tươi tỉnh hẳn lên. — Ôi, bà ơi, Rôbertinô. Ở lớp con ai cũng yêu bạn ấy. Cả các bạn trai và các bạn gái. Ba cũng yêu bạn ấy chứ? Mẹ cũng yêu cơ.

— Có, Anara ạ, có. Tất nhiên cả mẹ cũng thế. Ôi chao, con gái ba độ rầy xinh đẹp quá đi thôi, con yêu quý của ba. — Ixabêkôp vỗ nhẹ lên đầu con, ngạc nhiên

vì đôi mắt mở to của nó bỗng ngời lên những đốm nhỏ lấp lánh màu vàng ánh nâu. — Thế mà ba cứ tưởng con giận ba.

— Đâu có, ba cứ nói vậy!

— Thế thì tốt, ta nghe hát đi đã. Rồi ba sẽ kể với con về Sube và về tổ quốc của Rôbertinô.

Trong lúc hai bố con chuyện trò như vậy, điệu «Ave Maria» trang trọng nhịp nhàng lan tỏa trong không gian mùa thu bao la, dường như đem đến một ý nghĩa cao quý cả cho mùa thu này, cả cho dải đất này, cả cho trái tim người. Đột nhiên Ixabêkôp cảm nhận được sự hài hòa, sự hòa điệu hoàn toàn khiến cho tất cả kết thành một khối: vầng dương, những ngọn núi ngời sáng ở phía trước, giọng hát của cậu bé Italia Rôbertinô và niềm xúc động của con gái.

Chắc hẳn tâm hồn mỗi người đều khát khao cái đẹp. Có lẽ điều đó nằm ngay trong bản chất con người. Nhưng thường thường chúng ta không trân trọng gìn giữ cái đẹp đó, vậy mà không hiểu rằng lỗi ấy là tại ta. Bây giờ cũng thế, anh sắp phá tan cái thế giới gần như huyền ảo, còn chưa vững chắc của những biểu tượng trẻ thơ...

Rôbertinô hát, và Anara khe khẽ hát theo. Trong lúc đó, ô tô đi vòng theo bờ rào một vườn táo rộng, rời khỏi đường lớn rẽ ra con sông nhỏ.

Mùa hè bố con Ixabêkôp đã đến đây. Không mấy người đến nơi này: con sông nông choèn, qua làn nước lạnh buốt từ trong núi chảy ra hiện rõ mồn một cái đáy toàn đá là đá. Và chẳng có bãi tắm gì cả. Nhưng được cái núi sát ngay bên cạnh, những chòm núi bạc đầu to sụ vươn cao sau những sườn dốc hoang vắng. Có những tảng đá lớn bị cuốn từ trên ấy xuống đây, Anara thích ngồi lên những tảng đá đó. Có lẽ vì thế mà Ixabêkôp bị lôi cuốn đến nơi này.

Cái yên tĩnh buổi trưa bao trùm xung quanh. Anara chạy tới chỗ những tảng đá, và cái giọng thanh thanh của nó, bắt chước giọng Rôbertinô, lúc thì lặng đi, lúc thì vang lên giữa đồng đá.

mẹ tôi: «Mẹ ơi, mẹ xin người ta cho đi xe ngựa đi». Mẹ tôi thì ngại xin nên bảo: «Im đi con, Tania, kéo người ta không cho ra, lại bắt ở lại bệnh viện bây giờ». Tôi đứng lên, định xách vali mà suýt ngã. Thề là chúng tôi lại ngồi xuống. Chắc có ai nói gì về chúng tôi với bà bác sĩ trưởng, bà liền chạy ra bảo: «Sao lại có thể như thế được. Đáng phải nói ngay chứ!» Bệnh viện có riêng một con ngựa và một ông lão chuyên đi lấy nước. Tôi quên mất tên ông ấy. Ông già trút xong nước, buộc vali của chúng tôi vào thùng gỗ rồi nói: «Nào, mẹ con nhà chị đi đâu nào».

Xe nước không có chỗ ngồi. Ông già cho tôi và Paplík ngồi ké phía trước, lấy một chiếc dây thừng dài buộc hờ chúng tôi vào thùng gỗ cho khỏi ngã. Mẹ tôi thì được ngồi đằng sau, còn chính ông lão thì cầm cương đi bộ. Cứ thế chúng tôi ra ga. Đầu tiên ông già cởi dây, cho chúng tôi xuống đất, sau là vali, rồi nói: «Thôi, xin lỗi nhé, lão bạn lắm, phải đi ngay». Chỉ còn mấy mẹ con chúng tôi trong ga. Mẹ tôi lúc nào cũng lo lắng về cái vali, hơn nữa mua vé lại rất khó. Nhiều người đã xếp hàng mua vé ba ngày đêm rồi. Mẹ tôi ngồi khóc trên vali. Một anh công an nhìn thấy liền hỏi chúng tôi là ai, đi đâu. Khi đã biết rõ, anh bỏ đi, sau đó quay lại hỏi: «Chị có tiền không?» Anh nói giá vé đến ga chúng tôi cần đến, anh cầm tiền của mẹ tôi, độ một giờ sau mang đến một vé người lớn, hai vé trẻ con. Anh còn giúp chúng tôi lên toa. Mẹ tôi mở vali lấy cái càvạt đẹp của cha tôi đưa tặng anh. Anh khoát tay bảo: «Chị làm cái gì đây. Chị cứ đi đi, cái này sẽ có lúc có ích cho chị». Nói rồi đi luôn. (Sau này, khi tôi đã lớn, tôi có nhìn thấy anh ở Vôlôgđa. Tôi định đến gần nói với anh một câu hoặc tỏ lời cảm ơn anh về chuyện đó, nhưng lại ngại ngùng.) Chiều tối hôm đó chúng tôi đến ga. Những người cùng toa giúp chúng tôi xuống. Xuống sân rồi chúng tôi lại không biết làm gì. Tàu đi rồi, sân ga vắng lặng. Nhà ga bé tẹo. Nông trang này có tên là «Thợ cày đỏ», nhưng thậm chí mẹ tôi còn chưa biết nó ở phía nào và cách nhà ga bao xa.

Tôi khát nước, còn Paplík thì đòi bánh mì. Một cô nào đó xách thùng đến lấy nước ở chỗ máy bơm. Cô dừng lại hỏi mẹ tôi là ai, từ đâu đến và sẽ đi đâu. Cô hỏi tên chúng tôi là gì. Tôi nhớ rằng thoát tiên cô mang nước về nhà, sau đó lại quay lại chỗ chúng tôi, giúp chúng tôi vào ga và bảo rằng cần phải nhờ đến những người đánh xe ngựa vẫn đi chở vỏ cây liễu ra ga. Cô bảo có mấy anh vẫn hay nghỉ lại nhà các cô, và rồi cô sẽ nhờ các anh ra đón chúng tôi, chừng nào họ từ nông trang «Thợ cày đỏ» đến đây.

Mẹ tôi cho chúng tôi ăn rồi đặt chúng tôi nằm trên một ghế băng rộng. Chúng tôi ngủ ngay. Ban đêm mở mắt ra tôi không nhớ làm sao mình lại nằm trên xe. Tôi thấy con ngựa đang vẩy đuôi, tôi thấy chiếc xe to của chúng tôi kêu cọt két. Paplík vẫn ngủ, còn mẹ tôi thì nói chuyện với cô gái ngồi trên lưng ngựa. Tôi chỉ nhớ rằng cô gái đi đôi ủng có mũi hắc ín, tôi còn nhớ rằng đêm ấy trời sáng và muối như châu. Mẹ tôi đắp cho tôi cái khăn, tôi lại ngủ thiếp đi, nhưng rồi lại nhiều lần tỉnh dậy.

Ngựa cứ đi mãi và chiếc xe cứ lắc lư, cọt két. Chúng tôi đi suốt đêm, đến sáng tôi tỉnh dậy vì ánh mặt trời. Cô gái múc nước sông cho ngựa uống, rồi tháo ngựa ra, nhưng vòng cổ không tháo. Cô buộc một đầu dây cương vào dây cổ ngựa, đầu kia buộc vào xe rồi thả cho ăn cỏ. Tôi lại ngủ và lại thức dậy khi xe chuyển bánh. Tôi và Paplík chưa bao giờ thấy nhiều cỏ đến thế! Chúng tôi đi qua nhiều khu làng lớn, nhiều cánh rừng dài. Sau đó đi qua một cây cầu và vào làng. Cô gái chở chúng tôi tên là Kapa. Cô dừng xe trước một ngôi nhà và nói: «Có lẽ bác với cháu sẽ sống ở đây. Hôm mong một tháng Năm vừa rồi chúng cháu đã lau dọn sạch sẽ». Đó là nông trang «Thợ cày đỏ». Người ta đã chờ chúng tôi từ lâu. Mẹ tôi để tôi và Paplík ở nhà, cho bánh mì ăn rồi đi đến Xô-viết xã ở làng khác. Trẻ con các nhà lập tức xúm đến. Chúng lặng lẽ nhìn chúng tôi, chúng cứ ngồi mãi trên các ghế, rồi bất thần, như có ai ra lệnh, chúng nhất loạt chạy tháo ra

Âm thanh của bài «*Ave Maria*» không lúc nào rời bỏ Ixabêkôp, anh cảm thấy dường như xung quanh tất cả đều đổi mới.

Sau khi hái hết quả, khu vườn trên bờ sông đã trở nên trống vắng, nom quang hắt đi, và dường như đang lắng nghe xem người ta có đến hái quả nữa không. Những đồng cỏ khô dọc bờ rào như những tượng đài ghi nhớ mùa hè đã rời xa. Chúng giữ lại hương vị của nắng hạ lâu hơn hết. Mùa hè, mọi cái ở đây chắc là khác hẳn, nhưng anh không nhớ, tưởng như anh chưa từng có mùa hè. Mà kia, những đám mây nhỏ nom như đàn lạc đà con trắng muốt chợt xuất hiện. Chao ôi, ước gì được về thăm bản làng! Đã lâu lắm rồi anh không về làng quê...

Thấy Anara chạy trên con đường mòn về phía khu vườn, Ixabêkôp nhớ ra anh đến đây để làm gì, anh gọi con:

— Con đi đâu đây?

— Vào khu vườn ạ. Con muốn treo cây.

— Ba cần nói chuyện với con.

— Về chuyện gì kia, về Rôbertinô à?

— Ừ.

— Thế thì lát nữa con sẽ nghe, con vào chóng thôi mà. — Anara nháy chân sáo chạy vụt vào vườn.

Ixabêkôp lại nghĩ ngợi về việc anh sẽ nói gì và nói thế nào với con gái. Điều anh định nói với nó, bản thân anh cũng cảm thấy là kỳ quặc, lơ lửng, quái gở, không ăn nhập gì với ngày thu này với những tình cảm dậy lên nhờ ánh sáng của bài «*Ave Maria*» và giọng hát của Rôbertinô. Anh bỗng thấy sợ. Tự dưng anh muốn Anara chạy chơi lâu lâu vào, khiến anh khỏi phải nói với nó điều mà anh có bốn phận phải nói. Khi từ trong vườn vọng ra tiếng nói của nó, ngạc nhiên và mê thích chuyện gì không rõ, anh giật mình và ngồi xuống đất, quay lưng về phía nó, đầu cúi xuống.

— Ba ơi, ba! Ba xem con tìm được cái gì này!

Anh không quay lại. Anh nghe thấy nó chạy tới,

thở hồn hên, hăm hở. Anara đâm sâu đến ôm lấy cỏ bở và chìa ra cho bố quả táo to đỏ mọng.

— Con tìm thấy quả táo ư?

— Vâng, nó lẩn trong đám lá, không nhìn thấy được đâu nhé! Ranh ma gói. Thế mà con tìm ra đây! Nó chói rực như ngọn đèn. Đây là quả táo cuối cùng còn lại và là quả ngon nhất. Cả vườn không còn quả nào nữa. Ba xem, đẹp chưa này, mà thơm ời là thơm! Như vắng mặt trời ấy.

— Ờ, đẹp lắm, đây là táo apo¹ mùa đông. — Và đột nhiên, chính anh cũng không ngờ, anh nói thêm. — Này, Anara, đây là niềm hạnh phúc. Quả táo này đã chờ con suốt mùa hè, nó ẩn náu để không ai nhận thấy nó. Thế mà con tìm được. Người nào ăn quả táo này, người ấy sẽ hạnh phúc vô cùng.

Ixabêkôp dùng mùi xoa lau quả táo và đưa cho con gái.

— Con ăn đi.

— Thế bao giờ thì ba kể chuyện về Rôbertinô?

— Chốc nữa, con cứ chơi trong vườn nữa đi.

— Ba ạ, ba biết đấy, con treo cây giỏi lắm nhé. Cây táo thì to, cao, cành thì mập và dễ treo. Còn mơ là thứ cây độc ác, nhiều cành nhỏ và lắm gai.

— Thế thì con cứ treo những cây hiền lành ấy, — Ixabêkôp bật cười.

— Ba ơi, thế ba đã có lần nào tìm được quả táo như thế chưa? — Anara bỗng hỏi.

Ixabêkôp thậm chí bối rối. Trước khi trả lời, anh im lặng một lát, rồi khẽ nói:

— Có. Con đi chơi một lúc nữa đi, để ba ngồi đây một lát.

Anara chạy vào vườn, tay cầm quả táo đỏ, còn anh nhớ đến một quả táo đỏ khác và sửng sốt về sự trùng hợp kì lạ, khó tin được. Anh cũng đã có lần tìm được quả táo đỏ như thế, gần như chính trong khu vườn

¹ Loại táo to và ngọt.

đường. Thăng Paplík khóc òa lên: «Sao chúng nó lại chạy cả thế?» Chúng tôi cũng không hiểu vì sao. Chúng tôi cũng bước ra đường và nhìn thấy cô Kapa chờ chúng tôi lúc trước. Cô ra lệnh cho một thằng em trai trông nom chúng tôi, nhưng không được trêu chọc chúng tôi. Cậu ta hứa như thế và cô dắt ngựa đi. Cậu em cô Kapa hỏi: «Các cậu là dân sơ tán phải không?»

Thế là chúng tôi bắt đầu chơi trên bãi cỏ.

Chiều tối hôm đó mẹ tôi ở Xô-viết xã về, nhà tôi có nhiều khách đến nỗi không còn chỗ ngồi. Mọi người mang cho bao nhiêu thứ: người thì cho ít muối đựng trong vỏ bao diêm, người thì cho ít củ cải giữ từ năm ngoái. Đến lúc một cô mang đến đặt trong bếp một chai sữa thì mẹ tôi khóc rưng rức không biết nói gì.

Mọi người đều yêu cầu chúng tôi kể cho họ biết chúng tôi là ai, từ đâu đến đây, có họ hàng gì không và những người ấy ở đâu, tôi và Paplík bao nhiêu tuổi và rất nhiều chuyện khác nữa. Ngay từ ngày đầu mọi người đã thương xuyên lui tới. Ai cũng thích đến nghe chuyện, còn mẹ tôi thì kể rất nhiều về cuộc bao vây Leningrát.

Thế là chúng tôi bắt đầu sống ở làng quê. Người ta kể cho chúng tôi rằng ngôi nhà chúng tôi được phân là ngôi nhà từ nhiều năm nay đóng danh khóa kín, rằng gia chủ đã rời làng từ thời tước đoạt tài sản phú nông. Trong nhà mọi vật còn nguyên không ai đụng đến, từ cái nồi gang đến cái lót tay. Chúng tôi bắt đầu hồi sức, mặc dù ở nông thôn từ lâu đã không còn bánh mì nữa. Mọi người sống bằng những thứ cám bã cũ sàng sảy lại, sảy khô, giã nhỏ hoặc xay bằng những cối quay tay. Một số nhà còn một ít khoai tây và củ cải từ năm ngoái. Mọi người đi kiếm thêm quả rừng, đi hái nấm, đi hái cây chút chút. Ai cũng nóng lòng chờ ngày có khoai tây mới. Không phải nhà nào cũng nuôi được bò. Một số người chung nhau hai ba hộ mới nuôi một con. Gần như toàn bộ sữa phải nộp cho nhà nước. Tôi không nhớ ai đã khuyên chúng tôi đem gieo đại mạch. Mẹ tôi cũng đã kịp thời cuộc vườn gieo đại mạch. Mẹ

tôi đem đổi một chiếc khăn vải lằng lầy một giỏ đại mạch giống. Chúng tôi sợ đại mạch không mọc hoặc không chín thì hóa công không. Nhưng chỉ sau một trận mưa nhỏ lúa đã mọc ngay. Mọc rất nhanh. Tôi và Paplík sáng nào ngủ dậy cũng chạy ra xem. Mầm cây lên to và đều, chẳng mấy chốc đã trở tua xanh. Mẹ tôi cũng vui với chúng tôi. Theo quyết định của Xô-viết xã, hợp tác xã tiêu thụ cấp cho mẹ con tôi hai phiếu ăn theo. Mỗi tháng chúng tôi được nhận trong cửa hàng sáu kilô bột. Dù không đủ ăn, nhưng tất cả các nông trang viên vẫn ghen tỵ với mẹ tôi vì họ không được như thế. Nông trang viên không có phiếu, chỉ có thấy giáo và các loại nhân viên khác mới có. Nhiều người chân đã phù nề, phải đi hái hoa cỏ ba lá, phơi khô giã nhỏ trộn vào khoai tây giã nướng lên, nhưng bột ấy nướng không thành bánh mà cứ rời rã, phải nhón tay bốc ăn. Ngựa nông trang bắt đầu mắc một loại bệnh gì đó ốm chết. Người ta vẫn lột da, mổ thịt và gấp thắm chia nhau. Một người già hoặc một em thiếu niên quay đầu lấy mũ che mặt, còn một người khác thì chỉ vào miếng thịt mà hỏi: «Miếng này cho ai?» Người quay mặt đi phải nói tên họ mình và kêu một tên hú họa, để không ai phản nản.

Mùa hè mẹ con tôi đi thu hoạch lanh. Đầu tiên còn cắt, về sau thì nhổ. Paplík ngồi trên bãi cỏ, tôi và mẹ tôi cùng nhổ với mấy bà nữa. Tôi nhanh chóng học được cách bó lanh. Trong hai tháng tôi và mẹ tôi làm được bốn mươi hai ngày công. Suốt một thời gian đội trưởng trong làng chính là cô Kapa, người chờ chúng tôi từ ga về đây. Cô ấy cho tôi một quyển sổ chấm công riêng và ghi vào đó tất cả những gì tôi đã làm được. Cô Kapa bảo: «Này cháu Tania, cháu xem được bao nhiêu ngày công rồi, cháu sắp bằng mẹ cháu rồi đây». Các em cô Kapa thường hay đến chơi, chúng tôi cùng đi tắm sông và đi nhặt hắc mai. Chúng tôi còn kết thân với một gia đình dòng họ Xmirnốp, nhưng người ta toàn gọi họ là Phêklukhin vì bà già Guxtia nhà họ có biệt danh là Phêklukha. Một hôm mẹ tôi sai tôi sang bà

này, đúng, chính ở đây, có điều ở phía bên kia vườn, nơi những cây táo từ trên gò chạy thẳng xuống cánh đồng...

* * *

Sau chiến tranh, anh ra thành phố học đại học nông nghiệp, còn bây giờ chính anh lại giảng bài cho sinh viên ở trường đó.

Vào một ngày thu cũng như thế này, buổi sáng, cả lớp anh đi trên con đường rải đá—hồi ấy nó vẫn chưa trải nhựa—về một nông trang ở gần thành phố bởi củ cải.

Họ làm việc cả ngày, khâu phần bánh mì đen đã ăn hết từ lâu, đến chiều, mệt và đói, họ trở về thành phố. Dọc đường, cả đoàn rẽ vào vườn của nông trang. Hoa lợi đã thu hoạch hết từ lâu, nhưng trong cỏ và trong những đồng lá có người vẫn may mắn tìm được mấy quả táo. Họ thân ái chia nhau cùng ăn và càng thêm hơn. Thế là mọi người tản ra đi lục lọi khắp vườn. Nhưng chẳng tìm được cái gì ra hồn và họ bắt đầu kéo ra đường.

Bây giờ Ixabêkôp nhớ lại, lúc ấy anh chạy trong vườn đuổi theo cho kịp các bạn, bỗng nhiên trong đám lá trước mặt anh thoáng hiện một vật gì rực rỡ. Anh dừng lại, nhưng không nhận rõ gì hết. Anh cho rằng mình hoa mắt thế thôi, nhưng chạy được mấy bước, anh quay trở lại. Anh đi vòng xung quanh cây táo non trồng giữa những cây già. Cái cây bé nhỏ đóm dáng ấy, không như những cây khác, còn giữ được lớp lá um tùm màu đồng cổ. Mặt trời rọi tia nắng khô khan nóng rực làm cho lá héo sạm màu trở nên óng ánh vàng. Đánh một que diêm là cây táo sẽ bốc cháy. Tuy thế anh đã nhìn thấy và ngạc nhiên thì thầm «Ồi chà!»

Một quả táo lớn, to chừng hai nắm tay đàn ông, đỏ thắm, có lẽ là quả duy nhất của cây non này, bị lá che lấp, trĩu xuống trên cái cành mỏng mảnh.

Mấy giây đồng hồ Ixabêkôp chỉ nhìn cái vật kì diệu ấy, rồi anh nhảy lên, vít thân cây xuống, nhón chân lên

và hái cái quả cầu đỏ nặng trĩu. Hương táo thơm nức bao bọc lấy anh, thậm chí anh choáng váng. Dưới lớp vỏ mỏng thắm hồng ánh lên lớp thịt quả đỏ rực như mặt trời, tươi mọng. Tự dưng thấy thèm cắn vào quả táo. Anh đã toan bẻ quả táo ra, song phút cuối cùng anh đổi ý.

Anh sẽ tặng quả táo cho nàng!

Sao lúc ấy anh lại nhớ đến nàng nhỉ? Tuyệt thật đây! Nhưng đây là vì anh luôn luôn nghĩ đến nàng, cô gái không quen biết ấy mà thậm chí tên nàng anh cũng chưa hay. Làm sao anh có thể không nhớ đến nàng được! Thế rồi, không nghĩ gì nữa, anh nhét luôn quả táo vào túi quần. Không thể nào nhét vừa. Anh bèn tháo chỉ lớp lót áo bludông, bỏ quả táo vào cái khe hẹp và chạy theo cho kịp anh em, Họ đứng trên đường đón ô tô đi nhờ. Ixabêkôp quyết định kể thật luôn với các bạn về cái vật hiếm mình vừa tìm được.

—Các bạn ạ, mình tìm được một quả táo, nhưng mình sẽ không cho ai cả. Mình sẽ tặng nó cho một người.

—Thế quả táo ấy đâu nào?

—Đây. Sờ xem.

—Ồi, tuyệt quá!

—Tặng cho một người nghĩa là thế nào? Cho ai?—Anh chàng Sêrơ cao kêu đến gần, vẻ khiêu khích.

—Cho ai thì can gì phải lôi thôi?—Ixabêkôp trả lời.

—Tìm được một quả táo nào đó, tưởng gì ghê gớm lắm,—Sêrơ cười một cách độ lượng, vỗ vai Ixabêkôp.—Này thôi, đừng có dứ nhau nữa, đưa ra đây.—Sêrơ phá lên cười vào mặt Ixabêkôp và túm lấy áo bludông của anh, nửa đùa nửa thật định lấy quả táo.

Ixabêkôp đánh mạnh vào tay anh ta. Sêrơ nhảy tránh sang bên.

Anh em đồng thanh cười rộ lên.

Liền đó có một chiếc camnhông đi tới, họ nhảy cả lên thùng xe.

đòi kéo. Tôi sang bảo: «Bác Phêklukha ời, bác cho mẹ cháu xin cái kéo». Bà đưa kéo, xoa đầu tôi mà bảo: «Cháu ngoan, cháu đừng gọi thế, cháu gọi là bác Guxtia hoặc cứ gọi là bà không cũng được».

Bà Guxtia sống một mình trong một nhà gỗ nhỏ. Đầu tiên bà có năm con trai, nhưng ba anh đã bị giết hại ngoài mặt trận. Còn hai anh kia cũng ra trận. Một anh có vợ rồi, chị ấy ở lại quê, tên là Maria, còn chúng tôi vẫn gọi chị là Mania. Chị Mania có ba con, một đứa con gái tên là Katia bằng tuổi tôi. Bà Guxtia dành một nửa thời gian đến ở nhà chị, mấy bà cháu thường xách giỏ đi hái hoa cỏ ba lá. Họ đến ngồi vào bãi cỏ mà hái, hái xong lên chặt vào giỏ rồi lại hái tiếp. Một hôm chủ tịch nông trang đi ngựa qua nhìn thấy liền lên tiếng phê bình, nhưng bà Guxtia mắng lại ngay. Cũng như nhiều nhà khác, nhà Xmirnốp gần như không còn gì ăn. Họ là những người đi bới khoai tây non sớm nhất, nhưng khoai này mới bằng cái cúc áo trắng bột. Một hôm Katia chạy đến chỗ chúng tôi mượn lại cái kéo. Mẹ tôi đi vắng, tôi lấy kéo cho Katia. Ba ngày sau Katia gọi tôi ra sau vườn thăm thi kể chuyện vì sao lại cần cái kéo ấy. Hóa ra ban đêm chúng đi với bà ra đồng lúa mì nông trang cắt trộm. Mỗi lần cắt được đến một sàng đầy. Bà Guxtia bí mật tuốt lấy hạt, sàng sảy, sấy khô rồi xay tay. Bà lấy bột nấu cháo rất ngon. Tất nhiên, như thế vẫn không đủ và bà vẫn phải bỏ thêm bột hoa ba lá đen ngòm.

Tôi vẫn nhớ ngày ấy lắm. Trước đó ít lâu em trai Katia bảo với các bạn ngoài đường rằng bà nó nấu «cháo mì». Một ngày sau chủ tịch nông trang lấy hai người làm chứng đi cùng là cổ giáo làng và anh phòng thuế, họ đột nhập vào nhà Xmirnốp. Họ tìm khá lâu trong nhà kho, phòng trên, phòng dưới. Họ định ra đi thì thằng em Katia lấy tay chỉ vào cái tủ áo: «Cái sàng trong này».

Họ mở tủ thấy cái sàng còn các bông thóc và cái kéo nhà tôi, liền lập biên bản buộc tội bà Guxtia và Katia, nhưng lúc đó cô Mania ở ngoài đồng về. Cô khóc

ầm lên. Người ta bảo rằng cô sợ cho Katia và nói rằng không phải Katia đi cắt mà chính là cô. Bà Guxtia quát mắng ầm cả làng. Tôi còn nhớ mẹ Katia, tức là cô Mania, nhiều lần bị gọi lên Xô-viết xã để thẩm vấn, sau đó bị gọi ra tòa án huyện rồi không được thả ra nữa. Cái kéo của mẹ tôi bị mang lên huyện làm chứng, thế là mất luôn. Bà Guxtia mang Katia và hai em nó về nhà mình. Cả bốn người sống với nhau hơn một năm cho đến khi cô Mania được mãn hạn tù.

Mùa hè năm đó đại mạch nhà tôi mọc đẹp, bà Guxtia giúp mẹ tôi thu hoạch bằng liềm. Bà bó thành lượm, chúng tôi hong khô trong nhà tắm hơi, sau đó chúng tôi trải một tấm lót ra bãi cỏ, lấy chầy gỗ đập rồi đem quạt sạch. Suốt mùa đông chúng tôi ăn cháo đại mạch. Mùa xuân năm sau mẹ tôi lấy bộ quần áo của cha tôi đổi lấy một bao khoai tây, và ngay mùa xuân đó đem trồng được bốn luống. Lúc đó đã là năm bốn mươi tư, và tôi vẫn còn nhớ mùa hè năm đó, mùa hè đầu tiên sau khi chúng tôi sơ tán.

Nông trang chúng tôi lúc đó có một đơn vị bộ đội nhỏ đến đóng. Các chú Hồng quân đi cắt cỏ về cho ngựa của đội pháo binh. Ở ngay làng tôi là ông thượng úy, nhưng ông không ở thường xuyên mà chỉ ở mỗi lần chừng hai tuần khi Hồng quân cắt cỏ. Chúng tôi thường chạy đến chỗ các chú, họ cũng ngủ tạm trong một ngôi nhà vô chủ. Chỉ có ông thượng úy là ở nhà riêng.

Một lần đi cùng Katia đến chỗ ông, chúng tôi nghe thấy trong gian nhà trong có nhiều tiếng ồn ào dữ dội. Cô chủ mang đến đó một âm xamôva vừa đun sôi. Tôi thấy hai thằng bé khỏe mạnh chạy ra cửa hàng mua rượu. Ông thượng úy thường công hai đứa bằng cách cho mỗi thằng nổ súng một phát, sau đó ông gọi tôi, dắt vào phòng ấy. Mẹ tôi đã ngồi bên bàn và đang hát bài «Tạm biệt thành phố thân yêu». Bài ấy trước đây cha tôi thường hát. Ông thượng úy cho tôi ngồi vào bàn, cho một miếng đường to, nhưng tôi òa lên khóc, vứt miếng đường xuống đất rồi chạy về nhà. Không

Ixabêkôp quyết định tặng quả táo lạ thường này cho cô gái không quen biết nọ. Anh thường gặp nàng ở thư viện thành phố. Có lẽ chính vì nàng mà hầu như ngày nào anh cũng cuộc bộ từ trường đại học nông nghiệp ở ngoại ô vào trung tâm thành phố. Ngồi trong phòng đọc, bằng cách nào không sao hiểu được, anh đoán không sai lúc nàng xuất hiện. Bao giờ anh cũng chờ mong nàng với một cảm giác khắc khoải đến nỗi đôi khi anh không hiểu mình đọc gì. Ixabêkôp ngồi ở cái bàn đối diện với cửa, và khi nàng xuất hiện ở ngưỡng cửa, anh rời khỏi cuốn sách và mắt họ gặp nhau một thoáng. Anh không dám nhìn nàng lâu. Dường như hiểu nỗi bối rối của anh, nàng thoáng mỉm cười và đi nhanh về chỗ chưa có người ngồi, để cái cặp trên bàn và đi lấy sách. Còn Ixabêkôp lại chờ nàng lấy sách xong, đi qua chỗ mình, dáng vẻ tự hào, ung dung, y phục bao giờ cũng chỉnh tề và đẹp.

Chắc nàng thông minh lắm và học vấn rất rộng. Ixabêkôp nghĩ như vậy với niềm khâm phục và vui sướng vì nàng là con người như thế, và anh hãnh diện về nàng.

Chỉ riêng sự có mặt của nàng trong phòng đọc cũng đủ khiến Ixabêkôp đau khổ và vui sướng. Anh thích từ phía bên ngấm nhìn khuôn mặt trông nghiêng với nước da bánh mật mịn màng, với mái tóc chải chuốt của nàng, nhìn đôi hàng mi hạ xuống với vẻ trầm tư, bàn tay mềm mại nhanh thoăn thoắt luôn luôn ghi chép cái gì vào vở. Cầu trời đừng có chàng trai nào nán lại gây lát cạnh nàng hay đừng có chuyện các chàng trai ném những mẩu giấy lên bàn nàng và nàng đọc những mẩu giấy đó. Những lúc ấy Ixabêkôp siết chặt nắm tay dưới bàn và sẵn sàng vung quả đấm xông vào họ. Nhưng lòng anh từng bừng và anh biết ơn nàng biết bao khi nàng xé những mẩu giấy trang tráo ấy, thậm chí không ngoảnh lại phía có tiếng thì thảo và tiếng cười khúc khích!

Ixabêkôp cho rằng ở đây chẳng có ai lọt vào mắt nàng, trừ có anh được nàng dành cho đôi chút cảm

tình. Anh hết lòng mong muốn như thế, anh mơ ước điều đó đến mức những nụ cười thoáng hiện khó nhận thấy và những cái gật đầu khe khẽ lững lờ được anh coi như thể hiện mỗi thiện cảm nhất định đối với anh. Nhưng làm quen với nàng thì Ixabêkôp không đủ can đảm. Anh cảm thấy nàng quá đẹp và quá trí thức, còn anh là một gã trai bình thường ở làng quê ra, một sinh viên mà ở thành phố có hàng trăm. Thêm nữa, Ixabêkôp xấu hổ về bộ dạng của mình. Anh mặc chiếc varơri và đi đôi ủng thừa hưởng của người anh cựu chiến binh, và anh mang cái xắc cọt đã chiến. Cả mùa đông anh cũng phải dùng chiếc áo khoác lính của người anh.

Nàng thường đến thư viện khá muộn và đôi khi ở lại đây đến khi phòng đọc đóng cửa. Khi nàng rời khỏi bàn đứng lên và đi trả sách, Ixabêkôp nhanh chóng thu dọn những đồ dùng lật vạt của mình, sách của thư viện thì anh đã trả từ trước để khỏi bị chậm, và anh ra đường. Anh sang phía bên kia đường, chờ nàng ra. Và với lối cách bức như vậy, đối theo nàng qua đầu những người qua lại trên đường, tưởng như anh tiễn nàng về đến nhà. Nàng ở một nơi không xa, cách thư viện hai khu phố, trong một ngôi nhà lớn màu xám.

Tiếp nàng xong, Ixabêkôp lê bước qua suốt thành phố về nhà tập thể của mình. Dọc đường anh rẽ vào công viên thành phố. Ở đây có sân khiêu vũ. Giá như có ai biết anh ghen như thế nào với các chàng trai nắm tay các cô gái một cách tự nhiên, ôm ngang lưng họ và quay tròn trong tiếng nhạc. Các chàng trai nói gì không rõ với các bạn gái của mình, còn các cô mỉm cười, vì thế càng đáng yêu hơn. Và trong lúc nhìn những cặp khiêu vũ như thế, Ixabêkôp chọn một cặp đẹp nhất mà anh cho là cặp si tình nhất và tưởng tượng chàng kia là anh, còn cô gái nọ là nàng. Cảm giác đó giống thật, thực đến nỗi chẳng những anh khiêu vũ với người yêu, mà thậm chí còn nói chuyện với nàng. Những cuộc nói chuyện trong tưởng tượng ấy đại loại như sau:

— Em biết đây, tôi đến thư viện chỉ là vì có em.

hiếu sao tôi thấy rất lo âu, buồn tủi. Tôi khóc suốt tôi ngồi đợi mẹ tôi. Mẹ tôi mãi khuya mới về khi tôi đã ngủ thiếp đi không cởi áo ngoài. Tôi tỉnh dậy nhưng nằm yên không động dậy, mẹ tôi đắp chăn cho tôi rồi sang phòng bên. Tôi nghe thấy cổng nhà động khẽ rồi có ai lên cầu thang vào phòng. Thằng Paplík vẫn ngủ ở phòng xép bên cạnh. Tôi không ngủ được, không hiểu sao tôi thấy bồn chồn, đau đớn. Không chịu được, tôi bật dậy chạy vào phòng. Trong phòng đầy mùi thuốc lá. Ông thượng úy đang nằm trên giường mẹ tôi hút thuốc. Tôi không nhớ có chuyện gì xảy ra với tôi. Tôi chỉ nhớ đó là lần đầu trong đời mẹ tôi dắt tôi ra hành lang mà đánh. Tôi nức nở chạy khỏi nhà và chui vào nằm trong một nhà kho đầy cỏ khô. Tôi quyết định đem thằng Paplík trốn đi, bỏ mặc mẹ tôi. Suốt đêm mọi người tìm tôi khắp làng và cả ngày hôm sau nữa, nhưng tôi vẫn nằm nghe ngóng không ra. Tôi nhớ cha tôi và căm ghét cái ông thượng úy. Tôi định đánh bài liêu với ông ấy. Buổi tối bà Guxtia tìm thấy tôi. Bà đem tôi về nhà bà, an ủi tôi, cho tôi ăn và cho tôi ngủ. Nhưng tôi nhớ rõ rằng từ đó trong lòng tôi có một cái gì đó đã thay đổi, một nỗi đau buồn căm trong tim tôi như chiếc dằm ngấm không rút được. Tôi biết rằng cho tới bây giờ tôi vẫn không tha thứ cho mẹ tôi vì cái chuyện mùa hè kinh khủng ấy. Còn cha tôi thì vẫn biệt vô âm tín.

Đến ngày Chiến thắng tôi học gần xong lớp ba.

Mọi người đều nghĩ rằng bây giờ chiến tranh kết thúc, cuộc sống sẽ ổn định ngay, nhưng năm bốn mươi sáu lại bắt đầu một nạn đói còn ác liệt hơn hồi chiến tranh. Tôi học lớp sáu trường cấp hai khi mẹ tôi bị cảm lạnh phát ốm. Trường tôi cách làng mười kilômét. Chúng tôi phải ở luôn trường và chỉ về nhà vào chủ nhật. Ăn uống thì gần như chỉ toàn khoai tây, một số người đến khoai cũng không đủ ăn, tuy thế vẫn không bao giờ có tình trạng trộm cắp. Trong lớp, tôi nhiều tuổi nhất và cao lớn hơn cả, điều đó làm tôi lúc nào cũng ngượng vì tuổi tôi lẽ ra đã phải học lớp tám. Một

hôm cô giáo vào lớp và bảo: «Tania, tôi cho em nghỉ tiết thứ hai. Mẹ em đang đợi em ở phòng y tế».

Tôi đến phòng y tế ở một ngôi nhà khác, tôi thấy cô y sĩ cởi áo mẹ tôi ra khám. Mẹ tôi đang sốt cao. Mọi người lập tức mặc lại áo cho mẹ tôi rồi khiêng ra ngoài, đưa lên xe, kéo chăn đắp kín. Mẹ tôi chỉ kịp xoa đầu tôi bảo: «Cố học con nhé Tania, gắng làm thay mẹ mọi việc trong nhà». Cô Mania đưa mẹ tôi đi viện cách trường tôi hai chục kilômét. Tôi đi theo mọi người một quãng, mẹ tôi vẫn trùm kín chăn. Cô Mania đuổi tôi về trường: «Tania, cháu về học đi, trời lạnh lắm, thầy chưa!» Tôi bật khóc, không chịu xuống xe, còn mẹ tôi vẫn không biết tôi khóc.

Mẹ tôi chỉ nằm viện chừng mười hôm thì mất. Tôi được biết tin đó trong giờ thực vật. Tôi chạy ù ra ngoài...

Thế là tôi và thằng Paplík mồ côi cả cha lẫn mẹ. Paplík được cô Mania đem về nhà trông nom, còn tôi chưa học hết lớp sáu. Người ta quyết định đưa chúng tôi vào nhà trẻ mồ côi, nhưng cô Mania xin Xô-viết xã dừng chuyện Paplík đi với. Vì thế nó được ở lại làng một thời gian, còn tôi thì hề đó đi luôn.

Người đưa tôi đi nhà trẻ mồ côi là một cô ở ủy ban huyện, cô giao tôi cho thầy hiệu trưởng rồi hai bên cùng ký tên. Thầy hiệu trưởng nói chuyện với tôi một lát rồi bảo một bà đưa tôi đi làm vệ sinh thân thể. Tôi chưa hề biết thế là thế nào. Người đàn bà dữ tợn ấy lôi tay tôi dẫn vào nhà tắm bắt tôi cởi hết quần áo. Tôi ngượng không dám cởi trước mặt bà thì bà quát ngay: «Nào, công chúa, còn ngó nghiêng gì nữa! Cởi ngay ra đi rồi còn cắt tóc». Bà sẵn sò cầm kéo sắp tới. Tôi có hai bím tóc dài nên hoảng quá chạy ra cửa. Cửa khóa chặt, tôi òa lên khóc. Bà cắt nghiêng hai bím tóc tôi, còn tôi thì chẳng còn nhớ bà tắm rửa nước lạnh cho tôi và mặc quần áo nhà trẻ cho tôi thế nào nữa...

Trong phòng tôi có mười tám đứa con gái. Nhiều đứa lớn tuổi hơn tôi, có mấy đứa hút thuốc lá và chửi tục. Tôi tưởng đến phát điên mất. Tôi không biết làm

sao tôi sông qua được hai tháng ấy. Chúng tôi ăn uống không có gì. Bọn con trai sông ở nhà bên cứ đến tôi là ngó sang cửa sổ chúng tôi. Chúng ăn nói bậy bạ và hát những câu nhõ nhăng. Khổ hơn nữa là gần như ngay từ đầu tôi đã lây ghê, tôi không biết làm thế nào vì ngưng không dám nói ra, lúc nào cũng thấy khổ sở, nhất là về đêm. Tôi lại là đứa cao lớn nhất phòng, chúng nó đặt cho tôi một biệt hiệu rất xấu. Tôi khóc luôn và hay nhớ đến làng cũ, nhớ thằng Paplík, cô Mania và bà Guxtia.

Một hôm một cô bé bị mất một chiếc gương tròn nhỏ. Có người đổ cho tôi lây. Cả phòng xô vào tôi... Tôi dằng ra chạy vào nhà vệ sinh, đến tôi ăn cơm xong tôi quyết định trốn đi. Tôi vẫn thuộc đường lên huyện... Sau khi đánh keng rồi, cả phòng vẫn còn thức lâu, tranh cãi ồn ào. Cô giáo đến, chúng nó im re. Cô đi rồi lại ồn như cũ, đứa hát, đứa khóc om sòm. Cuối cùng rồi cũng ngủ im. Tôi lấy trong tủ đầu giường cái áo cánh của mẹ tôi, rồi lặng lẽ ra hành lang. Ban đêm cửa ngoài khóa chặt. Lúc này cô giáo trực nhật chắc cũng đã ngủ trong phòng chính trị hoặc là đi đâu mất. Tôi nhẹ nhàng ra cửa sổ cuối hành lang. Cửa thông gió khá lớn nhưng ở trên cao. Tôi lại nhẹ nhàng vào nhà vệ sinh, tôi nhớ rằng một tấm gỗ trong đó bị bong ra nên có một khe hở ra phở. Tôi lay mãi cho bung ra một thanh nữa. Đúng lúc đó tôi nghe tiếng một cô bé chạy vào nhà vệ sinh, tôi liền giả vờ đang đi... Đó là một cô bé phòng bên mơ ngủ. Cô bé chạy đi, tôi lại tiếp tục lay. Tháo xong tôi chui ra được dù áo bị rách một miếng lớn.

Đạo ấy đang vào những đêm trăng sáng trời. Tôi cầm đầu cầm cổ chạy ra hàng rào tre qua, thậm chí không thấy đầu gối toạc máu. Không có ai đi gọi tôi cả. Tôi chạy đến hai kilômét trên đường. Con đường này trước đây tôi đã đi ngựa cùng cô Kapa, mẹ tôi và em Paplík.

Trời đã sáng, gà các làng bên gáy ran, nhiều người

đi cho bò ra đồng. Tôi ngồi xuống cạnh một sân phơi bên đường ngủ thiếp đi dưới ánh mặt trời ấm nóng.

Tôi bừng tỉnh vì tiếng ngựa phì phì, tôi đứng bật dậy. Một chú đánh xe ngựa tiến về phía tôi, nhìn thấy tôi liền hỏi: «Cô này ngồi đây làm gì? Nếu đi cùng đường thì lên xe». Tôi bảo rằng tôi vừa lên huyện xin giấy, bây giờ về nhà. Chú lắc đầu thương hại quất ngựa cho tôi cùng đi.

Chiều tối chúng tôi về đến làng cũ. Chú còn phải đi nữa, nhưng dừng lại cho ngựa ăn uống ở mé sông rồi mới đi, còn tôi thì lần qua các vườn rau về nhà bà Guxtia. Nhà bà đã khóa trái, chẳng có ai cả. Đầu tiên tôi sợ quá, tim đập mạnh đến nghẹt thở. Sau tôi đoán là bà Guxtia về sông với cô Mania. Tôi liền đến nhà cô.

Bà Guxtia đang cưa củi cùng với Paplík. Thấy tôi bà kêu ôi lên, ôm chặt lấy tôi, hai bà cháu không ai nói được một lời. Bà nhìn tôi từ đầu đến chân rồi khóc: «Ôi, Tania, cháu tôi... Thế đây, cháu yêu của tôi...»

Tôi khóc nức lên, còn Paplík thì cứ nhìn chúng tôi, thế rồi hai cánh mũi nó cũng phập phồng. Tôi liền ôm lấy nó. Nó gầy yếu quá. Tôi thấy rõ từng cái xương một...

Ngày hôm sau tôi đi cắt cỏ cùng cô Mania. Suốt tuần tôi cứ như người mất hồn vì sợ bị tông về nhà trẻ mồ côi. Nhưng cô Mania không đuổi tôi, còn bà Guxtia thì khỏi phải nói. Trong có nửa tháng tôi làm được hai năm ngày công.

Một hôm tôi ở ngoài đồng về bỗng nghe thấy trong nhà có người nói chuyện. Tim tôi thất lại. Cửa vẫn mở. Tôi áp tai nghe thấy tiếng ông chủ tịch Xô-viết xã. Hóa ra là nhà trẻ mồ côi và ban bảo hiểm xã hội huyện ra lệnh đưa tôi về nhà trẻ cũ, còn Paplík thì đưa vào nhà trẻ mới. Tôi trốn tít vào góc nhà kho không ra, ông chủ tịch phải về. Cả cô Mania, cả bà Guxtia, không ai nói với tôi một lời nào khi tôi về nhà lúc tối. Sáng sau tôi lại đi đánh đồng cỏ. Người ta gọi tôi lên Xô-viết xã nhưng tôi không đi. Ông chủ tịch lại đến bảo sẽ đưa tôi đi. Nhưng đến mùa thu tôi đã làm được sáu mươi

— Vâng, em biết. Em biết anh lần nào cũng chờ em.

— Tôi nghĩ về em suốt ngày: cả trong giờ lên lớp nghe giảng, cả trong nhà ăn, cả ở nhà tập thể. Tôi ngồi trong rạp chiếu phim và không nhìn thấy những gì diễn ra trên màn ảnh. Nếu em biết tôi sung sướng biết bao khi nghĩ về em.

— Là thật, thỉnh thoảng em cũng nghĩ về anh. Nhưng tại sao anh chẳng bao giờ đến chỗ em, nói chuyện với em?

— Cứ như thế tôi cũng đủ sung sướng rồi. Nếu em ngồi trong thư viện đến rạng sáng, tôi cũng sẽ ngồi lại chỉ để nhìn em mà thôi.

— Thế nếu các chàng trẻ tuổi đi tiễn em thì sao?

— Tôi sẽ không cho phép. Và em sẽ không cho phép, vì tôi yêu em kia mà.

— Làm sao anh biết rằng em sẽ không cho phép?

— Em không phải là người như thế!

— Nhưng anh có biết gì về em đâu, vậy thì làm sao anh có thể đoán định được?

— Tôi rất tin em. Tôi biết em. Tôi biết mùi tóc em, tôi biết em cười thế nào tuy tôi chưa bao giờ nghe thấy tiếng em. Tôi tin ở đôi mắt em, em là cô gái tốt bụng, đứng đắn, xinh đẹp nhất và thông minh nhất đời.

— Ôi, anh nói quá lời. Tất cả những điều đó là thật ư?

— Thật.

Tối hôm ấy, về nhà tập thể, Ixabêkôp cất quả táo vào cái tủ con đầu giường và việc đầu tiên là anh chạy đi tắm tấp, đánh sạch đôi ủng—cần sửa sang lại bộ dạng cho tươm tất để chạy đến thư viện. Nhưng nhìn đồng hồ ở hành lang, anh hiểu rằng đã muộn rồi.

Trong buồng mọi người đã ngủ từ lâu mà anh vẫn trần trối mãi trong bóng tối, cô tưởng tượng ngày mai anh sẽ tặng nàng quả táo đỏ như thế nào. Anh nhìn thấy vẻ ngạc nhiên và vui sướng của nàng: quả táo to như thế, màu sắc như thế, thơm như thế, vào cỡ này có lẽ lòng khắp thế gian không ra. Nhất định anh sẽ kể

tỉ mỉ từng li từng tí với nàng về phát hiện của mình, về cây táo non trong khu vườn già cỗi giữa mùa thu, về chuyện cây táo ấy là cái cây đom đàng nhất, lá màu đồng cổ, toàn thân óng ánh một màu vàng sẫm trong ánh nắng chiều tà.

Anh sẽ còn bộc lộ với nàng những mơ ước của mình và thú nhận rằng lần nào anh cũng đưa tiền nàng về nhà như thế nào, anh nhảy với nàng ở sân khiêu vũ và chuyện trò với nàng ra sao. Chắc nàng sẽ cười và nói: «Anh kỳ quặc thật!» Nhưng cái cách nàng nói mấy tiếng đó, giọng điệu của nàng khiến anh cảm thấy không có vẻ gì là chê giễu, mà đầy trêu mến. Rồi hai người chắc là sẽ đi xem phim, và anh sẽ ngồi cạnh nàng, cảm thấy sự gần gũi của nàng, và dĩ nhiên anh chẳng nhìn thấy gì trên màn ảnh, mà anh cũng chẳng cần đến bộ phim kia. Nhưng giả như có bộ comlê lịch sự và đôi giày, chứ ngồi cạnh nàng mà đi ủng thì «tắm» quá. Nhưng nàng là cô gái thông minh thì sẽ không chấp nhận chuyện đó.

Với những ý nghĩ như vậy, Ixabêkôp ngủ thiếp đi. Nhưng ban đêm anh chồm dậy khỏi giường. Anh mơ thấy gã Sêrơ trắng trẻo đang chén quả táo đỏ của anh. Nửa thức nửa ngủ, Ixabêkôp đâm bỏ đến chỗ Sêrơ, nhưng anh chàng vẫn ngáy khò khò, các bạn khác cũng ngủ. Thế nhưng Ixabêkôp mở cái tủ con đầu giường, sờ nắn quả táo trong bóng tối và chỉ khi đó mới yên tâm. «Mi coi chừng đấy!»—anh thì thầm với quả táo.

Buổi sáng, khi mở những cửa sổ thông hơi, các bạn hếch mũi đánh hơi một cách thêm thưởng:

— Cậu có quả táo tuyệt quá, Ixabêkôp ạ. Thơm lạ lùng! Cậu đem đến bệnh viện cho ai thì đem mau mau đi, không thì chưa biết chừng Sêrơ xức mất đấy.

— Tớ đã muốn chén từ hôm qua kia,—Sêrơ can ngăn.—Chính các cậu không ủng hộ mà.

— Cứ thử xem!—Ixabêkôp khe khẽ hăm dọa anh ta.

Rồi tất cả bọn họ kéo nhau lên lớp. Ôi, những bài giảng mới lê thê làm sao!

ngày công. Ông chủ tịch nông trang đưa tôi lên bằng vàng chiến sĩ xung kích. Thế là chúng tôi được ở lại nhà cô Mania, không bị gửi đi nhà trẻ nữa. Một hôm cô Mania gọi tôi vào buồng trong mở tủ ra bảo: «Tania, cháu xem đây, tất cả còn nguyên, không suy suyền mấy may nhé». Rồi cô bày ra bàn một bộ lễ phục phụ nữ, ba chiếc áo dài của mẹ tôi, chiếc mũ lông tuần lộc của bố tôi, một bao tay lông của phụ nữ. Đó là tất cả những gì còn lại dành cho tôi và Paplík, những thứ khác trước đây chúng tôi đã đem đổi để sống.

Tôi lấy bộ lễ phục bằng len của mẹ tôi đem biếu cô Mania, nhưng cô từ chối. Tôi nài nỉ mãi khiến cô phát khóc. Cô quyết không lấy gì cả. Nhưng rồi chúng tôi cũng thỏa thuận được rằng bộ lễ phục tôi sẽ giữ lại, nhưng cô sẽ nhận cho tôi chiếc áo dài xám cũng bằng len. Cô bảo: «Tania, cháu phải nhớ rằng rồi cháu còn đi lấy chồng. Những thứ này cháu sẽ cần đấy».

Tuy vậy tôi thấy cô rất hài lòng và hạnh phúc. Chúng tôi bắt cô mặc thử. Bao tay và mũ lông chúng tôi bán đi mua cho Paplík được một bộ quần áo. Số tiền còn lại cô Mania đi đặt cho nó một đôi giày da, mua cho tôi một đôi ủng, thế là tôi đã có đầy đủ mọi thứ, chỉ thiếu áo bành tô nữa thôi. Mùa đông tôi mặc áo bông chân của cô Mania, cũng năm đó tôi học xong lớp bảy.

Suốt đời tôi không bao giờ quên những con người ấy, không bao giờ quên cô Mania và bà Guxtia.

Năm bốn mươi chín tôi mười bảy tuổi. Em Paplík cũng đã lớn và lên lớp bốn. Ấy thế mà tôi chưa bao giờ đi dự hội làng. Lúc đó ở các làng còn rất nhiều thanh niên, mặc dù từ lâu trai gái nhiều người đã chuyển đến sống ở công trường khai thác gỗ.

Một hôm chúng tôi ngồi uống trà quanh âm xamôva, cô Mania rót cho tôi một chén rồi nói: «Cháu Tania này, cháu Tania này, cháu uống đi cho ấm rồi ra nhà thờ. Nhớ mặc áo dài rồi hãy đi. Có gì mà phải đỏ

mặt hả cháu? Đến tuổi cháu là phải đi chơi ra trò ấy chứ».

Tôi không biết nhìn đi đâu nữa, còn cô thì cứ như cô ý nói: «Chẳng có gì phải sợ cháu ạ. Cháu là một cô gái cực kỳ đấy».

Hội vui hàng năm được tổ chức trước nhà thờ cổ vào mùa hè. Địa điểm này rất đẹp, có hồ có núi. Trai gái cứ đi dọc đường vừa múa vừa hát. Tôi đã nhiều lần đứng xa nhìn cảnh một chàng trai đầu tiên giả vờ đùa cợt khoác tay một cô gái, ấy thế mà rồi họ cứ thế đi mãi đến những chỗ vắng trong rừng thông. Tôi cứ nghĩ rằng tôi sẽ chẳng bao giờ được như thế vì tôi xấu xí nhất hạng...

Cô Mania thậm chí phải túm tay áo tôi lôi vào buồng trong cô mở tủ lấy áo dài của mẹ tôi và đôi ủng mới: «Cởi cái bộ đồ nhà trẻ này ra! — Chả là tôi vẫn mặc chiếc áo dài nhà trẻ cũ. — Tí nữa cô Kapa qua đây sẽ cho cháu đi!» Rồi cô gọi âm sang phía cửa sổ nhà cô Kapa, cái cô đã chở chúng tôi từ ga về hồi trước. Cô Kapa ghé qua đưa tôi đi theo. Cô nắm tay tôi kéo từ bậc tam cấp xuống. Tôi đi cùng cô về phía nhà thờ, đằng ấy đã thấy tiếng đàn gió sôi nổi...

Tôi không bao giờ nghĩ rằng tôi được hạnh phúc như thế, rằng mọi nỗi đau khổ của tôi rồi sẽ qua đi. Mùa hè năm đó tôi học nhảy, học hát những làn điệu địa phương, đến mùa thu tôi không bỏ qua một dịp hội hè nào. Ở làng bên có một chàng trai tên là Kôxtia, họ là Dôrin. Anh chàng cũng chẳng đẹp trai lắm và cũng chẳng có gì đặc biệt, chỉ bình thường như mọi người khác. Nhưng một lần tôi đi cùng xe ngựa với anh đi chở kiệu mạch. Tôi đưa từng bó lên cho anh xếp. Loại bó này ngắn và dầy, phải khéo mới xếp được, nếu không trên đường về sân kho sẽ tụt đổ hết. Một lần chúng tôi xếp một xe dầy chặt phải lấy thừng buộc. Kôxtia dắt ngựa, còn tôi trèo lên nóc ngồi. Xe bắt đầu đi. Đường gồ ghề, xe xóc lên xóc xuống. Bỗng nhiên tôi cảm thấy giầy buộc chùng lại. Những bó lúa đã trượt rớt xuống đường. Ngựa đã dừng lại mà lúa vẫn trượt

xuông. Tôi giữ góc này chúng đổ góc khác. Tôi thấy ngộ quá cười lên như điên. Chả mấy chốc cả xe lúa đổ hết. Kôxtia đứng giữa đường hoảng hốt không biết làm gì. Mặt anh lo lắng sợ hãi hết như chú Paplík nhà tôi, mặc dù anh nhiều tuổi hơn tôi và tôi sợ anh. Tôi vẫn còn nhớ đôi mắt lo âu của anh đến mức nhớ suốt đời được. Tôi thôi cười và chúng tôi lại xếp lúa lên. Chuyện đó tựa hồ như chẳng có gì cả. Nhưng từ hôm đó tôi bắt đầu nghĩ luôn đến anh. Tôi biết rằng anh không bao giờ đi chơi với ai nên cứ chờ anh đến rủ đi chơi. Một hôm anh đến và trước mặt mọi người, nắm lấy tay tôi. Đầu tiên chúng tôi chẳng biết nói gì với nhau. Anh rụt rè, lịch sự quá đến nỗi không lần nào dám hôn, mặc dù lần nào anh cũng tiến tôi về làng. Chẳng bao lâu sau anh được gọi vào quân đội. Tôi hứa chờ anh và khi anh về là cưới nhau ngay.

Nhưng hạnh phúc chẳng đến với tôi và Kôxtia. Sô phận đẩy chúng tôi mỗi người mỗi ngã...

Mùa đông Xô-viết xã nhận được chỉ thị cử hai người vào trường trung cấp học nghề. Khi biết rằng tôi được chọn đi, tôi mừng quá, lúc đó tôi đang mơ ước đời sống thị thành. Tôi muốn học tiếp. Còn chuyện tôi với Kôxtia rồi sẽ ra sao? Lúc ấy tôi chưa nghĩ được về đời sống một cách nghiêm chỉnh. Tôi đi học nghề và anh về đưa tiễn tôi. Chúng tôi hẹn sẽ viết thư nhiều cho nhau. Thế là chấm dứt cuộc đời nông thôn và tôi cũng đã hoàn toàn trưởng thành. Lúc đó cuộc sống xung quanh đôi với tôi hết sức thú vị.

Tôi không muốn phàn nàn gì cuộc đời tôi, mặc dù đôi lúc cũng gặp nhiều khó khăn lắm. Cuộc đời tôi thật đủ mùi sương khổ, tôi không biết sương nhiều hơn hay khổ nhiều hơn. Nhưng trong cuộc đời cái sương được nhớ đến nhiều.

Tôi đã quen với trường học nghề. Tôi học khá đều các môn. Thực ra ở đây cũng không đủ ăn, nhưng còn hơn chán vạ nhà trẻ. Ngoài bộ quần áo lao động, mỗi đứa chúng tôi còn được một bộ len đẹp. Tôi vào nhóm seo giấy, chúng tôi học máy seo và công nghệ làm giấy.

Mỗi tuần một lần chúng tôi được xếp hàng đi xem phim. Đôi khi sau tan tầm chúng tôi tự động vào vườn cây thành phố xem thanh niên nhảy múa. Năm thứ hai trong trường người ta thường tổ chức dạ hội và tôi quen một chàng trai. Tôi sẽ không nói họ của chàng ra làm gì. Ai cũng gọi anh là Xasa, anh làm ở nhà máy liên hợp. Một hôm tôi và một cô bạn vào nhảy trong vườn cây. Anh bạn cùng trường Tôlia tiễn chúng tôi về. (Tôi quên không nói rằng chúng tôi chơi với Tôlia đã lâu, hứa hẹn với anh sẽ cùng nhau đi công tác một nơi theo phân công nhà trường.) Tôlia cao lớn, vai rộng nhưng hơi nhút nhát, mặc dầu vẫn sinh hoạt nhóm quyền Anh.

Chúng tôi đi với anh trên con đường mờ tối và tôi thấy Xasa dừng lại giữa đường với một người bạn. Hai người chờ chúng tôi. Lúc chúng tôi định rẽ, tôi thấy có người đứng vào bên sườn tôi, tôi nói: «Ta đi thẳng đi, anh Tôlia!» Chúng tôi bước lên thì họ chặn đường và anh bạn của Xasa nói: «Xin anh ra đây cho tôi hỏi một câu!» Xasa đứng lại với tôi, còn hai người kia kéo nhau ra sau bụi cây đánh nhau. Xasa khoác tay tôi kéo đi. Với Xasa tôi gặp mỗi tuần một lần, còn Tôlia thì ngày nào cũng gặp, nhưng Tôlia không biết tôi vẫn gặp gỡ Xasa. Tôi thích cả hai người mỗi người một vẻ. Tôi rất yêu Tôlia... Nhưng với Xasa bao giờ tôi cũng thấy sợ hãi đến mức quên cả bản thân mình. Anh không thương mình, không thương tôi. Một hôm anh mời tôi về nhà dự sinh nhật. Tôi đến và thấy trong nhà không có ai cả, chỉ có một bà già điếc đặc. Anh lấy trong tủ ra một chai rượu vang nhẹ, cắt bánh mì và bày một món gì đó nữa bây giờ tôi không nhớ được. Tôi chưa uống rượu vang một lần nào trong đời, nhưng anh cứ ép đến nỗi tôi uống liền hai ly khiến mọi vật tựa hồ khác lạ hẳn đi. Anh là người rất mạnh dạn. Đầu óc tôi quay cuồng vì rượu vang và vì một điều gì khác nữa. Anh ôm hôn tôi, còn tôi thì không nhớ những gì xảy ra tiếp theo. Sau đó tôi cảm thấy kinh tởm. Tôi khóc âm lên bỏ chạy. Nhưng một tuần sau

Thế rồi sau giờ ra chơi, Ixabêkôp bỗng phát hiện ra rằng Sêrơ không có trong giảng đường. Anh phát sốt lên. Anh bật dậy, làm ngắt quãng bài giảng của giáo sư động vật học, nói:

— Xin lỗi giáo sư, tôi có việc cần cấp phải đi ngay.

— Chuyện gì thế, anh bạn trẻ?— giáo sư ngạc nhiên.

— Tôi không thể nói rõ được, nhưng tôi cầu xin giáo sư, khẩn khoản xin giáo sư cho phép tôi rời khỏi đây...

Hai tay siết chặt thành nắm đấm, Ixabêkôp chạy như bay từ tòa nhà học đến nhà tập thể. Không có Sêrơ trong buồng. Ixabêkôp nhảy bổ đến chiếc tủ con ở đầu giường: quả táo vẫn còn đây. Ixabêkôp vừa vui vừa xấu hổ. Vậy là Sêrơ chỉ lĩnh giờ động vật học. Thở hổn hển do chạy nhanh và xúc động, Ixabêkôp ngồi trên giường, thì thầm: «Thứ lỗi cho mình, thứ lỗi cho mình, Sêrơ! Mình sẽ không bao giờ nghĩ xấu về cậu như thế nữa!»

Buổi tối, cặp dưới nách quả táo bọc giấy báo, cuối cùng Ixabêkôp đi đến thư viện. Anh đến sớm hơn thường lệ, và vẫn như mọi bận, anh chiếm cái chỗ đối diện với cửa ra vào, bày sách vở lên bàn và chờ đợi. Vẫn như mọi khi, người ta ngồi xung quanh, lúi húi trên những cuốn sách, thì thầm với nhau, đi hút thuốc và quay trở lại. Ixabêkôp nhìn tất cả những cái đó như trong giấc mơ. Anh chờ đợi. Quả táo đỏ bọc giấy báo nằm trên đùi anh, dưới bàn, vì vậy anh không dám động dấy. Một tiếng rưỡi trôi qua, bên ngoài trời đã tối. Nàng không đến. Hai tiếng nữa trôi qua, bên ngoài trời đã tối. Nàng không đến. Hai tiếng nữa trôi qua—vẫn không! Ba tiếng nữa—không! Ixabêkôp vẫn đợi. Nàng không đến.

Hôm sau, anh lại lên lớp nghe giảng, lại chờ đến chiều tối và lại mang theo quả táo đi trong thành phố. Và lòng càng nôn nóng khổ sở hơn trước, anh lại chờ nàng ở thư viện. Khi nàng xuất hiện ở cửa, Ixabêkôp cảm thấy choáng tai vì tiếng tim đập của chính mình.

Vẫn như mọi lần, nàng thoáng mỉm cười, hình như khẽ gật đầu với anh, và lúc đi qua hình như nàng chạm tay vào anh, nàng chọn một chỗ cách anh một chiếc bàn và đi lấy sách.

Ngồi ở chỗ của mình, Ixabêkôp vui sướng đến ngây ngất vì xao xuyến trong lòng và tay run run giữa quả táo đỏ thân thiết của mình ở dưới găm bàn.

Rồi nàng trở lại, mang theo sách và bắt đầu ghi chép vào vở, vẫn như mọi khi không nhìn ai và chẳng để ý đến chuyện gì.

Ixabêkôp vẫn đợi. Thời gian lại kéo dài lê thê đến một người, và anh lại sợ hãi và vui sướng khi nghĩ rằng hôm nay dù sao mơ ước của anh cũng sẽ thành sự thật. Chốc chốc anh lại liếc ngang nhìn khuôn mặt trông nghiêng với làn da bánh mật mịn màng, với mái tóc chải chuốt cẩn thận của nàng, nhìn đôi hàng mi cụp xuống đầy vẻ tư lự và bàn tay mềm mại đưa nhanh, và anh hình dung thấy nàng sẽ mỉm cười nói: «Anh kỳ quá đi!» Thế là anh ghen thờ vì hạnh phúc chưa từng thấy. Đúng, anh sẽ kể hết với nàng về chuyện anh đã định ăn quả táo thì chợt nhớ đến nàng, mà anh nhớ đến nàng là vì luôn luôn nghĩ đến nàng, vì bao giờ cũng thế, hễ anh gặp trong đời một cái gì tốt lành, đẹp đẽ, anh đều muốn có nàng ở bên cạnh, muốn nàng nhìn thấy, cảm thấy và vui sướng cùng với anh, vì chỉ với nàng anh mới cảm thấy sự trọn vẹn của cái đẹp.

Ngoài đường, đèn đêm đã bật sáng, người đọc đã tản ra về mà nàng vẫn còn ngồi. Ixabêkôp chờ đợi. Rồi khi nàng bắt đầu sửa soạn, anh nhét vội mấy tờ ghi tóm tắt vào xác cốt và vội lấy quả táo bọc giấy báo và ra đường. Anh không đi sang phía bên kia, anh dừng lại bên lối ra, không đủ sức kìm nén trái tim rộn ràng của mình. Miệng khô hằn đi, khát nước. Nhưng đây rồi, rốt cuộc gót giày của nàng đã lộ cộp trên các bậc đá, nàng xuất hiện trong ánh sáng nhợt nhạt của cây đèn đường, xinh đẹp, nhẹ nhàng trong chiếc măngtô ngắn. Ôm ghi quả táo vào ngực, Ixabêkôp ép buộc

mình bước một bước về phía nàng. Nàng lẳng lẳng đi qua.

— Cô bạn ơi! — Ixabêkôp gọi, giọng ngập ngừng.

— Dạ, — nàng dừng bước và quay lại. — Anh muốn nói gì với tôi ư?

Bắt đầu một lúc ngừng lẳng ngượng ngập.

— Tôi mang đến tặng cô... quả táo, — Ixabêkôp gắng gượng thốt lên.

— Quả táo ư? Quái lạ chưa! Chẳng lẽ anh nghĩ rằng tôi chưa bao giờ ăn táo ư?

— Không, cô hiểu cho, tôi đã tìm được nó...

— Thế thì sao nào? Tôi không hiểu anh cần gì ở tôi? — Nàng thốt lên một cách cau kính và rảo bước bỏ đi, không ngoái lại.

Nàng bỏ đi, không thềm đoái hoài đến quả táo đỏ của mình.

Còn Ixabêkôp bàng hoàng nhìn theo nàng, hai tay vẫn giữ báu vật của mình, không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Thế giới kì diệu mà anh tạo nên xung quanh quả táo đỏ bỗng đổ vỡ tan tành.

Ixabêkôp ừ ừ lẻ bước trở về nhà. Đột nhiên anh vung tay ra sức ném quả táo vào bóng đêm. Nó va đánh bịch một tiếng vào tường ở chỗ nào không rõ.

Anh đi như người say rượu qua các đường phố vắng tanh, đi ngay giữa lòng đường. Thảng hoặc có chiếc ô-tô chạy qua e dè tránh né anh.

Sau này anh đã quen biết nhiều cô gái, nhưng không một cô nào khiến anh có ý muốn đem quả táo đỏ đến tặng. Mà họ cũng chẳng muốn điều đó...

Ấy thế mà lại có một người phụ nữ suốt đời cầu xin, năn nỉ đòi anh tặng nàng quả táo đỏ. Đây là vợ anh, Xabira. Giờ đây, ngồi bên dây rào của khu vườn mùa thu, Ixabêkôp nghĩ đến điều đó.

Buổi chiều, Ixabêkôp và Anara trở về nhà. Trời tối nhanh. Phía trước, đèn thành phố bật sáng. Xe lăn bánh êm nhẹ trên các đường phố rải rác lá cây.

Ixabêkôp lấy một điều thuốc, đánh bật lửa và thấy trong tay Anara quả táo đỏ.

— Sao thế? Con không ăn à?

— Không ạ. Con để dành cho mẹ, — con bé khẽ đáp.

— Cho mẹ ư? — Ixabêkôp nói lí nhí. Một cục gì nóng hổi chẹn ngang họng anh. — Đúng, chúng ta sẽ đem về cho mẹ.

Hai bố con không nói gì nữa. Ixabêkôp nghĩ về con gái. Té ra nó hiểu hết. Mong sao nó cứ mãi mãi như thế. Mong sao nó đừng bao giờ khước từ quả táo đỏ của mình.

Rốt cuộc Ixabêkôp vẫn không viết xong bức thư.

Buổi sáng, khi anh còn ngủ, Anara thấy trên bàn gỗ bức điện chưa gửi đi Mátxcova: «Xabira, hai bố con đến với em». Con bé cầm bút viết thêm bằng nét chữ rành mạch: «Đón ba và con, mẹ nhé. Hai ba con mang cho mẹ quả táo đỏ».

Phạm Mạnh Hùng dịch

Xasa lại gặp tôi và kéo tôi về nhà. Anh là người rất từng trải, anh thuyết phục tôi rằng tôi không sợ gì cả.

Trong thời gian đó tôi vẫn gặp gỡ Tôlia đang hoang nhưng anh không đoán ra chuyện gì, còn Xasa đột nhiên tránh mặt tôi. Một lần tôi thấy anh đi với một cô khác. Anh đi bên cạnh mà làm như không biết tôi. Suýt nữa thì tôi túm tóc con bé mà giật. Tôi ngờ ngẩn suốt ba ngày liền, nhưng rồi kỳ thi bắt đầu.

Một năm rưỡi sau tôi và Tôlia lấy nhau ở vùng Uran, chúng tôi cũng được phân về đây. Nhà máy còn nhỏ, không có nhà cấp cho công nhân. Chúng tôi thuê một căn phòng nhà dân và sống hạnh phúc, mặc dầu lương thực hồi đó vẫn còn khó khăn. Tôlia kiếm được khá tiền, tôi cũng thế và chúng tôi sống rất hòa thuận. Chú em Paplík thì cô Mania đưa vào nhà trẻ, chú ở đó đến năm mười sáu tuổi, rồi sau cũng đi học nghề làm thợ nề ở Mátxcova. Chúng tôi ít viết cho nhau, nhưng một hôm cô Mania gửi thư cho tôi. Cô viết rằng bà Guxtia đã mất, rằng Paplík đã tìm thấy dì Nina ở Leningrát. Ngoài dì Nina hai chị em tôi không còn một người thân thuộc nào nữa. Nhưng lúc đó tôi sinh cháu đầu, tôi đành hoãn chuyến đi thăm. Mãi khi cháu Katia cứng cáp, hai vợ chồng tôi mới nghỉ phép về thăm dì Nina, thăm quê hương đầu tiên.

Dì Nina đi tắcxi ra đón chúng tôi. Tất nhiên dì đã già đi, nhưng trông vẫn như xưa không thay đổi mấy. Dì vẫn ân cần, đôn hậu. Bây giờ dì nói công khai rằng dì đi nhà thờ. Dì rất quý anh Tôlia, hai người nói chuyện với nhau hàng giờ, còn Katia thì dì không biết để ở đâu và lấy gì cho ăn. Tôlia không thật thích đi rong ngoài phố, tôi và anh chỉ cùng đi đến viện bảo tàng Ermitagior và đi xem xiếc. Còn mình tôi thì đi khắp thành phố thăm cửa thành Narva, nơi chúng tôi đã sống. Tôi đến cả Petergốp, ra đảo Vaxiliépki thăm ngôi nhà cũ. Một hôm tôi đi trên đại lộ Litêinuri và cảm thấy như có người theo sau từng bước. Tôi nhìn lại thấy một chàng trai dừng bước nhìn tôi. Trời ơi, hóa ra là Kôxtia Dôrin! Anh bảo: «Tôi đã theo em nửa tiếng,

vừa đi vừa đoán xem em có phải là Tania hay không». Tôi bảo: «Em đúng là Tania đây». Tôi cảm động quá đến đỏ cả mặt. Người đời nói quả không sai, tình yêu đầu tiên trong đời là vững bền nhất... Tôi đi với anh suốt phố, anh kể tôi nghe rằng sau đợt tại ngũ anh vào đại học vận tải đường sông. Anh hỏi tôi: «Tania, sao hồi ấy em không viết thư cho tôi?» Tôi nín thinh. Tôi còn biết trả lời anh thế nào? Chúng tôi đi bên nhau trên đại lộ bờ sông cả hai cùng cười và anh mời tôi vào quán ăn chút gì. Anh bảo bên cạnh ký túc xá của anh có một quán ăn khá. Chúng tôi vào đây nhưng chẳng có gì ngoài rượu vang. Anh bảo: «Thôi, về đằng tôi có cái ăn đây». Anh mua thêm một chai rượu vang đắt tiền. Đầu óc tôi trống trơn, tôi theo anh về ký túc xá. Hai người cùng phòng anh làm quen với tôi rồi cáo lui lấy có vé xem phim. Tôi và Kôxtia uống rượu, ôn lại chuyện những bó lúa. Tôi sẽ không kể những gì xảy ra sau đó. Kôxtia đã trở thành một con người hoàn toàn khác trước, anh chẳng còn gì là một chàng trai quê mùa bên nữa.

Mãi khuya tôi mới về nhà và chắc hẳn vẫn còn mùi rượu. Tôlia chưa ngủ. Anh hỏi: «Em đi đâu đây?» Hỏi rồi anh ôm cứng lấy tôi như nhựa. Đầu tiên tôi còn nói đùa, sau nói: «Em đi đến nơi mà bây giờ ở đó không còn em nữa. Nhưng anh nghĩ xem, em bắt đầu gieo rắc tai họa rồi đây!» Lập tức anh hiểu hết mọi điều, không nói gì với tôi nữa. Đôi lại, tôi cũng lặng im. Chắc rằng mọi chuyện cũng qua đi thôi, nếu như Kôxtia không ra ga đúng lúc vợ chồng tôi rời Leningrát.

Từ lúc lên tàu cho đến tận Xvécdlôpxcơ, Tôlia không ra khỏi toa ăn. Về đến nhà anh lập tức thu xếp đồ đạc. Tôi lạy van anh quên đi quá khứ, tôi nói rằng không có gì xảy ra cả đâu, chính tôi cũng tin như thế và sẵn sàng quỳ dưới chân anh. Nhưng anh cứ xách vali ra cửa và nói: «Sau này tôi sẽ mang cả con gái đi nữa». Tôi kêu lên điên dại: «Đừng hòng tôi cho con gái tôi đi với anh! Không bao giờ, không bao giờ đâu! Anh đi đi, tôi không cần đến anh nữa!»

Anh ra đi. Cuộc sống gia đình tôi thế là đổ vỡ. Từ đó tôi căm thù tất cả đàn ông. Tôi nói hết sự thật với cô bạn Liuxia của tôi rằng đàn ông không thể nào tin được, rằng tất cả bọn họ chỉ cần ở chúng ta một chuyện mà thôi.

Tôi cùng con gái từ Uran lên thành phố Vorkuta ở phương Bắc và làm nghề chằm công. Khí hậu ở đây khắc nghiệt. Di Nina viết thư cho tôi bảo tôi cho cháu Katia về với di, tôi suy nghĩ rồi đồng ý, nhưng sau đó tôi cũng không ở lâu ở Vorkuta và bỏ về thành phố Iarôxláp. Đến đây tôi xin vào một công ty xây dựng trong tổ thợ phụ, nghe nói ở đây chóng được phân nhà. Tôi được vào ở khu tập thể. Chúng tôi có sáu người một phòng toàn các cô trẻ, còn tôi lớn tuổi nhất. Trong phòng thường có các chàng trai ở dãy nhà bên sang và các anh bộ đội từ thành phố tới. Cứ đến mười một giờ đêm là bà quản trị đi từng phòng đuổi hết, nhưng một số vẫn trốn tránh ngủ lại được. Một trung sĩ tên là Víchto vẫn thường đến với một cô phòng tôi. Cô bé làm thợ hồ cũng tên là Tania. Ban đêm tôi chợt tỉnh giấc và không ngủ lại được. Phòng tối om, mây cô đã ngủ say, còn mây cô đi nhảy chưa về. Chỗ góc giường Tania có tiếng thăm thĩ, rồi sau thấy âm ỉ, rồi tôi bỗng nghe thấy Víchto đứng dậy lần mò ra bàn cầm chai bia nốc thẳng ông ọc. Anh chàng đi đi lại lại rồi lại đến giường Tania. Cô bé lại đuổi anh chàng ra. Tôi chằm thuốc hút rồi nói: «Víchto, anh lại đây với tôi, hơi đâu mà đổ cô ta». Chính tôi cũng không biết vì sao tôi lại buột ra câu ấy. Anh ta suy nghĩ một lát rồi đến với tôi thật...

Tất nhiên sau đó tôi không thể ở lại nhà tập thể được, tôi thuê một căn phòng gần khu Kôtrôxli. Víchto sắp hết hạn tại ngũ. Anh ta nói ngay rằng sẽ không bao giờ đi khỏi Iarôxláp nữa. Tôi tìm việc cho anh trong công trường vì anh có nghề lắp ráp. Tôi mua cho anh một bộ comlê, một chiếc áo khoác, rồi đến khi tôi có mang, chúng tôi mới ra phòng hôn thú.

Gia chủ chỗ tôi thuê là những người tốt bụng, lấy

tiền nhà cũng rẻ. Chúng tôi thường lấy củi công trường về cho ông bà. Đến kỳ nghỉ để tôi bỗng quyết định xin học một lớp kế toán. Víchto không phản đối và tôi bắt đầu học.

Tôi sống với Víchto rất hòa thuận, chẳng bao giờ trái ý nhau. Cả hai kỳ lương anh đều đưa tôi. Tôi vẫn nhận được tiền nuôi con của chồng cũ và dành dụm để sắm đồ đạc. Người ta hứa phân cho chúng tôi căn hộ một phòng. Cháu Misa lớn nhanh, chồng tôi đã mơ ước thêm một con gái. Tôi học xong và làm kế toán cùng ứng một cơ quan. Tôi rất yêu nghề, nhưng chồng tôi vẫn chưa được cấp nhà nên tôi bắt đầu phải chạy chọt qua các thủ trưởng của cơ quan tôi. Tôi trình giấy tờ về con cái, người ta bảo tôi chờ lượt. Suốt hai năm chúng tôi thuê nhà, cuối cùng được cấp căn hộ một phòng. Tôi vừa nhận chìa khóa đã vội đến xem, bỏ cả việc làm. Lạy Chúa, tôi không còn tin được nữa! Căn phòng thật to, đẹp, có bếp ga và nước nóng. Tôi ngồi bệt xuống sàn kêu lên như điên. Ngay hôm ấy chúng tôi dọn đến ở và đến thứ bảy tổ chức ăn mừng. Víchto mời một số người, tôi mời một số bạn kế toán, tất cả là mười hai người. Tôi chưa bao giờ mừng vui đến thế. Chúng tôi hát và nhảy theo nhạc máy quay đĩa, còn bé Misa không chịu rời xa bancông. Nó cứ đứng đây ngắm thành phố và sông Vônga. Từ tầng năm này nhìn dòng sông thật rõ.

Tôi đã nói rằng đầu tiên gia đình tôi sống rất hạnh phúc. Chính anh đã đi Leningrát đón con gái Katia. (Di Nina viết thư rằng di đã già, chân đã yếu và cháu thường hay khóc luôn.) Tôi rất lo không biết anh có yêu mến Katia hay không. Nhưng tôi lo là thừa. Víchto không bao giờ phân biệt Katia với Misa, ngược lại anh còn quan tâm đến con bé hơn. Một hôm con bé đi học đưa cho anh xem sổ điểm anh bỗng đứng bật dậy, rầu rĩ. Anh nói: «Tania, sao em không ghi tên con theo họ của anh? Anh không muốn có một người nào đứng giữa hai chúng mình». Anh yêu cầu chính thức được nhận Katia làm con đẻ và buộc tôi thôi nhận tiền nuôi



Anatoli Alëxsin

Các tác phẩm của nhà văn Anatoli Alëxsin (sinh năm 1924), người từng được Giải thưởng quốc gia Liên Xô, hết sức phổ biến. A. Alëxsin tốt nghiệp Học viện Đông phương Mátxcơva. Bắt đầu in từ 1945. Quyển sách đầu tiên của nhà văn mang tên «Ba mươi một ngày» («Nhật ký của Xasa Vaxincốp» 1950). Các tác phẩm: «Đứa trẻ đến muộn», «Câu chuyện rất kinh khủng», «Épđôkya điên rồ», «Hãy gọi điện và hãy đến!» và những truyện khác của ông được nhiều người biết tiếng.

«ÉPĐÔKYA ĐIÊN RỒ»

Đôi khi con đường đời càng ra xa, hai con người đi cạnh nhau càng ngạc nhiên nhớ lại đoạn đầu con đường. Ánh lửa của dĩ vãng biến mất ở một nơi nào sau khúc ngoặt... Để cho các biến cố nhìn từ xa có vẻ vẫn như trước thì những tình cảm cũng phải vẫn như trước.

Vậy thì cái khúc ngoặt tai hại ấy của tôi với Nadya là ở chỗ nào? Giờ đây, khi sự bất hạnh buộc tôi phải ngoảnh nhìn lại phía sau, hình như tôi đã thấy rõ chỗ ngoặt ấy. Nếu rồi đây có lúc Nadya sẽ trở về...

Trong tâm trí, tôi luôn luôn chuẩn bị cho cuộc nói chuyện ấy. Tôi cho rằng điều đó vẫn chưa thành cơn bệnh, nhưng đã thành chứng mất ngủ, thành nỗi ám

ảnh của tôi. Đêm đêm vẫn diễn ra cuộc đối thoại mà người tham gia là hai chúng tôi: tôi và Nadya. Chủ đề cuộc đối thoại bao giờ cũng vẫn thế: cuộc sống của tôi với nàng.

Nếu dĩ vãng được hồi tưởng lại «về đại thể trong những nét chung chung» thì hẳn là nó đã chết hay đơn giản là không có giá trị. Chỉ có những chi tiết mới dựng lại được bức tranh. Năm tháng trôi qua, những chi tiết đôi khi bất ngờ, xưa kia có vẻ kì cục, lại trở nên có tầm quan trọng.

Hiện giờ tình trạng xảy đến với tôi chính là như thế.

Nhưng tại sao tất cả những gì mà giờ đây tôi nhớ lại thì trước đó, trong một thời gian dài, lại không bộc lộ ra?

Tôi phải khôi phục lại những chi tiết rời rạc. Có lẽ tập hợp lại với nhau, chúng sẽ tạo nên một cái gì toàn vẹn chăng?

Tôi với Nadya làm việc ở phòng thiết kế, cùng một tầng nhà, nhưng ở hai đầu hành lang. Gặp nhau, chúng tôi nói với nhau «Xin chào!» mà không gọi tên, vì không biết tên nhau.

Khi có quyết định đưa tôi cùng với tấm bản vẽ của tôi vào phòng làm việc của Nadya, một số bạn đồng nghiệp của nàng phản đối: «Thế này cũng đã hết chỗ chen rồi còn gì!»

— Thêm một người, bớt một người...— đại diện của ban giám đốc bắt đầu thuyết phục.

— Còn tùy người như thế nào chứ!— Nadya nói.

Sau đó, mỗi khi tôi ló ra từ sau tấm bản vẽ của tôi, như từ sau tấm bình phong của sân khấu múa rối, tôi lại cố tình đưa mắt tìm gặp Nadya và mỉm cười để nàng tin rằng tôi là người không đến nỗi tồi. Nhằm mục đích ấy, có lần tôi mời nàng đi dự cuộc biểu diễn của một nữ ca sĩ nổi tiếng.

— Thì đi... Tôi cũng vẫn hát đây chứ!— nàng nói. Rồi nói thêm:— Kể ra thì có một điều phiền phức: tôi

con của chồng cũ. Tôi bảo rằng Katia mang họ nào mà chả thế, anh nổi giận quát mắng, còn tôi cũng không nhún. Anh nhìn tôi bằng đôi mắt khủng khiếp. Anh lấy tờ mười rúp trong túi ra rồi đóng sập cửa lại. Ban đêm anh về say mèm, tôi không cho anh vào giường. Nhìn anh như thế tôi thấy ghê sợ. Anh tát tôi một cái, các con thức cả dậy. Từ ngày đó chúng tôi cãi nhau luôn. Anh nóng nảy, còn tôi ương bướng. Một lần tôi quyết định nhuộm tóc, anh hỏi: «Tania, em nhuộm làm gì? Em muốn làm đẹp lòng ai?» Tôi bảo: «Làm đẹp lòng anh chứ còn ai nữa». — «Vậy thì em đừng nhuộm. Anh thích em cứ không nhuộm thế này». Nhưng tôi không tin anh và cứ nhuộm, thế là anh lại nổi cáu. Những cái vật vãnh ấy mở đầu cho mọi chuyện rắc rối giữa chúng tôi. Kết cục là anh hay bỏ nhà ra đi uống rượu như một con lợn, mà anh đã say thì tôi không chịu được. Một hôm thần kinh không phục tùng tôi nữa. Tôi không cho anh về nhà. Anh bỏ đi suốt tuần. Tôi rên la, không làm nổi việc gì nữa. Hàng xóm bảo tôi rằng anh ngủ dưới gian lò tẩm hầm. Đáng ra phải đến đưa anh về, nhưng tôi không thắng nổi mình. Tự anh về và chúng tôi làm lành với nhau, nhưng cũng chẳng được bao lâu. Mâu thuẫn lại bắt đầu từ một chuyện vật vãnh nào đó. Nhưng bây giờ anh tự chủ được và không hề trái ý tôi điều gì. Anh từ bỏ hết bạn bè, xin vào trường kỹ thuật ban đêm.

Lúc này tôi được bầu vào chấp hành công đoàn, và chúng tôi được chuyển sang căn hộ hai buồng. Víchto học xong và bảo vệ đồ án xuất sắc. Anh được bố trí một công việc lương cao. Mọi việc lại yên ổn, các cháu hay ăn chóng lớn. Hoàn cảnh vật chất thì khá, nhưng tôi lại gặp một tai ương khác, bắt đầu có chuyện rầy rà trong công tác. Tôi sẽ không mô tả những điều xảy ra. Số là một hôm tôi đã ký giấy tờ không hợp lệ. Ông giám đốc bắt xén vật liệu xây dựng đưa về cơ sở bằng cách chuyển loại sản phẩm và làm giấy tờ giả mạo. Những vật liệu bắt xén đó được dùng vào việc không đúng qui định. Lần sau tôi đã từ chối không ký những

giấy tờ đó. Ông giám đốc liền gọi điện thoại cho tôi: «Chị Tania, chị lên phòng tôi trao đổi một chút nhé». Tôi vào phòng ông. Ông bắt đầu từ những chuyện xa xôi, ông nói đến tập thể, rồi nào là chị đã được bầu vào công đoàn, được cấp nhà ở. Thế mà chị đi ngược lại tập thể. Tôi phản đối âm lên. Ông bắt đầu an ủi tôi và thuyết phục rằng ông sẽ chịu trách nhiệm tất cả. Thế là qua phòng kế toán, tôi lại làm giấy tờ giả mạo để vào sổ. Một tháng sau có một ban đặc biệt về cơ sở kiểm tra. Ông thanh tra tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ngồi ở chỗ chúng tôi một tuần liền. Ông chuyển tài liệu sang các cơ quan điều tra. Ông giám đốc với tôi và một số cán bộ khác bị đưa ra tòa. Bà luật sư bào chữa đã nói rất hay nhưng theo điều luật tôi vẫn cố cơ đi tù từ ba đến năm năm. Đến phút cuối cùng chánh án — cũng là một bà — lên tiếng phản đối điều đó. Vụ này của tôi được chuyển đi điều tra thêm và được thay đổi tội danh. Tôi chỉ còn bị một năm tù ngồi.

Tôi sẽ không mô tả giai đoạn này trong cuộc đời tôi, tôi sẽ chỉ nói rằng đối với bất kỳ ai, ngay cả với kẻ thù của tôi, tôi cũng không mong cho họ có đoạn đời ấy.

Víchto sống một mình với các con. Anh viết vào trại cho tôi rằng anh đem mẹ ở nhà quê ra, rằng tôi đừng có nản chí, một năm cũng chả là mấy chốc. Anh còn bố trí thời gian đi thăm tôi. Chúng tôi được gặp nhau, tôi ôm lấy anh nức nở, còn anh an ủi tôi. Anh đưa cho tôi ảnh Katia và Misa cùng với quả bánh. Tôi thấy anh thương yêu tôi, anh đi rồi tôi thấy thời gian qua nhanh hơn trước nhiều.

Đi tù về tôi thấy ở cổng vào nhà tôi thằng Misa đang nghịch cát. Thấy tôi nó hoảng sợ: «Bà ơi, bà ơi, có cô nào này!» Rồi nó chạy ra chỗ bà. Đó là mẹ của anh Víchto. Tôi gỡ lấy thằng bé, nó khóc ré lên và trườn sang bà.

Tôi không thể nói một điều gì xấu về bà, nhưng chính vì bà mà gia đình tôi tan nát, mọi sự đều tại bà hết. Bà

bị sổ mũi và ho. Những khán giả như thế người ta chẳng ưa chút nào.

Nhưng chính ở đây, ở Phòng lớn của Nhạc viện, tôi đã đem lòng yêu nàng. Trong suốt hai phần của cuộc biểu diễn, Nadya đã nỗ lực một cách anh hùng để không ho và không hắt hơi. Khi nữ ca sĩ nổi tiếng ra lần nữa, vì công chúng reo hò đòi «bix», nàng thì thầm:

— Anh có mùi soa đây không? Khăn của tôi ướt sũng rồi. Tôi không ngờ cái mũi bé nhỏ của tôi lại hoạt động dữ dội đến thế!

Nàng như một đứa trẻ mà khi có mặt khách bao giờ cũng làm cho cha mẹ phải kinh sợ vì có thể nói toạc mọi ý định của mình và tiết lộ bất cứ bí mật nào của gia đình.

«Tính hồn nhiên dễ thương của trẻ thơ...» — đó là câu người ta thường nói về những người như thế. Tính hồn nhiên của Nadya chẳng bao giờ là dễ thương, nó là tính hồn nhiên kì diệu. Có sức chinh phục lòng người... Nó đồng nghĩa với sự chính trực. Bởi thế tôi không dám cho nàng biết tôi vẫn sáng tác những truyện ngắn viễn tưởng chưa hề được in ở đâu cả! Nhất là bằng con đường vòng vo, tôi dò biết được rằng nàng không thích loại truyện đó:

— Cơ man nào là hoang tưởng trong những tác phẩm hiện thực!..

Khi tôi nói với Nadya rằng tôi mơ ước lấy nàng làm vợ, nàng đáp:

— Nhưng xin anh lưu ý cho rằng tôi có một món của hồi môn: tật tim và không được có con.

— Bản thân cô đã có khỏi cái trẻ thơ rồi còn gì! — tôi nói đùa trong lúc bối rối.

— Thêm tuổi lên, cái đó có thể trở thành trái tự nhiên và đáng ghét, — Nadya trả lời. — Anh hãy tưởng tượng một bà đứng tuổi tóc kết dài bằng hồng.

— Nhưng nói cho cùng thì chuyện ấy vẫn có thể được, cho dù là không...

— Không, không được, cô ngắt lời. — Anh hãy

tưởng tượng nếu như chúng ta có một đứa con gái thì nó sẽ như thế nào!

Từ đó, có một đứa con gái đã trở thành mong muốn chủ yếu của chúng tôi. Những người sắp làm cha mẹ thường mơ ước có con trai, còn chúng tôi lại mong một đứa con gái.

«Rõ ràng là... Quả cảm!» — những người quen nói như vậy. Những lời cảm thán đó chẳng những là vô vị, mà còn không đúng nữa. Nói là Nadya không lắng nghe những điều ngăn cấm của các bác sĩ thì còn nhẹ quá, phải nói là nàng quên phứt đi mới đúng. Chỉ có sáng sáng cặp mắt dường như nhỏ đi và hẹp lại dưới đôi mi hum húp mới nhắc cho biết rằng tật tim vẫn là điều có thật.

— Hầu hết phụ nữ đều xinh đẹp hơn lên khi có mang. Nhìn xem, anh đã lấy một người như thế nào? — Nadya nói, khi buổi sáng nàng ngắm mình trong gương.

Những người khác mơ ước có con trai. Còn chúng tôi chờ mong Ôlya. Và cháu đã ra đời. «Nó không thể làm khác đi được, — Nadya viết cho tôi trong mẫu thư đầu tiên của nàng khi chúng tôi đã có ba người trên đời. — Em đã bị giữ nửa năm trong bệnh viện. Lẽ nào nó có thể đánh lừa sự mong đợi của anh và của em sao? Cảm ơn con chúng ta!»

Tôi cho rằng mọi chuyện bắt đầu từ câu đó. Câu nói đó đã bắc chiếc cầu tới tận cái ngày khủng khiếp đã khiến tôi với Nadya phải chia lìa. Chiếc cầu dài mười sáu năm hai tháng...

* * *

Hôm ấy là chủ nhật. Đài bắt đầu buổi phát thanh «Chúc mừng một buổi sáng tốt đẹp».

Nadya cùng với củ khoai tây nàng đang gọt chuyển lại gần máy thu thanh hơn.

— Bản thân mình không hát thì nghe người khác hát vậy, — nàng nói.

nói với tôi rằng bà sẽ không gây trở ngại gì cả, nhưng ngay hôm đó bà thu xếp về quê. Anh Víchto chờ xem tôi nói gì. Nhưng tôi chẳng nói gì hết. Anh đến bên tôi, hỏi: «Tania, sao em lại im? Em muốn mẹ anh về hay sao?» Tôi lại im. Đôi mắt anh nhìn trừng trừng, nhưng anh vẫn tự kiểm chế được: «Thôi... ngày mai chúng ta nói chuyện». Sáng sau anh đi làm, tôi không im được và bắt đầu nói chuyện với bà. Tôi nói rằng cuộc sống của chúng tôi tự nó đã phức tạp rồi, rằng người có tuổi sống ở thành phố sẽ khó khăn, rằng vứt bỏ một ngôi nhà khang trang ở quê thật là hoài phí. Bà vừa nghe vừa vắn vè tà tạp dễ. Rồi bỗng nhiên bà bật khóc chẳng có một duyên cớ nào cả. Đúng lúc ấy anh Víchto về ăn trưa. Thế là chỉ vì bà mà ngay ngày đầu chúng tôi cãi nhau gay gắt. Ngày hôm sau bà ra đi. Víchto tiễn bà ra ga, lúc về lại say. Nhưng sau đó chúng tôi lại hòa giải được. Chúng tôi sống yên vui cho đến ngày tôi bàn chuyện công tác của tôi. Anh bảo: «Em sẽ không đi làm nữa. Thế là đủ rồi». Tôi lập tức dè dặt: «Sao lại thế?» Anh nói: «Tania, chẳng lẽ việc gia đình không phải là công tác sao. Em hãy dạy dỗ thằng Misa và con Katia, hãy đọc thêm sách. Còn tiền thì anh sẽ kiếm đủ. Anh đi làm thêm!» Tôi bảo: «Không được, em kém gì những người khác mà phải ở nhà? Từ sáng đến tối trong bốn bức tường. Em suốt đời vẫn quen trong tập thể». — «Thế còn các con? Em không thương các con à?» Tôi nói: «Katia đi học, còn Misa thì chúng mình đưa đi vườn trẻ». Anh hừm một tiếng, không nói năng gì.

Tôi tìm được việc làm đúng chuyên môn, nhưng tất nhiên, tiền lương ít hơn. Tôi cứ nghĩ rằng cuộc đời tôi lại bắt đầu đúng hướng, rằng mọi việc rồi sẽ tốt đẹp. Nhưng tôi không để ý rằng thái độ của Víchto đối với tôi đã thay đổi. Đã mấy lần anh bắt đầu nói chuyện với tôi rằng tôi nên sinh thêm một con nữa, anh rất muốn một đứa con gái. Tôi nhớ rằng lần cuối cùng anh nói chuyện đó là vào ngày lễ mừng chín tháng Năm. Nhưng tôi không muốn nghe chuyện ấy và đã ghi tên đi nạo

thai ở bệnh viện. Tôi bức bối nói cho anh một hồi. Mặt anh nhợt đi, anh đứng vùng dậy nói: «Cô đừng có hòng đi đâu!» Nhưng tôi vẫn cứ đi được bệnh viện mà không cho anh biết địa chỉ cụ thể. Mấy hôm ở bệnh viện tôi không biết ở nhà thế nào. Nhưng hôm về tôi không nhận ra anh, không nhận ra nhà nữa: anh uống rượu liên miên mấy ngày. Từ đó tuần nào anh cũng uống rượu, tiền lương ít khi mang về, hễ về đến nhà, cởi quần áo là lạng lẹ đi ngủ. Nhưng lúc nào say rượu thì tôi không cho anh nằm với tôi. Một lần tôi đẩy anh ra khỏi giường, anh nổi khùng tát tôi mấy cái. Tôi chạy sang hàng xóm nhờ điện thoại của họ gọi công an. Anh bị giải đi chịu phạt giam mười ngày. Anh trở về hoàn toàn tỉnh táo: «Tania, tôi không tha thứ cho cô chuyện này. Không thể tha thứ được.» Anh bình tĩnh mở tủ lấy giấy tờ, lấy hai chiếc áo sơ mi và một chiếc áo thun. Tôi ngồi trên divăng không động đậy. Tôi tin rằng anh chẳng đi đâu, chỉ loanh quanh rồi sẽ trở về. Anh bế thằng Misa, xoa đầu Katia, rồi anh nghiền chặt hai hàm răng bước ra cửa. Tôi không ngăn anh. Anh không trở lại. Tôi chờ hoài một ngày, một tuần, một tháng. Anh tình nguyện đi đến một nơi nào rất xa ở vùng Xibiri, một năm sau viết thư cho tôi báo tin anh đã lấy vợ và gửi một lúc cho tôi tám trăm đồng rúp mới. Đến lúc ấy tôi mới thật hiểu anh đều giả đến là chừng nào. Một lần nữa tôi tự khẳng định rằng đàn ông không thể nào tin được. Tất cả bọn họ đều cùng một duộc như nhau. Tôi tự thề rằng sẽ không bao giờ, không bao giờ đi lấy chồng nữa. Tôi đổi nhà, chuyển về một thành phố khác.

Bây giờ tôi sống thanh thản và chẳng ân hận điều gì, các con cũng đã lớn. Misa vào trường học nghề, Katia đã đi làm. Tiền bạc chúng tôi không thiếu, nhà cửa có đồ đạc. Có một người quen thường đến chơi nhà tôi, đó là một người đàn ông điềm tĩnh, hầu như không uống rượu, bao giờ ông cũng mang đến cho chúng tôi lúc thì một chai sambanh, lúc thì một bó hoa. Thậm chí tôi cũng không biết ông lấy đâu ra hoa, nhất

— Thế ra em đã... thôi không hát nữa ư?—tôi ngạc nhiên.

— Chẳng lẽ anh không nhận thấy ư?

— Anh cũng có phần nào... em đừng giận nhé.

— Trái lại, em tự hào là đẳng khác; rời khỏi sân khấu mà không để ai nhận thấy, đó là một nghệ thuật.

Nadya thích tự chế giễu mình. Tôi biết rằng chỉ có những người tốt và thông minh mới có khả năng làm như thế.

Những giọng yêu đời, nam và nữ, luân phiên nhau như thể từ máy thu thanh ủa vào phòng chúng tôi, chúc mọi người một buổi sáng rạng rỡ và tốt lành.

Có tiếng gõ cửa.

— Chuông không kêu, — Nadya nói. — Cầu chì cháy chẳng?

Tôi vừa chạm tay vào ổ khóa thì ngoài cửa có những tiếng kêu lên:

— Ôlya có nhà không?

Tôi nhìn thấy ở ngưỡng cửa Épdôkya Xavêliépna, bà giáo chủ nhiệm của Ôlya và hai bạn cùng lớp nó: Liuxya và Bôrya.

— Bôrya đã lớn vồng hăn lên, phiền lòng ta lắm thay!—có lần Ôlya nói đùa.

Nó thường hay nói có vắn, và ghép vắn một cách dễ dàng.

Bôrya là gã trai cao nhất lớp và bao giờ cũng che lấp một vật gì hay một người nào. Nhưng đến đây nó muôn chính Épdôkya Xavêliépna che khuất nó đi để khỏi lọt vào mắt tôi, vì thế nó khom mình xuống một cách thiếu tự nhiên.

Cô Liuxya mảnh dẻ cũng nấp sau cái vóc dáng công kênh nhưng rất linh hoạt của bà giáo chủ nhiệm.

Épdôkya Xavêliépna mặc quần phăng, đội chiếc mũ kiểu cổ xệ vành, lưng đeo cái balô con cóc.

— Ôlya có nhà không ạ?—bà nhắc lại.

— Không ạ.

— Cháu nó chưa về à?!

— Chưa ạ.

— Sao lại... chưa là thế nào?! Ông nói gì thế?

— Nó đi cùng với bà và các bạn trong lớp. Đi chơi xu.

— Đúng thế. Đành là như thế. Nhưng tôi hôm qua nó biến đâu mất.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi là Nadya. Nàng không nói lấy một tiếng. Nhưng tôi cảm thấy nàng ở sau lưng tôi.

— Thế ban đêm Ôlya cũng không có mặt ở đây ư?—tôi hỏi, nửa như thốt lên.

Họ im lặng. Đây là câu trả lời khiến cho Nadya ở sau lưng tôi phải lên tiếng:

— Thế thì hiện giờ cháu nó ở đâu?

Tôi không nhận ra tiếng Nadya nữa. Tôi không nắm bắt được những sắc thái quen thuộc trong giọng nói của nàng.

Cái nghệ thuật khó khăn biết nhìn những sự việc xảy ra trong đời mình từ phía bên ngoài, thái độ hài hước bình tĩnh bao giờ cũng giúp Nadya giữ cho nàng và tôi khỏi loạn thần kinh vì vui sướng hay đau xót.

— Em nên cho anh mượn cái tính hài hước của em,—có lần tôi bảo nàng.

— Em mà... có tính hài hước ư? Buồn cười thật!—nàng nói.—Nhưng anh hãy gìn giữ lấy tính hài hước riêng của anh. Nó giúp làm dịu bớt những biểu hiện cực đoan của con người.

— Những biểu hiện đó bao giờ cũng rất nguy hiểm,—lần khác nàng nói.—Bởi vì nó làm con người xa rời mọi người và trở nên cô độc.

— Anh không hiểu.—tôi thú nhận.

— Thế thì đây là lỗi của người trình bày! Chúng ta thường hay trình bày điều ta đã ngẫm nghĩ hàng năm ròng, cứ như thể người nghe ta nói cũng đã suy nghĩ cùng với ta. Vậy mà ta còn lấy làm ngạc nhiên rằng sao người đó không hiểu ta ngay!..

Tôi thích những lúc Nadya giảng giải cho tôi điều gì. Nàng làm việc đó một cách nhẹ nhàng, không riết

là mùa đông. Một hôm Katia vút bó hoa của ông ra cửa thông gió. Tôi quạt cho nó một cái, nó òa khóc rồi ù té chạy, nó hơi hỗn thể thôi, bình thường cháu là một cô bé ngoan.

Misa vào trường học nghề là chuyển luôn vào ở tập thể. Thỉnh thoảng nó mới về nhà.

Ông bạn quen tôi đầu tiên cứ khẳng khẳng nài tôi đăng ký kết hôn, nhưng tôi từ chối. Tôi quên không nói rằng mùa đông năm ngoái tôi học đánh máy chữ được một ít, gần đây tôi chuyển sang làm thư ký cho một công ty. Người ta yêu cầu tôi nộp bản lý lịch mới để lập hồ sơ. Tôi bắt đầu ngồi gõ lý lịch sau giờ làm việc. Ngồi gõ mãi rồi tôi bỗng thấy những điều tôi đánh máy không phải là những cái để viết lý lịch. Nhưng tôi nghĩ cứ kệ, tôi cứ đánh máy mọi chuyện có đầu có đuôi, thậm chí tự mình lấy làm thích. Mất bốn tôi mới làm xong bản tự thuật. Tất nhiên đây không phải là thứ hồ sơ, mà để đọc riêng. Ngày mai tôi tròn bốn mươi tuổi, thế nào ông bạn tôi cũng mang hoa đến, tôi cũng chẳng biết...

Văn bản đến đây đứt quãng. Tờ giấy cuối cùng bị khô quăn lại vì những vết gì đó có lẫn cả keo mi và son môi tím nhạt nữa.

Đức Mẫn dịch



Yuri Bondarép

Sinh năm 1924 ở Orskor. Bắt đầu in từ 1949. Các truyện vừa: «Các tiểu đoàn để nghị bắn» (1957), «Những loạt đạn cuối cùng» (1959) và «Tuyệt bóng» (1969) là một bức bích họa lớn có ý nghĩa sử thi. Những cuốn sách tiếp đó của Bondarép — các tiểu thuyết «Sự yên tĩnh» (1962), «Hai người» (1964), «Những người bà con» (1969), «Bên bờ» (1975), «Lựa chọn» (1980), «Trò chơi» (1985) nói về cuộc sống sau chiến tranh.

«XIN CÔ THA LỖI CHO CHÚNG EM!»

Chuyến tàu nhanh từ miền Nam lên chỉ dừng lại ở đây chưa đầy năm phút. Paven Gheorghiévich đứng hồi lâu trên sân ga vắng tanh giữa thảo nguyên, lắng nghe tiếng đập cang phanh phạch, hồi hả của lũ cào cào ở bên kia nền đường tránh tàu.

Sau bầu không khí ngột ngạt trong toa tàu, sau những câu chuyện phiếm suốt dọc đường giữa màn khói thuốc lá dày đặc trong khoang toa, sau những ván bài thâu đêm cùng những cuộc làm quen vô bổ, sau những tiếng cọt két vô tận của ghê nằm — sau tất thấy, một sự tỉnh mịch kỳ lạ xâm chiếm Paven Gheorghiévich, khiến anh tưởng như mình lạc vào tuổi thơ xa xưa.

róng. «Nếu cô ấy dạy học, hẳn là học sinh của cô ấy sẽ toàn là học sinh giỏi», — tôi nghĩ.

— Thế thì em nói đi, nói cho anh hiểu... về sự tai hại của cái mà em gọi là «những biểu hiện cực đoan của con người» ấy mà.

— Đúng hơn thì nên nói về sự thiếu tế nhị của những biểu hiện đó, — nàng nói. — Điều đó hết sức rõ ràng, đúng như vậy. Chẳng hạn... khi ta vui sướng quá mãnh liệt thì cũng nên kịp thời thư tâm lại và nghĩ về việc lúc này có người nào đó chỉ còn biết òa khóc. Còn khi ta đắm chìm trong nỗi đau xót riêng thì cũng nên nghĩ rằng có người nào trong lòng đang từng bừng mở hội, mà có lẽ đây là ngày hội lòng không bao giờ còn tái diễn. Cần chú ý đến mọi người!

Thế mà đây là lần đầu tiên Nadya đi ngược lại những nguyên tắc của chính mình. Nỗi lo của nàng vô bờ bến, nàng không thể nương nhẹ những người xung quanh.

— Nó ở đâu... bây giờ? — Nadya nhắc lại.

Bàng hoàng về tình trạng của nàng, tôi quát lên:

— Ôlya quả là đã không thể chịu đựng nổi nữa. Cái gì cũng phải có giới hạn.

Tôi nói như vậy vì chính họ, cả ba người lúc này vẫn còn đứng ở ngưỡng cửa, là nguyên nhân gây ra những đau khổ thường xuyên và những giọt nước mắt của con gái chúng tôi.

— Bây giờ đã là buổi sáng. Vậy mà nó vẫn biệt tăm! Vẫn biệt tăm... Vậy thì nó ở đâu?! Nó đi đâu?.. — Nadya hỏi tôi.

Chính nàng đã tập cho tôi quen nêu ra những câu hỏi hóc búa hơn là trả lời những câu hỏi đó. Vì thế tôi lặp đi lặp lại đọc một câu vô bổ:

— Đừng lo, Nadya. Đừng lo!

Ba người kia vẫn ở ngoài ngưỡng cửa. «Những kẻ gây nên cơ sự này... những kẻ có trách nhiệm chính về sự việc đã xảy ra!» — tôi nhắc lại trong óc.

Nhưng đã có chuyện gì xảy ra, tôi chẳng biết nữa.

Mà trong những trường hợp như thế này, bất vô âm tín bao giờ cũng là điều đáng sợ nhất.

Cái mũ khổng lồ xệ vành che lấp khuôn mặt Épdôkya Xavêliépna. Liuxya vẫn lẩn sau lưng bà giáo chủ nhiệm, còn Bôrya chăm chú xem xét những tâm đá lút dưới chân mình.

Hẳn là lúc ấy tôi đã nhìn họ không chỉ với thái độ chê trách, mà là căm thù.

* * *

Épdôkya Xavêliépna năm mươi tư tuổi: bà tự xưng là «người sắp về hưu». Nhưng có thể bảo là bà năm mươi bảy tuổi hay ba mươi chín tuổi cũng được: như người ta thường nói, bà là người phụ nữ không có tuổi.

Vì Épdôkya Xavêliépna đã dứt khoát cho rằng ngoại hình và tuổi tác không có ý nghĩa gì, nên bà chẳng mấy may chú ý đến y phục. Bên ngoài chiếc quần hợp mốt, tình cờ mua quảng mua quây được ở đâu không rõ, bà có thể mặc một chiếc váy rộng với chiếc sơ mi kẻ ô của đàn ông giắt vào bên trong, còn trên mái tóc cắt ngắn, nom như húi cua, có gài chiếc lược sừng làm từ thời cổ lỗ sĩ nào. Cũng với bộ dạng gàn như thế, bà ra mắt cha mẹ học sinh lớp 9-B trong một cuộc họp. Tôi còn nhớ, tại cuộc họp ấy, Épdôkya Xavêliépna giảng giải cho chúng tôi về tầm quan trọng của việc tập cho các em biết cảm nhận cái đẹp, dạy cho các em biết nhận ra và hiểu được cái đẹp.

Có lần, vào đầu mùa xuân, tôi nhìn thấy bà đội chiếc mũ tai bèo trắng, vành mũ cũng xệ xuống một cách sâu nảo tương tự, cứ như thể trời đang nóng nực. Mặc dù mọi người, kể cả bà nữa, vẫn còn mặc măngtô... Hôm ấy, để tiếp tục đấu tranh cho cái đẹp, bà đưa lớp mình đi xem một nhà bảo tàng nào đó. Còn tôi đến để báo cho bà biết Ôlya đang chuẩn bị tham gia cuộc triển lãm của những nhà điêu khắc trẻ tuổi và xin bà miễn cho nó chuyên đi tham quan.

Anh ngồi lên vali, lòng khoan khoái. Vắt chiếc áo khoác qua vai, anh vừa rút thuốc hút vừa đưa mắt nhìn quanh, thở phào nhẹ nhõm. Mặc dù do nghề nghiệp, anh ít có dịp được đi đây đó, nhưng anh vẫn ưa thích mùi dầu mỡ tã vệt cùng tiếng còi tàu lạnh lạnh, với tiếng bánh xe lăn lạch cạch hồi hả, làn gió âm ập tỏa ra từ những toa tàu lướt nhanh—bấy nhiêu điều đều khêu gọi ở Paven Gheorghievich một ham muốn mơ hồ: thích xê dịch, thích đổi vị trí.

Nhiều lần ở Mátxcơva, ngồi làm việc tới khuya với đồng bản vẽ, anh bỗng ngẩng đầu lên nhìn vào ô cửa sổ mở ra hàng cây thùy dương, trầm ngâm suy nghĩ và lắng nghe hồi lâu những tiếng còi tàu đêm báo hiệu cho nhau, lạc lõng ngân dài trên phố xá im lìm trong giấc ngủ. Có đôi lần tiếng còi tàu xáo động cả lòng anh, khiến anh không sao tập trung được: chẳng hiểu vì sao anh cứ hồi tưởng cảnh hoàng hôn trên thảo nguyên, với ánh chiều tà bàng lảng trên những đụn cỏ sẫm màu. Những khi ấy Paven Gheorghievich, lòng rối bời, bỏ dở cả công việc, rón rén để vợ không thức giấc, chuồn ra khỏi nhà, đi lang thang khắp phố phường vắng lặng.

Paven Gheorghievich Xaphônốp làm công trình sư tại một nhà máy lớn. Anh đã nổi tiếng; năm tháng qua đi, anh quen dần với sự nổi danh ấy và hình như còn chán ngán cả tiếng tăm—một cảm giác đôi khi có ở những người thành đạt và mãn nguyện quá sớm.

Năm nay, mỗi một nhiều do một đợt công tác quá phức tạp hồi mùa đông vừa qua, Xaphônốp đi an dưỡng ở vùng bờ Nam bán đảo Krum. Miền Nam chói chang, với cái nóng khô rát, với những bóng cọ kỳ dị trên hè phố, với cát bỏng giầy trên bãi tắm, rồi cách điệu trị bằng tắm biển và phơi nắng dưới làn gió biển âm âm tanh tanh mùi iốt, cùng toàn bộ chế độ an dưỡng đường, rút cục chỉ khuyến khích thói nhàn tản, một không khí lười nhác chung bao trùm tất cả, và trong cái nóng bức ấy thì đến cả tư duy cũng trở nên

lười biếng ỉ ạch. Anh cảm thấy thèm muốn được trở về Mátxcơva, trở về với mưa thu, với mặt đường nhựa ướt át, với ánh đèn loang loáng trong các vũng nước trên mặt đường.

Chuyến tàu tốc hành đưa Xaphônốp từ miền Nam trở lại Mátxcơva chạy băng băng qua miền thảo nguyên quen thuộc, nơi anh sinh ra và lớn lên, nơi đã nhiều năm anh chưa về thăm lại.

Sáng nay, khi đứng ngắm nhìn thảo nguyên còn mát rượi qua ô kính mờ hơi nước, Xaphônốp chạnh lòng da diết nhớ lại những điều hầu như đã lãng quên từ lâu: kia là anh, một cậu bé áo somi bằng xatanh câu bản, chân tay nứt nẻ, đang chạy trên thảo nguyên còn đầm sương đêm giá buốt, đuổi theo đoàn tàu lao vun vút không biết về đâu, và những ngọn cỏ trĩu sương quật vào gôi lạnh buốt... Ngày ấy, anh mới lên mấy nhí? Đôi lúc anh mừng rỡ tưởng như thấy trước mắt cảnh anh đang cùng Vêra sống bước theo những dải trắng thanh trên đồi Thợ mỏ; từ dưới đồng cỏ phả lên ngào ngạt hương ngải cứu, và làm mới Vêra, hơi se lại bởi gió lạnh, cũng thơm hương ngải cứu. Hồi ức đưa anh trở lại thế giới xa xưa anh đã từng sống qua (hay là chưa từng sống qua nhỉ?), báo cho anh biết là anh đã sắp ngoài bốn mươi và làm được cho đời chưa đáng là bao, vậy mà tuổi xuân đã trôi qua từ lâu, với những cái mốc rành rọt.

Thế rồi bỗng nhiên, anh thấy thèm khát được thăm lại thành phố quê hương giữa thảo nguyên, được lang thang trên các phố nhỏ, đọc những biển quảng cáo dán ngay trên hàng rào, thấy lại những tên phố cũ, tìm hiểu xem cái thành phố nhỏ thân thương hiện thời sống ra sao, đã đổi thay thế nào, và nhất định phải tìm gặp lại những đứa bạn từ thuở còn cắp sách tới trường—cái thuở xa lắc xa lơ tưởng chừng chưa có bao giờ. Anh muốn được cùng người bạn thời niên thiếu Vítka Xnhêghirép ngồi trong một quán cà phê ngoài trời, dưới bóng chiếc dù nhỏ, nhâm nháp bia lạnh và hồi tưởng những trò thơ ngây, xa xôi mà thân thiết, dẫu không

— Một trò đàn cảnh quen thuộc! — Épđôkya Xavêliépna kêu lên. — Cả tập thể cùng sinh hoạt với nhau, còn nó đứng ngoài.

Bà giáo chủ nhiệm rất thích cả tập thể cùng sinh hoạt với nhau. Và đứng đầu là bà!.. Tôi tin chắc rằng trong nghệ thuật, bà thích nhất là các đội đồng ca và vũ balê.

Trong lớp, bà để ý trước hết đến những em tâm thường và đặc biệt lưu tâm đến những em chẳng có gì trội bật.

Tính tình của bà có nguồn gốc núi lửa. Tiếng bà nói oang oang khi thì hoan hỉ, khi thì phẫn nộ, khi thì ngạc nhiên.

— Épđôkya điên rồ của chúng ta! — Ôlya nói về bà.

Từ đó, ở nhà chúng tôi cũng gọi bà là «Épđôkya điên rồ».

— Xôxchya Benkin mới đây còn chưa kể được đường thẳng, vậy mà bây giờ đã đạt được điểm ba vững chắc về hình học và vẽ kỹ thuật! — Bà reo lên tại một cuộc họp cha mẹ học sinh. — Cô giáo dạy toán cho rằng rồi đây em có thể đạt được điểm bốn. Biến chuyển đó là điều sung sướng cho tất cả chúng ta.

— Liuxya Katunina được chọn vào ban biên tập tờ báo tường của toàn trường. Em ấy biết kẻ chữ đầu đề. Đó là điều thích thú cho tất cả chúng ta!

«Tất cả mọi người», «cùng với mọi người», «cho tất cả mọi người» — không một lời tuyên bố nào của bà lại thiếu những từ đó. Bà khen ngợi những em học sinh rút cuộc đã vẽ được đường thẳng và những em biết kẻ chữ đầu đề báo tường. Còn con gái chúng tôi học trường nghệ thuật dành cho những trẻ em có năng khiếu đặc biệt thì bà chỉ nhắc đến khi nào nó không tham gia một việc gì hoặc không đi đâu đó «cùng với tất cả các bạn».

Năm Ôlya lên bảy, các bác sĩ phát hiện ra cháu bị vẹo cột sống. Tôi với Nadya đưa cháu đến Biển Đen, vùng Éppatôrya. Ở đây, lần đầu tiên năng khiếu của

cháu được thừa nhận. Tất cả mọi người trên bãi tắm đều sững sốt về tài nặn hình người và thú, tài vẽ phong cảnh và mặt người trên cát ẩm của cháu.

«Hôm nay Ôlya của anh chị sẽ sáng tác cái gì đem lại niềm vui cho chúng ta đây?» — người ta thường hỏi tôi và Nadya.

Nhưng Ôlya chẳng bao giờ làm được điều gì khiến «Épđôkya điên rồ» vui lòng. Nó làm bà buồn phiền. Tuy rằng trong chín năm, kể từ sau chuyển đi của chúng tôi về Éppatôrya, con gái chúng tôi đã đạt được những thành công lớn, nhưng những thành công ấy chỉ làm bà giáo chủ nhiệm bức tức. Về Ôlya thì không thể nói là nó cũng «như mọi học sinh khác». Nhưng có phải lỗi tại nó đâu?

Ngoài Ôlya, ở lớp 9-B chẳng có em nào có ý định trở thành nhà nặn tượng hay họa sĩ. Nhưng Épđôkya Xavêliépna tôn trọng những người làm các nghề khác.

— Vaxya Karmanôp đã không phụ lòng mong mỏi của tôi. Hoàn toàn không phụ lòng tôi! — Bà thốt lên. — Anh ấy đã trở thành trưởng trạm ô tô cần điện! Vậy mà thoát đầu, anh ấy chỉ là lái xe thôi đây.

— Anh ta đã vượt qua chặng đường từ người lái xe đến cương vị lãnh đạo. — Ở nhà Ôlya nói với chúng tôi. — Nói cho đúng hơn, anh ta đã qua chặng đường đó bằng xe, chứ không phải bằng đôi chân.

— Như Lêsa Lápsin đây... Anh ấy hoàn toàn không phụ lòng mong mỏi của tôi! — «Épđôkya điên rồ» làm rùm beng tại cuộc họp cha mẹ học sinh. — Bây giờ anh ấy là trưởng ban điều độ. Trưởng ban! Tôi muốn con các vị cũng được như thế.

Bà không đặt ra cho chúng tôi những nhiệm vụ cao hơn.

Bà thường xuyên giáo dục học sinh hiện nay bằng cách nêu các trò cũ ra làm gương, nhằm mục đích ấy bà tổ chức các cuộc gặp gỡ và chuyện trò. Còn trong thời gian đó, Ôlya học ở trường nghệ thuật. Ngoài ra nó còn học tiếng Ý để đọc các thiên tài thời Phục hưng bằng tiếng mẹ đẻ của họ.

còn bao giờ gặp lại, song quả đã từng có trong cuộc đời anh.

Mặc dù nguyện vọng ấy đã thắng, Paven Ghêorghiêvich vẫn gãi gãi sông mũi tự mĩa mai mình (từ khi có tuổi, đôi khi anh thích tự nhạo những ham muốn của bản thân). Đoạn, anh bước vào buồng, nơi các bạn đồng hành còn đang ngủ say. Anh thu xếp vali, vơ chiếc áo khoác, rồi để mặc cho bác phụ trách toa, đang lạng lẽ quét dọn ngoài hành lang, tha hồ mà ngạc nhiên, anh đột ngột xuống ga xép hẻo lánh này vào buổi sớm tinh mơ một ngày tháng Bảy. Anh không xuống tàu ở nhà ga trong thành phố, mà cô tình xuống ở đây để được «cuộc» bộ về thành phố.

Vài phút sau, đoàn tàu chuyển bánh, các ô kính rực hồng ánh bình minh, các rèm cửa đẩy bụi than thấp thoáng đi xa dần, giấy vụn bên lề đường bị gió cuốn lên bay lá tả, những cuộn khói trên đầu tàu lạng lẽ bay xa mãi về phía tây, tan biến dần trên bầu trời ban mai trong vạt màu hoa từ đỉnh hương. Xung quanh trở lại tĩnh mịch.

Bên nền đường, trong không gian im ắng khác thường, chỉ còn nghe tiếng cào cào đạp phanh phạch.

Ngồi trên vali, Xaphônôp bồi hồi hút hết điều thuốc. «Tuyệt vô cùng!»—anh thầm nghĩ, căng lồng ngực thở hít không khí mát lạnh và trong lành như nước nguồn. Thảo nguyên sắc sỡ muôn màu hoa cỏ mùa hè và âm áp vào buổi bình minh êm ả ấy, đang ứng hồng sau dãy đồi đàng đông. Xa tít trên sườn đồi, một chiếc xe tải đang cuốn bụi đường cuộn cuộn lên không trung rực đỏ vô tận. Cũng nơi xa ấy, nổi bật như thể được khắc họa trên nền đỏ, là những chóp quặng đá thái, đường nét xa xôi của một tháp nước, những cụm nhà trắng trắng tường vôi, những ngọn cây thùy dương nhọn hoắt.

Paven Ghêorghiêvich rời nền đường thông thả bước xuống cánh đồng tựa hồ đắm mình xuống thung sâu còn tràn ngập không khí ẩm ướt tươi mát. Cả một

luồng hương ngái cứu phá vào mắt anh. Ra được đến đường cái thì hai ông quần anh đã sũng sương sớm, quả ké bám đầy ông quần và áo khoác, những cánh hoa ướt bám đầy vali.

Anh bước thông thả trên đường, khoan khoái sục mũi giày vào lớp bụi mịn màng. Anh bẻ một cành nhỏ lớp vỏ non còn ươn ướt, và muốn ngấm những giọt sương rơi, anh nghịch ngợm quật nhẹ vào đầu một bông hoa tím ven đường (hồi bé, anh biết tên bông hoa ấy, nhưng giờ đã quên). Từ trong nhụy hoa một chú ong vàng ngái ngủ choàng dậy bay lên mình bám đầy phấn. Nó vo ve tức tời bay ngang qua mặt anh.

— Gớm chưa!—anh thốt lên, đưa mắt vui vẻ nhìn theo.—Xin lỗi chú mình về tội đã quấy rầy nhé...

Thế rồi, anh về đến thành phố quê hương. Phố xá ngoại ô đón anh với những bóng cây dương già, bóng nhà cửa đồ dài suốt chiều ngang mặt đường. Đó đây trong vườn các nhà bốc lên làn khói lam của âm pha trà xamôva, những cành táo vươn ra ngoài rào hững hắng âm. Xaphônôp vừa bước đi vừa vung vẩy cái cành nhỏ trong tay, căng lồng ngực thở hít hương vườn cây quả lẫn hương khói xamôva đượm mùi nhựa củi thông. Hương vị ấy, những bóng râm ấy nhắc nhở anh nhớ lại tuổi thơ, với chuồng chim câu, với trò chơi trận giả «Sur đoàn trưởng Sapaép», với những cuộc đột nhập tàn phá vườn cây quả nhà láng giềng... Cái thời đã xiết bao xa cách! Mà nó đã từng có bao giờ chưa nhỉ?

Suốt một ngày anh lang thang khắp phố phường. Anh không còn nhận ra thành phố quê hương nữa. Và thành phố cũng không nhận ra anh. Cái thành phố thảo nguyên cổ kính ấy như thể được dựng lại, được xây mới hoàn toàn. Khu trung tâm sáng loáng những quầy kính hiện đại của đủ các loại cửa hiệu, đông nghịt dòng người áo quần sắc sỡ vội vã qua lại các ngã tư. Các chiến sĩ công an, mặt xạm nâu nắng gió, đồng phục trắng muốt, động tác thuần thục đến duyên dáng, giờ gây cảnh sát điều khiển giao thông. Từng tốp người uể

Đôi khi, sau những cuộc họp cha mẹ học trò, Épdôkya Xavêliépna cứ cố tìm cách để tôi làm quen với con gái bà ta. «Mặt giáp mặt mà chẳng nhìn thấy mặt»¹ — bà trích dẫn, nhân một trong những cuộc mạn đàm như vậy. «Exênin muốn nói đến những khoảng cách *thời gian*», — tôi bác lại.

Épdôkya Xavêliépna làm tập phiếu về những học sinh cũ. Như tập phiếu về sách trong các phòng đọc và thư viện... Trong phiếu, ngoài địa chỉ, số điện thoại và những điều về tiểu sử còn ghi rõ cuộc gặp gỡ người học trò cũ được tổ chức hồi nào và có bao nhiêu em tham dự.

— Bà ấy làm họ mất công mất việc. Làm chúng con mất công mất việc, — Ôlya thở dài. — Giá như ngày đêm dài gặp đôi thì chẳng kể! Như vậy còn tạm được.

— Con hoàn toàn đúng, — Nadya đồng ý. — Nhưng nên rộng lượng. Bà ấy không có gia đình, bà ấy chẳng có việc gì phải vội vàng.

Nadya thương «Épdôkya điên rồ», nhưng còn lo cho Ôlya hơn.

— Không nên để xảy ra xung đột, — nàng van nài.

Nỗi lo sợ ấy bám riết chúng tôi kể từ ngày con gái chúng tôi ra đời: ngộ nhỡ có chuyện gì xảy ra cho nó thì sao?

Trong gia đình ba người, bao giờ cũng có một người bị thiếu số: hoặc người đàn ông, hoặc người đàn bà. Trong gia đình chúng tôi, ở địa vị thiếu số là tôi với Nadya: con gái chúng tôi là trung tâm và là bộ mặt của gia đình. Nó đáng được hưởng cái quyền đó. Và chúng tôi lấy thế làm hạnh phúc.

Trước đây, đã lâu lắm rồi, tôi gửi những truyện ngắn viễn tưởng của tôi đến tòa soạn những tạp chí dày và mỏng. Người ta gửi cho tôi những bức thư trả lời viết bằng giấy nhẵn và bên, trên có in tên tờ tạp chí. Ở đầu và cuối thư là những lời bày tỏ sự trân trọng,

¹ Một câu trong bài thơ «Thư gửi một người đàn bà» của Xécgây Exênin (1895-1924), nhà thơ Nga Xô-viết.

còn ở giữa thư người ta giải thích với tôi rằng những tác phẩm văn học của tôi chẳng có gì đặc sắc. *Cứ na ná giống người khác*, khổ nhất cho tôi là cái đó. Tôi mà là học trò của Épdôkya Xavêliépna thì hẳn là bà quý tôi lắm đây!

Còn Ôlya thì thậm chí rửa bát đĩa nó cũng làm theo *cách riêng của nó*: êm nhẹ và nhanh chóng.

— Đừng pha trò về những cuộc gặp mặt đó với các học sinh cũ, — Nadya van vãn. — Và đừng đặt câu có vấn đề gì cả. Mẹ xin con đây.

— Không, con không thể hiểu được, — Ôlya đáp. — Tại sao tất cả bọn chúng con cứ phải phí phạm thời giờ và sức lực vào những việc chỉ đem lại niềm vui cho một mình cô Épdôkya. Cô quý trọng những người đó ư? Thì cô cứ việc gặp họ. Chứ làm như kiểu này thì có thể tổ chức những tối vui để tỏ lòng quý trọng bất cứ người nào trong những người ở cùng nhà với chúng ta. Mỗi người đều đáng quý đối với một người nào đó. Con nói không đúng ư?

— Con nói đúng... Nhưng dù sao mẹ xin con đừng đặt câu giec vãn.

— Con ghép vãn vụng lắm. Épdôkya hẳn phải vui sướng vì những câu có vần như thế.

— Dù sao mẹ vẫn xin con...

Với những học trò cũ, «Épdôkya điên rồ» đòi họ kể tỉ mỉ về «công việc lao động thường ngày» của họ: người kê toán kể về công việc kê toán, trưởng ban sử dụng nhà ở kể về công việc của ban, bếp trưởng kể về bếp núc.

— Thú vị lắm! Thật là bổ ích! — Épdôkya Xavêliépna hân hoan.

Và những học sinh đã bị bà xỏ mũi một cách khá êm thấm bằng giọng nói oang oang của bà, đều ngoan ngoãn phụ họa theo, nói rằng họ thích thú thực sự. Còn Ôlya im lặng... Bởi vì trong giờ gặp gỡ giữa các học sinh hiện nay và các học sinh cũ, nó đã vẽ đi vẽ lại đến lần thứ mười bức tranh «Ông già cầm bức điện» gì đó hay khổ sở vì hình con chó không sống động và cái

oải, mồ hôi nhễ nhại, trốn tránh nắng hè gay gắt, đứng đợi torôlâybuýt dưới những gốc phượng râm mát lôm đôm bóng nắng. Khắp mọi chỗ đều có bán nước ga giải khát như ở Mátxcova, và y như ở phố Goócki vậy... Thế mà ngày nào, tại đây chỉ có những người bán kem, mặt mũi đỏ gay, mình mang tạp dề trông như những lao công quét rác; đường phố thì nắng chói chang, vắng tanh vắng ngắt, chỉ thấy mấy con chó thè lè lưỡi nằm dài lim dim ngủ dưới bóng râm thêm cửa và vài đàn gà cục cục kiếm ăn trong đôm ngải cứu trắng xóa bụi đường.

Xaphônốp lững thững qua lại bốn lượt đường phố nơi anh đã ra đời, nơi xưa kia có ngôi nhà nhỏ của gia đình anh, tường bằng đất sét lèn, thấp lè tè. Giờ đây ở chỗ ngôi nhà xưa là một phố đường đôi, với những hàng cây, lối đi giải khát mịn, loang lổ bóng mát, lôm đôm bóng nắng. Phố đường đôi xưa kia chưa hề có này rõ ràng không nhớ, không hề biết đến tuổi thơ của anh, lại càng không thể hay rằng chính nơi đây, cạnh cái cửa vườn rau không còn nữa, anh đã vụng về ôm hôn Vêra, và nàng đưa tay lên sờ làn môi, lạ lẫm, đoạn ngược mắt lên ngõ ngang và bồi hồi hỏi: «Từ nay, đến suốt đời chứ anh?...»

Xaphônốp ngồi xuống một chiếc ghế đá, đưa mắt ngắm nhìn đường phố mới hồi lâu, lòng se lại. Không còn một dấu vết nào của thời xưa, thời thơ ấu của anh, không còn gì hết... Anh thấy buồn tủi, thấy khó hiểu, dường như mình bị đánh lừa một cách tàn nhẫn, ác độc, bị tước đoạt những thứ không ai được quyền tước đoạt.

Vítka Xnhêghirép giờ ở đâu? Vêra ở đâu? Vítka là tình bạn nam nhi keo sơn đầu tiên, Vêra — như người đời thường nói — là mối tình đầu, da diết và cảm động nhưng đã không thành, với những bức thư nhỏ trao tay ở trường với những bông tuyết rơi ngập ngừng cạnh thêm, với cái hôn vụng về đầu tiên mà anh không thể nào quên...

Paven Ghêorghievích nhìn những chiếc xe nôl, nhìn

những đứa trẻ đội mũ tai bèo đang mãi mê nghịch cát, nhìn chàng trai, nước da rám nắng, mặc áo sơ mi cộc tay, nhìn cô gái mảnh mai như thiếu nữ, môi ngậm một nhành hoa phượng; anh ngắm nhìn những người không quen ấy sóng bước dọc bóng cây, đoạn đứng dậy, bằng một động tác chậm chạp, già nua, vắt áo khoác lên cánh tay. Chẳng hiểu sao anh bỗng cảm thấy mình là khách du lịch trong thành phố quê hương.

Thế rồi một sức hút vô hình nào đưa anh về phố Vườn ươm; ở đó, ở cái phố ngoại ô cây cối mọc um tùm ấy, trong thế giới tuổi thơ xa xưa, có Vítka Xnhêghirép, và trong ngôi nhà nhỏ ở góc phố, cạnh hiệu thuốc, có Vêra. Anh muốn được biết đôi chút tin tức về họ: «Họ đâu rồi? Ra sao rồi nhỉ?»

Cả dãy phố vẫn như xưa, vẫn những cây phượng già xen lẫn những cây dương vượn cành lá lòa xòa dọc theo các hàng rào, tạo thành một mái che xanh um trên phố nhỏ, vẫn những bông hoa dương xù xì như những con sâu róm, rải rác khắp vỉa hè như trong thời thơ ấu xa xưa. Xaphônốp đưa mắt nhìn suốt lượt những ngôi nhà một tầng rợp bóng mát ở hai bên đường, thân thiết từ thuở bé thơ, với những ô cửa kính lấp loáng trên các hàng hiên chằng chịt dây leo trường xuân. Mắt anh hau háu dò tìm những nét cũ quen thân độc nhất vô song.

«Đây kia rồi, ngôi nhà nhỏ... Ngôi nhà của Vítka Xnhêghirép! Đúng rồi! Nhà số 5». Số nhà cùng bóng đèn treo trên con số hầu như bị che khuất sau cành lá um tùm. Paven Ghêorghievích bỗng mỉm cười ngạc nhiên. Anh hắt cao mũ lên. Và bỗng cảm thấy do dự trong giây lát. Nhưng rồi anh vẫn bước từng bậc lên thêm cửa ọp ọp cũ kỹ chan hòa ánh nắng và thơm mùi gỗ hong khô.

Người ra gặp anh là một phụ nữ đứng tuổi mà anh không hề quen biết. «Dạ không, từ sau chiến tranh gia đình Xnhêghirép không ở đây nữa, dọn đi cả rồi ạ. Dạ, nếu chúng tôi không lầm thì hình như họ dọn đến thành phố Xvécdlôpxcơ thì phải. Hình như anh con trai

nhìn của con vật không biểu lộ lòng trung thành và tinh khôn của loài chó.

Épđôkya Xavêliépna mê thích những cuộc triển lãm và trưng bày mỹ thuật. Nhưng khi tổ chức đi tham quan nhà bảo tàng, bà vẫn đặt từ «tham quan» lên hàng đầu, coi là từ có ý nghĩa bậc nhất.

Có lần, được xem tranh và tượng của Ôlya giới thiệu trên màn ảnh truyền hình, trưởng ban giáo vụ đề nghị tổ chức trưng bày những tác phẩm đó ở trường. Bà muốn biết ý kiến của giáo viên chủ nhiệm... Nhưng hóa ra là «Épđôkya điên rồ» không có tivi. Thêm nữa, bà cho rằng điều đáng làm hơn là nên tổ chức triển lãm tác phẩm của *tất cả những học sinh* nào biết cầm bút vẽ và bút chì trong tay. Bà chọn hai bức vẽ của Ôlya, không nhiều hơn những người khác.

Có lần lớp 9 - B quyết định diễn bằng tiếng Anh một cảnh trong vở «Đêm thứ mười hai» của Sêcxpia. «Épđôkya điên rồ» dạy sử, nhưng bà trở thành người đạo diễn màn kịch đó. Tuy ai nấy đều biết Ôlya giỏi tiếng Anh nhất lớp, nhưng nó chỉ được nói vài câu trên sân khấu. Các vai chính dành cho những học sinh loại xoàng được Épđôkya yêu mến.

Bà ấy luôn luôn nhắc nhở chúng con rằng không có những vai tầm thường, mà chỉ có những diễn viên tầm thường, — sau này Ôlya kể lại. — Bà ấy dùng kinh nghiệm của Xtanixlápki¹ để áp chế chúng con!

— Nhưng chắc hẳn Xtanixlápki không muốn nói rằng những diễn viên tầm thường phải đóng những vai lớn, — Nadya nói.

— Sống với những kẻ tầm thường thì yên thân hơn, — Ôlya giải thích cho chúng tôi. — Nói chung những người như thế gần bà ta hơn nhiều. Phải quen với tình trạng đó. Đành cam chịu vậy.

¹ Xtanixlápki C. X. (1863-1938) — đạo diễn sân khấu nổi tiếng, nghệ sĩ nhân dân Liên Xô.

— Trời ơi, con gái chúng ta có tài, nó sẽ long đong lận đận trong thế giới những người bình thường, — tôi nói với Nadya.

— Em và anh cũng là những người bình thường, — nàng đáp. — Nhưng chúng ta có sợ những người có tài đâu?

Bà giáo chủ nhiệm quả thực đã *lãnh đạo* được trí óc và hành động của học sinh lớp 9 - B. Và noi theo bà, các em không muốn nhận thấy cái gì không quen thuộc đối với các em. Cái rục rờ không làm cho họ vui sướng, mà làm họ lóa mắt. Dường như họ đã đeo kính bảo vệ, họ nhìn Ôlya của chúng tôi cũng qua thứ kính đó.

Trong khoảnh khắc, tôi nhớ lại tất cả những điều đó khi nhìn cái mũ của «Épđôkya điên rồ», nó che lấp khuôn mặt bà.

Có chuyện gì đã xảy ra trong chuyến đi chơi xa đó? Ở đây họ làm cho con gái chúng tôi bế bồng đến thế nào nữa? Tại sao con bé không chịu đựng nổi? Hiện giờ nó ở đâu?

Sau lưng tôi là Nadya... mà nàng có bệnh tim.

«Ôlya biến mất tôi hôm qua. Nếu như lát nữa nó không xuất hiện ngay, — tôi nghĩ, — thì không thể tưởng tượng nổi tình cảnh chúng tôi sẽ ra sao. Không thể tưởng tượng nổi».

* * *

— Người ta bảo kẻ thù nguy hiểm nhất là những kẻ trước kia đã từng là bạn, — có lần Ôlya nói. — Con đã thấy rõ là đúng như thế.

Nó im lặng một lúc rồi nói thêm:

— Nhắm vào ai mà con nói như vậy ư, nếu hỏi thì con xin thưa: nhắm vào Liuxi!

Nó gọi tên Liuxya Katunina theo kiểu Pháp: Liuxi! «Như trong nhà Rôxtôp! — Ôlya giải thích. — Hay trong nhà Bônkônxi».

ông bà ấy làm giám đốc một nhà máy ở đó. Hồi năm kia, anh ấy đi phép có ghé qua đây. Dạ thế ông là chỗ thế nào với họ? Thân thích hay chỉ quen biết thôi ạ?»

Paven Ghêorghiêvich vừa nghe bà ta nói, vừa ngả mũ mân mê trong tay. Đến khi hiểu ra, anh bực bội lắm bầm đáp lại câu hỏi: «Vâng, tôi có họ xa...» Lòng đau buồn, như thể lại bị ai đánh lừa, anh lảng lạng bước xuống thêm.

Đi đâu bây giờ? Dẫu sao, anh chưa hết hy vọng được gặp một ai, được biết đôi điều về một người quen cũ nào đó. Anh vẫn còn nhớ như in, anh chưa hề bao giờ để phai nhạt trong ký ức mái nhà cao nhọn của cửa hàng được phẩm tận cuối phố, và bên cạnh, dưới mây gốc dương là ngôi nhà của gia đình Vêra.

Tuy nhiên giờ đây, trên đường đi về phía ngôi nhà lấp ló sau hiệu thuốc ấy, bước chân anh bỗng trở nên dè dặt, sợ sệt và lòng hồi hộp đến nỗi anh phải đứng lại ở góc phố, dưới mây gốc dương để lấy lại nhịp thở. Chẳng lẽ anh vẫn còn yêu Vêra ư? Anh không còn hiểu nổi: tình cảm nào đã choán lấy lòng anh, một người đàn ông đã có vợ, có gia đình, sự nuôi tiếc da diết về một ước vọng không thành, vừa mới lại bùng lên giây lát, hay hồi ức về những cảm giác đầu tiên của niềm hạnh phúc vụt thoáng qua từ xa xưa?

Anh lau mồ hôi trán, bậm chuông. Rồi đứng đợi, tay mân mê vành mũ, cố nén sự rụt rè.

Bà mẹ của Vêra đã già xạm hẳn đi (anh lập tức nhận ra bà, còn bà, bà không nhận ra anh ngay: «Trời, Paven đây ư? Anh đã về thật ư, Paven?») Bà lảng xãng đến kỳ cục, ngượng ngập xin lỗi anh về nỗi nhà cửa bộn bề, mời anh ngồi xuống divăng và hình như quá vội vã, hấp tấp vừa hỏi han anh, vừa kể rằng: «Chúng tôi có được nghe, chúng tôi biết anh đã thành đạt nhiều». Anh chỉ hiểu lơ mơ những điều bà nói, sốt ruột chờ bà kết thúc chuỗi câu hỏi của bà. Cuối cùng, giọng ngập ngừng, anh hỏi:

— Thưa bác, Vêra bây giờ ở đâu ạ?

— Vê-ê-ra ấy à? — Bà nhìn anh, lạ lùng, rồi nhắc lại

khẽ hơn: — Vêra à? — Và quay đi, đưa tay lên đường như cô che khuất mặt.

— Vêra đâu ạ? — anh gần như thì thào nhắc lại câu hỏi.

— Chẳng lẽ anh vẫn chưa hay biết gì ư, Paven? Vêra... Vêra không còn nữa... Những năm chiến tranh, nó làm cứu thương mà...

Có lẽ nào lại thế ă! — anh thốt lên bối rối, giọng lạc hẳn đi.

Sau đó, anh nhớ: khi tiễn chân anh, bà mẹ Vêra cứ nhìn xói vào tận tròng mắt anh — một cái nhìn thăm thẳm, đăm chiêu và miệng bà lẩm bầm rầu rĩ:

— Thật tội nghiệp! Tội nghiệp quá! Cùng lớn lên, cùng chơi với nhau...

Xaphônốp cảm thấy mệt mỏi vô cùng. Bây giờ, anh chẳng còn biết đi đâu, tìm ai nữa. Anh lững thững tạt vào một quán cà phê ngoài trời, ở góc phố. Trời nóng nực và oi bức, khiến anh chẳng thiết ăn. Khi người phục vụ bước đến bên, anh chỉ mua hai chai bia, đoạn ngồi lẳng lẽ hồi lâu dưới chiếc dù con che nắng, giữa tiếng chuyện gẫu ồn ào, mắt lơ đãng nhìn thành phố xanh um những hàng cây phượng — một thành phố phương Nam với vẻ đẹp chói chang trắng xóa và không hiểu vì sao giờ đây trở nên xa lạ đối với anh.

Anh cảm thấy cô đơn, buồn khổ. Bực dọc và bất mãn trong lòng, anh bỏ dở chai bia, đột ngột trả tiền và bất ngờ đối với chính mình, ngoan cố quyết định lại đi lang thang khắp phố xá một lần nữa, với một hy vọng mỏng manh.

Nhưng rút cục, anh vẫn không gặp một ai. Đến mười giờ tối, mệt lử và như thể bị cướp mất cái gì, anh lần về phía nhà ga, ra đến phố Ga xô một. Trong bóng hoàng hôn êm ả, đèn đường vừa bật, mặt đường phố bóng lên như những dải lụa vàng thẳng băng, không khí mát lạnh tỏa ra từ các vườn cây, nhà nhà đã lên đèn, chiếc máy quay đĩa nhà ai vang vang trên sân thượng. Trên đường phố, những chiếc tơrôlâybuýt lao vun vút về phía công viên thành phố, đèn trong xe bật

Liuxya một mực đoán trước rằng con gái chúng tôi sẽ trở nên như họa sĩ Italia Lêôna đờ Vanhxi. Mặc dù Ôlya không ưng, Liuxya cứ ôm cặp bìa đựng những bức vẽ đi theo bạn, thậm chí còn chuẩn bị màu và rửa bút vẽ cho Ôlya. Có người phụ nữ nào không xiêu lòng trước một tình yêu đắm đuối như vậy? Ôlya bắt đầu kết bạn với Liuxya. Tuy vậy nó chẳng có mấy thời giờ dành cho tình bạn.

Ngay cả Liuxya cũng chẳng rảnh rỗi gì cho lắm. Mẹ Liuxya nằm liệt giường đã nhiều năm ròng. Người chăm sóc bà là một cô của Liuxya, em gái của bố cô bé, bà ta không có chồng. Nhưng Liuxya chốc chốc lại gọi điện về nhà, ngay cả lúc đang ở trường hay ở chơi nhà chúng tôi.

Tha thiết muốn đem lại niềm vui cho mẹ, cô gái reo lên:

— Giá như mẹ được thấy hình con sư tử ngủ mà Ôlya nặn! Suốt cả buổi chiều con cứ thì thầm: ngộ nhờ nó thức giấc thì sao nhỉ?

Liuxya thường đem những tác phẩm của Ôlya về cho mẹ xem. Và cô bắt Ôlya hứa rằng khi mẹ có khỏi bệnh (đã có hi vọng như thế!), Ôlya sẽ vẽ chân dung mẹ cô.

Chính Liuxya cũng vẫn vẽ tranh, nhưng giấu không cho ai biết. Còn chúng tôi chỉ thấy những chữ đầu đề của cô trong tờ báo châm biếm của trường mà theo đề nghị của Ôlya, được đặt tên là «Tiếng bập bẹ của trẻ em».

Mọi việc bỗng thay đổi bất ngờ.

Những đám mây đen đầu tiên xuất hiện vào ngày mà trường nghệ thuật tổ chức cuộc gặp mặt một nhà danh họa Liuxya rất tôn sùng nhà họa sĩ bậc thầy đó. Nhưng những người khác cũng tôn sùng ông, vì thể hội trường đông nghịt. Và Ôlya không thể đưa bạn vào được.

— Con không tìm được chỗ cho Liuxya trong hội trường, — tôi hôm ấy, Ôlya kể lại. — Những người gác ác nghiệt đứng canh ở cửa. Vậy mà nó giận... Nhưng

có gì đáng giận kia chứ?! Viện sĩ hội họa vẽ giỏi hơn ông nói chuyện nhiều. Con bảo nó: «Bạn biết tác phẩm của ông ấy rồi. Như vậy là bạn quen ông ấy. Nghệ sĩ tức là các tác phẩm của mình».

— Thế bạn ấy tỏ thái độ ra sao? — Nadya hỏi.

— Nó trả lại con cái cặp đựng những bức vẽ. Như người ta thường nói, «chị hãy lấy lại những món đồ chơi».

— Rồi tiếp đó thì sao?

— Thế thì mệxi, cô bạn thân mến Liuxi! — Ôlya đùa, bằng một câu có vần.

— Tìm bạn khó hơn là để mất bạn, — Nadya nói.

— Đã có thể mất được thì người bạn ấy không lấy gì làm báu lắm!

— Con không tìm được chỗ trong hội trường ư? — Nadya nói bằng giọng trầm ngâm. — Nếu như con không tìm được chỗ trong trái tim con... Nhưng chính với gia đình ta, Liuxya đã thổ lộ điều bí mật đau xót nhất của nó kia mà!

Thời kì ấy, buồn thay, Liuxya được biết rằng đã từ lâu bố cô yêu một người đàn bà khác, chứ không phải mẹ cô.

— Lúc này con càng cần rộng lượng hơn với Liuxya, — Nadya nói.

— Đây là chuyện bình thường, — Ôlya buồn rầu đáp.

— Nhưng khi gặp chuyện ấy, bất cứ ai cũng có cảm giác như thể không một người nào khác từng gặp phải cảnh ngộ như vậy.

— Con đề nghị nói chuyện với bố bạn ấy. Nhưng bạn ấy từ chối: «Mình không cho rằng bố mình có lỗi». Hợp lý lắm... Thì chúng ta cũng có qui lỗi cho Anna Karênina đâu. Của đáng tội thì ông Karênin không bị ốm liệt giường. Mọi việc quá phức tạp. Làm sao mà hiểu được!

sáng trưng, nên trông chúng như những hộp kính màu xanh, ở góc phố, bảng quảng cáo của một rạp chiếu phim đang lập lòe những ánh đèn neon xanh đỏ.

Trong thành phố này không còn một ai biết anh. Trừ bà mẹ của Vêra...

Paven Ghêorghiêvich đi đến cạnh trạm đỗ torô-lâybuýt. Anh mặc áo khoác, ngẩng đầu lên và bỗng nhìn thấy ngôi trường của mình ở một ngách phố—tòa nhà bốn tầng, với những ô cửa sổ đen ngòm, vẫn đứng nguyên đó, như khi xưa... Nó vẫn như cũ, như trong thời thơ ấu, như bao năm về trước.

Có đến mấy phút, anh đứng nhìn không chớp mắt hình khối tối đen của ngôi trường, rồi như bị ai thôi thúc, anh khoát tay, bước vào vườn cây tối um ở sân trường... Với một cảm giác mê mên khoan khoái, anh ngồi xuống dưới gốc cây phượng già xưa kia, trong những giờ ra chơi, anh cùng các bạn thường chơi «Hái hoa». Ấy là thường vào mùa xuân, khi mặt đất còn thâm đậm hơi ẩm để chịu lại lòng!.. Anh đưa tay lên sờ cái ghế băng, vuốt ve thân cây phượng và mỉm cười, dường như anh gặp lại một người quen xưa, nhân hậu khôn cùng—một người bạn cũ không chút đổi thay, biết tất cả về Paven Xaphônốp và Paven Xaphônốp cũng biết tất cả về bạn...

Không lẽ anh cũng từng có một thời ngồi sau chiếc bàn học sinh? Không lẽ, đã có một thời, vào những kỳ thi mùa xuân, sấm từng rền vang trên mái trường và trận mưa rào tháng Năm từng ập xuống thành phố, với tiếng lao xao reo vui của cơn đông đầu mùa. Trận mưa ào qua, lớp bột trên mặt đường nhựa, rào rào trong tán lá cây, róc rách trong các ống máng, với những tia chớp tím xanh trên nền sẫm đen của các ngôi nhà... Và khi ấy, muôn bỏ mặc thi với cử, cùng lũ nhóc con ủa ra dưới những dòng nước mưa âm áp reo vui, quần xắn tận gối, chân đá tung tóe những vũng nước còn đang bốc hơi, đang phập phồng bong bóng nhưng đã soi rõ bầu trời quang mây trong sáng trở lại.

«Đúng rồi, quả đã từng có như vậy mà!» Anh hình dung lại mọi sự rõ như in. Anh lại ngẩng nhìn bóng ngôi trường đen sẫm, lòng dào dạt xúc động và hiêu kỳ. Và bỗng anh phát hiện ở phía bên phải, giữa vườn cây phượng tối om ẩm ướt, một đốm lửa đỏ đỏ, le lói lọt qua lá cây um tùm. Không có lẽ vẫn Maria Pêtorôpna ư?... Xưa, cô Maria Pêtorôpna, cô giáo toán của anh, vẫn ở đây, vậy mà sao anh không nghĩ ngay, không nhớ ngay đến cô nhỉ? Anh vẫn là học trò cưng của cô, cô từng tiên đoán anh có một triển vọng rực rỡ về toán học...

Xaphônốp nhóm dậy, rảo bước theo hàng cây, tiến sâu vào khu vườn. Khi nhìn thấy mái nhà còn ẩn dưới những gốc cây cao, ánh đèn mờ mờ trong khung cửa sổ che lấp tấm rèm đỏ, anh hồi hộp đến nghẹn thở. Đã bao năm trời anh không được gặp cô! Liệu cô có còn ở đây không? Còn sống không? Đời cô ra sao rồi? Biết bao điều gắn bó với cái tên Maria Pêtorôpna ấy!..

Xaphônốp thận trọng, nín thở, bước lên thêm cửa. Anh định gõ cửa, nhưng cửa mở. Anh bước vào tiến sánh tối om, sắc mùi dầu hỏa. Anh thấy một vệt sáng dưới khe cánh cửa dẫn vào phòng ở.

Anh gõ cửa. Không có tiếng trả lời.

Xaphônốp bối rối đẩy cửa, nhưng cửa khóa, và đến giờ anh mới hiểu ra: trong nhà không có người. Tự cười giễu mình, anh đứng im giây lát lắng nghe tiếng radiô trong căn phòng trống trải. Đoạn, anh lần mò trong tiến sánh tối om, tìm lối ra. Anh va phải cái gì đó, một cái xô rơi loảng xoảng, Paven Ghêorghiêvich bất giác cúi xuống định nhặt cái xô lên thì lại rơi mất mũ. Bực mình, anh rửa: «Ôi, của khỉ!»

— Ai đây?—có tiếng người hỏi từ phòng vọng ra.

Paven Ghêorghiêvich đứng thẳng người lên, quay mặt lại. Đứng trong khung cửa sáng ánh đèn là một người đàn bà thấp bé, gầy gò. Ngay tức khắc, còn chưa nhìn rõ mặt, anh đã nhận ra cô...

— Thừa cô Maria Pêtorôpna,—anh nói khẽ, tha thiết,—cô có nhận ra em không ạ?

— Mời anh vào nhà,—cô nói, vẫn cái giọng lịch sự

— «Mỗi gia đình bất hạnh đều bất hạnh theo cách riêng của mình», — Nadya trích dẫn¹, nói một cách chậm rãi.

Từ khi ngẫu nhiên trở thành người bảo vệ bí mật của bố, Liuxya bắt đầu bị điểm hai.

— Mang trong lòng một nỗi niềm như thế thì khó mà học hành được, — Nadya nói. — Bây giờ nó bụng dạ đâu mà nhớ các công thức.

Liuxya bị đưa ra phê bình tại cuộc họp lớp.

Nhưng Ôlya đứng ra bênh vực bạn. Mặc dù đây là sau vụ xích mích nhân cuộc gặp gỡ nhà danh họa.

— Bàn tay cứu giúp có thể làm được một việc gì đó nếu người ta không gạt bỏ nó, — Ôlya kể lại sau cuộc họp. — Liuxya quay về phía con chỉ để nói: «Tôi không cần ai bênh vực».

«Làm sao con bé lại kiêu ngạo thế nhỉ?» — tôi nghĩ. Bỗng nhiên tôi nhớ ra rằng cô bé Liuxya nhỏ nhắn mảnh dẻ đã có lần chứng minh với tôi rằng hầu hết những người vĩ đại đều có tâm vọc trung bình.

Sau lần phê phán tại cuộc họp lớp, «Épđôkya điên rồ» đột nhiên che chở cho Liuxya Katunina dưới cánh của mình, hay nói cho đúng hơn, dưới vành mũ xệ của chiếc mũ kiểu cổ. Bà cho cô học trò bị điểm hai làm lớp trưởng.

Khi ấy tôi hiểu rằng sự hờn giận của Liuxya chỉ là cái cớ. Chẳng qua con bé quyết định đi trong hàng ngũ chung... Và nó đôi xừ với Ôlya «theo hệ thống Épđôkya Xavêliépna».

— Lớp trưởng của chúng con phải lớn đến một trăm tuổi! Ấy thế rồi cũng vẫn không lớn thêm lên được đâu. — Ôlya nói với vẻ vui gượng. — Ngay cả «Épđôkya điên rồ» cũng không giúp được gì trong việc này. Mặc dù Liuxya rất muốn lớn lên: hôm nay nó chính con vì đến lượt trực nhật mà con không tới. «Nhưng bạn thừa biết là mình bận việc. Mình nặn

¹ Trích dẫn lấy từ tiểu thuyết «Anna Karênina» của văn hào Nga Lép Tônxtôi.

tượng... Ở trường nghệ thuật sắp thi đến nơi rồi!» — con nói với nó. «Ở lớp ta mọi người đều làm việc!» — Liuxya đáp.

Mọi người... cho mọi người... cũng như mọi người...

Tôi hiểu rằng lần đầu tiên con gái chúng tôi gặp phải sự phản bội.

Trước mặt Nadya, chưa lần nào tôi thốt lên tiếng đó. Khi có người dùng lời lẽ gay gắt buộc tội một người nào, nàng co rúm lại như bị ném đá.

— Cần thể tất cho người ta, — lần nào nàng cũng nói như vậy.

Cần thể tất... Tôi vừa nghĩ đến điều đó vừa cố nhìn cho rõ Liuxya sau lưng Épđôkya Xavêliépna. Nhưng cô ta lẩn trốn. Cô ta sợ tôi và Nadya sẽ hỏi: «Cháu đã làm gì người bạn cũ của cháu, hả Liuxya?»

* * *

Nếu sau này có lúc người ta sẽ nghiên cứu thời kì đầu sáng tác của Ôlya và muốn tìm xem trong những năm ấy, ai gây trở ngại nhiều nhất cho nó trong công việc thì sẽ phải nêu tên Borya Antôkhin, — có lần tôi nói đùa.

Nhưng đây không phải là đùa.

Là gã đẹp trai nhất không chỉ riêng trong lớp Ôlya, mà trong cả trường, Borya có thể dẫn mình vào những cuộc tình lãng mạn, nhưng cậu ta lại dốc sức vào hoạt động xã hội bất kham.

— Giá như có một Mông Lida¹ nào đó ở lớp tám hay lớp chín lôi cuốn anh ta sang hướng khác!.. — Ôlya bày tỏ hi vọng.

Nhưng Borya không bị lôi cuốn sang hướng khác. Cậu ta là người chủ chốt thực hiện mọi ý định và sáng kiến của Épđôkya Xavêliépna.

¹ Mông Lida — nữ nhân vật trong bức tranh nổi tiếng của họa sĩ Lêôna đờ Vanhxi.

hơi nghiêm nghị mà chắc hẳn cô thường nói với phụ huynh học sinh khi họ đến gặp cô để «trình bày».

Paven Ghêorghievich bước vào phòng và nhìn thẳng vào đôi mắt cận thị mà cô giáo anh đang nheo lại như cố nhớ ra người đứng đó là ai, anh nhắc lại:

— Cô có nhận ra em không? Thưa cô Maria Pêtorôpna, em đây mà...

Mất mấy giây, cô ngược nhìn chăm chú vào tận mặt anh, và anh trông rõ gương mặt ốm yếu xanh xao của cô, già xạm hẳn đi, gần như hốc hác. Trong giây phút ấy, cô nén xót xa, anh thâm nhận xét: cô thay đổi nhiều quá, cô gầy hơn xưa, mảnh mai hơn xưa, chỉ có mái tóc bạc là vẫn cắt ngắn kiểu quen thuộc.

— Paven Xaphônôp... Paven đây à?— cô thốt lên, giọng như thảng thốt và Paven Ghêorghievich cảm thấy mặt cô run run.— Em ngồi xuống đi... Bỏ quá cho cô, nhà cửa bề bộn thế đây... Em ngồi xuống đây, cạnh cái bàn này, Paven... Em về hẳn đây à?

— Dạ... em, em xong ngay đây ạ!— Xaphônôp mừng rỡ, luynh quynh treo cái áo khoác lên mắc, nơi treo đơn độc mỗi chiếc áo bành tô của Maria Pêtorôpna. Vừa treo áo, anh vừa lầy lăm lă không hiểu vì sao một người đứng tuổi, có tiếng tăm như anh lại rụt rè, đỏ mặt như cậu học sinh năm xưa.

Anh định bắt tay Maria Pêtorôpna, nhưng may sao tự kìm lại được, bởi có ai bắt tay mẹ mình mỗi khi gặp gỡ. Anh vội thọc tay vào túi tìm thuốc hút, và khi rút bao thuốc ra, anh hỏi, giọng ngượng ngập:

— Cô cho phép chứ ạ?

Anh cùng cô giáo ngồi vào bàn. Maria Pêtorôpna, với một thái độ thận trọng khó hiểu, vẻ hơi ngờ vực, vừa mỉm cười nhìn anh bằng đôi mắt cận thị, vừa nhắc đi nhắc lại:

— Thế là Paven, em đã về... Cô không thể nhận ra được. Em về công tác à? Có việc à?

— Em đi qua thôi, cô ạ, — anh trả lời, không dám nói là anh vừa mới đi nghỉ ở miền Nam, vì có lẽ nói điều đó lúc này không tiện, thiếu suy nghĩ.

— Chúng ta uống trà nhé... Em đợi một tí, cô pha xong ngay đây.— Maria Pêtorôpna đứng lên, nhưng rồi lại đột ngột ngồi xuống, như thể kiệt sức; cô đặt hai cánh tay khẳng khiu lên bàn, mỉm cười nghi hoặc.— Ừ phải, đúng Paven... Cô thật không ngờ. Đúng Paven Xaphônôp rồi...

— Thưa cô, cô đừng pha trà nữa ạ, — anh bồi rối đề nghị.— Em vừa mới ăn tối xong mà...

Anh không muốn uống trà, anh chỉ muốn được ngồi mãi cạnh bàn như thế này mà ngắm nhìn cô giáo Maria Pêtorôpna, mà kể lể, mà hỏi han... Nhưng hình như cô không nghe anh nói, cô cầm lấy ấm đi đun nước, và anh cảm thấy cử chỉ của cô cũng có vẻ lúng túng.

— Cô xong ngay đây mà, Paven... Em bỏ qua cho nhé, cô vẫn quen gọi tên em như thế.

Cô không nói hết câu, bỏ đi ra bếp. Đến lúc ấy Paven Ghêorghievich mới trấn tĩnh hoàn toàn, thờ phào nhẹ nhõm, đưa tay lên vuốt tóc xõa xuống trán và đưa mắt nhìn quanh phòng. Maria Pêtorôpna vẫn sống độc thân như hồi trước chiến tranh, vẫn ở căn phòng nhỏ xưa kia, có một cửa sổ mở ra phía vườn. Trong phòng, tất cả vẫn như xưa: một cái bàn làm việc, một cái giường, tấm thảm hoa con treo trên tường, mảnh khăn thêu phủ trên chiếc bàn đầu giường, một cái tủ đứng đồ sộ chắt đầy sách; trên mặt bàn có lọ mực, một chồng vở, bên cạnh là cây bút chì đỏ, vót nhọn cẩn thận. Căn phòng này, anh mới đến một lần. Lần ấy, anh bị cô Maria Pêtorôpna gọi đến nhà và cô cau mày, nghiêm khắc mắng anh, hình như về cái tội anh đã «sáng chề» kiểu lọ mực biết nhảy bắn lên và đặt nó trên bàn cô giáo tiếng Đức. Giờ đây, Xaphônôp không sao tin nổi đã có chuyện như vậy: cả một vực thẳm thời gian đã ngăn cách cậu học trò Paven xưa kia với công trình sư Paven Ghêorghievich ngày nay, hiện đang bồi rối ngồi cạnh cái bàn này.

Maria Pêtorôpna, tay xách ấm trà, bước vào phòng, vui vẻ nói:

— Xong rồi đây! Nào Paven, giờ thì em kể về mình đi, em sống ra sao? Nói thê chứ cô cũng biết khá nhiều về em. Qua báo chí. Cô có đọc các bài viết về cuốn sách của em. Em xây dựng gia đình rồi chứ?— cô hấp tấp hỏi.

— Thưa cô, rồi ạ, — Xaphônốp đáp.

Cô ngược nhìn anh, vẻ nghi ngờ triu mến.

— Em hạnh phúc chứ?

— Thưa cô, có lẽ thê ạ. Em đã có một cháu trai.

Như thế cô tình không nghe rõ, cô vội nói tiếp:

— Thê thì tuyệt rồi! Còn công việc thì sao? Hiện giờ em đang thiết kế gì?

— Thưa cô, một câu kiện mới ạ.

— Thê nào? Thành công chứ?

— Em chưa biết ạ... Nhưng thưa cô, ta nói chuyện xưa đi, chuyện trường ta ấy ạ...

Maria Pêtorôpna lắc đầu, khẽ nói, giọng trầm ngâm:

— Cô nhớ rất rõ lớp em, lớp trước chiến tranh. Toàn những em trai nghịch ngợm, nhưng thông minh. Cô nhớ cả tình bạn của em với Vítka Xnhêghirép.

— Thê cô có nhớ lần cô cho em điểm «hai» về đại số không ạ? Hình như em học lớp bảy thì phải...

— Đúng rồi. Vì cái tội em không chịu làm bài tập cho về nhà, hy vọng điểm tổng kết cao sẽ lấp liếm hết. Môn toán, em học rất thông minh. Nhưng phải cái tội lười.

— Thê cô còn nhớ hệ thống dây chuyền «quay phim» tự động của em chứ?

— Cái trò «phát minh» làm cho «phim» tự động di chuyển theo đường dây chỉ giữa các dây bàn chứ gì?

— Thưa cô, đúng ạ!—Paven Ghêorghievích bật cười.—Còn lọ mực tự nhảy nữa ạ? Bây giờ có lẽ em không tài nào nghĩ ra nổi cái trò như vậy. Em còn nhớ: em đã ngồi suốt đêm, vắt óc tính toán sức nảy của lò so sao cho lọ mực nhảy bắn lên đúng lúc cô giáo chấm bút vào.

Maria Pêtorôpna nheo mắt, dường như cô nhin cười:

— Cô nhớ cái khác kia: cô nhớ những phút em phải đứng trước cái bàn này đây...

Cô không nói hết câu, rót thêm trà vào chén, cầm lấy thìa, trầm ngâm suy nghĩ giây lát, rồi hỏi:

— Em còn nhớ Misa Sêchchêrơ không?

— Thưa cô, nhớ chứ ạ! Em còn ganh tị với Misa kia mà! Bọn chúng em đã tranh nhau đọc các bài luận về văn học Nga—«Hình tượng Tachiana», «Nỗi khổ vì có trí tuệ» của cậu ta. Em không sao viết nổi như vậy.

— Misa đã trở thành nhà báo,—Maria Pêtorôpna chậm rãi nói.—Đi đó đi đây khắp nước. Cô thường đọc bài của Misa. Và thường nhớ lại những chuyện cũ...

— Cậu ta có về thăm cô không ạ?

— Không.

Ra thê đây,—Xaphônốp nói.—Mỗi đứa một phương trời rồi... Em nghe nói Vítka Xnhêghirép bây giờ làm giám đốc một nhà máy ở Uran. Thật không ngờ! Cô có biết không ạ? Xênka Ignachép làm đến tổng cục trưởng rồi, em có gặp cậu ta ở Mátxcova. Trông oai vệ lắm, không sao nhận ra được. Cậu ta không ghé về đây ạ?

— Em bảo sao cơ?—Maria Pêtorôpna hỏi lại, đoạn cup mắt xuống, khẽ gật đầu.—Em uống trà đi, Paven...

— Thưa cô, đã có những ai ở lớp cũ về thăm cô ạ? Cô có gặp ai trong lớp ta không ạ?—Xaphônốp hỏi hộp lục vắn.—Cô có gặp Grisa Xamôilốp không ạ? Cậu ta giờ là nghệ sĩ. Chắc cô còn nhớ. Grisa tài bất chước các vẽ mặt, và cô bảo cậu ta có năng khiếu nghệ thuật. Một anh chàng đến hay.

— Cô chỉ thấy Grisa trong phim thôi, em ạ.

— Em cũng thê. Vậy là cậu ta cũng không về ạ?

Maria Pêtorôpna không trả lời. Cô cầm cúi quây cái thìa trong tách trà, và Xaphônốp bất chợt trông thấy trên ngón tay cô vết mực đỏ không bao giờ rửa sạch được. Anh nhìn lên gương mặt hốc hác của cô. Lòng xót xa, tình thương yêu đột ngột trào dâng trong anh khi anh phát hiện nhiều nếp nhăn cạnh khóe miệng cô, cái cổ mảnh khảnh, yếu ớt của cô, mái tóc cắt ngắn đã

Đôi khi cậu ta còn đưa ra cả những đề nghị riêng của mình.

— Minh nghĩ thế này nhé... Tại sao bạn lại không vẽ trang trí cho các bức tường ở hội trường của chúng ta nhỉ?

— Minh chủ yếu là vẽ mặt... vẽ chân dung ấy mà.

Mấy ngày sau Bôrya lại đưa ra đề nghị mới:

— Minh nghĩ thế này nhé... Tại sao bạn không vẽ một loạt chân dung các giáo viên kì cựu nhất của trường ta nhỉ.

— Liệu các giáo viên có chịu ngồi làm mẫu cho tôi không?

«Tại sao bạn không...» — Bôrya thường bắt đầu như vậy. Còn Ôlya giải thích cho cậu ta rõ «tại sao». Nó giải thích ở trường, qua điện thoại. Bôrya thường gọi điện cho chúng tôi để nhắc nhở Ôlya nhớ đến nghĩa vụ xã hội của nó. Tôi hiểu rằng «Épđôkya điên rồ» giao cho Bôrya nhiệm vụ lôi cuốn Ôlya vào cái vòng hoạt động ào ạt bất tận của nhà trường. Ôlya là người duy nhất «chưa bị cuốn vào» và Bôrya có nhiệm vụ đưa nó vào vòng quay.

— Hãy vẽ chân dung của chính cậu ta, — tôi khuyên con gái, — Như vậy có lẽ cậu ta sẽ bớt lười thôi.

— Đôi với họa sĩ, những khuôn mặt đẹp không có gì lí thú, — Ôlya đáp. — Còn vẽ đẹp nội tâm thì con không nhận thấy ở Bôrya.

Bôrya nghiên cứu thời khóa biểu học ở trường nghệ thuật. Đôi khi cậu ta đón gặp con gái chúng tôi khi nó đang trên đường về nhà.

— Épđôkya Xavêliépna yêu cầu bạn hôm nay có mặt trong cuộc gặp gỡ với một học sinh cũ của cô. Bởi vì thuở bé người ấy cũng được coi là một họa sĩ. Cuộc tiếp sức của những niềm say mê! Bạn hiểu chứ?

Bằng cách đó cậu ta đảm bảo «sự hiện diện» của Ôlya.

— Cậu ta theo dõi con! — Ôlya nói một cách phẫn nộ. — Nửa lớp không lau cửa sổ thì không sao. Nhưng nếu con không đến thì hôm sau thế nào cậu ta cũng nói:

«Bạn là người quá nổi bật, vắng mặt là người ta để ý ngay. Mọi người đều ngạc nhiên!» Còn ngạc nhiên thì con tin chắc rằng chỉ có Liuxya với Épđôkya Xavêliépna là ngạc nhiên thôi.

Mấy lần, khi Ôlya ốm, Bôrya đến nhà chúng tôi.

— Nếu em là một nữ sinh lớp chín, em sẽ mê anh ta, — Nadya nói, nhìn về phía tôi với vẻ ngượng ngập.

Nhưng tôi yên tâm, vì tôi biết rằng không có con đường ngược trở lại thời thơ ấu.

— Làm sao có thể yêu một cái máy tính được? — Ôlya trả lời một cách tức giận. — Ba mẹ có nghe nói anh ta đến để làm gì không? Để lượng định xem con có kịp khởi ốm vào ngày họp bầu lại cán bộ lớp hay không!

Bôrya Antôkhin quả thật có giải thích cho con gái chúng tôi rằng bong gân chẳng phải là cái gì nghiêm trọng và Ôlya dù có đi khắp khiêng vẫn hoàn toàn có thể tới họp như thường.

Cậu ta cũng giáo dục con gái chúng tôi bằng cách nêu gương các học sinh cũ của Épđôkya Xavêliépna. Và các gương mẫu được nêu ra nhiều nhất là người học sinh yêu mến nhất của bà ta: Michya Kaliaghin.

Michya là niềm tự hào lớn nhất của bà giáo chủ nhiệm.

— Anh ấy đã không phụ lòng mong mỏi của tôi. Một con người tuyệt diệu! Bây giờ anh ấy lái xe ben... Tôi tin chắc rằng bao giờ anh ấy cũng sẽ tức tốc đến giúp chúng ta nếu chúng ta cần đến sự giúp đỡ đó!

— Chúng ta chưa bao giờ được đi xe ben có chõ hàng! — Ngồi ở chiếc bàn học thứ ba của mình, Ôlya vẫn cứ bông đùa.

«Épđôkya điên rồ» không biết bông đùa. Bà nói rằng rồi có lúc Ôlya sẽ nhận ra rằng «lời tuyên bố của mình có tính chất phỉ báng».

— Michya Kaliaghin là vị thánh của bà ta, — Nadya nói với Ôlya. — Mà khi nói đến những gì người ta coi là thiêng liêng thì... Một lần nữa mẹ van con: đừng đặt câu có vấn...

«Épđôkya điên rồ» tự hào về Michya không phải là vô có... Trong những ngày đầu bọn phátxít đến chiếm đóng, giữa lúc đang ốm, sốt cao, anh đã tìm được cách mang thuốc và dụng cụ giải phẫu đến cho ông chú bác sĩ ở một khu công nhân cách thành phố ba mươi kilômét. Chú anh là bác sĩ thần kinh, chưa từng giải phẫu bao giờ, đã mổ lấy đạn và chữa khỏi cho hai người lính của chúng ta mà ông giấu dưới hầm nhà mình. Khi ấy Michya không chỉ tỏ ra can đảm, mà còn nhanh trí: trong số nhiều con đường đến nhà ông chú, anh chọn được con đường ngắn nhất và không có nguy cơ gặp địch.

Nếu có học sinh nào trong lớp 9-B xin nghỉ học, viện cớ đau đầu, Épđôkya Xavêliépna nói:

— Hãy nhớ đến những gì Michya Kaliaghin đã phải chịu đựng! Hồi đó chú ấy mới học lớp sáu. Tức là kém em ba tuổi!

Bà cũng nói như thế nếu có học sinh nào nằm lâu ở nhà vì cảm lạnh hay viêm họng. Có lần bà so sánh bệnh viêm phế quản của Ôlya với những khó khăn mà Michya Kaliaghin đã trải qua, và tôi chợt nhớ đến một chuyện cười cũ kĩ: «Người láng giềng của anh chết vì nguyên nhân gì?» — «Vi cúm!» — «Ồ, cái đó chẳng đáng sợ!»

Khi «Épđôkya điên rồ» quyết định tổ chức cho các lớp chín đi đến những nơi có liên quan tới hoạt động chiến đấu của Michya Kaliaghin, Bôrya lập tức báo trước cho Ôlya:

— Đừng có tính chuyện đem giấy nghỉ ốm đến để thoái thác! Chuyện đi này được coi là quan trọng lắm đây.

— Ai đánh giá như thế?

— Tất cả mọi người.

Hai lớp chín, mỗi lớp phải tự tìm lấy chính «con đường ngắn nhất» tới nhà ông chú bác sĩ mà mười năm trước Michya Kaliaghin đã tìm ra. Nếu cả hai lớp chín đều tìm được con đường đó thì lớp nào đoán ra

trước sẽ được coi là thắng cuộc. «Épđôkya điên rồ» rất thích tổ chức các cuộc đua!

Trước khi ra đi, các học sinh lớp chín gặp Michya Kaliaghin.

Ôlya đã kịp vẽ phác chân dung Michya trong sổ tay.

— Chú ấy hói à? — tôi ngạc nhiên.

— Hơi gầy, hói... Épđôkya Xavêliépna giải thích rằng đây là do thời thơ ấu phải sống trong chiến tranh. Đây là một con người nhả nhặn! Chẳng ăn nhập gì với chiếc xe ben mà chú ấy đã lái đến. Tóm lại, con ư chú ta.

Về chiến công của mình, Michya Kaliaghin thuật lại có phần thiếu nghiêm chính, tuồng như hồi ấy, năm bốn mươi hai, đây là trò chơi trận giả chứ không phải là chiến tranh thực sự, và những người được anh và ông chú cứu thoát cũng không phải là những người bị thương thực sự.

— Trong mẩu thư gửi cho tôi, chú tôi viết rằng cần mau mau lên. Mà lúc ấy tôi sốt ba mươi chín độ năm. Thật buồn cười! — Michya nhớ lại.

Michya còn giữ được mẩu giấy. Épđôkya Xavêliépna yêu cầu cho cả lớp xem mẩu giấy đó.

Vội đến nhà ông chú, Michya nhảy lên thùng một chiếc xe tải giữa lúc xe đang chạy: người chú nhỏ bé, chẳng ai nhận thấy.

— Không được ho... Mà lúc ấy tôi bị viêm phổi. Thật buồn cười! — Michya kể tiếp.

Tới gần ga, chú nhảy ra giữa lúc xe vẫn đang chạy.

— Suýt nữa thì tôi lăn vào bánh chiếc xe đi sau... Nếu như vậy thì mới thực sự là buồn cười đây!

Cũng như Nadya, Michya biết giấu cợt mình. Tôi biết rằng chỉ những người tốt, thông minh mới có khả năng ấy.

Sau khi nhảy xuống ở cạnh ga, Michya bắt đầu tìm con đường ngắn nhất. Thuốc và dụng cụ được bảo vệ trong chiếc áo bông cũ.

— Tiếc rằng không còn giữ được chiếc áo bông, — Épđôkya Xavêliépna cho biết.

bạc trắng cả rồi. Nơi lồng ngực anh bỗng thất lại, đau nhói. Anh chợt nghĩ: nếu cô đã mất trong những năm qua, hẳn anh cũng không hề biết tới. Và các bạn cùng lớp với anh, chắc cũng không một ai biết tới...

— Thưa cô,—anh rụt rè hỏi rất khẽ, gần như thì thầm, thế Vítka Xnhêghirép không đến thăm cô ạ? Hình như năm ngoái cậu ta có ghé qua đây kia mà!

Cô vẫn ngồi cúi đầu như từ nãy đến giờ, chỉ có chiếc thìa khuấy chậm hơn trong tách.

— Không, Vítka không đến, em ạ...

— Thưa cô, thế ai trong lớp đã đến thăm cô ạ?

— Em bảo sao cơ? Kia em uống đi chứ! Trà nguội mất rồi.

— Không biết có đứa nào trong chúng em viết thư cho cô không ạ? Chắc cô còn nhớ Vôlôđia Bôikốp, Nina Vanôkurôva chứ ạ? Rồi cả Bôria Xmirnốp nữa? Cô có được tin gì về các bạn ấy không ạ?

Maria Pêtrôpna lại không trả lời. Cô quay đi nhìn ra cửa sổ, khu vườn tối đen, qua lá cây rậm rạp, thấp thoáng ánh đèn một chiếc torôlâybuýt chạy ngang qua.

— Cô không được tin gì cả, em ạ,—cô nói. Chỉ mình Kôlia Xibirchép là hay đến cô thôi. Kôlia làm ở mỏ đây. Cuộc đời cậu ta không được may mắn lắm. Cậu ta đến cô luôn.

Xaphônốp không còn nhớ rõ Kôlia Xibirchép. Hình như cậu ta là một đứa lấm lì, rụt rè, diện mạo không có gì nổi bật, cũng chẳng có khả năng gì đặc biệt, cho nên giờ đây Paven Ghêorghievích không hình dung nổi gương mặt ấy.

— Em không nhớ ra nổi cậu ta,—anh nhún vai nói,—em quên cả nét mặt cậu ta rồi!

— Tồi quá,—Maria Pêtrôpna nói, giọng chẳng hiểu mỉa mai hay trách móc.

Cả hai cùng im lặng. Hai tiếng cuối cùng «tồi quá» khiến Xaphônốp cảm thấy lòng dạ bồn chồn, anh hiểu cả ngầm ý của chúng. Trong bầu không khí bỗng trở nên im ắng, anh nhích tách trà lại phía mình, vụng về với tay lấy đường, và chợt bắt gặp ánh mắt Maria

Pêtrôpna đang mãi tìm kiếm gì đó trên giá sách. Anh cũng nhìn theo và liền trông thấy ở hàng trên cùng cái gáy sách quen thuộc của công trình anh viết mới đây về chế tạo máy bay.

— Thưa cô,—anh nói khẽ, giọng nửa nghi vấn.

— Sao hả em?

— Cô cũng có sách của em ạ? —anh thì thào hỏi và vội im bật, vì nhớ ra là anh đã không gửi biếu cô cuốn sách ấy.

— Ừ, cô có đọc.

Anh đứng dậy, với tay lấy ở trên giá cuốn «Kết cấu máy bay» của anh, lật giở vài trang. Cảm thấy mặt mình đang bắt đầu đỏ bừng, anh vội nói, ngượng ngập, giọng đơn đả đến lộ bịch:

— Em xin đề tặng vào đây. Cô cho phép chứ ạ?

Bỗng từ trong sách rơi ra một tờ giấy nhỏ, anh vội cúi nhặt lên và trông thấy tấm ảnh mình, cắt trong báo ra. Anh sững sờ nhìn Maria Pêtrôpna. Cô vừa khuấy thìa trong tách trà, vừa hấp tấp nói:

— Cuốn sách khá dày... Cô đã đọc một cách say sưa. Tấm ảnh ấy, cô cắt trong báo «Sự thật» đây, em ạ. Nhân dịp ấy cô có gửi điện chúc mừng em.

Anh vội vã cất tấm ảnh vào quyển sách, như thể giấu đi một cái gì xấu xa, làm anh khó chịu. Giờ đây, vừa thấy xấu hổ, vừa thấy căm ghét bản thân mình, anh nhớ lại rành rọt hai năm trước đây anh quả có nhận được bức điện ấy trong số hàng trăm điện mừng, và anh đã không gửi điện cảm ơn cô, mặc dù đã trả lời một số bức điện khác.

Xaphônốp không còn nhớ rõ anh đã ghi những gì vào cuốn sách, song anh nhớ rất rõ phút chia tay với cô giáo cũ: anh ngượng ngập với lấy chiếc áo khoác sang trọng của anh treo cạnh tấm áo bành tô đã sờn vai của cô giáo già, rồi cúi chào cô mà lòng nặng trĩu một cảm giác khôn nguôi là mình có lỗi. Maria Pêtrôpna bật đèn ở tiền sảnh, bước ra tiễn chân anh.

Anh nín thinh. Maria Pêtrôpna cũng lặng im giây lát, rồi bỗng ngập ngừng hỏi:

Theo lời Michya, lớp chín nào đến được căn nhà nhỏ của ông chú—bác sĩ thần kinh trước nhất bằng con đường anh đã tìm ra thì sẽ giành được «một tặng phẩm bất ngờ thú vị».

— Cần gì phải thế, Michya? Để làm gì kia chứ?—«Épđôkya điên rồ» bỗng tỏ ra ngượng nghịu một cách điệu bộ. Bà ta làm điệu rất kèn càng và vụng về.

Thứ bảy, các lớp chín đã đi bộ đến cái ga mà hồi xưa Michya đã đến được nhờ chiếc ô tô đi cùng đường. Họ dừng lại nghỉ đêm tại đó.

Mấy giờ sau đã không thấy Ôlya đâu nữa.

«Đừng có tính chuyện đem giấy nghỉ ốm tới»,—Bôrya Antôkhin đã báo trước cho Ôlya biết.

— Đi đi, Ôlya,—cả Nađya cũng khuyên con.—Bởi vì chuyện đi này được coi là có tầm quan trọng lớn. Mà con cũng sắp học hết phổ thông rồi kia mà. Đi đi!

— Nhưng con sẽ bỏ mất buổi học vẽ.

— Thì cũng cứ đi đi.

Thế là Ôlya đi.

Tôi nhìn Bôrya Antôkhin và thầm hỏi trong óc: «Tại sao lần này chú mày không trông coi nó, Bôrya? Vợ chồng ta sẽ hàm ơn chú mày biết mấy!»

Tôi nhớ lại tất cả những chuyện đó. Còn cả ba người vẫn đứng ngoài cửa. Tôi có cảm giác rằng họ đứng đây đã lâu lắm rồi. Nhưng mới chỉ có mấy phút trôi qua, vì buổi phát thanh «Chúc mừng một buổi sáng tốt đẹp» đang lúc sôi nổi nhất.

Khi ngoảnh lại phía sau, lần đầu tiên trong suốt thời gian đó, tôi nhìn thấy Nađya. Và tôi đã hiểu... mãi mãi hiểu rằng tình cảm của những bà mẹ và những ông bố (ngay cả những ông bố yêu con nhất!) dù sao cũng không như nhau. Nàng không thể nhớ lại, phân tích, cân nhắc. Chỉ một ý nghĩ duy nhất đột nhập vào tâm trí nàng, như sét hòn bay vào qua cửa sổ mở và thiêu đốt nàng từ bên trong: «Lúc này Ôlya ở đâu?»

Tôi im lặng. Bởi vì bất cứ tiếng nói nào của ai trên đời trần cũng không thể an ủi nàng. Trừ tiếng nói của con gái, nếu như tiếng nói ấy bất ngờ vang lên ở cầu thang, trong phòng, qua điện thoại. Nàng không phiền trách ai, không giận ai, đôi với nàng không có gì tồn tại ngoài câu hỏi: «Lúc này Ôlya ở đâu?»

— Tôi sẽ gọi điện cho Michya Kaliaghin,—Épđôkya Xavêliépna nói.

— Để làm gì?—tôi hỏi.

Bà không đáp, bước qua ngưỡng cửa. Liuxya và Bôrya vào theo.

* * *

Épđôkya Xavêliépna lập tức gọi điện cho Michya báo anh đến đây. Bà thuộc địa chỉ của chúng tôi, mặc dù bà chưa bao giờ đến nhà chúng tôi.

— Bà ấy có trí nhớ phi thường!—Chúng tôi đã được Ôlya cho biết.—Bà ấy nhớ ai bị điểm hai về toán vào ngày nào, mà bà ấy là giáo viên dạy sử đấy. Và ai nghỉ học bao nhiêu ngày, bà ấy nhớ cũng kĩ như ngày tháng diễn ra những trận đánh vĩ đại.

— Như vậy là bà ấy không thờ ơ với các con,—Nađya trả lời.

— Chẳng qua là bà ta không có gì để nhớ!

— Những người phụ nữ không có đời sống riêng thường lao mình vào sinh hoạt xã hội với nghị lực gấp ba lần người khác,—tôi nói vì muốn bênh Ôlya.

— Nhưng như thế có gì là xấu kia chứ—Nađya hỏi.

Nàng hiểu rằng tôi với Ôlya có lý do để không ưa bà giáo chủ nhiệm lớp 9-B. Nàng hiểu rằng «Épđôkya điên rồ» cố gắng tận lực không chỉ để giết chết lòng tin của những người khác vào con gái chúng tôi, mà còn ra sức làm lung lay niềm tin ấy ngay trong bản thân nó. Tuy nhiên, Nađya vẫn mơ ước rằng xung đột sẽ nhường chỗ cho sự hiểu biết lẫn nhau.

«Ôlya sẵn sàng đối mặt với thế giới này,—tôi

— Cô muốn hỏi em một điều, Paven: liệu có một chút gì—dẫu chỉ bằng hạt cát—là đóng góp của cô trong những thành đạt của em không?

— Ôi, sao cô lại nói thế ạ!—anh bàng hoàng thốt lên.—Nếu như không có cô thì làm sao mà...

Cô nhìn thẳng vào mắt anh, nói với một giọng run run:

— Em tưởng cô không mừng ư? Hôm nay, cô đã được tiếp một người khách quý biết chừng nào! Em tưởng ngày mai lên lớp cô sẽ không kể lại cho học sinh của cô nghe về cuộc kỳ ngộ này ư? Em đi nhé, Paven! Cô chúc em những thành công lớn hơn nữa! Cô chúc em luôn hạnh phúc...

Anh chia tay với cô giáo cũ. Anh rảo bước theo con đường mòn trong khu vườn khuya khoắt. Nhưng rồi không dẫn nổi lòng mình, anh ngoái nhìn lại. Cánh cửa tiền sảnh vẫn mở, một vệt sáng vàng hắt ra khu vườn tối. Maria Pêtorôpna đứng trên thềm cửa, và hình dáng gầy gò lẳng lẽ của cô in rõ nét trong khung cửa.

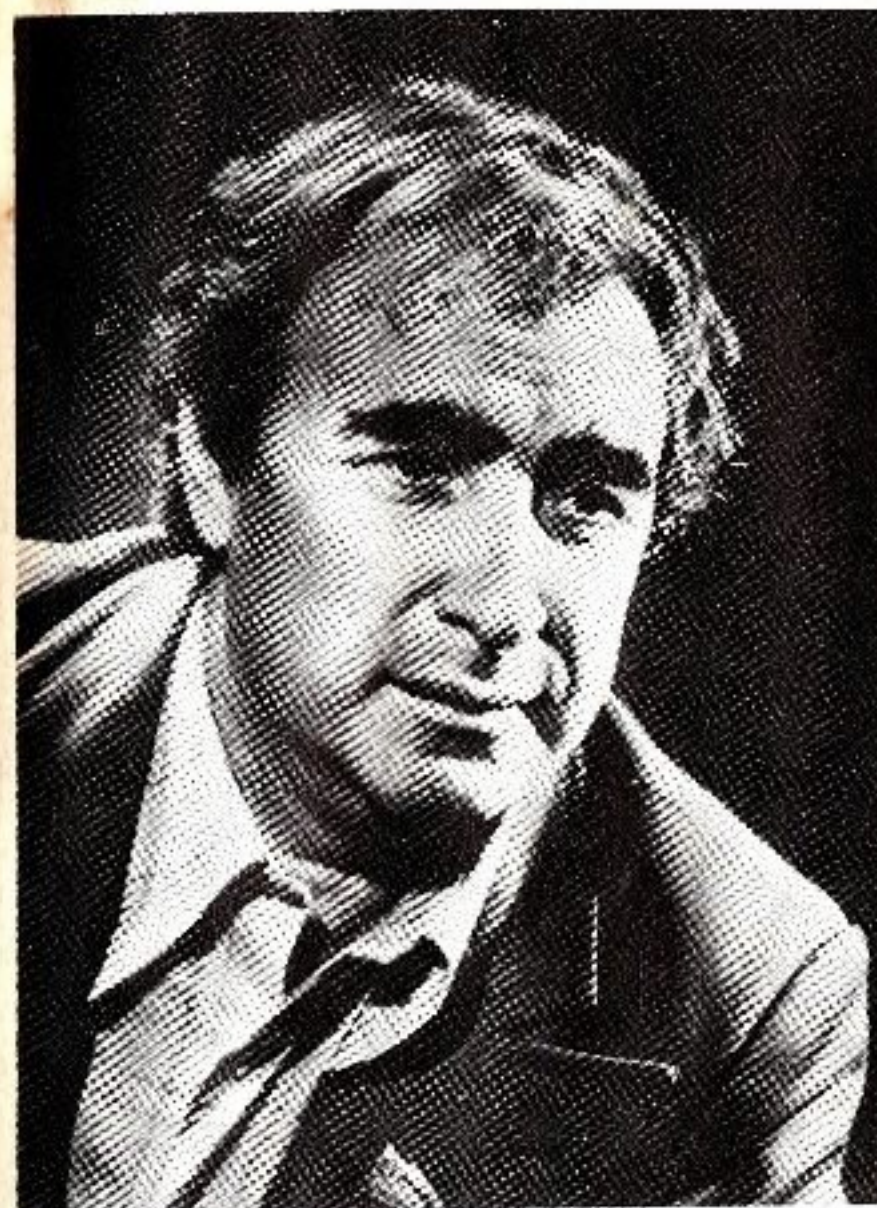
Suốt dọc đường đến tận Mátxcơva, Xaphônốp không sao bình tâm được, một cảm giác hổ thẹn đến rất mặt luôn dày vò anh. Anh nghĩ đến Vítka Xnhêghirép, đến Sêchchêrơ, đến Xamôilốp, đến tất cả những người từng cùng học với anh gần đây năm rông, anh muốn tìm địa chỉ của họ để viết cho họ những bức thư đầy lời lẽ giận dữ tàn tệ. Nhưng anh đâu có địa chỉ của họ. Sau đó, anh định viết một lá thư thật dài xin lỗi cô Maria Pêtorôpna, nhưng đau buồn sức nhớ ra rằng anh không biết số nhà của cô...

Đến một ga lớn, Xaphônốp bước xuống, mặt cau có và lòng xúc động. Anh đến thẳng trạm bưu điện. Đứng lưỡng lự giây lát, anh gửi một bức điện để địa chỉ trường và tên cô giáo Maria Pêtorôpna. Bức điện ấy chỉ vắn vắn một câu:

«Xin cô tha lỗi cho chúng em!»

1953

Hà Minh Thắng dịch



Noda Dumbátđê

Sinh năm 1928, mất năm 1984.

Nhà văn Grudia nổi tiếng. Đầu tiên Ông xuất hiện với các bài thơ đăng báo. Khi ấy ông mới hai mươi tuổi và học tại khoa kinh tế trường Đại học tổng hợp quốc gia Tbilixi. Sau mấy tập thơ, đến lượt những tập truyện ngắn của ông ra đời, rồi truyện vừa «Tôi, bà, Ilicô và Inlariôn». Sau đó N. Đumbátđê cho in các tiểu thuyết «Tôi nhìn mặt trời», «Mẹ ơi đừng sợ», «Những lá cờ trắng», «Quy luật muôn đời».

HELLADOS

- Giêman là cái đàn cò cừ!
- Ianguli là thằng nhãi ranh!
- Giêman là con lợn!
- Ianguli là thằng Hy Lạp ghé lờ!
- Giêman là đồ thôi thầy!
- Vị anh hùng của lũ cừu cái!
- Đồ con lừa!
- Thứ đồ giẻ rách!
- Đồ du côn!
- Thằng hèn ở Tbilixi!
- Sêni dêđa vatirê, Ianguli!
- Imana xu inê prôxticaxa inêca, Giêman!

nghĩ. — Nhưng họ... cả ba người này đã gây ra chuyện gì để đến nỗi nó không nén được, không kiên nhẫn được nữa. Bây giờ mỗi phút sống trên đời đều trở nên không thể chịu đựng nổi. Hiện giờ nó ở đâu?! Họ tíu tít như thể là để khỏi phải nhìn vào mắt chúng ta».

— Nhưng đã có chuyện gì xảy ra mới được chứ? — tôi hỏi.

— Có gì đâu... Chẳng có chuyện gì cả! — Liuxya nói liền thoảng. — Buổi chiều, mọi người nhận nhiệm vụ và tản đi. Người thì đi lấy củi cành, người thì đi lấy nước, người thì đi hỏi thăm dân địa phương về những con đường tới khu công nhân nọ. — Liuxya ngừng lời. Và để Nadya khỏi nghe thấy, nó thì thầm nói thêm: — Mọi người đều trở về, còn bạn ấy thì không... Nhưng mãi đến sáng chúng cháu mới nhận thấy. Chúng cháu ở những lều bạt khác nhau.

— Cần báo tin đi khắp mọi nơi, — Épdôkya Xavêliépna nói. — Không có gì đặc biệt đâu... không thể được. Nhưng cần báo tin đi các nơi.

Từ phút ấy, Nadya hoàn toàn mất tự chủ.

Épdôkya Xavêliépna lập danh sách điện thoại: công an, người thường trực trong thành phố, các bệnh viện, chính quyền địa phương ở ga nọ và khu công nhân nọ. Sau khi gọi điện, bà gạch một gạch cạnh số điện thoại mà lần gọi tiếp theo không làm sáng tỏ được gì và không giúp ích được gì.

Bà làm việc đó một cách có phương pháp, bình tĩnh. Duy có những ngón tay không hoàn toàn tuân theo ý bà khi bà quay số điện thoại. Bà gọi nhầm chỗ, xin lỗi và lại quay số khác.

Cứ mỗi lần bà gọi điện thoại, tôi càng thấy rõ hơn rằng Ôlya đã gặp phải chuyện gì không thể tưởng tượng nổi... một chuyện gì bí hiểm. Một chuyện gì không thể cứu vãn nổi...

«Nếu Ôlya bỏ các bạn trốn đi vào buổi chiều, — tôi suy luận, — thì nó có thể lập tức lên xe lửa điện và về nhà. Nếu chuyến xe cuối cùng đã đi rồi thì nó sẽ trú

đêm tại ga và về nhà từ sáng sớm: xe lửa điện chạy từ sáu giờ».

Tôi nghe thấy Épdôkya Xavêliépna trình bày cặn kẽ, lạnh mạch qua điện thoại về sự việc đã xảy ra, lần nào bà cũng nhắc lại:

— Đương nhiên là không có chuyện gì ghê gớm.

Ở đâu kia đây nói, người ta không tin chắc đến như thể rằng đã không xảy ra chuyện gì ghê gớm, và bà phải thuật lại tỉ mỉ mọi chi tiết. Còn Nadya vẫn đi ngang qua phòng theo một đường duy nhất: từ cửa ra vào đến cửa sổ và ngược trở lại. Đến và trở lại, đến và trở lại.

Tôi và Nadya đã mất khả năng hành động. Chúng tôi chỉ có thể chờ đợi.

Tôi nghe thấy Épdôkya Xavêliépna nói... Tôi tức giận vì tài năng tổ chức của bà ta vẫn như trước, còn tiếng nói vẫn bình tĩnh và to, cô ý làm ra như vậy, tuồng như ra sức át tiếng nói của lương tâm. Nadya thì đã mất thị giác và thính giác. Nàng chỉ đi chuyển theo một đường: đến đây và trở lại, đến đây và trở lại.

Cô Liuxya nhỏ nhắn lạnh lợi biết rõ căn hộ chúng tôi. Cô chạy xuống bếp và chạy vụt trở lại mang theo cái lọ nhỏ và một chén nước. Nadya ôm đầu đi chuyển vùn vụt như con thoi trong phòng, còn Liuxya cầm cái lọ con và chén nước chạy theo.

Trong tất cả chúng tôi, chỉ có Borya Antôkhin không rời khỏi chỗ.

Cậu ta bao giờ cũng ngượng ngập về khuôn mặt đẹp và tầm vóc quá cao của mình: cậu ta không người xuống và đưa bàn tay xoa mặt như muốn che mặt đi. Cậu ta có giọng nói rất hay, trầm lắng, và cố làm cho tiếng nói của mình chìm đi. Lúc này Borya chỉ muốn mọi người quên hẳn cậu ta.

«Tất nhiên thôi... Thì chính nó đã bảo Ôlya: «Đừng có tính chuyện đem giấy nghỉ ốm đến!» Bây giờ nó còn biết làm gì được nữa? — tôi nghĩ. — Một gã trai nhũn nhặn... Không muốn người ta chú mục đến mình. Ta thừa biết những thằng bé hiền lành kiểu ấy rồi!»

Ianguli là con trai một người Hy Lạp xứ Xukhumi tên là Crixtô Alêcxanđrđi. Gầy như que củi, vai rộng, mũi dọc dừa, mắt đen nhánh như hai hòn than, đôi tay dài đến gối, chú bé mười bốn tuổi Ianguli làm cho tất cả trẻ con cùng lứa trong khu phố phải khiếp vía. Nó đánh nhau thật khác đời. Nó thừa sức choáng một lúc hai ba đứa liền, không để đứa nào kịp trở tay. Nó nhanh nhẹn khéo léo như một con mèo, người thì rắn như đá lửa. Mùa đông cũng như mùa hè Ianguli đều đóng chiếc sơmi xatanh đen phanh ngực ra.

Ianguli sống với bố ở đường Vênđơ, bên sông Tsanbas. Ianguli chẳng nhớ gì về mẹ nó nữa, mẹ nó mất sớm. Tất cả cơ nghiệp của Alêcxanđrđi gồm có một mảnh vườn rau bé tí, một con bò cái và một con lừa con lông xám. Bố con nó sống bằng nghề buôn rau, sữa và matsôni¹.

Ianguli không học hành gì cả. Nó giúp bố trong việc làm ăn hàng ngày, thỉnh thoảng đánh con lừa đi đưa matsôni cho các nhà lân cận. Thời gian còn lại nó tha hồ lêu lổng ngoài đường. Nó trần bụng học sinh đi học về ở chỗ vượt ngang qua đường xe lửa, khám túi lấy thuốc lá và mấy đồng xu còm, những dây chuyền nhỏ lấp lánh và bút chì mầu. Hôm sau nó lại cho những đứa kia chuộc lại các thứ với giá rẻ, chơi những trò ăn tiền với chúng nó, và sau khi vét sạch túi những bạn chơi đen đủi, nó trở về nhà, tiền nong rủng rỉnh.

Cứ như vậy hết ngày này sang ngày khác...

Tên độc tài mười bốn tuổi một mình thông trị đám thần dân đường Vênđơ, trong đó có Kôka, em họ tôi.

Tóm lại, Ianguli được suy tôn là thủ lĩnh khu phố.

Sự quen biết của chúng tôi bắt đầu vào mùa thu năm ba mươi tám. Hôm trước vừa đưa tôi, đứa trẻ mồ côi, từ Tbilixi về thì hôm sau, cô Nina tôi đã đưa tôi

đến với cô giáo dạy nhạc nổi tiếng khắp vùng Xukhumi là Elêna Mikhailôpna Náprôttxkaia và quý thục xuống trước mặt cô:

— Xin cô thương lấy đứa trẻ mồ côi! Mẹ nó đang kèm nó học vĩ cầm... Thế mà bỗng chốc nó mất cả mẹ, cả việc học đàn... Xin cô nhận cho nó... Học phí bao nhiêu cũng được...

Náprôttxkaia kiểm tra tai nhạc, trình độ đọc nốt nhạc của tôi, xem đi xem lại các ngón tay tôi, sờ mó vết chai dưới cằm tôi. Cô tần ngần chốc lát rồi lấy ở phòng bên sang một chiếc vĩ cầm, bảo tôi lên giây. Cô tôi hồi hộp, lo lắng rồi bỗng thở phào nhẹ nhõm khi thấy tôi trả bài không đến nỗi tồi.

— Bây giờ em hãy chơi bản «Con Xurôc» của Bêthôven!—Elêna Mikhailôpna ngồi xuống ghế bành, lặng lẽ chờ nghe. Nghe nói đến Bêthôven, cô tôi đã cuống.

— Elêna Mikhailôpna kính mến, cô chọn cho một nhà soạn nhạc khác, tầm cỡ nhỏ hơn, có được không ạ?—cô tôi đưa khăn tay lau mồ hôi trán và hỏi.

Sao, em ấy không chơi «Con Xurôc» ư?—cặp lông mày của Náprôttxkaia nhướn lên, vẻ ngạc nhiên.

Phút sung sướng nhất đời mà tôi hằng mong đợi từ lâu đã đến. Tôi thấy có cơ hội vĩnh viễn thoát khỏi cái ách âm nhạc tàn bạo đã tròng vào cổ tôi hồi lên sáu, do ý muốn của mẹ tôi, và đã làm tình làm tội tôi bao nhiêu năm nay. Giờ đây tôi chỉ cần cất lên một tiếng «không» thần kỳ là bao nhiêu cái khổ của tôi đều chấm dứt. Nhưng... không biết có phải vì cái nhìn van ví của cô tôi, vẻ ngạc nhiên của Náprôttxkaia hay thói hiệu danh của một đứa bé mười ba tuổi,—một sức mạnh bí ẩn nào đó đã bắt tôi nâng chiếc vĩ cầm lên, và... gian phòng bỗng tràn đầy điệu «Con Xurôc» giản dị và thiên tài...

Tôi chơi xong bản nhạc. Cô tôi mắt nhắm lệ, còn gương mặt Náprôttxkaia ngời lên nụ cười hài lòng.

Elêna Mikhailôpna nhận lời.

Trên đường về nhà, đến chỗ qua đường xe lửa,

¹ Một loại sữa chua đặc.

chúng tôi trông thấy một thằng bé ngồi bên lề đường. Nó đang ghè hạt hồ đào bằng một miếng gạch.

— Chào cô, Nina Ivanôpna! — nó chào cô tôi.

— Chào cháu! — cô tôi chào lại bằng giọng cụt lún.

— Kôka đâu hả cô?

— Nó đi học chứ còn đi đâu? Mà rõ vô công rồi nghề...

— Đứa nào kia hả cô?

— Không việc gì đến mày! — cô tôi nói xẵng và đẩy tôi đi.

Ianguli huýt một tiếng sáo dài. Cô cháu tôi tiếp tục đi.

— Ê-ê, cái đàn cò cừ!

Tôi ngạc nhiên ngoảnh lại.

Ianguli nheo một mắt lại và thè lưỡi ra, tay phải đưa đi đưa lại trên tay trái làm điệu bộ kéo đàn. Tôi tức lắm.

— Đồ khỉ! — tôi quát, giơ nắm đấm lên đe dọa.

— Mai ghế vào chỗ tao, tao cho cưa cùi! — nó cười ha hả.

— Mày không bỏ cái trò du côn của mày đi được ư? — cô tôi lắc đầu bực bội.

— Đứa nào đây hả cô? — tôi hỏi.

— Một thằng Hy Lạp, tên nó là Ianguli. Bỏ nó vẫn mang sữa cho nhà mình đây... Cháu đừng có theo gót nó! Một thằng du đảng... Suốt ngày đêm ở ngoài đường.

Tôi ngoái nhìn một lần nữa. Ianguli ghè hạt hồ đào và mỉm cười khiêu khích.

Trường sô mười ba mà cô tôi đã xin cho tôi vào học nằm ở bên kia đường sắt nên những cuộc gặp mặt giữa tôi và Ianguli ở chỗ vượt ngang qua đường sắt là không tránh khỏi.

Gần một tháng nó không để ý gì đến tôi. Nó bận việc thường ngày: đánh cờ hay đánh đáo. Nhưng tôi nhận thấy rằng mỗi lần trông thấy tôi là Ianguli nháy xỏ vào một đứa nào trong đám đồng bọn, giật mũ sụp

xuống tận mắt hay đá vào người thằng ấy. Đồng thời nó gườm gườm nhìn tôi.

Về phần tôi, tôi làm ra vẻ không để ý gì đến nó cũng như cả hội chúng nó. Thực ra tôi rất nóng lòng nhập bọn với chúng nó cho chúng nó biết tài. Nhưng hiện thời ở khu phố, tôi là lính mới tò te, chưa có bạn bè gì cả, bên tôi ngoài Kôka ra thật chẳng còn ai, vì vậy tôi không dám bén mảng đến hội du đảng của Ianguli. Tôi cảm thấy rõ một điều: cái khoảng trung lập giữa chúng tôi đang dần dần thu hẹp lại như sợi dây cháy chậm đang âm ỉ cháy, lửa đang đến gần ngòi nổ và đến ngày nào đó nhất định thê nào cũng nổ.

Và đúng một tháng sau, ngày đó đã đến...

Elêna Mikhailôpna đang dạy học, tôi ngồi chờ ở phòng ngoài.

Trên chiếc bàn tròn là một bể cá, giữa những đám rong, vò ốc và đá hình thù đẹp mắt, những con cá vàng nho nhỏ đang bơi. Chúng há mồm nom đến buồn cười, nhả ra những bong bóng bé tí và không hiểu sao tôi bỗng cảm thấy rằng những con cá đang đói ăn ghê gớm. Tôi liền rút gói bánh cặp nhân trong túi ra, bóp vụn bánh mì đen và phomat rồi rắc vào bể cá. Những con cá lúc đầu giạt hết cả ra, ẩn vào sau những hòn đá rồi như đoán ra ý tốt của tôi, liền ra khỏi nơi ẩn nấp, lao vào chỗ thức ăn.

Tôi khoái trá theo dõi cơn lũ vàng nổi lên trong nước. Chiếc bể cuộn sóng như một đại dương tí hon. Rồi sóng lặng dần. Những chú cá nọ nê chuyển chỗ trong nước với vẻ đĩnh đạc, lần lượt đến bên thành bể và như để tỏ ý biết ơn, chúng khẽ lắc lư nhip nhàng trước mặt tôi, đuôi vẫy nhẹ. Bỗng nhiên một con cá, con lớn nhất, lật ngửa bụng lên. Những con khác cũng cùng làm theo nó. Lát sau tất cả cá trong bể đều bơi ngửa, mang hóp hóp rồi rít. Tôi cho tay vào nước lật lại những con cá trong bể nhưng chúng lại ngửa bụng lên ngay. Tôi hiểu như vậy là đã xảy một cái gì không phương cứu vãn. Mấy phút sau, sự sống trong bể cá đã chấm dứt. Những con cá vàng nhiễm độc nổi lên mặt

Épđôkya Xavêliêpna lấy tay che ống điện thoại và nói:

— Họ cần ảnh của Ôlya. Ảnh chụp gần đây nhất.

Tôi nhảy bổ tới tủ, lấy tập an-bom, bắt đầu giờ các trang.

— Gần đây nó không chụp ảnh, — tôi nói.

— Cháu có ảnh của bạn ấy, — Bôrya Antôkhin đột nhiên lên tiếng.

Cậu ta thọc tay vào túi bên áo bludông của mình, lấy ra năm tấm ảnh, dàn ra trên bàn một cách thận trọng như thể ảnh vẫn chưa khô.

— Mới chụp tuần vừa rồi, — Bôrya nói nhỏ. — Cháu chụp những người tham gia chuyến đi. Cho tờ báo của chúng cháu.

— Đem mấy tấm ảnh ấy đến cho họ! — Épđôkya Xavêliêpna trở lại với ống điện thoại: — Các đồng chí ở đâu đây? — Bà ghi địa chỉ và đưa cho Bôrya Antôkhin: — Đến rồi trở về ngay! Nhớ rằng tất cả chúng ta đều chờ em. Lúc ấy chắc hẳn Michya Kaliaghin đã có mặt ở đây rồi. Các em và chú ấy sẽ đến đây, đến chỗ các bạn... Và sẽ huy động các bạn đi tìm kiếm. Cần sức tìm khắp rừng!

— Sao... ở đây có một khu rừng lớn à? — Nadya hỏi.

Rút cuộc nàng đã hỏi một câu.

— Ở kia, cô?! — Liuxya kêu lên.

Câu trả lời to, nhưng vu vơ của Liuxya khiến Nadya chậm bước lại. Bất giác nàng đi lại trong phòng không nhanh như trước. Đến đây và trở lại, đến đây và trở lại... Nàng không ngó ngang gì đến mấy tấm ảnh của Ôlya.

Bôrya thu lấy những tấm ảnh một cách thận trọng như thể chúng vẫn chưa khô. Cậu ta cho ảnh vào túi bên và khom mình đi ra.

Liuxya vẫn cầm cái chén và cái lọ vô dụng đối với Nadya, đứng ở bancông và nhìn chăm chăm xuống phía dưới.

Những cuộc nói chuyện qua điện thoại của Épđôkya

Xavêliêpna, việc Liuxya muốn là người đầu tiên nhìn thấy tất cả và thông báo mọi điều, thái độ trân trọng của Bôrya khi cậu ta bày ra và thu lại những tấm ảnh của Ôlya, tất cả những điều đó khiến tôi cảm thấy có cái gì đáng sợ. Tôi tin chắc rằng họ tìm cách chuộc lỗi. Nhưng cái lỗi đó có tầm mức như thế nào? Họ đã phạm chính lỗi lầm gì mà đến nỗi Ôlya không chịu đựng nổi nữa? Và trong lúc tuyệt vọng nó có thể làm chuyện gì? Nó có thể gặp người nào lúc đêm hôm... trên con đường chưa từng biết?

Đột nhiên tiếng chuông vang lên. Nadya ngồi phịch xuống chiếc ghế. Hai chân nặng trĩu, tôi bước ra hành lang. Nhưng Liuxya đã vượt lên trước tôi.

— Michya Kaliaghin! — Nó kêu lên, tỏ ra vui mừng quá đáng. Như thể chúng tôi chỉ mong đợi anh ta.

— Anh đến bằng ô-tô à? — Épđôkya Xavêliêpna hỏi một cách thiết thực.

— Xe ở dưới kia! — Liuxya trả lời thay cho Michya, đứng ở bancông cô ta đã nhìn thấy rõ chiếc xe ben đỗ dưới đường.

Michya ngượng ngập nghiêng đầu nhìn chiếc quần nhem nhuốc dầu mỡ của mình: anh bị gọi bất ngờ.

Anh ta quả thực là gầy nhom, đầu gần như không có tóc. Épđôkya Xavêliêpna không giải thích với chúng tôi rằng đó là do «thời thơ ấu trong chiến tranh», mà nói luôn:

— Michya, xuống bếp với tôi.

— Cô giáo không có ý định nói điều gì bí mật với chú ấy đâu! — Liuxya nói liên thoảng. — Chẳng qua là trước mặt cô chú, cô giáo không muốn nhắc lại...

Nadya không nghe thấy gì.

Épđôkya Xavêliêpna và Michya từ bếp trở lại.

Anh hồi tưởng lại rằng hồi anh chở thuốc và dụng cụ đến cho ông chú, cũng mãi đến sáng anh mới về nhà. Bà mẹ cũng suốt đêm không biết anh ở đâu.

— Tôi trốn đi... đang viêm phổi. Nhưng làm thế nào được? Nói với mẹ thì mẹ tôi sẽ không cho đi. Bà

nước... Tôi lặng người đi vì hoảng sợ. Sau đó tôi vô lý lấy hộp đàn và lao ra cửa, nhưng muộn mất rồi. Elêna Mikhailôpna từ phòng trong đi ra, cô tiến cậu học trò ra về.

— Em vào đi! — cô bảo tôi. Tôi đứng sững như trời trồng.

— Vào đi chứ! — cô nhắc lại và khẽ đẩy tôi về phía cửa phòng. Tôi không nhúc nhích.

— Em làm sao, không thuộc bài ư? — Elêna Mikhailôpna nghiêm giọng hỏi. Tôi không đáp. Cô ngạc nhiên nhìn tôi, đưa mắt dõi theo luồng mắt của tôi và... cái việc đã xảy ra họa chăng chỉ có những nhà ngư học mới hình dung nổi. Chân khuyu xuống, môi tím tái đi, cô ngồi phịch xuống ghế bành, nói không ra hơi, giọng run run:

— Mà... Mà làm gì... thế này, thằng bé đôn đời kia?

— Em không biết, thưa cô... Em tưởng... Em chỉ cho chúng nó ăn bánh mì đen và phomat.

— Mà đã đầu độc... — cô rên lên tuyệt vọng rồi úp mặt vào hai bàn tay và khóc nức nở như có ai giết mất đứa con đẻ của cô.

Tôi còn nhớ là tôi cứ ấp a ấp úng tìm cách phân trần, cô an ủi người đàn bà quá ư đau khổ. Vô ích... Người đàn bà đó đứng lên đến bên bể cá, vớt từng con cá chết lên, ghé môi hôn, rồi lại thả vào bể. Cô than thở:

— Các con yêu quý, vàng ngọc, thân thương của ta... Chúng nó đã đầu độc, giết chết các con!

Cô quay về phía tôi. Mặt cô méo xệch đi, cảm run lên, nước mắt chảy ròng ròng. Bỗng cô vung tay tát tôi một cái trời giáng làm tôi suýt ngã.

— Cút khỏi nhà tao ngay, thằng dã man! Đừng có bèn mảng đến nhà tao nữa!.. Cút!

Tôi đành nhận lấy cái tát và cô nuốt nước mắt, lặng lẽ xách đàn đi ra.

Bàng hoàng, khổ nhục, chết lặng trong lòng, tôi lê bước về nhà. Chỗ ngang qua đường xe lửa, bọn Ianguli

đang chơi như mọi khi. Tôi muốn đến với chúng nó, nhất là lúc này về nhà cũng chẳng làm gì. Đến quãng chúng nó đang chơi, tôi bước chậm lại rồi cúi xuống giả vờ buộc lại dây giày.

— Ê-ê, cái nhì!

Tôi nhận ra tiếng Ianguli.

— Mà bảo gì?

— Lại đây!

— Mà cần gì thì mà phải đến chứ!

Ianguli ngạc nhiên nhìn lũ đồng bọn lúc này còn ngạc nhiên hơn và thông thả đi về phía tôi.

— Mà lại không biết tao là ai ư? — nó hỏi với vẻ khiêu khích.

— Biết! — tôi nhìn thẳng vào mắt nó, trả lời.

— Thế sao tao gọi mà không đến?

— Mà là cái thá gì mà gọi tao phải đến?! — tôi nói với giọng khinh thường, nhưng vẫn đặt hộp đàn xuống đất để phòng.

Ianguli lại bắn khoăn nhìn những tên đồng bọn lúc này đã quên cả trò chơi, vây quanh chúng tôi.

— Ianguli, hãy cho nó biết tay đi! — một đứa hét lên.

— Cho nó một trận, Ianguli! — một đứa khác xúi thêm.

— Cho nó cái tát, Ianguli! — đứa thứ ba bảo.

— Trước hết chúng mình phải xem ông con tài giỏi thế nào đã chứ! — Ianguli nói và khẽ vỗ vào má tôi.

— Bỏ tay ra! — tôi quát nó.

— Liệu hồn đây! — Ianguli ngạc nhiên.

— Mà cũng liệu hồn!

— Tao điều thuốc! — Ianguli bỗng chìa tay ra.

— Tao không hút thuốc!

— Tiên!

— Không có tiên!

— Lộn hết túi ra!

— Mà đi mà lộn!

Bọn trẻ bắt đầu thì thầm với nhau. Ianguli ngần

người ra một lát rồi bỗng tỉnh ra ngay, cúi xuống chỗ chiếc đàn.

— Lui ra!—tôi quát và cũng với lấy chiếc đàn, nhưng Ianguli nhanh tay chộp được trước, nó mở hộp, lấy chiếc đàn đưa cho tôi:

— Chơi đàn anh em nghe cho vui!

— Tao không chơi!

— Thế mày tha cái hộp này để làm gì? Mày là con lừa làm lưng không công chắc?

— Đưa đàn đây!

Ianguli giấu chiếc đàn ra sau lưng và đi giật lùi.

— Pêtia, Phema, Kurlíc, Pantsô, Tena! Chúng mày đã nghe kéo đàn violông bao giờ chưa?—nó quay sang phía bọn trẻ. Chúng cười ồ.

— Mới nghe trên đài thôi!—Pêtia hét.

— Biểu diễn đi, Ianguli!

Tôi nghe tiếng cây đàn của tôi phát ra trước tất cả những đứa có mặt ở đây: Ianguli vung cây đàn lên đập thẳng vào đầu tôi.

— Cha... ắt...—một tiếng rắc và cây đàn gãy làm đôi. Phần dưới như một cánh tay bị chặt rời cứ lủng lẳng dính với phần trên, phát ra tiếng rên rĩ não nuột.

Bọn trẻ lăn ra cười.

Tim tôi chết lặng đi, máu bốc lên đầu, tai choáng ù. Tôi không nghe thấy gì nữa, không cảm thấy gì nữa, chỉ còn thấy bọn trẻ đang cười lăn cười bò cả ra, cây đàn gãy và cái hàm gãy vêu của Ianguli hếch lên. Bất thần tôi ráng sức tông một quả vào cái hàm ấy.

Khi thính giác và ý thức trở lại với tôi thì Ianguli ngồi bệt trên mặt đường, nhìn tôi ngạc nhiên và đưa tay phải xoa quai hàm. Bọn trẻ lặng im.

Tôi bỏ về nhà.

Chiều hôm đó thằng Pêtia ở cạnh nhà tôi và là cánh tay phải của Ianguli xách cả cái hộp đựng chiếc đàn gãy sang, vớt ở cổng nhà tôi rồi bỏ chạy.

Cô tôi điên tiết gào lên, đầu tiên là rủa Pêtia, rồi đến Ianguli Alêcxanđrôđi và cuối cùng đến tôi:

— Cầu cho mày lòi con người ra, ời cái thằng Pêtia

quái vật kia!.. Chết mất thầy mất xác mày đi, ời cái đồ ma vương quỷ sứ kia!.. Bỏ con thằng buôn rau chúng mày thì còn biết cái gì! Chúng mày thì làm sao mà biết được giá trị của chiếc đàn này? Đối với chúng mày thì Paganini và Xtoradivari¹ cũng chẳng hơn gì một gã thợ cưa!..

Ianguli Alêcxanđrôđi! Mày mới thật là đứa đáng tội tòng xẻo; chặt tay, chặt chân, nướng xác mày lên cũng phải! Mà thôi, rồi hơi mà nói chuyện âm nhạc với cái thằng từ bé đến lớn chỉ nghe tiếng lừa kêu!.. Chỉ tại nó mà ra cả, cái thằng côn đồ mới vào nhà tao ấy! Đáng treo cổ nó trước tiên! Ới chị ời, người chị bất hạnh của em ời, Anikô của em ời! Em chưa đủ khổ hay sao mà chị còn tông thêm cho em cái thằng kẻ cướp này!.. Khôn khổ thân em thế này!..

Hôm đó là ngày kết thúc cuộc phiêu lưu của tôi trong thế giới âm nhạc. Một kỷ nguyên mới trong đời tôi đã bắt đầu: cuộc đấu tranh sinh tồn...

Hôm sau, Ianguli và Pêtia đón chúng tôi ở cổng trường. Tim giật thót, nhưng tôi cứ thản nhiên như không.

— Cái đàn!—tiếng Pêtia.

Tôi dừng bước.

— Nói chuyện một tí!—Ianguli đến bên tôi.

— Chuyện gì?

— Ở đây không tiện,—nó liếc nhìn đám học sinh và giáo viên vừa tan học ra về.

— Thế ở đâu?—tôi hỏi.

— Bên kia đường tàu, dưới gầm cầu.

— Được!

Ianguli đi trước, tôi và Kôka theo sau. Pêtia đi sau cùng («Để chúng mình khỏi bỏ chạy đây mà»,—tôi nghĩ bụng).

— Bỏ mẹ rồi!—Kôka hoảng sợ thốt lên. Nó kém

¹ Paganini N. (1782-1840) và Xtoradivari A. (1644-1737)—những nhạc sĩ biểu diễn nổi tiếng; cả hai đều người Italia.

sẽ bảo: «Đề mẹ đem đi!» Trước đây tôi không hiểu các bà mẹ. Mãi cho đến khi chính tôi bắt đầu làm bố.

Nadya chẳng nghe thấy gì.

Michya còn kể một câu chuyện nữa. Con trai anh cũng có một lần không ngủ đêm ở nhà và đến gần sáng mới về. Thì ra nó xích mích với một cô bé. Nó bảo rằng nó sẽ đứng dưới cửa sổ nhà cô ta cho đến khi nào cô ta tha thứ cho nó mới thôi. Cô gái ngủ một giấc ngon lành. Sáng dậy, cô sửa soạn đến trường. Cô ta từ nhà đi ra, còn nó... vẫn đứng đấy. Suốt từ tối hôm trước.

— Thế anh bảo với con anh thế nào? — tôi hỏi.

— «Vây là nó không yêu con, đồ ngốc!»

— Anh nói đúng.

Nadya không nghe thấy...

Có tiếng chuông. Nàng nhóm dậy. Liuxya lại vượt lên trước tôi.

Borya Antokhin đã trở lại.

— Em nghĩ thế này... Em còn có những tấm ảnh khác của bạn ấy! — Cậu ta vỗ vào chiếc túi bên. — Trên đường về, em tạt qua nhà lấy những tấm ảnh đó. Nên phân phát nhiều nơi trong quận. Để không phải chỉ có chúng ta đi tìm kiếm.

— Đúng thế. Tất nhiên là như thế, — Épdôkya Xavêliépna khen ngợi. — Nếu mọi người đều bắt tay vào việc thì ta sẽ đạt kết quả nhanh hơn.

«Đáng phải nghĩ sớm hơn... Sớm hơn rất nhiều!» — tôi muốn nói.

— Chúng tôi sẽ tìm thấy cháu! — Cả Michya Kaliaghin cũng hứa hẹn với Nadya.

— Nhưng lúc này... nó có thể ở đâu? — Nadya thét lên một tiếng tuyệt vọng.

Mọi người đều giật mình vì tiếng thét đó. Ngay cả Michya.

Épdôkya Xavêliépna không còn có thể tổ chức việc tìm kiếm một cách thiết thực nữa. Bà bỗng lảng xảng vật vờ... Bà nhảy bổ tới gần Michya, thì thầm cái gì với

anh, rồi tới gần Borya. Bà nói to một cách thiếu tự nhiên:

— Ngay bây giờ Michya và Borya sẽ đến đây, và mọi việc sẽ sáng tỏ. Anh chị biết đấy, trong chiến tranh Michya đã giải quyết thành công một nhiệm vụ còn phức tạp hơn!

Trong giọng nói của bà, tôi càng cảm thấy rõ rệt hơn những sắc thái của một bác sĩ đang thuyết phục một người bệnh không phương cứu chữa rằng hôm nay người đó «nom khá lắm». Nhưng tôi không thể tin giọng điệu ấy được. Điều đó sẽ có nghĩa là...

Nadya chỉ đủ sức thốt lên tiếng thét tuyệt vọng đó. Nàng lại như con thoi bắt đầu đi theo một đường duy nhất: từ cửa ra vào đến cửa sổ. Từ cửa sổ đến cửa ra vào.

«Liệu tim nàng có chịu đựng nổi không?» — tôi nghĩ, lòng khiếp sợ. Michya và Borya ra đi.

Épdôkya Xavêliépna lại túc trực bên máy điện thoại. Bà gọi điện cho có việc: khi thì yêu cầu người thường trực ở trường cho biết ngay nếu Ôlya bỗng nhiên xuất hiện, khi thì gọi về trường nghệ thuật, cũng yêu cầu như thế.

Thêm nửa giờ hay bốn mươi phút nữa trôi qua trong tình trạng như vậy.

Đài vẫn tiếp tục những chương trình phát thanh vui tươi ngày chủ nhật. Không ai tắt máy, vì không ai muốn sự yên lặng.

Nadya mấp máy môi một cách máy móc, hầu như không thành tiếng.

— Em làm sao thế, Nadya? — Cuối cùng tôi hỏi và ôm lấy nàng.

Liuxya cho rằng chúng tôi có chuyện gì cần nói riêng với nhau, nên lập tức kéo Épdôkya Xavêliépna xuống bếp.

— Em làm sao, Nadya?

Nàng không trả lời tôi và vẫn không ngừng đi lại trong phòng, nhưng tôi đoán rõ những lời nàng nói:

— Chính em đã khuyên nó... Chính em...

tôi hai tuổi, hơn nữa nó còn nhớ như in những cái tát của Ianguli.

— Không sợ! — tôi nói cho nó yên tâm mặc dù chính tôi cũng đang nao núng. Lúc chúng tôi bắt đầu từ trên nền đường sắt đi xuống, Kôka xuýt bỏ chạy, tôi đã kịp nắm lấy tay nó:

— Dừng! Em muốn tự làm nhục mình à?!

— Anh biết nó rồi đây! Nó giận cho như từ mất! — Kôka than vãn náo nùng.

— Mặc! Nó chẳng giết chết nổi ta đâu mà lo!

Kôka lê bước theo tôi như một con bê bị lôi đi giết thịt.

Ianguli dừng lại dưới gầm cầu, đảo mắt nhìn quanh. Không một bóng người.

— Nào, đến nơi rồi. Mày muốn gì? — tôi hỏi.

Ianguli im lặng một lát rồi nói:

— Hôm qua mày làm nhục tao trước mặt chúng nó... Táng mạnh lắm, bất thành linh... Tao không đứng lên được, nên mày chưa bị trả miếng... Tao muốn đứng lên, nhưng không đứng lên nổi...

Sự thẳng thắn điềm nhiên của Ianguli khiến tôi bối rối.

— Tao là thủ lĩnh, là chủ tướng trong khu phố, tao vẫn sẽ là thủ lĩnh... — nó nói tiếp.

— Được thôi, nhưng mày hãy để cho tao yên! — tôi trả lời cũng thành thật như thế.

— Mày mà lớn tuổi hơn tao thì không sao! Đằng này mày ít tuổi hơn tao mà lại đánh tao... Thế thì không xong! Trong khu phố chỉ có một chủ tướng duy nhất mà thôi, mày hoặc là tao!

— Tao đã bảo mày là tao không cần gì hết! — tôi nhắc lại.

— Không, không được... Chúng ta phải đo sức!

— Được! — tôi đồng ý.

— Có điều phải chơi cho đúng đắn!

— Đúng đắn là thế nào?

— Pêtia và Kôka không được dính vào! Không

chửi bới! Không dùng gạch! Kẻ nào quy rồi thì không được đánh nó nữa!

— Xong rồi!

— Nếu hôm nay tao hạ được mày thì mai tao còn tấn mày một trận nữa trước mặt những đứa hôm qua. Rồi ta chấm dứt ở đó.

— Ờ, còn để xem đứa nào hạ đứa nào...

— Ianguli cởi chiếc sơmi xatanh đen vứt xuống đất. Tôi giật mình khi nhìn thấy bộ ngực nở nang của nó. Đồng thời không hiểu sao những chữ latin xanh xẫm xẫm ở phía trên vú trái của nó làm tôi bối rối: *HELLADOS*.

Ianguli nói với Pêtia mấy tiếng Hy Lạp, Pêtia lặng thinh. Ianguli nhắc lại. Pêtia miễn cưỡng lùi ở hai túi quần ra hai hòn đá nặng chịch và vứt ra xa. Ianguli đưa mắt nhìn Kôka. Kôka vội vàng lộn cái túi không ra.

— Bắt đầu! — Ianguli nói.

— Bắt đầu! — tôi nói.

Trận đấu diễn ra khoảng vài ba phút. Khi đánh, hai tay tôi nắm chặt lại thành nắm đấm, Ianguli xòe cả bàn tay ra. Cú đánh của tôi nghe bình bịch, cú đánh của nó chan chát vang to khắp khu vực. Pêtia cổ vũ Ianguli bằng tiếng Hy Lạp, Kôka mách nước cho tôi bằng tiếng Grudia:

— Lây đầu mà húc, Giêman!

Chính tôi cũng hiểu một cú đánh đầu lợi hại có nghĩa như thế nào trong trận đấu nhưng áp sát Ianguli không dễ chút nào: tâm thần mèm mại, nhờn mỗ hôi của nó lẫn nào cũng tuột khỏi tay tôi.

Một cái tát trời giáng nữa và máu mũi tôi ộc ra. Tôi đang quệt máu ở mũi thì Ianguli đã thết tôi đòn nữa, và tôi lăn ra đất y như nó ngày hôm qua, khác cái là tôi vẫn đứng dậy được, chứ nó hôm qua thì không gượng nổi.

Nhưng kết cục trận đấu đã hiển nhiên: tôi thua. Ianguli chờ một lát và khi đã biết chắc là tôi không đánh tiếp nữa, nó xò tay mặc áo. Một lần nữa tôi lại đọc thấy chữ *Hellados* màu xanh trên ngực nó.

Có tiếng chuông điện thoại. Vừa đúng lúc ấy Nadya ở cạnh máy. Nàng vô lý ông nghe.

— Không, không phải mẹ của cháu,—nàng trả lời.—Xin lấy danh dự mà nói, không phải là mẹ của cháu. Là ai ư? Cô giáo... trường phổ thông. Tôi nhớ... tôi nhớ mà... Cháu mặc quần. Quần màu xanh lơ. Đồng chí nói gì? Nhận dạng à?... Nhận dạng ai kia?

Ông nói lúng liếng ở đầu sợi dây. Nadya ngồi phịch xuống sàn.

— Liuxya! — Chẳng hiểu tại sao tôi thét lên.

— Tôi sẽ không thể nhận ra nó,—Nadya nói vào một nơi nào trong không gian.—Tôi sẽ không thể nhận ra nó...

Chúng tôi đỡ nàng dậy và dìu nàng ngồi lên divăng. Nàng ngậy ra, không nhúc nhích.

Tôi đặt lại ông nói lên cần đỡ. Điện thoại lập tức réo chuông.

— Chúng ta bị cắt ngang,—tôi nghe thấy một giọng đàn ông điềm tĩnh, đã quen với mọi chuyện trên đời.—Tôi đang nói chuyện với ai đây?

— Với ông bố.

— Người nói lúc đầu là cô giáo phải không? Không phải bà mẹ chứ?

— Không, không... Cô giáo đây.

— Thế thì không sao. Để phòng xa, vẫn cứ nên nhận dạng...

— Nhận dạng ai kia?!

— Đừng nhắc lại theo tôi. Bà mẹ không nghe thấy chứ?

— Không.

— Có thể chúng tôi sẽ cho xe ghé qua đón ông.

Tiếng cửa sập mạnh.

Tôi buông rơi ông nói và nhảy ra hành lang.

— Mẹ yêu quý đâu rồi? Con mang hoa về cho mẹ đây!—Ôlya đã tháo một chiếc giày và đi chiếc dép vải vào chân.—Ba tưởng tượng xem, họ vẫn còn đang trên đường tìm đến ông chú ấy... Đứng đầu là

Épđôkya điên rồ!»! Còn con thì tối hôm qua con đã bán ra con đường ngắn nhất. Michya đã dùng thuyền qua sông vào ban đêm. Nếu không thì chú ấy đã chạm trán với bọn đi tuần. Người lái đò đã cho con quà!—Nó say sưa với thành công.—Đây là món quà bất ngờ... hay phần thưởng mà Michya Kaliaghin đã nói tới. Con đã đoạt được!—Nó chìa ra một chiếc phong bì chẳng rõ trong có cái gì.—Con là người đến trước tiên. Và ông chú bác sĩ đã trao cho con. Nhưng mẹ đâu chứ? Con mang hoa về cho mẹ đây này. Buổi sáng trên cánh đồng thích vô cùng!

Nó giúi vào tay tôi bó cúc dại.

Tôi không ngắt lời Ôlya.

Épđôkya Xavêliépna và Liuxya không ra hành lang. Họ vẫn đứng cạnh máy điện thoại. Ông nói lúng liếng ở đầu sợi dây. Còn Nadya đỡ nàng ngồi trên divăng. Nàng ngồi thẳng đuột trong một tư thế thiếu tự nhiên, hai tay đặt trên đùi.

Nadya! Ôlya đã về rồi...—Tôi gào lên...—Ôlya đã về.

— Tôi sẽ không thể nhận ra nó,—Nadya đáp.—Tôi sẽ không thể nhận ra...

Nửa giờ sau Michya Kaliaghin phóng xe ben tới.

Dọc đường Michya bị phạt vì cho xe chạy với tốc độ quá cao.

— Một lỗ hồng lớn.—Anh nói.—Người ta đã cắt ô tâm phiếu. Thật là trò cười!

Đây là lúc sau anh mới nói câu đó, khi đã vào phòng. Còn ở hàng lang, anh vội nói cho tôi biết:

— Ổn cả thôi! Cháu nó ở chỗ chú tôi sáng nay. Chính ông chú ấy đây... Đây là nhân chứng sống!

— Bạn ấy đã về!—Bôrya Antôkhin reo lên, không hạ giọng xuống chút nào, cậu ta cũng về bằng xe ben. Cậu ta trở đôi giày Ôlya để ngoài hành lang.

— Vậy thì tính mạng chú tôi có thể không đến nỗi bị lâm nguy,—Michya thở dài.

Ông chú Michya chắc là xưa nay vẫn gầy gò như thế, như một chú bé, chẳng khác gì cháu. Tuổi già càng làm cho ông gầy sát gần đất. Dường như ông không có trọng lượng, và ông bám lấy cây gậy, phòng ngừa một cơn gió vô tình có thể hất ông ngã lộn nhào. Nhưng mắt ông, cũng như mắt Michya, hứa hẹn cho mọi người biết một chuyện gì ma mĩnh, cợt nhả.

— Cụ là bác sĩ phải không ạ?—tôi hỏi.

— Trước kia tôi là bác sĩ,—ông đáp.

— Một nửa thế kỉ làm bác sĩ!—Michya bổ sung.

— Thế thì có thể phiên cụ... một lát được chứ ạ? Tôi muốn hỏi ý kiến cụ.

Ở bếp, tôi tường thuật với ông cụ một cách lộn xộn về mọi chuyện, tuy ông cụ đã biết nhiều điều. Cụ chỉ không biết những gì xảy ra sau khi Michya đi.

— Cụ là bác sĩ thần kinh phải không ạ? Việc này chắc là thuộc phạm vi chuyên môn của cụ chứ? Thêm nữa nhà tôi bị tật tim... Tôi rất lo.

Ông cụ vào phòng, ở đó Nadya vẫn ngồi thẳng đuột một cách thiếu tự nhiên, hai tay đặt trên đùi. Trang thái đờ đẫn của nàng vẫn chưa qua. Thấy bác sĩ, nàng nói với ông:

— Tôi sẽ không thể nhận ra nó...

— Mẹ yêu quý ơi, con đây mà... Con đã về đây!—Ôlya quì trước mặt mẹ, giải thích lần này không biết là lần thứ bao nhiêu.—Con về rồi mà! Đây là cụ bác sĩ, chú của chú Michya... Cụ đã trao cho con phần thưởng. Vì con là người đến trước nhất. Mẹ thấy chứ? Một tấm ảnh... đây là Épdôkya Xavêliépna trong thời kì chiến tranh. Cùng với hai người lính nọ. Thì ra cô giáo đã giấu hai người lính ở nhà mình... sau khi họ được bác sĩ chữa lành. Giấu ở nhà cô!—Ôlya giải thích điều đó với Nadya một cách chu đáo và thông thả như người lớn thường giảng giải cho trẻ nhỏ những chân lí giản dị, sơ đẳng nhất.—Đây là Épdôkya Xavêliépna...

— Cô nhìn kĩ xem,—cả Liuxya cũng thì thầm van nài.—Đây là Épdôkya Xavêliépna thời trẻ!..

— Nhưng để làm gì kia chứ?—Bà giáo chủ nhiệm nói thì thầm từ phía sau.

— Ôlya đã về! Con gái chị đã ở nhà. Ở nhà với bố mẹ! Chẳng có gì đe dọa cháu. Chị hiểu chứ? Chẳng có gì đe dọa cháu!—Ông chú Michya nói rành rẽ và dứt khoát, với một giọng kiên quyết mà chính ông cũng không ngờ.

— Tôi sẽ không thể nhận ra nó,—Nadya nói.

Bác sĩ một lần nữa thử bắt liên hệ với nàng. Rồi ông giờ gậy trở về phía bếp.

— Ca này không thuộc phần chuyên môn của tôi,—ông nói với tôi ở bếp.

— Sao lại... không thuộc phần của cụ?

— Tôi là bác sĩ thần kinh. Còn tâm thần là lĩnh vực khác.

— Cụ cho rằng... nàng...

— Cần gọi điện xin xe đến đưa bà nhà đi. Chính từ nơi ấy.

Ôlya vào bếp và bắt đầu giải thích với tôi một cách nóng nảy:

— Con đã đi bằng con đường của chú Michya Kaliaghin. Nhiệm vụ đặt ra là như thế. Ba biết đây...

Tôi ngắt lời nó:

— Chú ấy đi con đường đó là để cứu người. Còn con là để giết chết... một người thân thiết của con.

* * *

Chúng tôi ra về, để Nadya ở lại ngôi nhà nọ.

Ôlya với Liuxya và Borya đi ở phía trước. Còn tôi với Épdôkya Xavêliépna chậm lại sau một quãng. Michya đã đưa ông chú bác sĩ thần kinh đi bằng chiếc xe ben của anh.

Épdôkya Xavêliépna trầm lặng, ủ rũ. Dáng hình bà có vẻ không còn quá công kênh như trước, chiếc mũ xệ vành nom cũng không đến nổi lơ lửng quá.

— Nếu buổi sáng chúng tôi không đến, không làm

— Mai nhé! — Ianguli nói, và tôi lập tức nhận thấy môi trên của nó sưng vù và lông mày bên trái bị xoạc.

Ianguli và Pêtia lên đốc rồi rảo bước trên nền đường tàu, tôi cùng Kôka ở lại dưới cầu.

— Không sao, ơn trời nó cũng no đòn! — Kôka an ủi tôi.

— Mai thế nào anh cũng hạ nó! — tôi nói.

— Anh chả soi gương mà xem! — Kôka thở dài.

— Sao, mặt sưng ghê lắm hả? — tôi hỏi.

— Như cái bánh sữa! — Kôka nhìn đi nơi khác.

— Hừ, thằng súc sinh!

Lần này cô tôi không ca cẩm gì. Cô chỉ đắp thuốc lên mặt tôi lạnh tê. Sáng hôm sau, cũng thản nhiên như vậy, cô đập vào đầu lão Crixto Alêxandriđi cả một bình matsôni, y như Ianguli đã đập cây đàn vào đầu tôi. Và cô dọa sẽ cho thằng con con đồ của lão đi tù rữ xương vì cái tội đánh một đội viên thiếu niên Xô-viết đã man đến thế.

Hôm sau tôi nghỉ học, vì phải để cho những vết thâm tím và sây sát trên người lành hẳn đi. Hôm sau nữa, ở chỗ ngang qua đường tàu, chúng tôi thấy có mặt hầu hết bọn trẻ trong khu phố, trừ Ianguli. Chúng huýt sáo, hò la trêu chọc tôi và Kôka.

— Cái đàn cò cứ ơ, mày được làm lễ ban thánh thể rồi đây à?

— Bây giờ thì kiêng mặt nó ra rồi chứ? Hay mày muốn mất mạng?

— Đây không phải là Tbilixi của mày đâu nhé!

Cả «hội» đều biết tôi bại trận.

Tôi không để ý đến những lời châm chọc. Tôi chậm rãi đặt túi sách xuống đất, ngồi chờ Ianguli.

— Nó đến kia rồi! — một đứa bỗng hét lên.

— Anh em ơi, trò xiếc sắp bắt đầu! — một đứa khác nói.

— Chào tất cả! — Ianguli chào cả bọn và trông thấy tôi ngay. Nó trở mặt ngạc nhiên.

— Ianguli, cậu thấy đây, cái bánh đã tự dẫn xác đến rồi. Chén đi thôi! — Pêtia xúi.

— Ăn bánh với gì hở Ianguli, trứng cá hay bơ?

Ianguli phác một cử chỉ ra lệnh cho chúng im lặng rồi như vị tù trưởng, nó bắt đầu bài diễn văn lịch sử trước toàn bộ tộc:

— Anh em! Tôi, Ianguli Alêxandriđi, người được anh em bầu làm thủ lĩnh ataman, xin nói với anh em, những đứa con tự do của đường Vênidơ! Trước mặt anh em là một thằng thộn Tbilixi mặt xanh tàu lá và đứa em của nó, một tên bán nước và phản bội bộ tộc, thằng nhãi Kôka. Đáng lý phải chịu ơn lòng hiếu khách và đại lượng của chúng ta thì tên ngoại bang mặt xanh tàu lá lại rắp tâm chiếm đoạt đất đai cực lạc của chúng ta, biển của chúng ta, sông của chúng ta, vàng, bạc, bãi chăn...

— Pha trò đủ rồi đây! — tôi ngắt lời Ianguli. — Độ sức đi thôi!

Ianguli nhìn tôi chằm chằm và nói tiếp: — Bây giờ tôi sẽ trình bày cho các bạn xem cách chế biến tụi mặt xanh tàu lá thành món thịt viên!

— Đừng làm bộ làm tịch nữa! Bắt đầu!

— Này, nhãi! — Ianguli bảo Kôka. — Chạy gọi xe cấp cứu đi, bảo năm phút nữa đến mà đưa thằng anh họ mày đi. Năm phút nữa nó sẽ thành kẻ hoàn toàn tàn phế.

Bọn trẻ cười ran.

— Hôm nay xe cấp cứu sẽ đưa mày đi! — tôi nói và đứng dậy.

Người xem vây kín xung quanh.

Ianguli nói nhỏ với Pêtia điều gì. Nó liền cúi thắt lưng. «Chẳng lẽ chúng nó lại đánh bằng dây lưng?» — tôi thoáng nghĩ trong đầu.

Pêtia đưa thắt lưng cho Ianguli và trở lại với đám người xem. Ianguli nhìn mọi người với vẻ kiêu hãnh và tuyên bố:

— Đánh nhau với hạng mặt xanh tàu lá này tôi

rùm beng lên thì vợ ông vẫn khỏe mạnh. Hóa ra lỗi là tại tôi hết.

Bà nói điều đó một cách buồn rầu và cả quyết. Không dự tính sẵn là tôi sẽ bác lại. Thế nhưng... Mặc dù các bậc cha mẹ bao giờ cũng muốn đổ lỗi của con mình cho người nào khác hay nhận lấy lỗi đó về phần mình, tôi vẫn không dám chấp nhận ý kiến của bà:

— Làm sao bà có thể không đến được kia chứ?

Bà không đáp: chiếc mũ xệ vành dường như ngăn cách bà với điều mà lúc này bà không đồng ý.

— Thì ra Ôlya gán cho tôi cái biệt hiệu «Épđôkya điên rồ» không phải là không có lý.

— Số phận đã trả thù chúng tôi về cái biệt hiệu ngu dại đó, — tôi phản đối, — Sự điên rồ đã đến nhà chúng tôi. Còn gì khủng khiếp hơn được nữa? Bà còn nhớ... câu thơ của Puskin chứ?

Cầu trời đừng để tôi hóa điên
Không, thà rách bị gãy...

— Thế đây. Hẳn nhiên là như thế. Nhưng trạng thái phản ứng thường qua đi. Ông chú của Michya nói với tôi như thế.

— Bà không thể không lo lắng và không đến gặp chúng tôi, — tôi nói. — Con gái tôi không tưởng tượng được rằng việc nó tự dựng biên mất sẽ làm mọi người quá lo đến nỗi đâm bỏ đi tìm. Thành thử có lẽ...

Tuy không chủ tâm, tôi đã bắt đầu tìm lý lẽ bênh con.

Épđôkya Xavêliépna bỏ mũ ra. Ở nhà chúng tôi, trong phòng, bà không bỏ mũ. Rõ ràng bà chuẩn bị chiến đấu. Và bà muốn nhìn thấy mặt đối thủ.

Tôi không muốn giao tranh. Tôi chỉ cần biết rõ và hiểu.

— Bà thử nghĩ xem, — tôi nói tiếp, — lẽ nào Ôlya có thể cho rằng một người như Liuxya Katunina chẳng hạn người đã giận nó một cách bất công đến như thế vì một chuyện không đâu...

— Bất công ư? — Bà ngắt lời tôi. — Xin lỗi, tôi

không muốn, theo đúng nghĩa đen của từ, có thể nói như vậy... sau lưng Ôlya... — Bà nghiêng đầu về phía Ôlya, nó khom lưng xuống, như quả thực đang chờ một cú đánh. — Một khi ông đã đề cập tới vấn đề đó!

— Lúc này không hơi đâu mà... điem lại tất cả những chuyện đó. Nhưng quả thực Ôlya không thể đưa bạn vào dự cuộc gặp gỡ đó.

— Không phải thế! — Dường như bà nổ súng. — Quyết không phải thế. Ôlya đã quên bạn. Quên! Đây mới là điều tồi tệ khủng khiếp.

— Quên là thế nào?

— Liuxya đứng ngoài đường, cặp cái cặp nặng đựng những bức vẽ. Qua khung cửa sổ mở, nó nghe thấy Ôlya bông đùa hóm hỉnh, nêu câu hỏi. Tóm lại là tỏ ra uyên bác. Còn Liuxya thì thậm chí không thể bỏ đi: nó giữ chiếc cặp của bạn kia mà!

— Ờ kìa, bà nóng nảy quá đây... Tôi khơi ra câu chuyện này thật là lắm!

Dáng hình bà ta lại trở nên công kênh. Kì lạ thay, điều đó lại biểu lộ trong cử động.

— Nếu ông coi câu chuyện xảy ra hôm nay là chuyện tình cờ thì nó sẽ tái diễn! Xin hãy tin như thế. Nhất quyết là như thế. Nhất quyết là như thế.

Mới trước đó một lát, tôi vừa toan nói rằng một hành động duy nhất không thể biểu hiện đầy đủ tính cách của con người. «Nếu như hành động đó là tình cờ!» — chắc bà sẽ trả lời như vậy.

— Đừng tưởng rằng Liuxya phàn nàn với tôi, — Épđôkya Xavêliépna chột nhór ra. — Cũng như ông, nó thử tìm cách bào chữa cho Ôlya. Nhưng bào chữa cho kẻ có lỗi tức là làm hồng kẻ đó!

— Bà cho rằng Ôlya cô ý ư?..

— Chẳng qua em ấy tin chắc rằng tình yêu làm cho người ta mất lòng tự hào và tự ái. Thì Liuxya yêu em ấy mà.

— Cho dù là thế đi nữa... nhưng sau này, khi Liuxya không thể học tập bình thường, Ôlya đã bênh vực bạn. Chỉ có nó và Nadya biết nguyên nhân. Và

không thềm dùng cả hai tay. Một tay cũng đủ hạ nó rồi. Pêtia, ra trói một tay tao lại!

Bọn trẻ hét lên khoái chí, tôi thì trông ngực đập thình thình. Không hiểu trò ảo thuật gì đây nữa? Pêtia cầm thắt lưng thắt chặt tay trái Ianguli vào người nó.

— Thôi cái trò hề ấy đi! Bỏ tay ra!—tôi nói.

— Không, đánh nhau với mày bằng cả hai tay thì tao không đáng mặt anh hào!

Bọn trẻ lại thích chí hét to.

— Thôi, thế thì tao không đánh nữa!—tôi cúi xuống nhặt túi sách lên.

— Mày sợ à?—Ianguli hỏi.

— Không, tao không sợ nhưng tao không thích. Mày cứ bỏ tay ra! Đằng nào tao cũng hạ mày thôi!

— Bắt đầu đi, không rồi lại hồi tiếc đây!—Ianguli nài nỉ.

— Đánh bỏ mẹ nó đi, anh chờ gì nữa!—Kôka nói nhỏ với tôi.

Tôi bước bình lắc đầu. Ianguli tiến lên và tát tôi một cái. Mặt tôi rất như bỏng nước sôi nhưng tay vẫn không nhúc nhích. Ianguli tát một cái nữa, rồi một cái nữa. Tôi hiểu rằng nó không dốc hết sức ra để đánh. Nó đánh như người ta trừng phạt một đứa bé nghịch ngợm chứ không phải độ sức với đối thủ của mình trong cuộc đấu. Tôi không đánh trả, thế là nó buông tay xuống. Tôi quay đi và rời khỏi chiến địa, không nói một lời. Bọn trẻ lẳng lẳng giã ra nhường đường.

— Ê, cây đàn cò cừ!—tiếng Pêtia từ phía sau vang tới và lập tức vang lên một tiếng tát giòn giã. Đó là một cú đánh cực mạnh của Ianguli—đánh vào mặt Pêtia.

Tôi không ngoái lại—tôi khóc và không muốn để bọn trẻ nhìn thấy nước mắt của tôi.

Tôi khóc nhưng tôi đã đoán rằng trong trận đấu ngày hôm nay phần thắng thuộc về tôi.

Sáng tinh mơ, tôi đứng ở cổng nhà Alêxandridi.

Crixtô đang thẳng yên cương cho con lừa, Ianguli giúp bỏ một tay. Nhìn thấy tôi nó bước ra cổng.

— Sao, đến mách đây hả?—nó vừa hỏi vừa liếc nhìn bỏ nó. Ông ta đứng quay lưng về phía chúng tôi và không nhìn thấy tôi.

— Đứa nào đây?—Crixtô quát, không quay lại nhìn.

— Cháu là bạn nó.

— Ianguli phải đi chợ bây giờ đây!—Crixtô quay lại và ngạc nhiên nhận ra tôi:—Chúng mày làm lành với nhau rồi đây à?

— Vâng!—tôi trả lời.

— Như thế có phải tốt không nào? Hai đứa chúng mày đều ngoan cả!—Crixtô sung sướng.—Cháu vào trong này!

— Cảm ơn bác, cháu đang vội... Cậu đi bao giờ về?

— Chiều,—Ianguli đáp.

— Tớ chờ dưới gầm cầu!

Tôi đi về.

Nó đến, lẳng lẳng buộc con lừa vào hàng rào, cởi áo vứt lên lưng lừa và tôi lại đọc thấy chữ *Hellados* bí hiểm trên bộ ngực rộng của nó.

Hôm nay chứng kiến trận quyết chiến của chúng tôi chỉ có con lừa. Cuộc đấu kéo dài khá lâu. Tôi đã cố gắng hết mức mà Ianguli vẫn nhanh hơn giáng được đòn đầu tiên. Tôi không ngã, chỉ lảo đảo. Lần thứ hai nó đánh thì tôi tránh rất nhanh, tay nó sượt qua mũi tôi. Nhưng vì cú đánh quá mạnh, nó bị quá đà, hơi xoay người đi, dẫn về phía trước nửa bước. Giờ đây nó đứng trước mặt tôi, cái cầm gậy guộc phoir ra y như trong trận đánh nhau đầu tiên. Tôi dốc hết sức lực tông một quả vào hàm nó. Nó ngã và nằm im đến gần một phút. Tôi chắc mẩm là nó không dậy được nữa. Nhưng Ianguli bỗng nhồm dậy lao vào người tôi. Bàn tay xòe của nó và nắm đấm gọn của tôi đều giáng trúng cùng một lúc. Ừ hết cả tai, tôi quỵ một chân xuống, bất giác đưa hai tay lên bưng mặt và cảm thấy

Ôlya đã thử giải thích mọi sự việc. Nhưng Liuxya lại nói: «Tôi không cần sự bênh vực!»

— Liuxya nói: «Tôi không cần sự bênh vực *như thế!*» Ông thấy đây, một từ làm thay đổi rất nhiều.

— «*Như thế*» nghĩa là... thế nào kia?

— Tôi không muốn đi sâu vào tấn bi kịch của người khác.

— Nhưng một khi chúng ta đã bắt đầu...

— Về những khó khăn trong gia đình Liuxya thì ngoài Ôlya và Nadya, quả thực là chẳng ai hay biết gì hết. Và cũng không cần phải biết! Mà trước hết là mẹ Liuxya: ông biết đây, bà ta ôm nguy kịch. Ôlya đã nói xa xôi bóng gió về những sự việc đó với... cả lớp. Lớp tôi có những em ở cùng nhà với Liuxya. Ngôi nhà ấy là nhà mới xây và rất lớn... Bản thân Liuxya không hề cho rằng bố mình có lỗi gì hết. Vả chăng, bảo là có lỗi thì lỗi gì mới được chứ? Ông ta yêu... Mà hi sinh tình yêu của mình vì một người đàn bà ôm đau đau phải là chuyện dễ dàng?

Tôi ngạc nhiên nhìn Épdôkya. Bà nói về tình yêu như thế trước đây bà đã phải mang vết thương lòng vì nó. Cái vành mũ xệ khi thì chạm đất, khi thì kéo lê trên mặt đất. Nhưng bà không để ý thấy điều đó.

— Sống chỉ biết mình mới chỉ tai hại một nửa, — bà nói bằng giọng nghiêm nghị. — Điều đáng sợ hơn nhiều là sống chỉ biết mình mà *luôn thế* lại đụng chạm cả đến sở phận của những người khác.

«Mọi việc phức tạp quá. Có thánh mà hiểu được!» — tôi nhớ đến một câu của Ôlya. Tuồng như đoán được ý nghĩ của tôi, Épdôkya Xavêliêpna nói:

— Nếu không có thì giờ tìm hiểu kĩ thì đừng có động vào. Và đừng có khinh suất vung tay gây tai họa cho người khác!

— Thế bà cho rằng Ôlya cô tình ư? — tôi thốt ra một câu ngớ ngẩn.

— Nó không có thời giờ tìm hiểu cho kĩ. Không có lúc nào rảnh rỗi! Cũng như không có lúc nào rảnh

rỗi, — bà hạ giọng, — để nhận thấy tình yêu của Bôrya Antôkhin.

— Tình yêu ư?

— Thế ông không thấy Bôrya có bao nhiêu tâm ảnh chụp hình Ôlya à? Vì lẽ gì không rõ, nó không chụp ảnh tôi.

Tôi với Nadya vẫn rất hài lòng vì cho đến giờ Ôlya chưa vướng vào mối tình say đắm nào cả. Chúng tôi cho rằng đây là do sự hoàn thiện về đạo đức của nó. «Hay có lẽ nó chỉ đủ tình cảm để yêu... bản thân nó thôi chẳng? — tôi chợt nghĩ. — Không, không đúng! Nó bao giờ cũng yêu Nadya... yêu nghệ thuật... Nó muốn bỏ mẹ tự hào về nó. Mà đó cũng là... sự quan tâm!»

Vành mũ xệ của Épdôkya vẫn kéo lê trên mặt đất. Chẳng rõ vì sao tôi không bảo cho bà biết.

— Bà không nghĩ rằng hành động sau cùng này của nó, cái hành động đưa đến kết cục khủng khiếp như thế... dù sao cũng là một sự phản kháng hay sao?

Nhằm chống lại cái gì?

— Chống lại tình trạng cô lập... trong lớp của bà.

— Kẻ nào muốn trở thành người đứng đầu bằng bất cứ giá nào, kẻ ấy nhất định lâm vào tình thế cô độc, — bà lại trình bày ý nghĩ của mình rành rọt.

Tôi ngạc nhiên: «Chẳng lẽ Ôlya và sự xung đột ngầm ngầm lâu dài giữa hai người đã khiến bà ta nghiền ngẫm sẵn những câu mà vừa rồi bà ta đưa ra để phân công ta chẳng?»

— Các học sinh của tôi không trở thành những người nổi tiếng, — Épdôkya Xavêliêpna nói trầm ngâm, như kéo dài trận quyết đấu của chúng tôi. — Nhưng trong số đó cũng không có những kẻ bất lương. Không một người nào... Họ không phản bội tôi và không phụ lòng mong đợi của tôi. Còn về năng khiếu ư? Họ có tài năng của lòng nhân ái. Ông không thấy điều đó sao?

— Hôm nay tôi đã thấy...

— Lòng nhân ái không nhất thiết làm nảy sinh ra tài năng nghệ sĩ, nhưng năng khiếu nghệ sĩ nhất thiết đòi hỏi phải có tình người...

máu rỉ ra ở mũi. Vừa định thần lại tôi đã trông thấy Ianguli cũng quý như thê, đang chùi máu ở môi. Tôi gượng đứng lên. Ianguli cũng vươn thẳng người lên.

Chúng tôi nhìn nhau một lúc lâu. Tôi nghe thấy tiếng nó thở hồng hộc như bò, nó tất nhiên cũng nghe thấy tiếng tôi đang thở. Tôi chờ Ianguli tấn công, nhưng thật lạ lùng, tôi chẳng còn thiết gì đánh nhau nữa. Nhưng tôi biết từ nay Ianguli sẽ không bao giờ sai khiến tôi được nữa.

— Thôi! — Ianguli bỗng nói.

— Thôi! — tôi đồng ý. — Nhưng mai chúng ta sẽ độ sức trước mặt chúng nó! — tôi cứ nói thêm.

— Không cần. Tao sẽ bảo cho chúng nó biết mày là một thằng khờ đây! Nhưng quyền đứng đầu thì tao không nhường cho mày đâu!

— Chả cần!

— Nếu mày muôn thì mày sẽ đứng thứ hai! — Ianguli đề nghị.

— Tao không cần gì cả mà lại! Mày đi con đường của mày, tao đi con đường của tao! — tôi toan bỏ đi.

— Gớm hăng! Như thế không được. Chẳng nhẽ ta cứ đánh nhau hàng ngày ư? Vậy thê này nhé: từ mai chúng ta sẽ rửa nhau. Ai rửa giỏi là người ấy thắng!

— Được, đồng ý.

Vậy là bọn trẻ lại vây quanh chúng tôi. Lần này chúng tôi đầu khầu.

— Giêman là cái đầu lừa!

— Ianguli là thằng Hy Lạp buôn rau!

— Thằng nhãi Tbilixi!

— Thằng chần lừa!

— Đồ con lừa!

— Quả dưa chuột thôi!

— Con cá thồn bơn!

— Con nòng nọc!

— Con sứa!

— Đồ ngu si dẫn độn!

— Paganini!

Vỗn liêng của tôi đã cạn. Ianguli chờ, bây giờ đến lượt tôi.

— Mau lên, không là thua đây! — Kôka giục tôi.

— Anh chẳng biết câu gì nữa!

— Chửi mẹ nó lên!

— Không, không được động đến mẹ!

— Anh nói đi: sêni đêđa vatrê! Rửa thê không sao.

— Tiếng Nga thì nói thê nào?

— Anh cứ nói bằng tiếng Grudia ấy! Nó không biết đâu! — Kôka nằng nặc.

— Ianguli, sêni đêđa vatrê! — tôi nói bằng tiếng Grudia và đóng tai chờ nghe câu trả lời.

— Imana xu inê prôxticaxa inêca, Giêman!

Tôi hiểu rằng Ianguli cũng đang động đến mẹ tôi, nhưng câu rửa của nó ngân lên thật du dương êm ái, cứ như nó đang hát điệu «Ave Maria». Và tôi nhắc lại:

— Sêni đêđa vatrê, Ianguli!

— Imana xu inê prôxticaxa inêca, Giêman!

Cứ thế kéo dài nửa năm. Rồi sự hăm dọa lắng dần. Ianguli và tôi quy cả loạt bài bản chửi rửa của mình vào một câu duy nhất, hễ gặp nhau lại tuôn ra như một lời chào:

Tôi:

— Sêni đêđa vatrê, Ianguli!

Nó:

— Imana xu inê prôxticaxa inêca, Giêman!

Một ngày nắng đẹp. Tôi cùng Kôka trên đường đi học về. Ở chỗ vượt ngang qua đường tàu, như thường lệ, Ianguli cùng cả hội đang chơi. Nom thấy tôi, Ianguli đứng phất dậy và đi ra.

— Ianguli, sêni đêđa vatrê! — tôi vội nói trước.

Nó dừng lại, lẳng lặng nhìn tôi một lúc lâu.

— Sêni đêđa vatrê, Ianguli! — tôi nhắc lại.

Ianguli cúi đầu xuống, quay đi và chậm rãi cất bước... ra về. Tôi lạng người đi vì ngạc nhiên.

— Hẳn nhiên là như thế! — tôi ngắt lời Épdôkya Xavêliépna, dùng chính lời nói của bà.

— Phải... hẳn nhiên là như thế, — bà đồng ý.

Chúng tôi im lặng một lát.

— Thế nhưng con trai Michya Kaliaghin cũng không cho biết nó đi đâu, mãi cho đến sáng, — đột nhiên tôi thốt lên. — Bà nhớ chứ? Khi nó đứng dưới cửa sổ... nhà cô bé nọ.

— Tôi không muốn làm ông rầu lòng. Nhưng nó đã gọi điện về nhà từ trạm điện thoại tự động... đã báo trước. Thế đây. Hẳn nhiên là thế.

— Nhưng Michya nói rằng...

— Anh ấy nói cho Nađya yên tâm đây thôi...

— Tôi hiểu.

Tôi mong muốn bà đừng coi tôi là người chồng dối bà. Ngay cả trước đó, tôi bác lại bà hầu như chỉ do quán tính, vì muốn biết rõ và hiểu hết mọi điều.

— Tôi không biết trước kia bà đã giấu những người lính ấy ở nhà bà.

— Hiện giờ họ không còn nữa.

— Vậy ra... họ đã hi sinh cả ư?

— Họ chết một cách bình thường... Vì bệnh tật...

Chiến tranh kèm theo bệnh tật và bất hạnh sẽ không bao giờ dứt. Đôi khi chính chúng ta còn giết lẫn nhau. — Chợt nhớ ra, bà nói: — Tôi không có ý ám chỉ Ôlya đâu. Hôm nay tất cả chúng ta đều có lỗi. — Rồi bà càng có vẻ lo lắng hơn: — Ôlya có thể nhận hết lỗi về phần mình. Gánh nặng ấy không vừa sức nó!

Épdôkya Xavêliépna bắt đầu hồi hả vắn vỏi đáng bộ công kênh ấy, bà rời bỏ tôi và đuổi kịp các em học sinh. Tôi hiểu rằng bà quyết san sẻ gánh nặng trách nhiệm với con gái tôi.

* * *

Tôi lê bước đi ở phía sau.

«Ta với Nađya đã đấu tranh chống «Épdôkya điên rồ» để giành lấy quyền xây dựng... hay như người ta

thường nói; quyền đào luyện tính cách của Ôlya, — tôi ngẫm nghĩ. — Chúng ta đã thắng. Thắng lợi ấy Nađya đã phải trả giá bằng cuộc đời nàng. Hay bằng sức khỏe của nàng. «Épdôkya điên rồ»... Tổ chức những cuộc gặp gỡ trừ danh ấy, bà không chỉ mời những người anh hùng, mà cả những nhân viên điều độ và người nấu bếp. Để làm gì? Chắc hẳn bà muốn giải thích cho con gái chúng ta và các bạn cùng lớp của nó hiểu rằng nếu các em trở thành người ngay thẳng và lương thiện, chỉ là người ngay thẳng và lương thiện thôi, thì các em cũng có quyền được người ta chú ý đến».

Nhưng chi tiết... Chỉ nhờ những chi tiết, tôi mới có thể dựng lại bức tranh. Và chúng đã từ dĩ vãng hiện đến với tôi.

* * *

«Cảm ơn con gái chúng ta!» — chúng tôi đã nói khi Ôlya ra đời. Mặc dù Nađya đã liều với tính mạng của mình.

«Chắc hẳn đây chính là khúc ngoặt ác hại trong đời chúng ta! — Tôi nghĩ. — Chúng ta đã không còn chăm chú đến nhau nữa... Mắt chúng ta đôi nhìn về hướng khác. «Cha mẹ Ôlya» — điều đó trở thành đặc điểm chính và nghề nghiệp chính của chúng ta. Tôi thậm chí không để ý rằng Nađya đã thôi không hát nữa... còn tôi đã thôi không viết những truyện ngắn viễn tưởng. Ngay về bệnh tim của Nađya, mãi tới hôm nay tôi mới nhớ đến... Mà tên bệnh của nàng cũng không đúng hẳn. Bệnh đó là sự bất hạnh, chứ không phải là tật tim. Tật tim là cái gì khác hẳn kia, Nađya không bao giờ có thể mắc cái đó được. Nếu rồi đây nàng sẽ trở về...»

Épdôkya Xavêliépna dừng lại. Những người khác cũng dừng lại. Cạnh ngôi nhà sẽ chỉ còn hai bố con tôi sống với nhau: tôi và Ôlya.

1975

Phạm Mạnh Hùng dịch



Vladimír Amlinxki

Truyện ngắn đầu tay «Trạm tình yêu đầu tiên» của V. Amlinxki (sinh năm 1935) được đăng vào năm 1958. Những truyện ngắn viết về sau «Người anh trở về», «Khu vườn Không buồn bã»... Trong văn xuôi Amlinxki, bên cạnh sự nhạy cảm và rung động với thời gian, ngày càng thấy khuynh hướng vươn tới sự rõ ràng, sự nghiêm khắc, ý muốn tìm chỗ dựa chắc chắn ở các tác giả cổ điển trong văn học Nga (các truyện vừa «Đám mây bao phủ trên thành phố», «Cuộc đời của Ernxtơ Satalốp», v.v.)

TIỀNG NHẠC TRÊN SÂN GA

Xe lửa đi Trung Á khởi hành từ ga này.

Chúng tôi đi tiễn kỹ sư trưởng. Người xô đẩy bồn bễ, và chúng tôi tiến về phía đường hầm một cách chậm chạp. Đã cảm thấy rõ rệt hơi thở của mùa xuân, nhưng vừa vào tới đường hầm thì mùa xuân cũng chấm dứt. Chẳng còn đâu nữa mùi hoa linh lan bán ở tất cả các ngõ ngách nhà ga, mùi thơm của những chiếc bánh nướng vàng óng bốc khói, mùi khí cháy của vô số ô tô, mùi cơn mưa bắt đầu đổ xuống. Thay vào đó là mùi gió ngấm dưới đất mang hơi đá, mùi vali da, mùi mồ hôi của những người đang hấp tấp, chen chúc đi trong đường hầm.

Đi tiễn kỹ sư trưởng có trưởng phòng cung cấp,

một đại diện tổ chức thiết kế và tôi. Kỹ sư trưởng nước da xém nắng và oai vệ. Ngay ở đây, giữa cảnh xô đẩy, lộn xộn và hồi hả này, anh vẫn khéo tìm cách biểu lộ sự oai vệ của mình. Anh khiển trách đồng chí cán bộ cung cấp:

— Thế là cậu không moi được tiền mua ximăng rồi! Cậu cũng không thuyết nổi Xôlôviép!

Tôi thấy cái lối xưng hô «cậu - tớ» kiểu quan trên hạ cô ấy thật là chướng tai.

Nhưng anh cán bộ cung cấp cũng không phải loại người nhút nhát:

— Thế thiết bị điện thì ai xoay ra? Thế còn thép tấm?

Nhưng kỹ sư trưởng ngắt lời anh ta:

— Cậu thì bao giờ chả khéo xoay xở. Cậu nổi tiếng về khoản ấy mà.

Đúng, rõ ràng kỹ sư trưởng nắm rất vững cái gọi là cách cư xử của ông chủ đối với mọi người. Cách cư xử của một ông chủ hơi lỗ mãng, nhưng mẫn cán. Tuy vậy cái kiểu cách ấy vẫn hơi lộ liễu và cường điệu quá, và có lẽ đây là điều duy nhất tiết lộ rằng ông chủ này chưa có kinh nghiệm lắm và chưa hoàn toàn tự tin.

Anh từ biệt họ, khuyên bảo, chỉ thị; yêu cầu họ đừng đợi đến lúc tàu chạy. Còn tôi nhìn anh, vừa thích thú, vừa ngờ vực và thành kiên, vì đây là lần đầu tiên và có lẽ là lần cuối cùng tôi thấy anh trong vai thủ trưởng. Anh từ biệt họ một cách thông thả, thân mật, họ quay trở lại, anh gật đầu với họ, vừa niềm nở vừa hơi uể oải. Rồi anh đặt vali xuống sàn ximăng và châm thuốc hút. Anh cháy nắng tợn quá! Ngay cả lòng bàn tay anh cũng nhuộm màu vàng tươi, như lòng bàn tay người da đen. Khi anh bỏ kính, tôi có cảm giác như mắt anh cháy nắng. Anh cũng chăm chú nhìn tôi và bỗng nhiên cất lên một tràng cười vang rộ, hân hoan, ngẩn ngui. Tôi biết anh có cái lối đột nhiên cất tiếng cười trong khoảnh khắc, tiếng cười rất đổi sung sướng, nhưng mau tắt.

Kỹ sư trưởng biến mất.

— Em đã thấy nó lúi mắt chưa nào?! Như thế là hết, hết thời làm vương làm tướng!—tôi nói với Kôka.

— Không phải là hết mà chỉ mới bắt đầu!— Kôka mỉm cười miễn cưỡng.

— Sao lại thế?

— Thế đây. Nó sẽ hạ anh, Giêman ạ!

— Sao nó không rửa anh?

— Hôm qua nó hỏi em về mẹ anh. Nó cứ gặng: bà ấy bây giờ ở đâu... Em trả lời là bác ấy... bác ấy bây giờ... đại khái em bảo là bác ấy không còn nữa... Vì thế mà nó không chửi anh...

Tôi ngăn người ra.

— Ôn con, đồ ngu! Sao hôm qua mày chẳng bảo tao?

— Em không biết...—Kôka cúi gằm.

— Ianguli!—tôi hét. Nhưng nó đã đi xa, không nghe thấy. Cũng có thể nó nghe thấy, nhưng không quay lại...

Từ đó trong mắt tôi Ianguli lớn lên gấp mười lần. Tưởng như chúng tôi chưa từng thù địch với nhau, nhưng chúng tôi vẫn không trở thành đôi bạn. Gặp nhau, chúng tôi giơ tay chào, miệng mỉm cười thân thiện, chỉ thế thôi. Nếu nó thay bộ nó mang sữa hoặc matsôni đến cho gia đình tôi, tôi với nó cũng bắt chuyện. Nhưng ngoài giá sữa, matsôni và rau hoặc chuyện con lừa ra, chúng tôi chẳng nói gì thêm.

Hôm đó Ianguli mang sữa đến. Tôi gặp nó ở sân và... không nhận ra. Mặt nó đầy vết thâm tím.

— Cậu làm sao thế?—tôi ngạc nhiên hỏi.

Không thể có đứa nào trong khu phố dám húc hách với Ianguli. Chả lẽ người lớn?..

Chả sao cả!—nó trả lời, mắt nhìn đi nơi khác.

— Nhưng cậu bị...

— Không!—nó mỉm cười nhắc lại.

— Ianguli, cậu nói đi, đó là ai? Nếu một mình cậu không địch nổi, tớ đi với cậu!

Ianguli lắc đầu.

— Cứ buộc lừa lại đây và chúng mình đi ngay đi!—tôi đặt bình sữa xuống chân cầu thang.

— Không, chúng ta không trị được người đó đâu!—Ianguli nói, miệng mỉm cười cay đắng.

— Sao? Cả hai thằng chúng mình ư?

— Cả chúng mình, cả tất tật trẻ con đường Vênidor...

— Đứa nào mà ghê thế?!

— Bô tớ!

— Bô cậu à?

— Bô tớ.

— Làm sao mà ông ấy đánh cậu?..—tôi áp má bàn tay vào bên má sưng húp của nó.

— Tại vì là...

— Cậu đã làm cái trò quái quỷ gì thế?

— Ba hôm nữa sẽ có tàu thủy từ Hy Lạp đến Xukhumi. Dân Hy Lạp ở đây kéo nhau về Ellada¹. Bô tớ cũng...

Thế thì sao?

— Sô là tớ không muốn theo mọi người... Bô tớ bảo bên ấy là tổ quốc của chúng tớ, quê cha đất tổ... Bô tớ bảo linh hồn tổ tiên đang kêu gọi và ta phải đáp lại lời kêu gọi đó...

— Thế sao cậu không theo họ?—tôi thực bụng ngạc nhiên.

Ianguli im lặng hồi lâu, đầu rũ xuống. Nó vuột đôi tai lừa không để vênh lên. Đôi tai ngoan ngoãn ẹp xuống dưới hai bàn tay của Ianguli, nhưng Ianguli cứ bỏ tay ra là đôi tai lại vênh lên, rất mực kiên trì như chỉ sợ bỏ sót một lời chúng tôi đang nói.

— Biết nói thế nào cho cậu hiểu...—cuối cùng nó bắt đầu tâm sự.—Tớ không có mẹ, thậm chí tớ chẳng nhớ gì về mẹ tớ nữa, còn bô tớ thì ngày nào cũng lúi húi ở vườn rau hay đi làm thuê... Tớ lớn lên ở đường Vênidor, ở đường phố... Quê hương của tớ, Ellada của

¹ Ellada cũng chính là Hellados.

Trước mắt tôi là Xasa Lồchép, người bạn cùng lớp của tôi, người bạn cháy nắng đến chường kì và làm ra bộ cặp trên đến chường mắt.

— Cậu hiểu đây, trẻ hơn tất cả mọi người cũng có cái khó. Đặc biệt khi ta chịu trách nhiệm về mọi người. Hễ tỏ ra ầu trĩ, bất lực một chút là đi tong. Đi đời người lãnh đạo.

— Đồ tồi, cậu là thằng tự phụ, là con chó con ngông cuồng, chứ không phải là người lãnh đạo, — tôi bảo cậu ta. — Thêm nữa, là diễn viên của một nhà hát bị cháy. Vì không phải cậu làm bộ làm tịch với họ, mà làm bộ làm tịch với mình đây chứ.

Câu cuối cùng cậu ta không để ý đến, còn câu đầu thì chạm đến tự ái của cậu ta.

— Thằng tự phụ thì có thể đúng... Nhưng dù sao vẫn là người lãnh đạo! — Mắt cậu ta sáng lóe lên. — Tôi sẽ không thuyết phục cậu... Làm thế là ngốc. Nhưng nếu cậu cố mặt ở đây thì cậu sẽ tin. Đúng là cậu sẽ tin!

Tôi lắc đầu ngờ vực. Trong thâm tâm, tôi tin điều đó. Xasa bao giờ cũng hơi ra cái điều ta đây, nhưng biết làm việc. Làm việc không tính thời gian, không ngó quanh ngó quẩn, khi ấy mọi cái đều không dính dáng gì đến cậu ta, trừ công việc. Tuy thế tôi vẫn lắc đầu ngờ vực. Cần phải giáo dục cậu ta. Suốt đời tôi giáo dục cậu ta, ngay từ lớp một. Tôi hơn cậu ta tám tháng, và như người ta nói, tôi có phần nào biết điều hơn... Nhưng đã tám tháng nay, tôi không gặp cậu ta, mà ở xa thì tôi không giáo dục được cậu ta. Rõ ràng là vì thế nên cậu ta mới đâm ra như vậy.

— Cậu không tin mình, tính cậu là cứ ương như con lừa ấy! — Cậu ta vừa cười vừa nói và tìm cái gì trong túi, nhưng không tìm được, và mặt cậu ta dần dần xị đi.

Cuối cùng, cậu ta lôi ra một tờ giấy gì cứng, sột soạt, trân trọng vuốt cho phẳng ra, và hân hoan gi vào mắt tôi. Đây là tấm bằng khen của bộ.

— Cậu hiểu rồi chứ? — cậu ta nói như đùa và mĩa

mai (nhưng thực ra là hoàn toàn nghiêm chỉnh). — Tên họ mình viết bằng chữ vàng trên giấy trắng nhé. Thế là đủ.

Từ bé, cậu ta đã ham mê đủ mọi thứ phần thưởng, bằng khen, thường phô trương với mọi người, và đối với cậu ta, một tờ giấy đẹp nhiều màu sắc ấy thực là một nỗi đau xót.

Chúng tôi rời khỏi đường hầm ra sân ga. Xe lửa vẫn chưa ra. Cái nhà ga bị úp dưới mái chợp bằng kính này cùng với những cây cọ cao, đầy bụi bậm trồng trong chậu, với những con người đi lại như mắc cửi, với những xe tải tự động lao âm âm khiến tôi có cảm giác đây là một bể cá khổng lồ lạ lùng.

— Cậu có làm được nhiều việc ở Mátxcova không? — tôi hỏi Xasa.

— Chà, giá cậu biết có bao nhiêu việc mình chưa kịp làm! Còn bao nhiêu việc chưa làm xong.

Cậu ta lập tức có vẻ lo ngại, già đi và dường như rời xa tôi vô cùng, trở về với công việc, với những khu vực xây dựng của mình. Muốn thế nào thì thế, cậu ta vẫn là một ông chủ.

— Thôi được, rồi sẽ ổn cả thôi, — tôi vỗ về cậu ta.

Cậu ta đi vùn vụt, có lẽ là do thói quen, hơi chệnh choạng vì mang vali nặng, chiếc áo bludông màu sáng bảnh bao nhưng không hợp với cậu ta lắm. Dáng đi của cậu ta là dáng đi dứt khoát, mạnh mẽ của một người quen được người ta nhường đường cho mình. Nhưng mặc dù vậy, không hiểu sao tôi vẫn có cảm giác rằng cậu ta bồi hồi và nhỏ bé... Còn chiếc vali cậu ta mang thì to quá khổ. Cũng giống như trong thời thơ ấu: thuở ấy, đôi khi tôi coi cậu ta như em. Tôi thích che chở cho cậu ta. Khi trận đấu sắp bắt đầu trên sân vận động «Đinamô», đám đông bắt đầu nhộn nhạo, còn chúng tôi xông tới cái cửa bán vé màu xanh và nghe thấy xương của chính mình kêu răng rắc thì tôi để cho Xasa chen lên trước và vòng hai tay ôm lấy cậu ta... Tôi học võ xambô, tôi cao hơn cậu ta mười lăm xăngtimét và hơn cậu ta tám tháng.

— Nào, đưa vali đây, thủ trưởng, — tôi nói và gần như giằng lấy chiếc vali rách, cồng kềnh trong tay Xasa. — Mua hàng đồng đồ vớ vẩn, phải không?

— Bậy nào! Năm cái vỏ bóng đá, ba bộ dụng cụ bóng bàn, đồng hồ đêm giầy và một vài thứ nữa cho anh em nhà máy. Phong trào thể thao của bọn mình ỉu lăm...

Cậu ta nói, còn tôi nghĩ rằng đây là người bạn đã từng sống cạnh tôi, chúng tôi đã cùng nhau lang thang khắp vùng Tsixtriê Pruđư thể mà bỗng nhiên cậu ta bỏ đi, ở một nơi nào xa lắc xa lơ, mỗi năm về một lần, mua đủ mọi thứ linh tinh, chạy lồng qua các cơ quan, còn tôi chỉ có việc ngạc nhiên về những trò lạ của cậu ta và xách vali cho cậu ta ra ga.

— Này, thể Trung Á của cậu ra sao? — tôi hỏi. — Có thực là Trung Á không?

— Không, — cậu ta nói và mỉm cười. — Đối với mình nó không phải là Trung Á, nó chính là châu Á đẹp nhất trần đời!

— Thế thì cậu kể về cái xứ sở tuyệt đẹp của cậu đi. Mình tưởng tưởng cậu đã trử sẵn cho mình bao nhiêu kilô chuyện lạ phương xa, cậu đã bịa ra bao nhiêu chuyện hoang đường trong những đêm mất ngủ! Thế thì dốc bầu tâm sự đi, kể đi!

— Được... Còn kịp chán. Bốn mươi phút nữa tàu mới chạy cơ mà.

Bỗng nhiên, cậu ta ném lên tôi một cái nhìn nhanh, dò xét, dường như tôi giấu giếm cậu ta điều gì.

— Lêna sẽ ra tiễn mình chứ?

«Chưa chắc», — tôi muốn trả lời cậu ta.

Không người xuống, hơi co rúm lại, cậu ta chờ tôi nói: «Cô ấy sẽ đến».

— Mình làm sao mà biết được, Xasa... — tôi nói. — Nếu không bạn thì cô ấy sẽ đến. Mình đã báo cho cô ấy. Cô ấy là một người bạn đáng tin cậy.

Khi ấy, cậu ta nhìn tôi với vẻ thương hại và đặc ý, mỉm cười phô ra hai hàm răng trắng nhợt và nói giọng mũi, nhại lại tôi:

— «Mình không biết, mình không biết»!.. — Và nói thêm với giọng cá quyết, thậm chí quá cá quyết: — Còn mình thì mình biết là cô ấy sẽ tới!

«Tàu số 18 đang vào đường số 4! — người phát thanh nói bằng giọng ông bơ gí, đầy vẻ đe dọa. — Hành khách chuẩn bị lên tàu».

* * *

Trung Á bước vào đời Xasa một cách đột ngột và kỳ lạ. Hồi ấy hình như chúng tôi học lớp tám. Giáo viên dạy địa lý ở lớp chúng tôi là Nina Pêtrôpna Phômitsêva, bà hiền lành, từ tốn, nhưng quá tỉ mỉ và khó tính.

Thật là sai lầm lớn nếu không đặt biệt hiệu cho giáo viên địa lý, khi trên tấm bản đồ đột chỉ trắng, rộng như tấm khăn trải giường kia có vô số tên rất kêu và buồn cười. Nina Pêtrôpna không có biệt hiệu nhất định: Khi chúng tôi gọi bà là Panama, khi thì là Đảo Bônêô, nhưng biệt hiệu thường được dùng đến nhiều nhất là thím Lima hay Lina Pêtrôpna gọi theo tên thành phố Lima, thủ đô Peru.

Thực ra đây là cái biệt hiệu hiền lành, thậm chí quá hiền lành đối với một bà giáo cẩn thận, lễ độ rất mực, bao giờ cũng gọi chúng tôi là «các anh, các chị» nhưng cho điểm rất ngặt. Bà cho điểm hai mà không trách mắng chúng tôi, không nóng nảy. Bà làm việc đó với thái độ hơi buồn rầu và thậm chí trịnh trọng, dường như đi đưa ma chúng tôi. Những lúc ấy, mặt bà lộ vẻ buồn rầu bí ẩn, bởi vì trên đời có những kẻ vô tích sự, giá áo túi cơm đến nỗi không thể hiểu rõ được năm phần dật bất hạnh của thế giới.

Trước khi gọi người nào, bà dẫn đo, nhắm tính mãi xem người đó đã được hỏi bao nhiêu lần, bà xem lại tất cả các điểm số: có người cần được gỡ lại điểm ba, có người thì cần được kiểm tra lại điểm năm. Nhưng, thật là lạ lùng, bà gọi đọc bài không có hệ thống, và đó là điều đáng sợ nhất. Chúng tôi ngồi không yên, vì bà

tớ—đó là Xukhumi, là đường phố, là Tsanbas, đó là Kôka, Pêtia, Kurlíc, Phema, biển Đen, chiếc cầu...—nó ngập ngừng một chút rồi nói tiếp:—Đó là Mida... và cả cậu nữa...

Đây là lần đầu Ianguli nhắc đến tên Mida với tôi. Nhưng tôi biết Mida là con gái một người đàn bà Hy Lạp đã kết hôn với một người Ápkhador, rằng ở Xukhumi không có cô bé nào xinh hơn Mida và Ianguli yêu nó.

— Cậu hiểu rồi chứ?—nó hỏi.

Tôi cảm thấy sồn da gà. Lần đầu tiên trong đời tôi được nghe những lời như vậy.

— Còn đây là cái gì?—tôi phanh áo Ianguli ra, nhìn vào ngực nó đọc to: *Hellados*.

— Đó là chữ xăm Giêman ạ. Còn quế hương thì ở chỗ sâu hơn, ngay trong tim.—Ianguli đặt tay lên ngực. Tôi khó nhọc lắm mới nén được nỗi ghen ngào, đang định trả lời thì nó đã nắm lấy dây cương dắt con lừa đi ra.

Ba hôm sau, sáng sớm, Ianguli đến và dắt theo con lừa không thắng yên cương.

— Bỏ tớ bán hết rồi, bò, nhà, đồ đạc. Nhưng con lừa thì chẳng ai mua. Bà con ở đây cho nuôi lừa là không lịch sự. Đâu phải thế. Nó là con vật rất đáng yêu, chịu khó, hiền lành... Tớ vứt nó đi đâu được? Dân Hy Lạp đi hết rồi... Chả lẽ lại vứt nó ra đường... Mà trông nom nó thì thật đơn giản. Một năm cỏ...—Ianguli vừa nói ngắc ngứ vừa nuốt nước mắt và vuốt ve con lừa.

— Cậu cũng đi à?

— Tớ đi... Cậu cho con lừa ở đây với cậu nhé?

— Tất nhiên!

— Đừng đuổi nó đi nhé!

— Nói lại!

— Cậu nói cả với cô Nina Ivanôpna để cô ấy đừng đuổi nó nhé!

— Tất nhiên!

— Kôka sẽ giúp cậu... Con lừa nó có cần gì nhiều đâu nào? Một năm cỏ...

— Đúng đây, Ianguli ạ.

— Nó tên là Apônlon.

— Tớ biết rồi, Ianguli ạ.

— Cậu sẽ nâng niu nó chứ?

— Tớ sẽ yêu chiều nó, Ianguli ạ.

— Thôi, tớ đi... Tàu thủy chiều nay sẽ nhổ neo...

— Cậu đi nhé, Ianguli...

— Tạm biệt, Giêman!

— Tớ sẽ ra bên cảng, Ianguli!

Chúng tôi ôm nhau. Ianguli mãi mới buông tôi ra. Rồi nó quay đi ngay và bỏ chạy, không ngoái lại, như đang vội vàng lẩn tránh một tai họa khủng khiếp và nguy hiểm...

Chiều hôm đó, cả vùng Xukhumi đổ ra bên cảng.

Bao nhiêu là hoa tươi, đội nhạc cử nhạc, mọi người ca hát, nhảy múa. Bao nhiêu là «cảm ơn», «tạm biệt», «xin chào», nhưng nhiều nhất vẫn là nước mắt.

Dân chúng Xukhumi chia tay với những người Hy Lạp, chia tay với máu thịt của mình, với một mảnh tâm hồn mình. Những người Hy Lạp đã lên chiếc tàu «Pôxyđôn» trắng như tuyết, và từ con tàu họ vừa vẫy tay vừa hét lên bằng tiếng Hy Lạp, tiếng Nga, tiếng Grudia, tiếng Ácmênia.

Cùng với bọn con trai, tôi len lỏi đến tận hàng rào bên cảng và đảo mắt tìm Ianguli trong đám đông những người Hy Lạp. Và tôi trông thấy nó. Nó mặc chiếc sơmi xatanh ưa thích, phanh ngực ra.

— Ianguli, Ianguli!—tôi hét lên và vẫy tay. Ianguli nhìn mãi, nhìn mãi đám người đưa tiễn và cuối cùng tìm thấy tôi. Nó giơ cao hai tay và hét:

— Giêman, ego agopô imana xu!

— Giêman, tớ kính yêu mẹ cậu!

Nó hét lên câu đó bằng tiếng Hy Lạp và tôi có cảm tưởng như nó đang hát. Và tôi còn có cảm tưởng là bố nó đang giữ nó lại, không cho nó bỏ chạy khỏi con tàu.

có thể gọi ngay cả người đã được hỏi bài trong giờ học trước.

Trong lúc bà dẫn so suy tính, những trang sách bị lật giở phát ra tiếng loạt soạt hồi hả, lật bật, chúng giãy giụa, run rẩy giữa những ngón tay hoảng hốt, như cánh bướm của con tàu đang chìm. Chúng tôi nấp sau lưng các bạn ngồi trước, tránh để luồng mắt của thím Lima bắt gặp, chúng tôi phóng thật nhanh trên các trang sách, và trí nhớ lưu lại được không phải là những con số, những tên gọi, kiến thức, mà là những chữ nhảy nhót, chuội đi, mất ý nghĩa. Cần phải khẩn cấp nhồi vào óc từng mẩu, từng cục tài liệu chưa đọc, chưa thuộc.

Nhưng có một người không giở trang sách loạt soạt, không giấu mặt, không cõ nhồi vào óc những kiến thức tội nợ.

Người ấy là Xasa Lócchép.

Cậu ta xây dựng một hệ thống tâm lý riêng của mình và trước sau như một, trung thành với hệ thống ấy. Hệ thống ấy có tên là «cái nhìn mạnh dạn».

Cậu ta nhìn giáo viên bằng cái nhìn cởi mở, mạnh dạn của cặp mắt trong trẻo, không hề vẩn đục vì những kiến thức vô dụng. Nhưng cái nhìn ấy cũng không có vẻ thách thức, như muốn nói: tôi không hãi, tôi không sợ giáo viên (cái thực tiễn ấy được những người khác áp dụng, còn Xasa bác bỏ nó). Cậu ta nhìn giáo viên một cách điềm tĩnh, lễ độ, tinh khôn. Và thông thường, cậu ta ít bị gọi hơn những người khác.

Nhưng thím Lima đã lật nhào mọi dự tính. Bà là người có những quyết định bất ngờ, vượt ra ngoài khuôn khổ tâm lý thông thường.

— Cậu hỏi tiếp theo, — bà nói. — Trung Á. Hoàn cảnh thiên nhiên, thành phần dân tộc. Xin mời lên bảng...

Im lặng. Tiếng giờ sách loạt soạt. Và những giây khắc mà con người ngấm nghĩ về cả cuộc đời mình. Còn tôi tuy giờ sách ráo riết, nhưng vẫn bình tĩnh. Tôi học khá đều, điểm không bao giờ dưới bốn.

— Vậy thì... Lócchép lên bảng!

Xasa đứng dậy một cách nhẹ nhàng và tự tin. Cậu ta đi nhún nhảy, vui vẻ. Đền gần bảng, cậu ta cúi chào cả lớp. Đây là lời chào Á đông. Có lẽ các ông muétgin¹ thường chào như vậy.

— Nào, — thím Lima nói. — Chúng tôi nghe đây. Anh sẵn sàng chứ?

— Em bao giờ cũng sẵn sàng, — Xasa nói. — Vâng thì Trung Á. Trung Á là một vùng chói chang ánh mặt trời. Đây là một trong những đặc điểm thiên nhiên quan trọng nhất của Trung Á. Trong những ngày nóng nực, ngọt ngào, niềm vui sướng duy nhất là ốc đảo. Ốc đảo là những chỗ có nước, ngát hương thơm, đặc sắc... Mùa xuân, anh túc nở hoa trên sa mạc Trung Á. — Xasa nghĩ lấy hơi. — Anh túc nở hoa trên cát, đây là cảnh tượng đẹp kì lạ. Cát vàng và hoa anh túc đỏ. Hoa anh túc nở trên những đụn cát. Trung Á cũng nổi tiếng về nền văn hóa cổ đại. Tất cả các nghề thủ công đã hưng thịnh một thời ở thành phố Khôredơmơ cổ xưa. Rồi cuộc chinh phục của Thành Cát Tư Hãn bắt đầu, và tất cả đều chấm dứt!

— Cái gì chấm dứt? — giáo viên hỏi.

— Tất cả đều chấm dứt. — Xasa nói, giọng đã nhỏ đi.

— Và câu trả lời cũng chấm dứt, — thím Lima nói.

— Không, nó mới chỉ bắt đầu, — Xasa nói khẽ.

Lớp im ắng. Thoạt tiên chúng tôi sững sờ về vẻ tự tin của cậu ta và về bài văn trữ tình kì lạ mà cậu ta bắt đầu trình bày.

Rồi chúng tôi yên lặng.

Cậu ta quay về phía tấm bản đồ Trung Á.

Cái xứ sở bằng giấy, đầy ánh nắng thiêu đốt này âm thầm trải rộng trước mắt chúng tôi. Những sa mạc màu vàng, biển Aran lấp lánh ánh sáng xanh lơ mờ

¹ Muétgin — tu sĩ, đọc kinh cầu nguyện trong các nhà thờ đạo Hồi.

Tôi không còn nghe được tiếng hát của nó nữa, không thấy được nó nữa. Tôi quay lưng về phía con tàu và bật khóc, ra về.

Hai hôm sau ở cửa sông Kêlaxuri, sóng biển đánh vào bờ xác chết một cậu bé. Những người dân chài cự giáo đã kéo cái xác đặt lên bờ và gọi bọn trẻ ra nhận dạng.

Mặt người chết bị bầm nát, không ai nhận ra được đó là người nào.

Tôi nhận ra được người đã khuất. Tôi nhận ra khi nhìn thấy chữ *Hellados* bí hiểm màu xanh da trời in trên bộ ngực rộng, phía trên vú trái người đó.

Thở không ra hơi, tôi chạy như bay trên bãi cát, trên bờ xây, trên nền đường xe lửa, trên đường Vênido và lao vào nhà như một thẳng điên.

— Cháu làm sao thế?! — cô tôi hoảng hốt.

— Cô Nina... Ianguli trở về...

Rồi tôi quỳ thụp xuống trước mặt cô, ôm lấy cô và khóc nức nở...

Võ Minh Phú dịch



Nhà văn Liên Xô Gaidar sinh năm 1904, đã hy sinh trong cuộc chiến đấu với bọn phátxít năm 1941, lúc ấy người phóng viên báo đồng thời hoạt động như một chiến sĩ súng máy trong đội du kích. Truyện ngắn đầu tay «Hội đồng quân sự cách mạng», được viết khi ông mới 21 tuổi. Sau đó ông cho in «Trường học», «Bí mật quân sự», «Khói trong rừng», «Tsúc và Ghêch», «Cái chén xanh», «Timua và đồng đội» được nhiều người biết tiếng.

Arcadi Gaida

TÀNG ĐÁ BÔNG

I

Ở làng nọ có một ông già sống một thân một mình. Ông cụ đã yếu lắm rồi, cụ đan giỏ, đóng lại để những đôi ủng dọ, coi giữ khu vườn của nông trang để bọn trẻ con trai khỏi vào phá phách, và lấy đó làm kẻ nuôi thân.

Cụ đến ở làng này đã lâu, từ một nơi nào xa xăm lắm, nhưng mọi người đều hiểu ngay rằng con người này đã từng nếm nhiều nỗi cay đắng trong đời. Cụ thọt chân, râu tóc bạc phơ, già hơn tuổi thực của mình. Một vết sẹo nham nhở vạch một đường cong từ má chạy vắt qua môi. Vì thế, ngay cả khi cụ mỉm cười, gương mặt cụ nom cũng buồn rầu và nghiêm nghị.

đọc. Nhưng tâm bản đồ không thể nhắc nhở điều gì: trên bản đồ không có những tên địa lý. Đây là tâm bản đồ câm.

— Anh còn gì kể cho chúng tôi nghe nữa không?

— Thêm nữa là... ở đây không giàu thực vật. Còn thế giới động vật thì rất phong phú. Đặc biệt nguy hiểm là rắn. Có những nhà bác học chuyên nghiên cứu rắn, người ta gọi họ là những nhà xà trùng học.

Cả lớp không ai biết cái từ «xà trùng học» ấy. Chỉ mình Xasa biết. Nhưng nhiều người biết đại khái về những đặc điểm thiên nhiên của Trung Á, còn Xasa thì tuyệt không có khái niệm gì cả. Nhưng cậu ta vẫn cô vớt vát:

— Em nói tiếp ngay đây ạ... Em đang nhớ lại đôi điều... Em hơi lẩn lộn tí chút...

— Thôi được, để xem xem anh nhớ bản đồ như thế nào. Chỉ cho tôi dãy núi Alatau Talátxki.

Với nghị lực vốn có của mình, Xasa đưa phăng ngay cái gậy trở lên. Cái gậy trở đưa ngang đưa dọc trên vùng đất mênh mông của Trung Á, rồi thọc một cách mù quáng, vu vơ vào những nước cộng hòa Trung Á có những đường lượn sóng màu nâu. Cái gậy dừng lại, không nhúc nhích... Rồi giật bắn lên như trong trạng thái trước khi chết, nháy nhót trên bản đồ, rung lên trong không trung. Và đứng im hẳn. Trong lớp rộn lên tiếng cười.

Không bao giờ tôi quên được cái gậy lổn lộn tuyệt vọng ấy, cái thân hình nhỏ bé ú ớ ấy trên nền tâm bản đồ nhiều màu với những vệt vàng độc địa của sa mạc và những đường núi màu nâu. Tôi cũng không bao giờ quên được bà giáo Lima buồn rầu cầm lấy tờ phiếu điểm ở tay Xasa và ghi cái điểm trừ danh bằng nét chữ nhỏ, duyên dáng của bà.

— Anh đã chuẩn bị bài như thế nào?— Bà nói.— Học theo sách giáo khoa ư?

— Không,— Xasa trả lời kiêu hãnh.— Em đọc «Thành Cát Tư Hãn» của Ian¹ và «Lịch sử Khôredomơ cổ đại».

Thế là, mệt mỏi vì cậu học trò kỳ quặc, đầu óc lộn xộn, lúc nào cũng bày ra một trò gì lạ lùng này, bà gọi một học sinh mà câu trả lời của người đó khiến bà có thể không khổ tâm và mất lòng tin vào thế hệ đang trưởng thành:

— Đmitorienkô, lên bảng! Cho biết đại cương về Trung Á!

Tôi đứng dậy và đi lên bảng.

— Trung Á, phần lãnh thổ thuộc châu Á của Liên Xô nằm dài từ biển Caxpien ở phía tây cho đến biên giới Xô-Trung ở phía đông, từ biên giới quốc gia ở phía nam cho đến đường phân thủy Aran-Irturs, kể cả bể chứa nước Bankhas ở phía bắc...—tôi nói giọng hơi khàn, cô không lên bồng xuống trảm, không phô phang cái trội của mình so với Xasa.

Thế mà khi tôi về chỗ, Xasa nhìn tôi với vẻ khinh miệt hết chỗ nói mà cậu ta thường có đối với những tên học gạo và đứng đầu lớp.

— Chúc mừng,—cậu ta nói.—Ấy thế mà cậu vẫn chẳng hiểu cóc gì về Trung Á cả!

Rồi hết giờ học, chúng tôi ra sân trường. Trên sân bóng rổ, các cô gái trường bên đang chạy tíu tít và nháy nhót. Bãi bóng của chúng tôi ở liền nhau. Họ mặc quần cộc, nom đích thị là con trai, có điều là con trai ở hành tinh khác, nhỏ nhắn hơn, thanh hơn và nói giọng kim. Tôi và Xasa lẳng lẳng bước đi và từ xa đã nhìn thấy cái dáng hình nhỏ nhắn, lanh lẹn hoàn toàn không khác gì những dáng hình kia và cũng rồi rít như thế dưới tâm lưới bóng rổ. Và chỉ có hai đứa chúng tôi là phân biệt được cái dáng hình ấy với tất cả những dáng hình còn lại. Chúng tôi tới bãi bóng. Lúc ấy Lêna ném bóng. Lêna ném bóng một cách vụng về, vụng tay

¹ Ian V. G. (1875-1954)—nhà văn Xô-viết, tác giả nhiều truyện lịch sử.

Có lần, chú bé Ivaska lên vào vườn của nông trang để hái trộm táo và ăn vụng cho thỏa thích. Nhưng, một ông quần bị mắc vào cái đinh ở hàng rào, chú ngã lộn xuống bụi lý gai, bị xây xước hết cả, chú buột miệng hét lên và bị ông già coi vườn tóm ngay được.

Cổ nhiên, ông già có thể dùng cành tầm ma quất cho chú một trận, hay tai ác hơn nữa là lôi chú đến trường, và mách nhà trường.

Nhưng ông cụ thương Ivaska, hai tay nó đầy vết xước, còn ở phía sau, một mảnh ông quần lủng lẳng như cái đuôi cừu, và trên đôi má đỏ ửng, nước mắt chảy ròng ròng.

Ông cụ lẳng lẳng dắt Ivaska qua cửa rào, và thả cho thằng bé ra về (lúc này nó đang sợ hết hồn), thậm chí cụ không hề bộp tai nó cái nào và cũng không hề nói với theo một lời nào.

Vừa xấu hổ vừa khổ tâm, Ivaska đi lang thang vào rừng và lạc đến một khu đầm lầy. Lúc này, nó đã mệt. Nó ngồi phệt xuống một tảng đá màu da trời nhô lên dưới đám rêu, nhưng nó lập tức rú lên và bật dậy. Nó tưởng chừng như ngồi phải con ong rừng và bị con ong đốt một cái đau buột qua chỗ quần rách.

Nhưng trên tảng đá chẳng có con ong nào cả. Tảng đá này nóng bỏng như hòn than hồng, và trên bề mặt bằng phẳng của nó lơ mờ hiện ra những chữ bị đất sét che lấp.

Đúng, đây là tảng đá thần, Ivaska đoán ra ngay. Nó cởi một chiếc giày và dùng đế giày hơi há đập bong lớp đất sét che lấp những dòng chữ.

Thế rồi nó đọc được những dòng như sau khắc trên đá:

NGƯỜI NÀO ĐEM TẢNG ĐÁ NÀY LÊN NÚI, VÀ
ĐẬP VỠ NÓ RA NGAY
Ở ĐÓ THÌ NGƯỜI ẤY SẼ LẤY LẠI ĐƯỢC TUỔI
TRÉ VÀ
SẼ BẮT ĐẦU LÀM LẠI CUỘC ĐỜI

Bên dưới hàng chữ là một dấu ấn, nhưng không phải là loại dấu tròn giản dị như dấu của Xô-viết xã, không phải loại dấu hình tam giác như trên các tấm phiêu của hợp tác xã, mà rắc rối hơn: hai chữ thập, ba cái dấu cong, một lỗ đục nhỏ với một nét gạch và bốn dấu phẩy.

Đọc xong, Ivaska ngán ngẩm cả người. Nó mới có hơn tám tuổi. Vậy thì bắt đầu lại cuộc đời có nghĩa là mất một năm nữa học lại lớp một.

Giá như tảng đá này có phép lạ khiến cho người ta không cần học bài mà có thể nhảy thẳng từ lớp một lên lớp ba thì lại là chuyện khác!

Nhưng xưa nay, ai cũng biết rằng ngay cả những tảng đá thần kỳ nhất cũng không hề có phép mầu như thế.

IV

Lòng buồn rười rượi, Ivaska đi qua gần khu vườn và lại thấy ông già tay xách thùng vôi, vai vác cái gậy đầu buộc túm xơ đay, cụ vừa đi vừa ho, chốc chốc lại dừng bước thở lấy hơi.

Ivaska vốn là thằng bé tốt bụng, nó thầm nghĩ:

«Ông cụ đang đi kia hoàn toàn có quyền dùng cành tầm ma quất cho ta một cái nên thân lắm chứ. Nhưng ông cụ thương ta. Vậy thì bây giờ ta cũng phải thương cụ và làm cho cụ trẻ lại, để cụ khỏi ho, khỏi đi khắp khiêng và thở hồng hộc như thế kia».

Với những ý nghĩ tốt lành như thế, chú bé Ivaska có tâm lòng cao quý đến gặp ông già và nói thẳng đầu đuôi câu chuyện ra sao.

Ông già nghiêm nghị ngó lời cảm ơn Ivaska. Nhưng

khá buồn cười, đúng là ném bóng kiểu con gái, và ném trượt! Xasa ừ ừ và lặng ngắt sau giờ địa lý, nhưng đến đây thì cậu ta xông xáo hẳn lên.

— Ném bóng thể cũng đòi ném à?— Cậu ta nói.— Nào, đưa đây!

Cuộc chơi ngừng lại. Các cô tỏ vẻ kính trọng nhìn cậu ta hơi khom mình, mồm mại lầy đã, hờ hững và nhẹ nhàng vung tay, điều khiển cái quả bóng như được buộc vào lòng bàn tay bằng sợi chỉ mảnh vô hình, nhảy lùi một bước thật đẹp, và ném bóng. Quả bóng chạm vào vòng lưới, quay trên vành rổ, như ngắm nghía xem có nên rơi vào rổ không, rồi bay qua rổ.

— Kiện tướng ném bóng trượt!— các cô gái nói.

Lêna lặng thinh. Đến lượt tôi lên tiếng.

— Nói chung là Trung Á!— tôi thốt lên.

Thế là cậu ta quay ngoắt lại, vỗ lấy bóng, ném bóng ra xa tít sau khung rổ và bước đi trên sân thể thao rộng rãi, đơn độc một mình, lặng lẽ tiếp nhận lời nhạo báng của tôi và không thêm hạ mình đối đáp lại.

— Thăng thiên!— các cô gái tỏ vẻ khinh bỉ.

Còn Lêna rời sân bóng, hỏi với vẻ lo ngại hơi người lớn:

— Cậu ấy làm sao thế?

Rồi tôi cùng với cô ấy đi trên những đường phố mùa xuân ướt át và nói chuyện linh tinh: chuyện về bóng rổ, về việc bọn phátxít mưu sát Panmirô Tôliatti, về bà giáo Lima, và về việc Lêna sau này sẽ làm thầy thuốc, hoặc có thể là người xây dựng.

Nhưng chủ yếu là chúng tôi nói về Xasa... Về việc cậu ấy thật lạ lùng và điên rồ, cậu ấy thiếu kiên nhẫn và nóng nảy quá, về việc cậu ấy thích khoe khoang, thích ra cái vẻ ta đây là người thể này thể nọ—có trời biết cậu ta còn làm những gì nữa, và thích tưởng tượng... Chúng tôi xỉ vả cậu ta không tiếc lời, và không thể dừng đứng khi nói đến cậu ta, vì cả hai đều bực về cậu ta và đều yêu cậu ta.

Còn cậu ta đã nhồi vào đầu mình một điều gàn dở nữa. Cậu ta mê Trung Á hơn mê bóng đá và ô tô, đọc sách về Trung Á và phô trương những từ Trung Á: «cây

xàxaun» v.v. Cậu ta nói rằng trên đời không có gì đẹp hơn xứ sở của sa mạc (làm như cậu ta đã ở đây không bằng!). Và trong lớp, chúng tôi gọi cậu ta là «Trung Á».

Chúng tôi sống sung sướng. Chúng tôi thường kéo cả bộ ba đi lang thang vờ vẩn trong thành phố, đứng ngắm những chiếc ô tô oai vệ, choáng lộn không thể tưởng được của nước ngoài đậu trước cửa các sứ quán (thời ấy, chúng còn là của hiêm ở Mátxcơva) và so sánh chúng với ô tô của ta (hồi ấy nước ta chỉ mới bắt đầu sản xuất xe «Pôbeđa» và «Môxkvích»), và đi tới kết luận là những chiếc ô tô ấy đẹp hơn, nhưng xe của ta bền hơn. Rồi chúng tôi tiếp tục đi, đứng sững rất lâu trước các tủ kính bày hàng, trước các áp phích và các giá dán báo. Rồi Xasa bỗng cãi cọ với tôi hay với Lêna, và chúng tôi lại thảo luận về hành động của cậu ấy, nói về việc cậu ấy tự ái, hão huyền và ích kỷ như thế nào. Đôi khi, tôi đâm bực: tại sao lúc nào chúng tôi cũng nói về cậu ta, tại sao cậu ta cùng với «những việc làm» của cậu ta bao giờ cũng được chú ý đến thế. Một lần, tôi nói điều đó với Lêna và cô ấy trả lời:

— Cậu hiểu không, Xécgây, ở cậu mọi cái đều rõ ràng. Cậu là một chàng trai tốt và là một người bạn trung thành. Mọi việc của cậu đều đầu vào đây. Còn ở cậu ấy thì trái hẳn lại. Ở cậu ấy, mọi cái đều lộn tùng phèo, đến nỗi chúng ta cần nghiên cứu và hiểu rõ cậu ấy để đấu tranh với cái xấu và khuyến khích cái tốt.

Lần đầu tiên trong đời, tôi không muốn là gã trai tốt và là người bạn đáng tin cậy. Tôi muốn được như Xasa, mọi cái đều lộn tùng phèo, để người ta phải nghiên cứu tôi.

Rồi đến năm lớp mười. Chúng tôi ngồi chúm mũi vào sách giáo khoa như những kẻ tội đồ. Hồi đó huy chương được coi là có ý nghĩa quyết định. Huy chương là kết quả của toàn bộ công phu học tập, người ta bảo chúng tôi như vậy. Huy chương nghĩa là được vào đại học. Và chúng tôi ngồi đến tận khuya, đọc sách giáo khoa, «gạo» đến đau ê cả lưng và chờ tiếng chuông điện thoại của bạn vang lên để có cơ chính đáng gác bỏ việc học. Tôi tiên bước vững chắc tới chỗ đoạt «huy chương vàng». Còn Xasa thì luôn luôn lớn

cụ từ chồi không chịu bỏ khu vườn để ra đầm lầy, bởi vì trên đời vẫn còn những kẻ nhân lúc cụ vắng mặt mà hái trộm hết quả trong vườn của nông trang một cách tự nhiên như không.

Ông cụ bảo Ivaska tự tay khuôn tảng đá từ đầm lầy lên núi, rồi cụ sẽ lên đó một lát và dùng một vật gì đập vỡ tảng đá, chỉ một loáng là xong.

Tình thế xoay chuyển như vậy khiến Ivaska rất buồn.

Nhưng nó không dám từ chối, sợ cụ giận. Sáng hôm sau, Ivaska lấy một cái bao tải thật chắc và đôi bao tay bằng vải thô để khi mó vào tảng đá khỏi bị bỏng, rồi đi ra đầm lầy.

V

Khắp người bê bột bùn đất, Ivaska thấy trật lất lắm mới lúi được tảng đá lên khỏi đầm lầy, và nó thè lưỡi thở, nằm nghỉ trên cỏ khô dưới chân núi.

Nó nghĩ: «Được! Ta sẽ lúi tảng đá lên trên núi, ông già thọt sẽ lên đó, sẽ đập vỡ tảng đá ra, cụ sẽ trở lại và sẽ bắt đầu lại cuộc đời. Người ta bảo cụ đã vất vả nhiều. Ông cụ già yếu, sông một thân một mình, sức tàn, lực kiệt, thương tật và hẳn là chưa bao giờ được sống hạnh phúc. Còn những người khác thì đã từng được biết cuộc sống như thế nào».

Mặc dù Ivaska còn ít tuổi, vậy mà nó đã ba lần được biết thế nào là hạnh phúc. Ấy là lần nó đi học trẻ giờ và một người lái xe hoàn toàn không quen biết đã cho nó đi nhờ cỗ xe hơi choáng lộn, đưa nó từ chuồng ngựa của nông trang đến tận trường. Lần nữa là hồi mùa xuân, tay không nó đã bắt được con cá măng lớn trong rãnh nước. Sau chót là lần chú Mitorôphan cho nó cùng ra thành phố dự ngày hội Mồng 1 tháng 5 vui vẻ.

«Mong sao cả ông già khỗ sở này cũng sẽ được biết cuộc sống sung sướng», — Ivaska tự nhủ với tâm lòng hào hiệp.

Nó trở dậy và kiên nhẫn lúi tảng đá lên núi.

VI

Thế rồi trước lúc mặt trời lặn, khi Ivaska mệt phờ và rét run, đang co ro trong bộ quần áo ướt, lấm lem cạnh tảng đá nóng thì ông già lên núi.

— Ông ơi, sao ông không mang theo búa, rìu hay xà beng ạ? — Ivaska ngạc nhiên thốt lên. — Ông định dùng tay đập vỡ tảng đá hay sao?

— Không, cháu Ivaska ạ, — ông lão đáp, — ông không mong dùng tay đập vỡ tảng đá. Mà ông sẽ không đập vỡ tảng đá, vì ông không muốn bắt đầu làm lại cuộc đời.

— Chắc hẳn cháu cho rằng ông già lão, thọt chân, xấu xí và khỗ sở, — ông già nói, — nhưng thực ra ông là người sung sướng nhất trên đời.

Ông đã bị một súc gỗ đè gãy chân, nhưng chuyện đó xảy ra hồi ông và các đồng chí của ông — đạo ấy còn vụng về lắm — phá bỏ các dây rào và xây chiến lũy, nổi lên chống lại Nga hoàng, còn cháu thì chỉ được thấy Nga hoàng qua tranh ảnh mà thôi.

Ông bị đánh gãy cả răng, nhưng đây là hồi ông bị tông vào tù, ông và các bạn tù đồng thanh hát những bài ca cách mạng. Trong một trận chiến đấu, ông bị một nhát kiếm chém ngang mặt, nhưng đây là hồi những trung đoàn dân quân đầu tiên đã đánh tan quân bạch vệ thù địch.

Trong căn nhà ván lạnh lẽo, thấp lè tè, ông lăn lộn trên ổ rơm, mê sảng vì bị sốt phát ban. Và điều đáng sợ hơn cả cái chết là ông loáng thoáng nghe thấy nói nước ta bị bao vây và sức mạnh của quân thù đang lấn át chúng ta. Nhưng khi bừng tỉnh cùng với tia sáng đầu tiên của vầng mặt trời lại lóe sáng, ông được biết kẻ thù lại bị đánh bại và quân ta lại tấn công.

Lòng vui sướng như mở hội, ông và các đồng chí vẫn nằm bẹp trên giường giờ những cánh tay chỉ còn da bọc xương ra bắt tay nhau và rụt rè mơ ước tới một ngày — mặc dù là khi ấy chúng ta không được thấy, dù là khi ấy chúng ta đã từ giã cõi đời — nước ta

sẽ trở thành một nước như hiện nay, hùng cường và vĩ đại. Cháu Ivaska ngỗ nghịch của ta ời, chẳng lẽ đây chưa phải là hạnh phúc sao? Vậy thì ông cần gì một cuộc đời khác, một tuổi trẻ khác? Bởi vì con đường đời ông đã đi qua là con đường gian khổ nhưng sáng sủa và ngay thẳng!

Đến đây, ông già im lặng một lát, lấy cái ông điều và châm thuốc hút.

— Thừa ông, đúng thế ạ.—Ivaska nói.—Nhưng nếu vậy thì cháu cô công lỗi táng đá này lên núi để làm gì, nó nằm trong vũng lầy của nó vẫn rất thoải mái cơ mà?

— Hãy để cho nó được đặt ở một chỗ ai nấy đều thấy, rồi cháu sẽ xem xem sự thể xoay vần ra sao, Ivaska ạ!—Ông cụ nói.

VII

Từ bây giờ nay đã nhiều năm qua, nhưng tảng đá ấy vẫn nằm nguyên vẹn trên dốc núi nó.

Nhiều người đã đến chỗ tảng đá. Họ đến xem, nghỉ ngơi một lúc, lắc đầu, rồi ra về.

Chính tôi cũng đã có lần lên đây. Lương tâm tôi có điều gì không yên ổn, lòng buồn phiền, tôi nghĩ:

— «Ừ được, ta hãy đập vỡ tảng đá này ra và sẽ bắt đầu làm lại cuộc đời!»

Tôi đứng một lúc khá lâu và gạt bỏ ý định đó.

Tôi nghĩ rằng khi thấy tôi trẻ lại, những người xung quanh sẽ nói: «Ôi dào! Kia là một gã ngỗ nghịch trẻ tuổi. Gã có một cuộc đời, nhưng rõ ràng là đã không biết sống cho ra sống, không thấy rõ hạnh phúc của mình, và bây giờ gã muốn làm lại từ đầu vẫn cái cuộc đời ấy».

Thế rồi, tôi vẫn một điều thuốc lá. Để khỏi tởn diêm, tôi châm thuốc vào tảng đá bóng. Rồi tôi ra về, vẫn theo con đường của mình.

1941

Phạm Mạnh Hùng dịch



Sinh năm 1868,
mất năm 1936.
Truyện ngắn đầu tay
«Macar Tsudora»
in ra năm 1892.
Trong các truyện ngắn
của Góocki viết những
năm 90 thế kỷ XIX,
trong các tiểu thuyết
đầu tay của ông
(«Phôma Gordecép» 1899,
«Ba người» 1890) và
trong các vở kịch
«Người tiểu thị dân»
(1901), «Dưới đáy»
(1902), bắt đầu hình
thành một nền nghệ
thuật kiểu mới—chủ
nghĩa hiện thực xã hội
chủ nghĩa.

Mắcxim Góocki

NGƯỜI BẠN ĐƯỜNG CỦA TÔI

I

Tôi gặp hấn ở cảng Ôdétxa. Suốt ba ngày liền, cái dáng người mập mạp, chắc nịch và khuôn mặt phương Đông đóng khung trong bộ râu đẹp khiến tôi phải chú ý. Chốc chốc, hấn lại thoáng hiện trước mắt tôi: tôi thấy hấn đứng hàng giờ trên bờ đá hoa cương, mồm ngậm cái cán can, cặp mắt đen hình trái hạnh nhân đượm vẻ buồn rầu, dăm dăm nhìn làn nước đục. Mỗi ngày mười bận, hấn đi qua bên cạnh tôi, dáng đi rõ ra kẻ vô tư lự. Hấn là ai?.. Tôi bắt đầu theo dõi hấn. Còn hấn, dường như cô tình trên người, lại càng hiện ra trước mặt tôi thường xuyên hơn nữa. Rút cuộc, tôi

quen với hần đèn nổi ngay từ xa đã nhận ra bộ quần áo kẻ ô vuông màu xám, may rất tốt và chiếc mũ mềm màu đen cùng với dáng đi lười nhác và cái nhìn đần độn, chán chường của hần. Ở đây, tại bên cảng, giữa tiếng còi tàu thủy và còi đầu máy xe lửa, giữa tiếng xích loảng xoảng, tiếng la hét của thợ thuyền, giữa cảnh tấp nập điên cuồng như lên cơn thần kinh đang vây bủa lấy con người khắp các phía, thật không thể nào hiểu được vì sao hần có mặt ở đây. Mọi người đều lo âu, mệt mỏi, tất cả đều chạy, mình đây bụi bặm, mồ hôi nhễ nhại, la hét, chửi mắng. Giữa cảnh lao động náo nhiệt, nhân vật kỳ lạ ấy vẫn thong thả đi dạo, phớt hết mọi sự đời, xa lạ với tất cả, về mặt tế ngất, không chút sinh khí.

Cuối cùng sang ngày thứ tư, vào giờ ăn trưa, tôi bỗng gặp hần và quyết tâm thế nào cũng phải dò cho ra hần là ai. Tôi đem dưa hấu và bánh mì đến gần chỗ hần, vừa ăn vừa quan sát hần và nghĩ cách làm thế nào bắt chuyện với hần cho tẽ nhì một chút.

Hần đứng dựa vào đồng bao chè, đưa mắt nhìn vô vẩn xung quanh, khẽ bập những ngón tay vào chiếc cán như bầm lỗ sáo.

Tôi thì áo quần rách rưới, chiếc đai da phủ khuôn vác lưng lẳng sau lưng, thân hình lấm lem bụi than, còn hần là gã trai bánh bao, thực khó lòng làm cho hần chịu nói chuyện với tôi. Nhưng tôi ngạc nhiên thấy hần nhìn tôi không dứt và đôi mắt hần rực lên một ngọn lửa thêm thừng, thú vật, khiến tôi phải khó chịu. Tôi đoán chắc rằng đôi tượng quan sát của tôi đang đói, và tôi nhìn nhanh khắp xung quanh, khẽ hỏi hần:

— Anh đói phải không?

Hần giật mình, nhe ra để đến một trăm cái răng khỏe và khít, đây về thêm thừng và cũng nhìn quanh một cách ngờ vực.

Chẳng có ai để ý đến chúng tôi. Thế là tôi giúi cho hần nửa quả dưa hấu và một mẩu bánh mì trắng. Hần vô lấy tất cả những thứ đó và biến mất, ngồi thụp xuống sau đồng hàng. Đôi khi đầu hần nhô lên, cái mũ

trật ra sau gáy, để lộ ra vùng trán nâu sạm, đầm mồ hôi. Một nụ cười rộng làm gương mặt hần rạng rỡ hẳn lên và không hiểu sao, hần nháy mắt với tôi, nhưng vẫn không ngừng nhai lấy một giây. Tôi ra hiệu bảo hần chờ tôi, rồi tôi đi mua thịt. Mua được thịt, tôi đem đến cho hần, và tôi đứng cạnh những chiếc hòm, che khuất hần gã công tử, không cho người ngoài nhìn thấy hần. Ban này, hần vừa ăn vừa nhìn quanh như con thú dữ, như sợ ai cướp mất miếng ăn của mình, bây giờ hần ăn bình tĩnh hơn, nhưng vẫn nghiền ngấu và thêm thừng đến nỗi tôi đau lòng không muốn nhìn con người đói khát đó nữa, và tôi quay mặt đi.

— Cảm ơn! Cảm ơn lắm!—Hần lắc vai tôi, rồi chộp lấy tay tôi siết chặt và cũng lắc lắc lắc để.

Năm phút sau, hần đã kể cho tôi biết hần là ai.

Công tước Sakrô Ptátđê là người xứ Grudia, con một của một địa chủ giàu có vùng Kutaixi. Hần làm nhân viên văn phòng ở một nhà ga trên tuyến đường sắt ngoại Kápkadơ và ở chung với một người bạn. Người bạn ấy bỗng nhiên biến mất, cuốn theo cả tiền bạc và những đồ vật quý giá của công tước Sakrô, thế là công tước liền lên đường đi lùng. Tình cờ, được biết ông bạn lấy vé đi Batum, công tước Sakrô cũng đi Batum. Nhưng đến Batum thì té ra ông bạn đã đi Ôđétxa rồi. Thế là công tước Sakrô lấy giấy thông hành của một gã tên là Vanô Xvanítđê, thợ cắt tóc, cũng là bạn của hần, cùng tuổi với hần, nhưng hình dạng thì không giống. Đến đây, hần tới trình cảnh sát về việc mất cắp của hần, người ta hứa sẽ tìm cho hần. Hần chờ hai tuần, ăn hết cả tiền, và hôm nay đã là ngày thứ hai hần không có tý gì vào bụng.

Tôi nghe hần kể câu chuyện xen lẫn với những lời chửi rủa, nhìn hần, tin hần và thấy thương thằng bé này: hần chừng hai mươi tuổi đầu, nhưng nom ngây thơ đến nỗi ta có thể tưởng hần còn ít tuổi hơn nữa. Hần hết sức phẫn nộ và luôn mồm nhắc tới tình bạn khăng khít với người bạn đã ăn cắp của hần những đồ vật quý giá. Ông bố khắc nghiệt của Sakrô chắc chắn sẽ

tiếng tuyên bố rằng cậu ấy cóc cần huy chương, không có huy chương cậu ấy vẫn sống được. Mà cũng chẳng ai có ý nghĩ nghiêm chỉnh coi cậu ấy là một học sinh sẽ được «huy chương vàng». Nhưng từ học kỳ hai, cậu ấy đúng là bắt đầu trở phép màu, cậu ấy được điểm năm về tất cả các môn, đánh bại tất cả các điểm tổng kết bốn cuối năm và nhảy lên loại học sinh giỏi nhất.

Nhiều người ngạc nhiên. Nhưng tôi hiểu rằng Xasa muốn chứng tỏ cho mọi người biết rằng tuy cậu ta bị coi là phần tử vô chính phủ, bị liệt vào loại những kẻ gọi là «có khả năng nhưng vô tổ chức», song cậu ta có thể đoạt huy chương nếu cậu ta muốn, cậu ta có thể cười lên đầu những học sinh giỏi nhất, đã từng được thử thách mà tên họ thường được các giáo viên chủ nhiệm đọc lên ở các cuộc họp phụ huynh với vẻ mặt cảm động.

Nhưng trong phiếu điểm của cậu ta vẫn nổi lên toàn những điểm ba làm hỏng cả tờ phiếu điểm. Điểm ba về địa lý. Học kỳ cuối cùng sắp hết. Cần cấp tốc sửa lại điểm ba, nếu không thì cậu ta có thể mất cơ hội được huy chương.

Tôi hôm ấy, tôi ở lại trường khá muộn, học với hai bạn kém mà tôi được giao nhiệm vụ «kèm thêm». Bỗng thím Lima đến gặp tôi và bảo:

— Nếu anh bạn Lócchép của anh muốn gỡ điểm thì bảo anh ta ngày mai đến gặp tôi sau giờ thứ năm. Buổi học thứ bảy là buổi cuối cùng của chúng ta, tôi sẽ không kịp hỏi bài cậu ấy đâu. Đến gặp cậu ấy và báo trước đi.

Và tôi ba chân bốn cẳng chạy đến nhà Xasa. Buổi tối cậu ta bao giờ cũng có nhà. Thế mà hôm nay, dường như trên người, cậu ta lại không có nhà. Bà cô cậu ta (Xasa được bà cô dạy dỗ: bỏ chết ở mặt trận, mẹ có gia đình khác) bảo tôi:

— Nó bảo nó đến thư viện.

Tôi đến thư viện khu phố, không thấy cậu ta. Tới thư viện quốc gia mang tên Lênin cũng không thấy cậu ta ở đây. Tôi đến các bạn, chẳng ai biết gì cả. Khỉ quá, tôi nghĩ, Xasa mất huy chương thật là oan uổng! Vì một điểm ba không may nào đó... Hay có lẽ ma quỷ xui khiến cậu ta ra sân vận động chẳng? Cậu ta vốn như thế. Trên sân vận

động «Đinamô» hôm nay đúng là có trận đấu giữa hai đội «Đinamô» và «Xpáctác». Tôi phóng ra sân vận động. Cuộc đấu đã sắp kết thúc. Các khán đài ồn ào. Sân vận động giống như cái chén xanh dường như sôi lên, còn tôi lang thang như một thằng ngốc, chờ cuộc đấu kết thúc. Rồi tôi thấy người đang ra... Thoạt tiên đám đông tuôn thành dòng nhỏ, rồi mỗi lúc một ào ạt hơn, ủa ra như thác, còn tôi vật vờ trên đường như một mảnh vỏ bào. Tôi suýt bị xéo bẹp, tôi gắng chạy đến bên xe điện ngầm. Tôi đợi Xasa ở cửa ra vào. Đợi một giờ, không thấy... Thế là hết, tôi nghĩ, không thể chờ được nữa. Đủ rồi. Cậu ta ung dung đi dạo chơi, tôi còn đau khổ. Tôi mệt mỏi vì tất cả những việc ấy... Nhưng tôi nghĩ, dù sao vẫn phải tìm cậu ta. Tình bạn của chúng tôi không đáng giá một xu, nếu tôi không thể vì cậu ta mà vất vả khổ sở lấy một tôi.

Tôi đâm bổ đến nhà cậu ta. Tôi kiếm một chỗ trên bậu cửa sổ và đợi. Một giờ qua, hai giờ qua. Thôi được, tôi nghĩ, chẳng sao, cậu ta còn cả một đêm cơ mà. Với khả năng của cậu ta, một đêm có thể ôn lại hết toàn bộ giáo trình. Bậu cửa sổ lạnh giá... Chắc là tôi sẽ mắc bệnh đau hông. Luôn luôn có người trợn tròn mắt nhìn tôi. Khi thì một bà lão nào đó co rúm người lại, như thể tôi là một tên cướp và sắp nhảy xổ vào bà ta, khi thì một cặp tình nhân nào đó vừa ngồi trên bậu cửa sổ khác và nhận thấy tôi, liền bỏ đi, dường như tôi mắc bệnh dịch hạch không bằng, khi thì một người đàn ông nào đó đi qua gần tôi, nói: «Cần phải học, kỳ thi đến nơi rồi mà các ông tướng này ngồi trên bậu cửa sổ chờ em Đunxinây¹ của mình». Tôi muốn nói cho người đó biết Đunxinây của tôi là Xasa Lócchép, nhưng tôi làm thình. Khoảng mười hai giờ, tôi thiu thiu ngủ...

Bỗng nhiên (hay đây chỉ là chiêm bao), tôi nghe thấy: «Nào, bây giờ đến lượt anh tiễn em...» Và một giọng nữ, có phần quá khế, đáp lại: «Chúng ta đưa tiễn nhau suốt một giờ. Anh tiễn em ba lần, em tiễn anh hai lần, tổng cộng

¹ Đunxinây — nhân vật nữ trong tiểu thuyết «Đôn Kihôtê» của nhà văn Tây Ban Nha M. Xécvantexơ.

dùng «dao găm» cắt cổ cậu con trai, nếu hắn không tìm được những đồ vật ấy. Tôi nghĩ: nếu tôi không giúp gã trai này, cái thành phố tham lam sẽ ăn tươi nuốt sống hắn mất. Tôi biết đôi khi những chuyện tình cờ vật vãnh đã bổ sung đội ngũ những kẻ chân đất như thế nào.

Ở đây, công tước Sakrô đã có tất cả mọi cơ hội để rơi vào cái tầng lớp đáng kính nhưng chẳng được ai kính trọng ấy. Tôi muốn giúp hắn. Tôi khuyên Sakrô đến ông đồn trưởng cảnh sát xin một chiếc vé, hắn ngập ngừng và bảo tôi là hắn không đi. Tại sao? Thì ra hắn không trả tiền phòng trọ, và khi người ta đòi tiền thì hắn đánh một người nào đó rồi trốn đi, và bây giờ hắn nghĩ rất đúng rằng cảnh sát sẽ không cảm ơn hắn về việc vừa quit nợ lại vừa đánh người. Thêm nữa, hắn không nhớ chắc là hắn đánh một đòn hay hai, ba bốn đòn.

Tình thế đâm ra rắc rối. Tôi quyết sẽ làm lung kiếm đủ tiền mua vé cho hắn đi Batum. Nhưng hồi ấy, việc đó nếu thực hiện được có lẽ cũng chẳng mau chóng lắm, vì Sakrô nhịn đói lâu ngày ăn khỏe gấp ba người thường hoặc hơn thế nữa.

Hồi ấy, vì «dân đói» đồn đến nhiều, lương công nhật ở bên tàu rất thấp. Kiếm được tám mươi côpêch mỗi ngày thì hai đứa chúng tôi đã ăn mất sáu mươi côpêch. Hơn nữa, ngay từ trước khi gặp công tước, tôi đã quyết định đi Krurm và tôi không muốn nán lại lâu ở Ôđétxa. Tôi bèn đề nghị công tước Sakrô cùng đi bộ với tôi, với điều kiện là: nếu tôi không tìm được cho hắn một người bạn đồng hành tới Tiplít¹ thì tôi sẽ đưa hắn đến tận nơi, còn nếu tìm được thì chúng tôi sẽ chia tay nhau.

Công tước nhìn đôi ủng sang trọng của mình, nhìn cái mũ, cái quần, vuột chiếc áo vét, nghĩ ngợi, thở dài

¹ Tiplít — tên gọi cũ của Tbilixi — thủ đô Grudia.

nhiều lần, cuối cùng đành ưng thuận. Thế là tôi với hắn lên đường rời Ôđétxa đi Tiplít.

II

Khi chúng tôi đến Khêcxôn, tôi đã biết người bạn đường của tôi là một gã trai mọi rợ, ngây thơ, hết sức kém văn hóa, vui tính khi được ăn no, ỉu xiu khi đói bụng. Tôi biết hắn là con thú khỏe mạnh và hiền lành.

Dọc đường, hắn kể với tôi về Kápkadơ, về đời sống của địa chủ Grudia, về những trò tiêu khiển của họ và thái độ của họ đối với nông dân. Những câu chuyện hắn kể khá lý thú, có một vẻ độc đáo, nhưng chúng vẽ ra trước mắt tôi hình ảnh tuyệt nhiên không lấy gì làm hay hóm của người kể chuyện. Chẳng hạn, hắn kể câu chuyện như sau:

Bạn bè quanh vùng đến dự bữa tiệc do một công tước giàu có chiêu đãi. Họ uống rượu vang, ăn bánh mì và thịt lợn nướng, ăn bánh lavasơ¹ và cơm trộn thịt, rồi công tước dẫn khách ra chuồng ngựa. Họ thắng yên cương. Công tước chọn con hay nhất và thúc ngựa phóng ra cánh đồng. Con ngựa hăng ghê. Khách khứa khen ngựa vóc dáng và tài phi nhanh của nó, công tước lại phi chuyên nữa, nhưng bỗng nhiên, một gã nông dân cưỡi con ngựa trắng phóng ra cánh đồng và vượt lên trước con ngựa của công tước, gã vượt lên và... cười kiêu hãnh. Công tước xấu hổ với khách!.. Hắn cau mày nghiêm nghị, ra hiệu gọi người nông dân đến, khi người nông dân đến gần, công tước vung gươm chém rơi đầu anh ta và gí súng lục vào tai ngựa, bắn chết tươi con vật, rồi tự đến trình nhà chức trách về việc làm của mình. Hắn bị kết tội khổ sai...

Khi kể với tôi câu chuyện ấy, Sakrô tỏ vẻ thương tiếc gã công tước. Tôi thử chứng minh với hắn rằng không có gì đáng thương tiếc cả, nhưng hắn lên mặt dạy đời bảo tôi:

— Các công tước không có được bao nhiêu, còn

¹ Một thứ bánh mì không muối, to dẹt ở vùng ngoại Kápkadơ.

là năm. Con số tuyệt diệu. Có lẽ đủ rồi đây. Ngày mai không phải là chủ nhật».

Dù giọng nói ấy khe khẽ đến đâu tôi vẫn nhận ra, ngay cả trong tiếng gào thét của đại dương.

Và một giọng khác mà chỉ nghe một âm thanh đầu tiên tôi cũng đã nhận ra, đáp lại cái giọng khe khẽ kia: «Đối với anh thì ngày mai là chủ nhật và ngày kia cũng là chủ nhật, vì rằng...» Ngừng một lát. Cậu ta đang bịa đặt, sáng tác một điều gì, và cuối cùng cất giọng nói như hát: «Vì rằng trong tâm hồn anh là mùa xuân». Cả hai phá lên cười. Họ cười rất to. Tiếng cười của họ lặn trên những cầu thang âm thanh vắng lặng. Tiếng cười ấy mỗi lúc một lên cao cao mãi, lên đến chỗ tôi, và nó dường như đập vào tai tôi, tôi nhảy từ bậu cửa sổ xuống.

— Anh nói như Arsin-mal-alan, — cô ấy vừa nói lí nhí vừa cười sung sướng, ghen lời vì một niềm hân hoan nào đó mà tôi chưa từng biết. — Anh là Arsin-mal-alan, anh là chàng trai Á đông của em. Anh là Arsin-mal-alan nhỏ bé của em. Anh là chàng trai tốt nhất của em... Anh là...

Đến đây, cô ấy im bặt, dường như có ai bịt miệng cô ấy, dường như có ai khiến cô ấy không hề được môi ra để nói nên lời, như có ai...

Tôi không còn bé dại gì nữa, tôi hiểu nguyên nhân của sự im lặng ấy! Tôi chạy bổ xuống thang, chân giậm âm âm, và lay hàng tay vịn đến nỗi nó kêu ken két như tiếng cạo rì và rít lên, tôi làm như thế để những kẻ đứng ở dưới phải hoảng sợ. Rồi, tim đập đơ hồi, tôi đứng trong cái cổng tôi lơ mơ, nơi mà một giây trước họ còn ở đó, và nghĩ ngợi: «Tôi phải làm thế nào bây giờ? Từ nay tôi sống thế nào đây?»

Tôi biết rằng chúng tôi có ba người và chúng tôi thường nói chuyện với nhau về ô tô, về nữ diễn viên balê Galina Ulanôva, về việc cần phải vào đại học... Tôi nhớ rằng tôi đã cùng Lêna đi lang thang qua các phố, tôi khoác tay cô ấy, tôi nói với cô ấy về Xasa. Tôi chỉ biết có một điều cô ấy là bạn tôi, và cậu ấy là bạn tôi. Tôi cố gắng không nghĩ gì khác.

Còn bây giờ tôi tiếp tục sống thế nào đây?

Thôi thì mặc xác hấn, cái gã ấy, mặc cho hấn giẫm vó đuổi về địa lý, mặc cho hấn không được huy chương, mặc cho hấn lái nhái về Trung Á của hấn... Nhưng có một cái gì khác mạnh hơn cái đó. Tôi nhảy ra khỏi cửa, ra khỏi cái bầy chuột đã bầy mất tình bạn và tình yêu của tôi, và chạy trên đường phố đen ngòm, vắng lặng.

Tôi thấy họ đi cạnh nhau, tầm vóc gần như nhau, ánh sáng xanh lơ của những bảng quảng cáo hắt xuống vai và đầu họ, hai cái đầu màu xanh lạ lùng ấy động đậy, luôn luôn ghé vào nhau. Còn tôi chạy theo sau họ, tôi nhảy những bước lồ lững như con thỏ, bởi vì chân tôi rất dài và bởi vì trong lồng ngực tôi, tim nhảy nhót như quả bóng quần vợt nảy bồm bộp.

Tôi chạy không phải để đến đánh cậu ấy. Tôi chạy đến để nói với cậu ấy về địa lý. Và tôi đuổi kịp họ. Cô ấy nhìn tôi một cách lạnh nhạt, như muốn xua đuổi tôi, như yêu cầu tôi đừng nói gì cả, đừng can thiệp vào việc của họ, đừng thọc mũi vào. Còn cậu ta nhìn tôi với vẻ độ lượng, như từ trên cao nhìn xuống, chẳng khác nào người ta nhìn đứa trẻ bắt gặp những người lớn vào một lúc không thích hợp.

— Thế nào, cậu đi hóng mát trước buổi thức đêm đây hả?... Vẫn học đây chứ, ông bạn huy chương vàng?

— Ừ, — tôi nói. — Ừ, đúng.

Tôi nhớ lại câu chuyện ấy vì cậu ta hỏi tôi về Lêna. Khi cái tên ấy được thốt lên, bao giờ tôi cũng nhớ đến câu chuyện đó. Nhưng thật lạ lùng: hề tôi tình cờ gặp Lêna trên đường phố là tất cả những cái đó lùi xa, trước mặt tôi là người đàn bà tôi chưa từng quen biết, một người đàn bà khác không dính dáng gì đến cô gái ấy.. Nhưng khi tôi nghe thấy cái tên ấy, nhất là khi nó gắn liền với tên Xasa, thì tôi quên Lêna mới và lại thấy cô gái ấy, tôi không thể nào hiểu được rằng cô gái ấy thực ra không còn tồn tại nữa. Tuy nhiên, tôi rất ít gặp Lêna. Tôi biết cô cùng với Xasa vào đại học xây dựng. Mà tôi không bao giờ hỏi Xasa về cô ấy... Nhưng tôi hiểu rằng những buổi tôi mà cậu ấy vội đi đâu không

nông dân thì vô khối. Vì một thằng nông dân mà xử tội một vị công tước thì không nên. Thằng nông dân là cái thá gì cơ chứ? Đây này!—Sakrô chỉ một cục đất.—Còn vị công tước thì như một vì sao!

Chúng tôi tranh cãi, hấn cáu. Khi hấn cáu, hấn nhe răng ra như con chó sói và mặt hấn dài hoắt ra.

— Im đi, Mắxim! Mày không biết đời sống ở Kápkadơ đâu!—hấn quát lên với tôi.

Mọi lý lẽ của tôi đều bất lực trước tính hỗn nhiên của hấn, và cái mà tôi cho là rõ ràng thì hấn lại thấy buồn cười. Khi tôi dồn được hấn vào thế bí với những bằng chứng hiển nhiên xác nhận quan điểm của tôi xác đáng hơn, thì hấn không hề lưỡng lự, bảo tôi:

— Mày cứ đến Kápkadơ và sống ở đó đi. Rồi mày sẽ thấy rằng tao nói thật. Mọi người đều làm như thế, nghĩa là cần phải như thế. Việc gì tao phải tin mày, khi chỉ có một mình mày bảo như thế là không phải, còn hàng nghìn người bảo như thế là phải.

Thế là tôi nín thinh, tôi hiểu rằng muốn phản đối một con người tin rằng cuộc đời hiện tại là hoàn toàn hợp lý và chính đáng thì không thể dùng lời nói được, mà phải dùng sự việc. Tôi lặng thinh, còn hấn bập môi khoái trá, nói về đời sống ở Kápkadơ, một cuộc sống đầy vẻ đẹp man rợ, bùng bùng lửa sống và thực là độc đáo. Những câu chuyện ấy cuốn hút tôi, đồng thời làm tôi công phẫn và tức giận về tính tàn ác, về thái độ sùng bái sự giàu sang và sức mạnh thô bạo chứa đựng trong đó. Có lần, tôi hỏi hấn: hấn có biết đạo Cơ Đốc không?

— Dĩ nhiên là có!—hấn nhún vai đáp.

Nhưng hỏi kỹ thì té ra hấn chỉ biết có thế này: một người tên là Crixto nổi lên chống lại luật lệ của dân Do Thái, vì thế người Do Thái đóng đinh ông ta lên cây thập giá. Nhưng ông ta vốn là thần, nên không chết trên cây thập giá, mà lên trời và ban cho loài người một luật lệ mới...

— Luật lệ gì?—tôi hỏi.

Hấn nhìn tôi, vừa bắn khoăn vừa giễu cợt và hỏi:

— Mày theo đạo Cơ Đốc đây à? Tốt thôi! Tao cũng đi đạo Cơ Đốc. Trên trái đất này hầu hết mọi người đều đi đạo. Thế thì mày còn hỏi cái gì? Mày thấy mọi người sống thế nào chứ?... Đây chính là luật của Chúa.

Bị kích thích, tôi bắt đầu kể với hấn về cuộc đời của Giêxu. Thoạt đầu, hấn chăm chú nghe tôi, rồi sự chú ý của hấn giảm dần và cuối cùng biến thành cái ngáp.

Thấy trái tim hấn không chịu nghe tôi, tôi lại nói với trí óc hấn. Tôi nói với hấn về cái lợi của sự giúp đỡ lẫn nhau, cái lợi của kiên thức, cái lợi của pháp luật, về cái lợi và toàn về những cái lợi... Nhưng những lý lẽ của tôi tan thành cát bụi khi va vào cái thế giới quan vững chắc như bức thành đá của hấn.

— Thằng nào mạnh thằng ấy tự làm ra luật lệ cho mình! Kẻ mạnh không cần học, dù hấn có mù hấn cũng vẫn tìm được đường đi,—công tước Sakrô uể oải phản đối tôi.

Hấn biết trung thành với bản thân. Điều đó làm tôi kính trọng hấn, nhưng hấn man rợ, tàn bạo, và tôi cảm thấy đôi khi trong lòng tôi bùng lên ngọn lửa căm hờn Sakrô. Nhưng tôi vẫn không mấy hy vọng tìm được một điểm tiếp xúc giữa chúng tôi, một miếng đất mà chúng tôi có thể cùng đứng và hiểu được nhau.

Chúng tôi đi qua Pêrêkôp và tới gần Iayla. Tôi mơ tưởng tới bờ biển miền Nam xứ Krum, còn công tước lăm nhăm hát những bài kỳ lạ và mặt mày nhăn nhó. Chúng tôi cạn tiền, mà hiện thời chưa kiếm đâu ra việc làm. Chúng tôi đi gấp tới Phêôđôxya, ở đây người ta đang khởi công xây dựng một bến tàu.

Công tước nói với tôi rằng gã cũng sẽ làm việc và kiếm được tiền thì chúng tôi sẽ đi đường biển tới Batum. Ở Batum, hấn có nhiều người quen và hấn sẽ kiếm ngay cho tôi một chân quét sân hay gác cổng. Hấn vỗ vai tôi, tặc lưỡi một cách khoái trá, nói với giọng bao dung:

— Tao sẽ thu xếp cho mày một cuộc sống sướng!

Tsê-tsê! Mày sẽ tha hồ nốc rượu vang, nốc bằng thích thì thôi, mày sẽ tha hồ chén thịt cừu, muốn chén bao nhiêu thì chén! Mày sẽ lấy một á Grudia, một á Grudia to béo, tsê-tsê-tsê!.. Á sẽ nướng bánh cho mày ăn, để cho mày một lũ con, tsê-tsê!

Tiếng «tsê-tsê» ấy thoát tiên làm tôi ngạc nhiên, rồi tôi tức giận, cuối cùng khiến tôi buồn phiền đến phát điên lên được. Ở Nga, tiếng đó dùng để gọi lợn, ở Kápkado, nó dùng để biểu lộ sự khâm phục, niềm luyến tiếc, sự thỏa mãn, nỗi đau xót.

Sakrô đã làm tã hết bộ quần áo sang trọng của mình, còn đôi giày cao cổ đã rách nhiều chỗ. Chúng tôi bán chiếc can và cái mũ ở Khêcxôn. Thay cho cái mũ mềm ấy, hắn mua chiếc mũ cát két cũ của nhân viên đường sắt. Lần đầu tiên, khi hắn đội chiếc mũ lên đầu, kéo lệch hẳn sang bên, hắn hỏi tôi:

— Thế nào, tao đội có vừa không? Đẹp chứ?

III

Thế là chúng tôi đã ở Krum, chúng tôi qua Ximphêrôn và đi về Yanta.

Tôi lẳng lặng bước đi, mê thích vẻ đẹp thiên nhiên của mảnh đất này, mảnh đất được biển âu yếm vỗ về. Công tước thờ dài, sâu nảo và nhìn quanh bằng cặp mắt buồn rầu, cô tọng các thứ quả đại vào đầy cái dạ dày rỗng của mình. Việc làm quen với tính chất tiêu hóa của quả đại không phải bao giờ cũng ổn thỏa, và hắn thường nói với tôi, giọng vừa khôì hài vừa tức giận:

— Tao mà ngộ độc thì làm thế nào mà đi được nữa hả? Mày bảo sao?

Chúng tôi vẫn chưa thấy có cách nào kiếm ra việc làm, và không có lấy một xu để mua bánh mì, chúng tôi đành sống bằng trái cây và bằng hy vọng về tương lai. Còn công tước bắt đầu trách tôi lười biếng và «ngớ ngẩn»—như lời hắn nói. Nói chung hắn đâm ra bần tính, nhưng cái làm tôi bức nhất là những câu chuyện

hắn kể về sức ăn phi phàm của hắn. Cứ theo lời hắn thì sau khi chén «cả một con cừu non» với ba chai rượu vang vào quãng mười hai giờ trưa, tới hai giờ chiều hắn đã ăn ngay được một cách dễ dàng ba đĩa «tsakhăbili» hay «tsikirítma» gì đó không rõ, một bát tô đầy cơm trộn thịt, một sâmpua¹ thịt nướng chả, vô số loại thức ăn Kápkado khác nhau và nốc rượu «thùng bát chi thỉnh». Hết ngày này sang ngày khác, hắn kể với tôi về những sở thích và kiến thức của hắn về khoa ăn uống—hắn vừa kể vừa chép miệng, mắt rục lên, răng nhe ra và nghiền ken két, hít và nuốt nước bọt ừng ực: nước bọt thêm thường bắn tóe ra qua cái miệng cao hứng của hắn.

Có lần, ở gần Yanta, tôi nhận thu dọn những cành đã tĩa trong một vườn quả, tôi lấy trước tiên công và đem cả năm mươi côpêch đi mua bánh mì và thịt. Tôi vừa mang những thứ đó về thì người làm vườn gọi tôi, tôi đi và giao những thứ đã mua được cho Sakrô: hắn không chịu làm việc, lấy cớ nhức đầu. Một giờ sau tôi quay lại, và tôi thấy rõ Sakrô không nói quá sự thật khi hắn khoe về sức ăn của hắn: tất cả thức ăn tôi mua không còn lấy một mẩu. Hành động ấy không có gì là bần bệ cả, nhưng tôi làm thình: đó là điều không may của tôi, như sau này đã rõ.

Sakrô nhận thấy sự im lặng của tôi, và hắn liền có cách riêng lợi dụng nó, từ đó trở đi, bắt đầu một tình trạng phi lý lạ lùng. Tôi làm việc, còn hắn viện cớ này cớ khác không chịu làm, chỉ ăn, ngủ và thúc bách tôi. Tôi vừa buồn cười vừa rầu lòng khi nhìn gã trai khỏe mạnh ấy. Mỗi lần làm xong việc tôi lại trở về với hắn, người mệt mỏi rã rời, còn hắn vẫn chờ tôi trong một góc rợp mát và trỏ mắt dò xét tôi một cách thêm thường! Nhưng đáng buồn và bức mình hơn nữa là phải thấy hắn chê nhạo tôi, bởi lẽ tôi làm việc. Hắn chê nhạo tôi vì hắn đã học được cách ăn xin. Thoạt tiên khi bắt đầu đi ăn xin, hắn ngượng với tôi, rồi sau, khi

¹ Que sắt, để xâu thịt rồi mang nướng.

chúng tôi tới gần một làng Tácta, hấn chuẩn bị đi ăn xin ngay trước mặt tôi. Hấn chống gậy và kéo lê một chân trên mặt đất, làm như chân ấy bị đau, vì hấn biết người Tácta vốn hà tiện, không khi nào chịu bỏ thí cho một gã trai khỏe mạnh. Tôi cãi nhau với hấn, vạch cho hấn thấy rằng làm cái trò đó xấu hổ lắm...

— Tao không biết làm việc! — hấn đáp cụt lủn.

Hấn xin được rất ít. Bây giờ tôi lại bắt đầu ốm. Đường đi mỗi ngày một khó khăn hơn, và quan hệ của tôi với Sakrô ngày càng trở nên nặng nề. Bây giờ hấn khẳng khẳng đòi tôi phải nuôi hấn.

— Mày dẫn tao đi phải không? Thế thì dẫn đi! Tao mà lại có thể đi bộ xa như thế được ư? Tao không quen. Tao đến chết vì đi bộ mất! Tại sao mày làm khổ tao, giết chết tao? Tao mà chết thì sẽ ra sao? Mẹ tao khóc, bố tao khóc, các bạn tao khóc! Bao nhiêu nước mắt đổ ra?

Tôi nghe những lời lẽ như thế, nhưng không giận. Đồng thời, một ý nghĩ lạ lùng bắt đầu len vào óc tôi, xui tôi chịu đựng tất cả những cái đó. Đôi khi hấn nằm ngủ, còn tôi ngồi cạnh hấn, ngắm nghía khuôn mặt bình thản, trơ trơ của hấn và nhắc đi nhắc lại một mình, như cô đoán ra điều gì: «Người bạn đường của tôi... Người bạn đường của tôi...»

Trong ý thức tôi, đôi khi một ý nghĩ lờ mờ xuất hiện: phải chăng Sakrô chỉ sử dụng quyền của hấn khi hấn vững tin và bạo dạn như thế đòi tôi phải giúp đỡ, săn sóc hấn? Sự đòi hỏi ấy chứa đựng tính cách và sức mạnh. Hấn nô dịch tôi, còn tôi chịu nhường hấn và nghiên cứu hấn, theo dõi từng nét rung trên mặt hấn, cố hình dung xem trong việc xâm phạm đến cá nhân người khác như vậy, hấn sẽ dừng lại ở đâu, trong trường hợp nào. Còn hấn cảm thấy rất khoan khoái, hấn hát, ngủ, và chề giễu tôi khi hấn muốn. Đôi khi, chúng tôi chia tay nhau hai ba hôm, mỗi người đi một ngã. Tôi cấp bánh và tiền cho hấn nếu tôi có, và dặn hấn chờ tôi ở chỗ ấy chỗ nọ. Lúc ra đi, hấn tiễn tôi với vẻ ngờ vực, vừa hấn học vừa buồn rầu, nhưng khi

gặp lại, hấn đón tôi với vẻ sung sướng, đắc thắng và lần nào cũng vừa cười vừa nói:

— Thế mà tao tưởng mày trốn đi một mình, bỏ rơi tao? Ha-ha-ha!..

Tôi cho hấn ăn, kể với hấn về những cảnh đẹp tôi đã thấy, và có lần, nhân nói đến Bachixarai, tôi kể cho hấn nghe về Puskin và đọc mấy bài thơ của Puskin. Tất cả những cái đó không gây cho hấn một ấn tượng nào!

— Ôi chao, thơ thiếc quái gì! Đây là bài hát, không phải là thơ! Tao biết một thằng cha người Grudia hay hát lắm! Hát thế mới là hát!.. Hấn mà cất tiếng hát thì ôi chao chao... Hấn hát to lắm... oang oang như lệnh võ! Cứ như có người lấy dao găm ngoáy vào họng hấn!.. Hấn đã cắt cổ một lão chủ quán, bây giờ hấn bị đi đày ở Xibiri.

Mỗi lần trở về với hấn, tôi càng bị hấn khinh rẻ hơn, và hấn cũng không giấu nổi tôi điều đó.

Tình cảnh chúng tôi ngày một tệ. Mỗi tuần giới lắm tôi mới kiếm được một rúp hay một rúp rưỡi, và cô nhiên, số tiền ấy san ra cho hai người thì lại càng quá ít. Những thứ Sakrô xin được cũng không giúp cho chúng tôi dè xén được thực phẩm. Dạ dày hấn là cái vực nhỏ nuốt chừng ráo cá, không phân biệt gì hết: nho, dưa bở, cá mắm, bánh mì, trái cây khô — và cái vực thẳm ấy dường như ngày càng rộng mãi ra và càng đòi thêm nhiều lễ vật.

Sakrô bắt đầu giục tôi rời khỏi Krum, hấn bảo bây giờ đã sang thu mà đường thì còn xa. Hấn nói kể cũng có lý và tôi đồng ý với hấn. Thêm nữa, tôi đã xem xét kỹ vùng này của xứ Krum và chúng tôi đi Phêôđôxya, hy vọng kiếm được «món tiền» mà chúng tôi kiếm mãi vẫn chưa ra.

Đi khỏi Alusta chừng hai chục vécxta¹, chúng tôi dừng lại nghỉ đêm. Tôi cố khuyên Sakrô đi dọc bờ biển: đi như thế là mua thêm đường đất rất nhiều, nhưng tôi muốn thờ không khí biển. Chúng tôi đột

¹ Vécxta — đơn vị đo chiều dài ở Nga bằng 1,0668 km.

đồng lửa và nằm cạnh đó. Chiều xuống đẹp tuyệt vời. Nước biển xanh sẫm vỗ vào những tảng đá ở phía dưới, gần chỗ chúng tôi nằm. Trên đầu, trời xanh thăm thẳm, yên lặng và trang nghiêm: xung quanh, những bụi rậm và cây cối rì rầm khe khẽ. Trăng lên. Những vòm lá tiêu huyền hình thù rắc rối in xuống mặt đất những vệt bóng tối. Một con chim hót, tiếng hót hào hứng và du dương. Tiếng líu ríu ngân vang như tiếng bạc tan ra trong không khí rì rào tiếng sóng êm dịu. Tiếng hót vừa dứt, lại nghe thấy tiếng kêu ra rả của côn trùng. Đồng lửa bùng lên vui vẻ, ngọn lửa như một bó hoa lớn chói rực bông đỏ bông vàng. Lửa cũng sinh ra bóng tối và những vệt bóng tối ấy vui vẻ nháy nhót xung quanh chúng tôi, như khoe sự linh hoạt của mình trước những vệt bóng trắng lười nhác. Chân trời bao la của biển vắng vẻ quanh hiu, bầu trời không gợn mây, tôi cảm thấy mình đứng ở rìa trái đất đang lặng ngấm không gian—cái câu đố bí ẩn mà quyền rũ vô cùng... Lòng tôi tràn ngập cảm giác ghê sợ như khi đứng gần một cái gì cao cả, trái tim run rẩy lịm đi.

Bỗng nhiên, Sakrô phá lên cười.

— Ha-ha-ha! Cái mặt mày làm sao dẫn độn thể kia! Y hệt như một con cừu ấy! A-ha-ha-ha!..

Tôi hoảng hồn như sét đánh ngang đầu. Thật là quá quái lắm. Điều đó kể cũng buồn cười đây, đúng thể, nhưng đáng bức biết bao!.. Hấn, Sakrô, hấn cười giằn giữa nước mắt, còn tôi chỉ muốn khóc vì một lẽ khác. Như có hòn đá chặn ngang họng, tôi không nói được nên lời và gương cặp mắt ngây dại nhìn hấn, làm hấn càng cười dữ. Hấn ôm bụng cười lăn lộn trên mặt đất, còn tôi vẫn chưa thể bình tâm sau vụ lăng nhục ấy... Tôi bị xúc phạm nặng nề và tôi hy vọng một số ít người sẽ hiểu điều đó—bởi vì có lẽ chính họ đã từng trải qua cảnh ngộ tương tự—và họ sẽ lại cảm thấy cái sức đè nặng trĩu ấy trong tâm hồn.

— Im đi!—tôi điên tiết quát lên.

Hấn sợ hãi giật mình, nhưng vẫn không thể nén được, cơn cười vẫn chưa buông tha hấn, hấn phồng

má trợn mắt và bỗng lại phá lên cười rũ rượi. Thế là tôi đứng lên và bỏ đi. Tôi đi lâu lắm, đầu óc trống rỗng, gần như vô tri giác, lòng tràn ngập nỗi bức tức như có chất thuốc độc cào cào ruột gan. Tôi đã ôm lấy cả thiên nhiên và lặng lẽ, mãi mê tỏ tình cùng trời đất, mỗi tình nồng cháy của con người có chút tâm hồn thì sĩ... vậy mà thiên nhiên hiện thân trong Sakrô, phá lên cười chế nhạo niềm say mê của tôi! Lẽ ra tôi còn tiếp tục phát triển bản cáo trạng kết tội thiên nhiên, kết tội Sakrô và tất cả trật tự thế gian này, nhưng sau lưng có tiếng bước chân vội vã.

— Đừng giận!—Sakrô khẽ chạm vào vai tôi, thốt lên, vẻ sợ sùng. — Mày cầu nguyện phải không? Tao không biết.

Hấn nói bằng giọng rụt rè của đứa trẻ đã trót nghịch dại, còn tôi, dù đang xúc động, tôi cũng không thể không thấy vẻ mặt đáng thương, bối rối và sợ hãi, méo xệch đi một cách tức cười của hấn.

— Tao sẽ không bao giờ trêu chọc mày nữa. Thật đấy! Không bao giờ nữa!

Hấn lắc đầu.

— Tao thấy mày hiền lành. Mày làm việc. Mày không bắt tao làm. Tao tự hỏi: tại sao thế nhỉ? Đúng là vì nó dẫn độn như con cừu...

Hấn an ủi tôi thế đấy! Hấn xin lỗi thế đó! Cô nhiên, sau những lời an ủi và xin lỗi như thế, tôi chỉ còn cách tha thứ cho hấn, không những tha thứ mọi việc đã qua mà cả những việc sẽ xảy đến.

Nửa giờ sau hấn đã ngủ say lỳ, tôi ngồi cạnh hấn và nhìn hấn. Trong giấc ngủ, ngay cả kẻ mạnh nhất cũng có vẻ bơ vơ, yếu đuối: Sakrô nom thật đáng thương. Cặp môi dày cùng với đôi lông mày rướn cao làm cho khuôn mặt hấn có cái vẻ ngờ ngàng rụt rè, thơ dại. Hấn thở đều đều, bình tĩnh nhưng thỉnh thoảng lại cựa quậy và mê sảng, nói những lời van vỉ và hồi hả bằng tiếng Grudia. Xung quanh chúng tôi là sự im lìm căng thẳng, nó khiến ta thấp thỏm chờ đợi một cái gì xảy đến, và nếu cái im lìm ấy có thể kéo dài, nó sẽ làm

người ta phát điên vì sự yên tĩnh tuyệt đối, vì sự vắng bật âm thanh, vắng hẳn cái bóng rục rờ của chuyển động. Tiếng sóng rì rào không vọng đến chỗ chúng tôi: chúng tôi ở trong một cái hồ đầy những bụi cây chẳng chịt, nom giống như cái mồm lông lá của một con thú đang ngáp thì tự dừng hóa đá. Tôi nhìn Sakrô và nghĩ:

«Đây là người bạn đường của ta... Ta có thể bỏ mặc hẳn ở đây, nhưng ta không thể lẩn trốn hẳn được, vì loại người đó đông vô kể... Đây là người bạn đường suốt đời của ta... hẳn đeo đuổi ta cho đến ngày xuống mồ...»

Phêôđôxya làm chúng tôi vỡ mộng. Khi chúng tôi tới, ở đó đã có đến bốn trăm con người cũng từng mơ ước kiếm công ăn việc làm như chúng tôi, nhưng rồi họ cũng đành sắm vai trò những kẻ đứng xem người làm việc, có người Thổ Nhĩ Kỳ, người Hy Lạp, người Grudia, người Xmôlenxơ, người Pôntava. Khắp nơi—cả trong thành phố lẫn các vùng xung quanh—từng toán «dân đói» mặt mày xám ngắt, chán nản, đi lang thang vơ vẩn và những kẻ du đảng vùng Adôp và Tavria suc sạo như bầy chó sói.

Chúng tôi lên đường đi Kêcsơ.

Người bạn đường của tôi giữ lời hứa, không đụng chạm gì đến tôi. Nhưng hẳn đói khổ đói sở, khi thấy ai ăn, rằng hẳn đánh lập cập hết như chó sói và hẳn làm tôi phát khiếp lên vì những lời hẳn nói về số lượng các món ăn mà hẳn sẵn sàng nuốt chửng. Ít lâu nay, hẳn bắt đầu nhớ tới đàn bà. Lúc đầu, hẳn chỉ thoáng nhắc đến với những tiếng thờ dài luyện tiếc, nhưng càng về sau, hẳn càng hay nhắc tới với nụ cười thèm muốn của «người phương Đông». Cuối cùng, hẳn thèm đến mức không thể bỏ qua một người đàn bà nào dù là tuổi tác và hình dáng thế nào mà không thổ lộ với tôi một ý nghĩ dâm dăng có tính chất triết lý thực dụng về một bộ phận nào đó trên thân thể người ấy. Hẳn bàn luận về đàn bà một cách buông tuồng, tỏ ra hết sức am hiểu đối tượng và chăm chăm nhìn thẳng vào họ đến nỗi tôi lợm giọng, cứ phải nhỏ bọt hoài... Có lần tôi thử

chứng minh với hẳn rằng đàn bà là người hoàn toàn không thua kém gì hẳn, nhưng khi thấy rằng quan điểm của tôi không những làm hẳn tức tối, mà hẳn còn chực nổi khùng lên vì theo ý hẳn, tôi đã làm nhục hẳn, thì tôi đành gác dự định ấy lại cho đến khi hẳn no bụng.

Trên đường đến Kêcsơ, chúng tôi không đi dọc bờ biển, mà đi qua thảo nguyên để rút bớt đường. Trong bị của chúng tôi chỉ có một cái bánh mì đại mạch nặng ba phuntơ¹ mua của một người Tácta bằng đồng năm côpêch cuối cùng của chúng tôi. Sakrô thử vào các làng xin bánh mì, nhưng chẳng nước non gì, ở đâu người ta cũng trả lời vắn tắt: «Bọn ăn xin các người nhiều quá!..» Hoàn toàn đúng như thế: quả thật là trong năm đói khổ ấy, có cơ man nào là người đi tìm một mẩu bánh mì.

Người bạn đường của tôi không thể chịu đựng nổi «bọn đói khát»—tức là những kẻ cạnh tranh với hẳn trong việc xin bố thí. Mặc dù đường đi vất vả và ăn uống khổ sở, nguồn dự trữ sinh lực của hẳn không cho phép hẳn tạo ra được cái vẻ hốc hác, thậm hại như những người kia—công bằng mà nói, họ có thể tự hào về điều đó, đây cũng là một loại hình thức hoàn mỹ. Vì thế, mới trông thấy họ từ đằng xa, hẳn đã nói:

— Lại một bọn nữa kia! Ôi chao, gớm ghiếc chưa! Chúng kéo nhau đi làm gì? Tại sao chúng cứ kéo đi như thế? Nước Nga còn quá chật chội với chúng sao? Tao không hiểu. Dân Nga thật là ngu ngốc hết chỗ nói!

Khi tôi giải thích cho hẳn biết những nguyên nhân đã thúc đẩy dân Nga ngu độn kéo tới Krum kiếm ăn thì hẳn lắc đầu hoài nghi, bác bỏ:

— Tao không hiểu! Sao lại có thể thế được!... Ở Grudia chúng tao, người ta không làm những điều ngu dại như thế!

Chúng tôi tới Kêcsơ thì đã tối khuya và chúng tôi buộc phải ngủ đêm dưới chiếc cầu ván ghép bắc từ bên

¹ Phuntơ—đơn vị đo trọng lượng. Ở Nga một phuntơ bằng 409,5 gr.

kề lên bờ. Mà chúng tôi nấp đi cũng phải thôi. Chúng tôi biết rằng trước khi chúng tôi đến ít lâu, tất cả những kẻ vô dụng—bọn chân đất—đã bị đuổi ra khỏi Kêcsơ. Chúng tôi sợ sa vào tay cảnh sát, nhất là Sakrô lại dùng giấy thông hành của người khác, điều đó có thể gây nên những chuyện rắc rối nghiêm trọng cho số phận chúng tôi.

Suốt đêm, sóng vịnh tưới lên chúng tôi cơ man nào là bụi nước, và sáng tinh mơ, khi ra khỏi găm cầu, chúng tôi vừa ướt vừa rét cóng. Chúng tôi đi loanh quanh suốt ngày trên bờ biển, và tất cả số tiền tôi kiếm được là mười côpêch, công tôi khuân một bao tải đưa từ chợ về cho bà vợ một cha cô.

Phải vượt qua vịnh đến Taman. Không một lái đò nào chịu nhận chúng tôi vào làm tay chèo để được sang bờ bên kia, dù tôi đã năn nỉ hết cách. Ai cũng ghét cay ghét đắng bọn chân đất; trước khi chúng tôi đến ít lâu, bọn họ đã làm vô số trò yêng hùng ở đây, và cũng không phải là vô cơ mà người ta liệt chúng tôi vào hạng ấy.

Chiều tối, vừa giận mình rui ro vừa giận cả thế giới, tôi quyết định làm một việc hơi liều, và đêm xuống, tôi bắt đầu thực hiện ý đồ ấy.

IV

Ban đêm, tôi và Sakrô lên đến gần chiếc tàu đoan. Cạnh đó có ba chiếc xuống cột bằng dây xích vào những vòng sắt xoáy vào vách đá bên tàu. Trời tối, gió mạnh, xuống xô vào nhau, xích kêu loảng xoảng... Tôi lấy cái vòng sắt và tháo nó ra khỏi vách đá một cách dễ dàng.

Trên đầu chúng tôi, cách chừng năm ăcsin¹, một người lính đoan đi đi lại lại và huýt sáo qua kẽ răng. Khi y đứng lại gần chúng tôi, tôi ngừng việc, nhưng sự thận trọng ấy là thừa, y không thể ngờ rằng ở phía

¹ Ăcsin—đơn vị đo chiều dài bằng 71,12cm.

dưới, có người ngăm mình trong nước ngập đến cổ. Thêm nữa, chẳng có tôi mó tay vào thì xích vẫn cứ loảng xoảng không ngớt. Sakrô đã nằm dài dưới đáy xuống và thì thầm cái gì tôi nghe không rõ vì sóng vỗ ào ào. Hai tay tôi cầm cái vòng sắt... Một lần sóng vỗ lấy chiếc xuống và ném ra xa bờ. Tôi bám lấy sợi xích và bơi cạnh thuyền, rồi trèo vào thuyền. Chúng tôi tháo hai tấm ván lát, cột vào cọc chèo làm chèo và bơi đi...

Sóng nô giỡn, Sakrô ngồi ở đằng lái, có lúc mất hút, chìm vọt lái trong sóng nước, có lúc bị đưa lên rất cao và la hét, như muốn ngã xô vào tôi. Tôi khuyên hắn đừng la hét, nếu hắn không muốn người lính gác nghe thấy. Lúc đó hắn mới im. Tôi thấy mặt hắn chỉ còn là một vệt trắng. Hắn vẫn giữ lái. Chúng tôi sợ chuyển chỗ trong thuyền. Tôi gào lên, bảo hắn phải điều khiển thuyền như thế nào, và hắn hiểu tôi ngay, làm tất cả mọi việc một cách mau lẹ như hắn sinh ra vốn là thủy thủ. Những tấm ván làm chèo chẳng giúp tôi được bao nhiêu. Gió thổi vào phía sau lái, tôi ít lo tới chuyện gió sẽ đưa chúng tôi đi đâu, chỉ gắng làm sao giữ cho mũi thuyền hướng ngang vịnh. Nhằm hướng như thế cũng dễ thôi, vì vẫn còn trông thấy ánh đèn ở Kêcsơ. Sóng nháy qua thành thuyền vào thăm chúng tôi và giận dữ gào lên. Sóng càng đưa chúng tôi ra xa lại càng vọt lên cao. Xa xa, đã nghe thấy tiếng găm man rợ và đáng sợ... Xuống vẫn lao đi, mỗi lúc một nhanh, giữ hướng rất khó. Chốc chốc chúng tôi lại rơi tòm xuống cái hồ nước sâu rồi lại bay vọt lên tận đỉnh các gò nước. Đêm càng tối đen hơn, mây sà xuống thấp. Những ánh đèn phía sau lại biến mất trong bóng tối. Và lúc ấy thật là ghê rợn. Dường như khoảng nước giận dữ này không có đâu là bờ bên. Không còn nhìn thấy gì, ngoài những làn sóng từ bóng tối bay xô tới. Sóng đánh văng một mảnh ván trong tay tôi, tôi vớt luôn mảnh kia xuống lòng thuyền và hai tay giữ chặt lấy thành thuyền. Sakrô rú lên một cách man rợ mỗi lần thuyền vọt lên cao. Tôi cảm thấy mình thấm hại và bất lực trong bóng tối đen ngòm này giữa cơn điên

cuồng thịnh nộ của thiên nhiên nổi lên khắp bốn bề, làm tôi đình tai choáng óc. Không một chút hy vọng, lòng tràn ngập cảm giác chán nản giận dữ, tôi chỉ thấy những làn sóng ấy vây bủa xung quanh với những bờm sóng trắng nhờ nhờ làm tóe lên những tia nước mặn, và những đám mây trên đầu tôi, dày đặc, bờm xờm, cũng giống như sóng... Tôi chỉ hiểu có một điều: tất cả những cái đang diễn ra xung quanh tôi có thể còn mạnh hơn và đáng sợ hơn chưa biết đến chừng nào, và tôi cảm thấy bức mình vì nó tự kiểm chế, không muốn trở hết uy lực. Cái chết không thể nào tránh khỏi. Nhưng cái qui luật lạnh lùng, san bằng tất cả ấy cũng cần được tô vẽ chút ít, nó quá nghiệt ngã và thô bạo. Nếu tôi phải chết thiêu hay chết chìm trong một vũng lầy, tôi sẽ cố chọn cách thứ nhất—dù sao nó cũng còn khá hơn.

— Căng buồm lên! — Sakrô hét.

— Buồm đâu ra? — tôi hỏi.

— Lấy cái áo khoác của tao...

— Ném lại đây! Chớ buông tay lại!

Sakrô lặng lẽ loay hoay ở đằng lái.

— Bắt lấy!..

Hắn ném cho tôi chiếc áo khoác của hắn. Tôi bỏ một cách chật vật trong lòng thuyền, gỡ thêm một mảnh ván nữa, tôi lồng ống tay chiếc áo khoác dây cộc vào mảnh ván, áp mảnh ván vào chiếc ghê trong thuyền, chặn hai chân lên, và tôi vừa cầm lấy ống tay kia và tà áo thì một cái gì bất ngờ bỗng xảy ra... Thuyền nhảy cao lạ lùng rồi đâm nhào xuống, tôi thấy mình ở dưới nước, một tay nắm chiếc áo khoác, tay kia bám lấy sợi thừng căng ra ở mé ngoài xuống. Sóng ào ào nhảy qua đầu tôi, tôi hít phải những ngụm nước mặn chát. Nước ộc vào tai, vào mồm, vào mũi... Hai tay bám chặt lấy sợi thừng, tôi bay lên cao và rơi xuống theo nước, đầu va vào thành thuyền. Tôi ném chiếc áo khoác lên sông thuyền, cố nhảy lên thuyền. Cố gắng tới mười lần tôi

mới thành công. Tôi cưỡi lên thuyền và lập tức thấy Sakrô đang lộn nhào trong nước, hai tay bám lấy sợi thừng tôi vừa buông ra. Thì ra sợi dây ấy quấn quanh thuyền, luồn qua những vòng sắt ở thành ngoài.

— Mày còn sống! — tôi thét gọi hắn.

Hắn nhảy vọt lên rất cao trên mặt nước và cũng rơi xuống sông thuyền. Tôi đỡ lấy hắn, chúng tôi giáp mặt nhau. Tôi cưỡi lên xuống như cưỡi ngựa, hai chân xỏ dây như xỏ vào bàn đạp, nhưng cũng không có gì là chắc chắn: bất cứ đợt sóng nào cũng có thể dễ dàng hất tôi ra khỏi yên. Sakrô hai tay bám chặt lấy đầu gối tôi, rúc đầu vào ngực tôi. Toàn thân hắn run lên, và tôi cảm thấy quai hàm hắn đánh lập cập. Cần phải làm một việc gì! Sông thuyền trơn như bôi mỡ. Tôi bảo Sakrô lại tụt xuống nước, bám lấy dây ở phía bên này, còn tôi cũng làm như thế ở phía bên kia. Hắn không trả lời, mà lại thúc đầu vào ngực tôi. Sóng nhảy nhót trong điệu vũ man rợ, chốc chốc lại vọt qua đầu chúng tôi, và chúng tôi phải khó khăn lắm mới ngồi vững được. Một chân tôi bị thừng cửa đầu ghê góm. Nhìn đầu cũng thấy những gò nước cuộn lên cao vút và âm ầm tan biến.

Tôi nhắc lại điều đã nói ban nãy, nhưng lần này với giọng ra lệnh. Sakrô càng húc đầu vào ngực tôi mạnh hơn. Không thể chậm trễ được. Tôi giằng tay hắn ra khỏi người tôi và đẩy hắn xuống nước, cô làm cho hắn quờ tay vào đây. Liền đó đã xảy ra một việc làm tôi hoảng sợ nhất trong đêm ấy.

— Mày đim chết tao phải không? — Sakrô thì thầm và nhìn vào mặt tôi.

Thực là khủng khiếp! Câu hỏi của hắn đã ghê rợn, nhưng giọng hắn hỏi còn ghê rợn hơn: trong đó có cả sự nhần nhục e sợ, cả lời cầu xin tha chết, cả hơi thở cuối cùng của kẻ đã mất hy vọng tránh khỏi cái chết thê thảm. Nhưng cặp mắt hắn trên bộ mặt ướt đầm, cát không ra giọt máu, nom còn ghê rợn hơn!..

Tôi thét bảo hắn:

— Giữ cho chặt! — và tôi cũng tụt xuống nước,

bám vào sợi thừng. Tôi vấp chân vào cái gì và thoát tiên, tôi đau quá đến nỗi không hiểu được gì cả. Nhưng rồi tôi hiểu ra. Một cái gì nóng hổi bùng cháy trong tôi, và tôi say sưa, cảm thấy mình khỏe hơn bao giờ hết...

— Đắt! — tôi kêu lên.

Có lẽ những nhà hàng hải vĩ đại tìm ra đắt mới kêu lên tiếng đó còn thấm thiết hơn tôi, nhưng tôi không tin rằng họ có thể hét to hơn tôi. Sakrô rú lên và lao xuống nước. Nhưng lòng hăng hái của chúng tôi nguội lạnh ngay: nước vẫn còn ngập đến ngực và chưa thấy một dấu hiệu gì đáng kể cho biết là đã đến bờ. Sóng ở đây đã yếu hơn, không nhảy chồm chồm, mà lười nhác cuộn qua đầu chúng tôi. May là tôi vẫn chưa buông chiếc xuống khỏi tay. Bây giờ tôi và Sakrô đứng hai bên xuống, bấu lấy sợi thừng cứu mạng, thận trọng tiến lên, cũng chưa rõ là đi đâu, kéo theo cả chiếc thuyền.

Sakrô lăm bắm cái gì và cười. Tôi lo ngại nhìn quanh. Trời tối. Sau lưng và bên phải chúng tôi, sóng vỗ ồn ào hơn, trước mặt và bên trái thì khẽ hơn. Chúng tôi đi về bên trái. Đất rắn chắc, toàn cát, nhưng chỗ nào cũng có những hồ sâu. Có khi chúng tôi không chạm tới đáy, phải bơi bằng hai chân và một tay, tay kia giữ xuống. Có khi nước chỉ đến gối. Gặp chỗ sâu, Sakrô rú lên, còn tôi sợ run người. Và bỗng nhiên — thoát rồi! — trước mặt chúng tôi có ánh lửa lóe sáng...

Sakrô gào toáng lên, nhưng tôi vẫn nhớ định ninh rằng chiếc xuống là của nhà nước, và tôi lập tức bắt hấn phải nhớ đến điều đó. Hấn im lặng, nhưng mấy phút sau lại nghe thấy hấn nức nở. Tôi không thể làm cho hấn yên tâm được: hấn khóc có duyên cớ gì đâu.

Nước mỗi lúc một thấp hơn... đến đầu gối... đến mắt cá chân... chúng tôi vẫn kéo chiếc xuống của nhà nước, nhưng rồi chúng tôi không còn hơi sức nữa và đành bỏ. Có cái gì như một thân cây đen sì nằm chắn ngang đường. Chúng tôi nhảy qua, và cả hai đứa, chân không

giày, rơi xuống đám cỏ gai. Chúng tôi đau, và dật như vậy là không mền khách, nhưng chúng tôi không để ý đến chuyện đó và chạy về phía có ánh lửa. Nó cách chúng tôi chừng một véxta và bùng lên vui vẻ, như tươi cười chào đón chúng tôi.

V

...Ba con chó xồm to lớn từ trong bóng tối nhảy xổ vào chúng tôi. Sakrô từ nãy vẫn khóc nức nở liên rông lên và ngã vật xuống đất. Tôi quăng chiếc áo khoác ướm vào mấy con chó và cúi xuống sờ soạng tìm hòn đá hay cái gậy. Chẳng có gì, chỉ có cỏ đâm đau tay. Mấy con chó đua nhau xổ tới. Tôi cho hai ngón tay vào mồm, rán sức huýt sáo thật to. Chúng lùi lại, liền đó có tiếng chân thỉnh thoảng và tiếng lao xao: người ta chạy tới.

Mấy phút sau, chúng tôi đã ngồi bên đồng lửa giữa bốn người chần cừu quay thành vòng tròn, người nào cũng khoác áo da cừu, mặt lông ra ngoài.

Hai người ngồi trên mặt đất và hút thuốc, một người cao, râu đen và rậm, đội mũ lông cừu Côđắc đứng sau lưng chúng tôi, tì tay vào chiếc gậy bằng rễ cây ở đầu có cái nùm to xù, người thứ tư là một gã trai trẻ tuổi, tóc màu hạt dẻ sáng, giúp Sakrô cởi quần áo, vì hấn vẫn khóc. Cách chúng tôi chừng năm xagien¹, cả một khoảng đất rộng phủ một lớp gì dày kín, màu xám nhấp nhô như sóng, giống như tuyết mùa xuân đã bắt đầu tan. Nhưng nhìn kỹ một lúc thì thấy rõ ràng đó là từng con cừu riêng biệt nằm áp sát vào nhau. Có đến mấy nghìn con mà giặc ngủ và bóng tối ban đêm dồn ép lại thành một lớp dày âm áp bao phủ thảo nguyên. Đôi khi chúng be lên những tiếng thăm thiết và sợ sệt...

Tôi hong chiếc áo khoác trên lửa, nói hết sự thật

¹ Xagien — đơn vị đo chiều dài bằng 2,1336 m.

với những người chẵn cừu, kể cho họ nghe cả việc chúng tôi lấy chiếc thuyền bằng cách nào.

— Bây giờ nó ở đâu, cái thuyền ấy?— một ông già nghiêm khắc, tóc bạc nhìn tôi không dứt, hỏi.

Tôi nói chỗ để thuyền.

— Mikhan, ra xem xem.

Mikhan—người đàn ông râu đen—vác chiếc gậy lên vai và đi ra bờ sông.

Sakrô rét run lên, đòi tôi đưa cho hắn cái áo khoác ấm hơi lửa, nhưng còn ướt.

Nhưng ông già nói:

— Hãy khoan! Chạy đi một lát cho máu nóng lên đã. Chạy xung quanh đồng lửa, nào, chạy đi!

Sakrô thoát tiên không hiểu, rồi hắn bỗng rời khỏi chỗ và cứ trần truồng như nhộng, bắt đầu nháy một điệu vũ mọi rợ. Hắn bay qua đồng lửa như quả bóng quay tròn tại chỗ, hai chân giậm đất, miệng hét oang oang, tay vung loạn xạ. Thật là một cảnh tượng buồn cười nồn ruột. Hai người chẵn cừu lăn ra đất cười sằng sặc, còn ông già thì mặt nghiêm trang, thản nhiên, gắng vỗ tay điểm nhịp cho điệu múa, nhưng không bắt được nhịp, ông chăm chú nhìn điệu vũ của Sakrô, lắc đầu và động dẩy cặp ria mép, luôn miệng thét lên bằng cái giọng trầm khàn đặc:

— Hay-ha! Đúng, đúng! Ha-ha! Nữa, nữa!

Trước ánh lửa rọi sáng, Sakrô uốn éo như con rắn, nhảy lò cò, rồi nện gót nhanh trên mặt đất, và thân thể hắn bóng nhoáng dưới ánh lửa, lăm lăm những giọt mồ hôi lớn đỏ như máu.

Bây giờ cả ba người chẵn cừu cùng vỗ tay, còn tôi rét run cầm cập, hong mình bên đồng lửa và thầm nghĩ rằng cuộc phiêu lưu vừa qua của chúng tôi hẳn sẽ làm cho những người vốn hâm mộ Cupơ và Giuyn Vécơ¹ phải thích mê lên: tai nạn đắm tàu này, những người

¹ Cupơ (1789-1851)—nhà văn Mỹ; Vécơ (1828-1905)—nhà văn Pháp; cả hai nổi tiếng vì những truyện phiêu lưu mạo hiểm.

thổ dân hiếu khách này, lại cả điệu vũ của tên mọi quanh đồng lửa nữa...

Bây giờ Sakrô đã ngồi trên mặt đất, mình quần chiếc áo khoác và ăn cái gì không rõ, cặp mắt đen của hắn nhìn tôi, trong đó lóe lên một cái gì gây cho tôi cảm giác khó chịu. Quần áo hắn treo trên cái gậy cắm gần đồng lửa đã khô ráo. Tôi cũng được người ta cho ăn bánh mì và mỡ muối.

Mikhan tới và lẳng lặng ngồi xuống cạnh ông già.

— Thế nào?— ông già hỏi.

— Có chiếc thuyền!— Mikhan đáp vắn tắt.

— Không sợ sóng cuộn đi chứ?

— Không!

Và tất cả bọn họ im lặng, chăm chú nhìn tôi.

— Này, đưa chúng vào làng trình lão ataman chứ? Hay là giải thẳng đến nhà doan?— Mikhan hỏi, không nói riêng với ai.

Chẳng ai trả lời anh ta cả. Sakrô vẫn điềm nhiên ăn.

— Dẫn đến ataman cũng được... mà đưa đến nhà doan cũng được... Đẳng nào cũng thế thôi,— ông già nói, sau một lát im lặng.

— Khoan đã, cụ ạ...— tôi lên tiếng.

Nhưng ông lão không thèm để ý đến tôi.

— Thế này này! Mikhan! Cái thuyền còn ở đây chứ?

— Vẫn ở đây!..

— Này... thế nước không cuộn nó đi chứ?

— Không... không cuộn đi được.

— Thế thì cứ để nó đây. Ngày mai bọn chèo thuyền đến Kêcsơ sẽ kéo nó theo. Làm gì mà họ không dắt được cái thuyền không? Sao? Thế được đây... Còn bây giờ thì các người... Những kẻ khô rách áo ôm... ở... Cả hai đều không sợ phải không? Không à? Gớm nhỉ!.. Chỉ nửa vécxta nữa là các người sẽ ra biển. Nếu bị cuộn ra biển thì các người sẽ làm gì? Hả? Cả hai sẽ chết chìm như hai cái rìu vậy!.. Các người sẽ chìm ngấm, thế là hết đời.

Ông già im lặng và mỉm cười giấu cợt sau hàng ria mép, nhìn tôi.

— Sao mày im lặng, gã kia?

Tôi chán ngấy những lời dông dài của ông già mà tôi không hiểu được và cho là ông ta nhạo báng chúng tôi.

— Tôi nghe đây! — tôi nói, khá cáu kỉnh.

— Ừ, thế thì sao? — ông già tò mò muốn biết.

— Chẳng sao cả.

— Sao mày lại chọc tức tao? Thói đâu là cái thói trêu chọc người cao tuổi hơn mình như thế?

Tôi lặng thinh.

— Mày có muốn ăn nữa không? — ông già tiếp tục.

— Không.

— Thôi vậy? Không muốn ăn thì thôi. Nhưng có lẽ mày nên lấy ít bánh đi ăn đường chẳng?

Tôi giật mình vì sung sướng, nhưng cô không để lộ ra mặt.

— Cho để ăn đường thì tôi xin nhận... — tôi nói một cách bình tĩnh.

— Ê hề!.. Cho họ bánh mì và mỡ muối để ăn đường... Có lẽ còn cái gì nữa chẳng? Cho họ nốt cả đi.

— Mặc cho họ đi à? — Mikhan hỏi.

Cả hai người kia ngược mắt nhìn ông già.

— Thì còn cách gì nữa kia chứ?

— Nhưng ta định đưa họ tới trình ataman... hay nhà đoan kia mà... — Mikhan nói với vẻ thất vọng.

Sakrô ngọ nguậy cạnh đồng lửa và tò mò thò đầu ra khỏi chiếc áo khoác. Hắn vẫn bình tĩnh.

— Họ đến ataman làm gì? Có lẽ họ chẳng có việc gì làm ở đây đâu... Để sau này họ sẽ đến... nếu họ muốn.

— Còn cái thuyền thì sao? — Mikhan không chịu thôi.

— Cái thuyền à? — ông già hỏi lại. — Thuyền làm sao? Vẫn ở đây chứ?

— Vẫn ở đây... — Mikhan đáp.

— Thế thì cứ để nó đây. Sáng mai Ivaskô sẽ đưa nó

sang bên... rồi người ta sẽ đem nó về Kêcsor. Về cái thuyền thì thế thôi, chẳng có cách gì khác.

Tôi chăm chú nhìn ông lão chán cừu và không thể thấy một nét thay đổi nhỏ trên khuôn mặt thần nhiên, sạm màu nắng gió, chập chờn bóng lửa của ông.

— Miễn là đừng mang vạ vào thân thì rầy... — Mikhan bắt đầu nhượng bộ.

— Kín cái miệng thì chẳng việc gì mà mang vạ. Chứ nếu dẫn họ đến ataman thì sẽ lòi thoi cả cho ta và cho họ, ta nghĩ thế đây. Chúng ta có việc của chúng ta, còn họ cần phải đi! Này, các người còn phải đi xa không? — ông lão hỏi, tuy tôi đã nói với ông rằng chúng tôi còn phải đi xa như thế nào.

— Đền Tiplít.

— Còn nhiều đường đất đây! Thấy không, ta mà đưa họ đến ataman thì lão sẽ giữ họ, mà lão giữ họ thì bao giờ họ đến nơi? Thôi, mặc họ muốn đi đâu thì đi. Được không?

— Cũng được thôi. Để họ đi! — mấy người cùng bọn với ông già ưng thuận khi ông nói xong những lời chậm rãi, mỉm chật môi và đưa mắt nhìn tất cả bọn họ với vẻ dò hỏi, những ngón tay vân vê bộ râu bạc.

— Thế thì đi đi, Chúa phù hộ các con, — ông già khoát tay. — Còn chiếc thuyền thì ta sẽ giả nó về chỗ cũ. Thế được chứ?

— Cảm ơn cụ! — tôi ngá mũ.

— Cảm ơn cái gì kia chứ?

— Cảm ơn cụ, chúng tôi xin cảm ơn! — tôi nhắc lại bằng giọng xúc động.

— Cảm ơn cái nổi gì kia chứ? Lạ thật! Ta nói: đi đi, Chúa phù hộ các con, vậy mà hắn cảm ơn ta. Hay mày sợ tao ráp tâm làm hại mày, hả?

— Thú thật là lúc nãy cháu có sợ!.. — tôi nói.

— Ố!.. — Ông cụ rướn cao cặp lông mày. — Ta đẩy con người đi vào con đường xấu làm gì? Tốt nhất là ta đưa nó lên con đường mà ta đang đi. Có lẽ chúng ta sẽ còn gặp nhau, khi đó chúng ta sẽ là người quen. Có lẽ còn phải giúp đỡ nhau là đằng khác... Thôi, tạm biệt!..

Ông lão bỏ chiếc mũ lông cừu xù xì của mình ra và cúi chào chúng tôi. Những người kia cũng chào chúng tôi. Chúng tôi hỏi đường về Anapa và ra đi. Sakrô cười cái gì không rõ...

VI

— Cậu cười cái gì? — tôi hỏi hắn.

Tôi cảm phục ông già chần cừu và quan niệm sống của ông, tôi vui thích vì làn gió mát trước buổi bình minh hây hây thổi vào ngực, vì bầu trời quang âm và mặt trời sắp lên, rồi một ngày rực rỡ, tươi đẹp sẽ bắt đầu...

Sakrô nháy mắt với tôi một cách ranh mãnh và phá lên cười càng to hơn. Tôi cũng mỉm cười khi nghe thấy tiếng cười vui vẻ, lành mạnh của hắn. Hai ba giờ ngồi bên đồng lửa của những người chần cừu, bánh mì và mỡ ướp ngon lành làm cho chuyến đi mệt nhọc của chúng tôi chỉ còn lưu lại cái cảm giác moi moi trong xương, nhưng cảm giác ấy không làm giảm niềm sung sướng của chúng tôi.

— Này, tại sao mày cười! Mày sung sướng vì mày còn sống phải không? Còn sống và lại no nữa phải không?

Sakrô lắc đầu, thúc khuỷu tay vào sườn tôi, nhăn mặt, lại phá lên cười và nói bằng thứ tiếng lơ lớ của hắn.

— Mày không hiểu tại sao tao cười à? Không à? Bây giờ tao sẽ nói cho mày biết. Mày có biết là nếu chúng nó giải bọn ta đến lão ataman thuê đoan âm thì tao sẽ làm thế nào không? Không biết hả? Tao sẽ nói rằng mày muốn dìm chết tao! Và tao sẽ khóc. Thế là người ta sẽ thương tao và không bỏ tù tao! Mày hiểu chưa?

Thoạt tiên, tôi muốn coi đó chỉ là câu đùa, nhưng hồi ời, hắn đã làm cho tôi tin rằng ý định âm là thực. Hắn nói đứng đắn và rõ ràng, khiến tôi tin chắc như thế, đến nỗi đáng lẽ phải nổi khùng lên về thái độ trơ

tráo ngậy thơ của hắn, tôi lại cảm thấy tràn đầy lòng thương sâu sắc đối với hắn. Ta có thể có cảm giác nào khác trước một con người vừa có nụ cười rất trong sáng, vừa bằng giọng rất dối thành thật, kể với ta về việc hắn định giết ta? Ta sẽ làm gì hắn nếu hắn coi hành động đó như một trò đùa thú vị, hóm hỉnh?

Tôi hăm hở chứng minh cho Sakrô thấy dự định đó của hắn vô luân biết chừng nào. Nhưng hắn bác bỏ tôi một cách rất giản dị, bảo rằng tôi không hiểu cái thế của hắn, tôi quên rằng hắn dùng giấy thông hành của người khác và người ta sẽ không khen hắn về chuyện đó...

Bỗng nhiên, trong đầu tôi nảy ra một ý nghĩ tàn nhẫn...

— Khoan đã, — tôi nói, — mày tin rằng tao định dìm chết mày thực ư?

— Không!.. Khi mày đẩy tao xuống nước thì tao tin như thế, nhưng khi chính mày cũng nhảy xuống thì tao không nghĩ thế nữa.

— Lạy Chúa! — tôi kêu lên. — Ít ra tao cũng cảm ơn mày về cái đó.

— Không, đừng nói cảm ơn! Tao phải cảm ơn mày mới đúng. Lúc bên đồng lửa, mày rét, tao cũng rét... Cái áo khoác là của mày, mày không lấy dùng. Mày hong khô rồi đưa cho tao. Mày không lấy cái gì cho mày cả. Vì thế tao cảm ơn mày. Mày rất tốt, tao hiểu. Bao giờ đến Tiplít, mày sẽ được đền đáp về tất cả những cái đó. Tao sẽ dẫn mày đến bờ tao. Tao sẽ nói với bờ tao: đây mới là con người! Hãy cho nó ăn, cho nó uống. Còn con thì chỉ đáng ra ở chuồng lừa thôi. Tao sẽ nói như thế đây! Mày sẽ ở nhà tao, giữ chân làm vườn cho tao, mày sẽ uống rượu nho, ăn thả cửa! A-a-a! Mày sẽ sống sung sướng. Rất thoải mái!.. Mày sẽ ăn chung mâm chung chén với tao!..

Hắn nói lâu và tỉ mỉ, vẽ ra trước mắt tôi cái thú vị của cuộc sống mà hắn định thu xếp cho tôi ở Tiplít. Còn tôi vừa nghe hắn nói vừa nghĩ tới nỗi khổ vô cùng của những người vũ trang bằng một đạo đức mới,

những mơ ước mới, đơn độc tiến lên phía trước và gặp trên đường những người bạn đường xa lạ với họ, không hiểu được họ... Cuộc sống của những con người cô đơn ấy nặng nề biết bao! Họ tách khỏi mặt đất, lơ lửng trên không trung... Nhưng họ bay đi, như những hạt giống tốt, tuy ít khi họ gặp miếng đất tốt...

Trời rạng sáng. Xa khơi, biển đã lấp lánh ánh vàng pha sắc hồng.

— Tao buồn ngủ! — Sakrô nói.

Chúng tôi dừng chân. Hấn nằm vào cái hồ mà gió xoáy hồm xuống trong cát khô ở cách bờ không xa, cuộn kín cả đầu lẫn mình trong chiếc áo khoác, lát sau đã ngủ thiếp đi. Tôi ngồi cạnh hấn và nhìn ra biển.

Biển sống cuộc sống phóng khoáng, đầy hoạt động mãnh liệt. Sóng âm âm cuộn vào bờ, vỡ tan trên cát, cát thấm nước rít lên khe khẽ. Những đợt sóng tiên phong, ngọn trắng xóa phập phới như bươm bướm, âm âm xô ngực vào bờ và bị đánh lùi, nhưng liền đó đã có những làn sóng khác tới tiếp sức. Chúng ôm chặt lấy nhau, đẩy bọt và bụi nước, lại cuộn cuộn xô đập vào bờ, vì muốn mở rộng cuộc đời của mình. Từ chân trời đến bờ, trên khắp mặt biển, những làn sóng mềm mại và mạnh mẽ ấy nảy sinh và luôn luôn tiến lên, tiến lên cả khối dày đặc, gắn bó chặt chẽ với nhau vì một mục đích duy nhất... Mặt trời mỗi lúc một rọi sáng các ngọn sóng, những con sóng xa ở chân trời đỏ thắm như máu. Dường như được cổ vũ bởi một mục đích có ý thức cả khối nước gồng đạt tới đích bằng những đợt tấn công rộng lớn, nhịp nhàng và trong cái chuyển động khổng lồ đó, không giọt nước nào tan biến đi mà không để lại dấu vết gì. Những đợt sóng tiên phong hăng hái nhảy lên bờ biển vắng lặng, sự dũng cảm đẹp đẽ của chúng mới hấp dẫn làm sao, và thật là thú vị khi được thấy biển rộng bao la bình tĩnh và nhất trí tiến theo chúng, biển hùng mạnh, ngời lên đủ sắc cầu vồng dưới ánh sáng và đầy ý thức về vẻ đẹp và sức mạnh của mình...

Từ sau mũi đất, một chiếc tàu đồ sộ rẽ sóng nhô ra

và trông tránh một cách oai vệ trên ngực biển xao xuyến, lướt trên ngọn những con sóng điên cuồng xô vào thành tàu. Con tàu đẹp và khỏe, lấp lóe ánh kim loại dưới ánh mặt trời, vào lúc khác có lẽ nó có thể gọi cho ta nghĩ đến tài năng sáng tạo đáng tự hào của những người bắt lực lượng tự phát của thiên nhiên phải phục tùng mình... Nhưng nằm ngay cạnh tôi là một con người mà bản thân nó là một lực lượng tự phát của thiên nhiên.

VII

Chúng tôi đi trong tỉnh Técxcơ. Sakrô đầu tóc bù xù, rách như tổ đĩa và nom dữ như quỷ, tuy bây giờ hấn không đói nữa, vì chúng tôi đã có đủ việc làm. Nhưng hấn không làm nổi một việc gì. Có lần, hấn thử đứng gần cái máy đập để gậy rơm, nhưng mới có nửa buổi hấn đã bỏ cuộc vì không quen dùng cào, nên hai tay đều sây sướt, đầm máu. Lần khác, chúng tôi đánh bụi cây, và cái cuộc của hấn làm hấn trợt cả da cổ.

Chúng tôi đi khá chậm. — Hai ngày làm, một ngày đi. Sakrô ăn không có chừng mực nào hết, vì hấn háu ăn quá, nên tôi không sao dành dụm được đủ tiền để mua cho hấn lấy một cái quần hay cái áo nào nữa. Tất cả y phục của hấn chỉ là một loạt những lỗ thủng đủ các hình dạng nối qua quýt với nhau bằng những mụn vải nhiều màu.

Có lần, ở một làng nọ, hấn lầy trộm ở bị của tôi năm rúp mà tôi phải khó khăn lắm mới dành dụm được và vẫn giữ kín không cho hấn biết. Tối đến, hấn trở lại nơi tôi làm thuê ở vườn rau: hấn say rượu, lại dắt theo mụ đàn bà Côđắc béo phịch phịch. Mụ chào tôi bằng những lời như sau:

— Chào người, tên tà giáo đáng nguyên rủa!

Ngạc nhiên vì cái tên mụ gán cho tôi, tôi hỏi mụ tại sao tôi lại là kẻ tà giáo, mụ trả lời thẳng tuột như thế này:

— Là bởi vì người cầm gã trai này yêu đàn bà, đồ

quí ạ! Luật pháp cho phép thế, người cầm người ta thế nào được?... Quân vô đạo!..

Sakrô đứng cạnh mộ và gật đầu tán thành. Hắn đã say mềm, mỗi lần cử động là toàn thân hắn lắc đảo, ngật ngưỡng. Mồi dưới hắn trĩu xuống. Cặp mắt đục lờ của hắn nhìn chăm chăm vào mặt tôi, ngây ngây dại dại.

— Này, làm sao người cứ trở mặt ra nhìn chúng ta thế? Đưa trả tiền cho anh ta! — mộ đàn bà tảo tợn hét lên.

— Tiền nào? — tôi sùng sốt.

— Trả đi, trả đi! Không thì ta lôi người vào cảnh sát. Trả lại trăm rưỡi rúp mà người lấy của anh ta ở Ôđétxa đi!

Tôi biết làm thế nào bây giờ? Con quỉ cái say rượu này có thể lôi tôi đến cảnh sát thực chứ không chơi, và khi đó, bọn chức việc trong làng vốn rất nghiêm khắc với những kẻ lang thang, sẽ bắt giữ chúng tôi. Ai biết được sự thế sẽ ra sao, nếu tôi và Sakrô bị bắt? Thế là tôi bèn dùng mưu đánh lừa mộ, điều đó cô nhiên cũng không đến nỗi khó khăn lắm. Đại khái là với ba chai rượu tôi đã dẹp yên được mộ. Mộ ngã vật xuống đất giữa đồng dừa hầu và ngủ thiếp đi. Tôi cũng dìu Sakrô nằm xuống, rồi sáng hôm sau, chúng tôi rời khỏi làng, bỏ mặc mộ với đồng dừa.

Khật khừ vì hôm trước nốc nhiều rượu, mặt phờ phạc và sừng húp lên, Sakrô chồm chồm lại khạc nhổ và thở dài thườn thượt. Tôi thử nói chuyện với hắn, nhưng hắn không đáp lại, chỉ lắc lắc cái đầu bù xù như con cừu.

Chúng tôi lần theo con đường mòn nhỏ hẹp, trên đường có những con rắn màu đỏ bò lung tung khắp nơi, lượn ngoằn ngoèo dưới chân. Cái im lặng bao trùm cảnh vật đưa chúng tôi vào trạng thái mơ màng, buồn ngủ. Theo sau chúng tôi, từng đám mây đen trôi chậm chậm. Chúng nhập vào nhau, phủ kín góc trời sau lưng chúng tôi, nhưng ở phía trước trời còn sáng, tuy đã có những mảng mây lọt vào và hăm hờ phóng như bay như biển, vượt lên trước, không rõ là đi đâu.

Xa xa, sấm động ù ù, tiếng sấm cầu kính mỗi lúc một gần. Bắt đầu có giọt mưa. Cỏ ngán lên lạnh lạnh như tiếng kim loại.

Chúng tôi không có chỗ nào trú. Trời sấm tối, tiếng cỏ loạt xoạt càng to hơn, nghe như sợ hãi. Một tiếng sấm vang động, mây giạt mình sợ hãi, lóe lên ánh lửa xanh lè. Mưa to đổ xuống như thác. Sấm bắt đầu đổ liên hồi, không ngớt găm thét trên thảo nguyên hoang vu. Cỏ bị gió mưa đập vùi, uốn rạp xuống đất. Mọi vật đều run rẩy, lo sợ. Chớp lóa mắt, xé tan mây... Xa xa, trong ánh chớp xanh, đứng lên một dãy núi trắng bạc lạnh lẽo, lấp lánh ánh lửa xanh. Khi chớp tắt, dãy núi biến mất, như sụt xuống cái vực tối đen. Mọi vật găm vang, run rẩy, xô đẩy những âm thanh này và sinh ra những âm thanh khác. Có thể nói là trời đục ngầu và giận dữ, phụt lửa, gột sạch bụi bặm và mọi thứ nhơ nhớp từ mặt đất bốc lên làm nó vậy bản, còn đất dường như run sợ trước cơn giận của trời.

Sakrô ư ư như con chó kinh hoàng. Còn tôi cảm thấy vui, tôi thấy mình vươn lên cao hơn cái tầm thường hàng ngày trong lúc ngắm nhìn cảnh đồng bão náo nùng và hùng tráng này trên thảo nguyên. Cảnh tôi bởi kỳ diệu lôi cuốn tôi, làm cuộn lên trong tôi dòng máu nóng anh hùng, đưa tâm hồn tôi vào một nhịp điệu hài hòa dữ tợn...

Và tôi muốn góp phần vào sự hài hòa đó, tôi muốn có cách nào biểu lộ niềm khâm phục tràn ngập lòng tôi trước sức mạnh ấy. Ngọn lửa xanh trùn lấp bầu trời dường như cũng cháy lên trong ngực tôi, và tôi làm thế nào biểu lộ niềm xúc động mãnh liệt và sự khoái trá của tôi? Tôi cất tiếng hát — gào thật to. Sấm găm, chớp lóe, cỏ xạc xào, còn tôi hát, tự cảm thấy mình hoàn toàn thân thuộc với tất cả các âm thanh... Tôi hóa điên, điều đó có thể tha thứ được, vì nó không làm hại ai, ngoài chính bản thân tôi. Bão trên biển và đông tố trên thảo nguyên! Tôi chưa từng thấy hiện tượng nào hùng vĩ hơn trong thiên nhiên.

Vậy là tôi đã hét lên, tin chắc rằng mình chẳng làm

phiền ai và chẳng khiến ai phải kịch liệt công kích hành động đó của mình. Nhưng bỗng nhiên, có ai kéo mạnh hai chân, và tôi ngã ngối xuống vũng nước...

Sakrô nhìn thẳng vào tôi, mắt nghiêm nghị và giận dữ.

— Mày điên à? Không điên đây chứ? Không thật chứ? Thế thì i-i-im đi! Đừng có gào lên! Tao xé họng mày ra đây! Hiểu chưa?

Tôi sửng sốt, và trước hết, tôi hỏi hắn là tôi làm phiền gì hắn.

— Mày làm tao sợ! Hiểu chưa? Sấm gấm vang, tức là Chúa trời nói, thế mà mày gào lên... Mày nghĩ thế nào mà làm thế?

Tôi bảo hắn là tôi có quyền hát nếu tôi muốn, cả hắn cũng thế.

— Nhưng tao không muốn!—hắn nói dứt khoát.

— Thế thì mày đừng hát!—tôi đồng ý.

— Cả mày cũng không được hát!—Sakrô nói một cách nghiêm khắc.

— Không, tao cứ...

— Nghe đây, mày nghĩ thế nào hả?—Sakrô nói, vẻ giận dữ.—Mày là cái thá gì? Mày có nhà cửa không? Mày có mẹ không? Có bố không? Có họ hàng thân thích không? Có ruộng đất không? Mày là cái gì trên mặt đất này? Mày tưởng mày là một con người đây à? Chính tao mới là con người. Tao có tất cả mọi thứ!—Hắn vỗ vào ngực.—Tao là vị công tước. Còn mày...mày chẳng là cái quái gì hết! Chẳng có gì hết! Tao thì cả vùng Kutaixi và Tiphlít người ta đều biết tao!.. Hiểu không? Mày đừng có làm trái ý tao! Mày phục vụ tao hả? Rồi mày sẽ được vừa lòng! Tao sẽ trả công cho mày gấp mười! Mày có làm như thế cho tao không! Mày không thể làm cái gì khác. Chính mày nói là Chúa bảo phải phục vụ mọi người mà không cần ai thưởng công! Nhưng tao sẽ thưởng công cho mày! Tại sao mày lại làm khổ tao? Mày định làm tao sợ phải không? Mày muốn cho tao cũng như mày chứ gì? Như thế là không tốt! Không tốt! Hừ!..

Hắn nói, chép môi, phì hơi, thở dài... Tôi nhìn vào mặt hắn, há hốc mồm ngạc nhiên. Rõ ràng hắn đã trút ra tất cả những gì chất chứa lại trong chuyên đi, tất cả những nỗi tức giận bức bối và bất mãn đối với tôi. Để cho lời nói của mình hùng hồn hơn, hắn gi ngón tay vào ngực tôi, lắc vai tôi, và tới những chỗ đặc biệt mạnh trong bài diễn văn của hắn, hắn xô cả người vào tôi. Mưa xối nước xuống người chúng tôi, trên đầu sấm ầm ầm không ngớt, và muốn cho tôi nghe rõ, Sakrô phải gân cổ lên mà hét.

Tình thế bi hài kịch của tôi đã quá rõ, khiến tôi phải phá lên cười...

Sakrô nhổ bọt, quay đi.

VIII

...Chúng tôi càng đến gần Tiphlít thì Sakrô càng trở nên dăm chiêu và cau có. Có cái gì mới mẻ trên khuôn mặt gầy rộc nhưng vẫn trơ trơ của hắn. Cách Vladikápkađơ không xa, chúng tôi lại vào một làng Tséckexơ và xin được việc bẻ ngô thuê.

Người Tséckexơ gần như không bao giờ nói tiếng Nga, luôn luôn chế nhạo và chửi chúng tôi bằng tiếng của họ. Làm được hai hôm, chúng tôi quyết định rời khỏi làng, hoảng sợ vì thái độ thù địch ngày càng tăng của dân làng đối với chúng tôi. Đi khỏi làng chừng độ mười vécxta, Sakrô bỗng rút ở trước ngực ra một tấm sa mỏng và đưa cho tôi xem với vẻ đặc chí, kêu lên:

— Không cần làm việc nữa! Ta bán nó đi là mua được đủ mọi thứ. Đủ tiền đến Tiphlít! Hiểu không?

Tôi giận điên lên, giằng lấy tấm sa, vứt sang bên đường và nhìn về phía sau. Người Tséckexơ không thích đùa. Trước đó ít lâu, người Côđắc kể cho chúng tôi câu chuyện thế này: một gã chân đất làm thuê ở một làng nọ, khi đi đem theo cái thìa sắt. Người Tséckexơ đuổi kịp hắn, lục soát, tìm thấy trong người hắn cái thìa, dùng dao găm mổ bụng hắn, nhét cái thìa vào sâu trong vết thương, rồi điềm nhiên bỏ đi, để mặc

hắn giữa thảo nguyên. Khi người Côđắc nâng hắn dậy thì hắn đã gần chết. Hắn kể cho họ nghe câu chuyện ấy và chết ở dọc đường, trong lúc được đưa về làng. Người Côđắc đã nhiều lần nghiêm khắc báo cho chúng tôi biết phải đề chừng người Tséckexơ bằng cách kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện bổ ích đại loại như thế. Tôi không có lý do gì không tin họ.

Tôi nhắc Sakrô điều đó. Hắn đứng trước mặt tôi nói và bỗng nhe răng ra, nheo mắt, lẳng lặng xông vào chộp lấy tôi như con mèo. Khoảng năm phút chúng tôi nện nhau cẩn thận, và cuối cùng Sakrô giận dữ thét lên:

— Thôi!..

Chúng tôi nhọc lữ, im lặng hồi lâu, ngồi đối diện nhau... Sakrô nhìn về phía tôi vừa ném tấm vải ăn cắp, về mặt đèn thăm hại và nói:

— Tại sao chúng ta lại đánh nhau nhỉ? Sao thế hở?... Thật là dớ dẩn. Tao có ăn cắp của mày đâu? Mày tiếc à? Tao thương mày nên tao mới ăn cắp... Mày làm việc, tao không biết làm... Vậy tao phải làm gì? Tao muốn giúp mày.

Tôi thử giải thích cho hắn hiểu ăn cắp là thế nào.

— Thôi xin ông im đi cho! Đầu ông cứ như gỗ ấy...—hắn tỏ vẻ khinh bỉ tôi và giảng giải:—Bao giờ sắp chết rồi, ông mới ăn cắp chứ gì? Rõ chán! Sông thế mà sông à? Thôi, im đi!

Sợ lại làm hắn nổi cáu, tôi im lặng. Đây là lần thứ hai hắn ăn cắp. Hồi trước, khi chúng tôi ở vùng Hắc Hải, hắn đã xoáy của những người đánh cá Hy Lạp chiếc cân bỏ túi. Lần đó chúng tôi cũng suýt choáng nhau.

— Thế nào, ta lại đi chứ?—hắn nói, khi cả hai chúng tôi đã bình tâm, làm lành với nhau và nghĩ đã lại sức.

Chúng tôi lại lên đường. Càng ngày hắn càng ử rữ và nhìn tôi bằng con mắt lạ lẫm, lăm la lăm lét. Có lần, khi chúng tôi đã vượt qua đèo Đarian và đang xuống dốc núi Gudaua, hắn nói:

— Một hai ngày nữa chúng ta sẽ đến Tiphlít. Tsê,

tsê!—hắn chặc lưỡi và mặt mày hớn hờ.—Tao sẽ về nhà: con đi đâu? Con đi du lịch! Tao sẽ vào nhà tắm... a-ha! Tao sẽ chén thật nhiều... Chà, thật là nhiều! Tao sẽ nói với mẹ tao: con thèm ăn lắm! Tao sẽ nói với bố tao: bố tha thứ cho con! Con đã qua nhiều cảnh khổ, con đã thấy cuộc đời đủ hình đủ vẻ! Bọn chân đất là loại người rất tốt! Khi nào gặp gã chân đất, tao sẽ cho nó một rúp, tao sẽ dẫn nó ra quán ăn, báo nó: uống rượu đi, chính tao cũng đã từng là thằng chân đất đây! Tao sẽ nói với bố tao về mày. Đây mới là con người: hắn đối xử với con như anh cả... Hắn dạy dỗ con. Hắn cũng đã đánh con, thằng chó!.. Hắn nuôi con. Bây giờ bố phải nuôi hắn để trả ơn hắn, tao sẽ nói thế. Phải nuôi hắn một năm. Một năm, thế đây! Mày nghe thấy chứ, Mắcxim?

Tôi thích nghe hắn nói như thế, những lúc ấy, hắn có vẻ chật phác và trẻ thơ. Những lời lẽ như thế còn làm tôi thích thú vì ở Tiphlít tôi chẳng có ai quen biết, mà mùa đông sắp đến nơi rồi; ngay trên núi Gudaua chúng tôi đã gặp bão tuyết. Tôi cũng có phần hy vọng ở Sakrô.

Chúng tôi đi nhanh. Mortsokhét—thủ đô cũ của Ibêria¹, đây rồi. Ngày mai chúng tôi sẽ đến Tiphlít.

Từ xa, cách chừng năm vécxta, tôi đã thấy thủ đô của Kápkado nằm kẹp giữa hai quả núi. Thế là kết thúc chuyến đi! Tôi sung sướng vắn vợ, Sakrô thì thần nhiên. Hắn giương cặp mắt ngây dại nhìn về phía trước và nhỏ toẹt toẹt—hắn đói quá, nước miếng cứ ứa ra—và chốc chốc hắn lại ôm bụng, nhăn nhó kêu đau. Hắn đã liêu lĩnh ăn nhiều cà rốt sống nhỏ ở dọc đường.

— Mày thử nghĩ xem, tao là một gã quý tộc Grudia, tao có thể vào thành phố của tao giữa ban ngày ban mặt mà ăn mặc rách rưới bẩn thỉu thế này được không? Khô-ông!.. Ta phải đợi đến tối. Dừng lại!

Chúng tôi ngồi dưới chân tường một tòa nhà bỏ

¹ Tên cũ của Grudia.

không, mỗi đũa cuốn một điều thuốc lá cuối cùng, run lên vì lạnh và hút thuốc. Từ phía Đường quân sự Grudia, gió mạnh thốc từng cơn dữ dội. Sakrô ngối huýt sáo qua kẽ răng một bài buồn rầu... Tôi nghĩ tới một căn phòng ấm và những ưu thê khác của cuộc sống định cư so với cuộc sống nay đây mai đó.

— Ta đi thôi!— Sakrô đứng dậy, vẻ mặt quả quyết.

Trời tối hẳn. Thành phố đã lên đèn. Thật là đẹp: từ nơi nào không rõ, những đốm đèn nổi đuôi nhau, dần dần nhảy vào bóng tối đang bao trùm thung lũng, nơi thành phố ẩn náu.

— Này, đưa cho tao cái mũ bồ đài để tao che mặt... Không thì những người quen họ nhận ra tao, có thể là...

Tôi đưa cho hắn cái mũ. Chúng tôi đi trên phố Ônghinxkaia. Sakrô huýt sáo một điệu gì kiên quyết.

— Mắcxim! Mày thấy cái ga xe điện gần cầu Vêrixki kia chứ? Cứ ở đây đợi tao! Đợi nhá! Tao ghé vào một nhà, hỏi một người bạn về bồ mẹ tao...

— Mày đi không lâu chứ?

— Tao trở lại ngay! Một lát thôi.

Hắn lao nhanh vào một ngõ hẻm tăm tối và biến mất— biến mãi mãi.

Tôi không bao giờ còn gặp con người ấy nữa, người bạn đường trong ngót bốn tháng của đời tôi, nhưng tôi thường nhớ đến hắn với một tình cảm tốt lành và tiếng cười vui vẻ.

Hắn đã dạy tôi nhiều điều không thể tìm thấy trong những pho sách đồ sộ do các nhà thông thái viết nên—bởi cái túi khôn của cuộc sống bao giờ cũng sâu rộng hơn cái túi khôn của người đời.

1894

Phạm Mạnh Hùng dịch



Iuri Kadakóp

Sinh năm 1927, mất năm 1982. Bắt đầu in từ 1952. Các truyện ngắn và bút ký của ông tập hợp lại trong các tuyển tập «Manca» (1958), «Ở một ga xép» (1959), «Trên đường» (1961), «Xanh da trời và xanh lá mạ» (1963), «Đôi bạn trong tháng Chạp» (1967), «Nhật ký phương Bắc». Các truyện ngắn đã được dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, in ở Mỹ, Anh, Pháp, Italia, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Dân chủ Đức và nhiều nước khác.

TÉTĐI

Truyện một con gấu

1

Người ta đặt tên cho con gấu nâu to lớn là Tétđi. Các con thú khác cũng có tên, nhưng Tétđi không thể nhớ được những cái tên ấy và thường lẫn lộn, chỉ có biệt hiệu của mình là nó biết chắc chắn, lần nào nó cũng đáp lại và đến chỗ có người gọi và làm những gì người ta bảo làm.

Cuộc sống của nó thật tẻ nhạt. Nó làm việc ở rạp xiếc, đã lâu lắm rồi, đến nỗi chẳng còn tính được là bao nhiêu ngày nữa. Theo thói quen người ta giữ nó

trong chuồng, mặc dù nó đã cam phận từ lâu và chẳng cần giữ nó trong chuồng. Nó thờ ơ với mọi sự đời, chẳng bận tâm đến chuyện gì hết và chỉ mong người ta để nó yên. Nhưng nó là một diễn viên kì cựu, dày dặn kinh nghiệm và người ta chẳng để nó yên.

Buổi tối nó được đưa ra sân khấu xiếc rực sáng ánh đèn, ở giữa có một người cao lớn mặt trát đầy phấn thông thả đi đi lại lại. Người ấy mặc chiếc quần trắng, đi đôi ủng đen mềm mại và mặc chiếc bludông màu tím phía trước có đính dải băng vàng chóc. Cả chiếc quần, cả chiếc áo, và khuôn mặt lãnh đạm nhợt nhạt của con người ấy luôn luôn gây cho Tétđi một ấn tượng mạnh mẽ. Nhưng con gấu sợ nhất đôi mắt ông ta.

Lâu rồi, vào thời trai trẻ của mình, Tétđi đã mấy lần nổi loạn, sự nổi loạn đáng sợ của loài thú. Nó xông lên rầy rĩ, giật chân song chuồng, và chẳng có biện pháp nào dù là khắc nghiệt nhất có thể làm nó chịu yên. Nhưng người có khuôn mặt nhợt nhạt đến đứng cạnh chuồng, nhìn Tétđi, và dưới ánh mắt của người ấy, lần nào con gấu cũng ngoan ngoãn im lặng và một giờ sau đã chịu để cho người ta dẫn đi diễn tập.

Bây giờ Tétđi đã không còn nổi loạn và ngoan ngoãn làm đủ mọi thứ trò vụng về và vô dụng, thường là chẳng thú vị chút nào. Và người mặc quần trắng không còn đưa mắt dọa nó nữa, còn khi nói về con gấu thì ông ta gọi nó là «Tétđi già tốt bụng», chứ không gọi cách nào khác, và giọng ông ta đầy trù mến.

Tétđi mang chiếc rọ mõm bằng da bước ra sân khấu xiếc, cúi chào khán giả, họ ồn ào vui sướng đón chào nó. Người ta đưa cho nó chiếc xe đạp, nó quàng một căng qua yên xe, đẩy và nhân mạnh bàn đạp, ghì chặt lấy tay lái, đạp xe vòng quanh sân khấu. Tiếng nhạc vang lừng, còn khán giả cười vỗ tay.

Nó còn biết làm mấy trò vui nữa: đi bằng quả cầu lớn, chân chuyển nhanh thoăn thoắt, trèo lên và giữ thăng bằng trên một thanh kim loại mỏng, dùng hai chân trước có đeo găng đấu với một con gấu khác. Tétđi không có tính hài hước, nói cho đúng hơn, tính

hài hước của nó thuộc loại khác, đây là tính hài hước của loài thú, và nó không hiểu được tại sao khi nó ghê tởm làm những trò bất tiện và chẳng hay ho gì của nó thì mọi người lại vui vẻ đến thế.

Đêm đêm con gấu thường không ngủ. Ngọn đèn nhỏ ở hành lang sáng mờ mờ, ông già gác chuồng ngày âm âm, từ chỗ ông luôn luôn tỏa ra một thứ mùi ngon lành. Các con thú găm gừ và rít lên trong mơ. Từ các ngăn chuồng tỏa ra mùi thú vật nồng nặc. Các xó tối om. Những con chuột cống trắng tráo chạy trên sàn, đứng lên bằng hai chân sau, tạo nên những bóng đen dài ngoẵng.

Suy nghĩ và găm gừ một lát, Tétđi bắt đầu tự trang điểm. Nó nhịp nhàng liềm rất lâu căng chân và bụng, còn khi chân và bụng đã trở nên ướt và dính, nó bắt đầu liềm sườn và lưng. Nhưng liềm lưng chẳng phải là dễ dàng, một lúc sau nó đã mệt và đắm chìm trong những ý nghĩ buồn rầu.

Nó hồi tưởng lại tuổi thơ của mình và nhớ đến mẹ, một con gấu cái đẹp để có căng chân mềm mại và cái lưỡi dài nóng hổi. Nhưng Tétđi chẳng còn nhớ mấy về thời thơ ấu, nó chỉ nhớ con suối nhỏ với đôi bờ cát vàng, cát mịn và nóng. Nó còn nhớ cả vị chua chua ngọt ngọt của kiền mà từ hồi ấy đến giờ nó vẫn chưa có dịp nếm lại.

Nó cũng nhớ cả những bữa ăn ngon mà thỉnh thoảng người ta cho ăn ở rạp xiếc. Có lần một con lừa nhỏ bị ốm, suốt đêm rên hừ hừ trong chuồng, sáng ra thì lặng im. Những người mặt mày cau có đến mang con lừa đã chết đi đâu không rõ. Buổi chiều người ta mang đến cho Tétđi không phải là món xúp kiểu mạch như mọi khi, mà cả một chậu thịt ninh thơm phức, và ngày hôm ấy đúng là ngày hội đối với nó.

Nó còn nghĩ về nhiều thứ, những hình ảnh nào đó đến với nó, sự tức giận và nổi đảng cay đôn nén trong ngực, nó muồn găm lên, đi dẫu dầy và làm một cái gì theo bản năng của loài thú, và nó thở dài vang động

suốt đêm, còn hôm sau nó đặc biệt uể oải, cau có và miễn cưỡng đi diễn tập.

2

Có lần đoàn xiếc đi đâu rất xa bằng tàu hỏa. Cả Tétđi cũng đi. Trong đời mình Tétđi đã đi nhiều đến nỗi chẳng có gì làm nó ngạc nhiên và nó chỉ không ưa mùi xăng bốc lên từ ô tô.

Mọi việc diễn ra cũng như mọi khi. Ở ga người ta kéo những chuồng có nhốt thú vào các toa xe, người ta quất tháo, chửi rủa, đóng đinh cái gì đó, nói chung là gây ra nhiều tiếng ồn. Cuối cùng những cánh cửa đóng sập lại, lát sau mọi vật rung lên và lắc lư đều đều, và tự dưng cơn buồn ngủ cứ kéo đến. Hai ngày rung và lắc lư, sau đó ngừng hẳn. Khi người ta mở cửa và bắt đầu đưa những chuồng thú ra khỏi toa xe và xếp lên ô tô, xung quanh cảnh vật đã thay đổi và mùi mẽ cũng khác, nhưng cái đó không làm Tétđi ngạc nhiên.

Người ta quyết định cho các con thú ăn trước khi chở đi tiếp. Người phục vụ đến, dọn chuồng, sau đó mang thức ăn tới. Ông ta tống vào chuồng Tétđi một ít khoai tây luộc, bánh mì và một chậu con cháo kiểu mạch, rồi nhãng đi vì một việc gì đó, ông ta bỏ đi, quên đóng cửa chuồng.

Con gấu không để ý đến cánh cửa mở, ăn hau háu khoai tây và cháo kiểu mạch và thậm chí còn hơi lười nhầu, nó đói quá chừng. Chén xong và liếm mép, theo thói quen nó đẩy các thứ đựng đồ ăn tới gần cửa và bỗng nhận thấy cửa không đóng. Nó ngạc nhiên vô cùng, thò đầu ra ngoài nhìn đây nhìn đó, ngáp, trở lui và nằm xuống, mắt nhắm lại. Nhưng một phút sau nó đứng dậy và lại thò đầu ra ngoài. Nó đánh hơi, nhìn quanh, dường như nhớ lại điều gì, suy nghĩ một lát, lại thò đầu ra và nhảy từ ô tô xuống đất. Nó khoan khoái vươn vai và bắt đầu tò mò đi vòng quanh ô tô.

Lúc này người lái xe đi đến gần ô tô. Anh ta kẹp dưới nách chiếc mũ lưỡi trai và nhai cái gì không rõ.

Gió thổi từ phía anh ta, Tétđi đánh hơi thấy mùi giò và tiên lại gặp. Trông thấy con gấu, người lái xe gùm nhai và chết lặng đi. Tétđi đứng lên bằng hai chân sau và găm gù âu yếm. Thấy vậy người lái xe vội quay người lại, đánh rơi chiếc mũ và ba chân bốn cẳng chạy về phía ngôi nhà thấp và dài, trên cửa có treo tấm biển gì đó.

— Cứu tôi với! — anh ta hoảng hốt gào lên.

Tétđi hạ hai chân trước xuống và để phòng xa, nó lách đi. Thậm chí nó còn quay trở lại để chui vào ngăn chuồng quen thuộc, nhưng từ ngôi nhà mọi người đã đổ ra và quất tháo nó bằng những giọng hung tợn. Tétđi sợ hãi quay đầu lại, tìm trong số những người này một khuôn mặt quen thuộc, nhưng chẳng có khuôn mặt nào quen. Tétđi bắt đầu hoảng sợ và bỏ chạy. Nó lao qua chỗ những cọc buộc ngựa. Nhìn thấy nó lũ ngựa giật sang bên, hí lên. Tétđi cũng găm và rảo bước.

Nó chạy ngang qua vườn, nhảy qua hàng rào và băng qua cánh đồng về phía khu rừng xa. Nó phi hết tốc lực, tai đập lại, thở phì phì, lòng rộn lên niềm khoái chá chưa từng thấy. Chạy tới những bụi cây đầu tiên và thở không ra hơi, nó dừng lại và sợ hãi nhìn lại phía sau: không còn thấy nhà ga, không còn thấy người, ô tô cũng không, chỉ có cánh đồng trơ trụi và những mái nhà tối tăm xa xa.

Con gấu bắt đầu cảm thấy buồn, tự dưng nó lại muốn được trở lại rạp xiếc, được sống trong cái hành lang mờ tối, đêm đêm lắng nghe tiếng ngáy của người gác chuồng thú tỏa ra một thứ mùi ngon lành. Không dám trở về và găm gù khe khẽ, nó đứng lên bằng hai chân sau và lắc lư. Sau đây nó quay lại, ngấm ngấm khu rừng, phì hơi mấy lần để thông mũi, và bắt đầu đánh hơi. Mùi nhựa cây, mùi nấm bốc lên ngon lành, và còn rất nhiều mùi rộn rục nữa. Tétđi tiến về phía rừng. Nó từ từ len qua các bụi cây, và mỗi lần ra đến chỗ quang, nó lại nhìn quanh, hy vọng trông thấy người phục vụ hay người mặc quần trắng sẽ âu yếm

nói với nó: «Tétđi!» Nhưng chẳng có ai xuất hiện, chẳng có ai gọi nó, xung quanh vắng lặng, còn từ phía rừng tiếng gọi mãnh liệt mỗi lúc một rõ hơn. Và Tétđi vừa sợ hãi vừa tò mò, tiến vào rừng.

3

Tétđi không gặp may. Nó lọt vào khu vực rừng có người ở. Ở đây có một công trường khai thác gỗ, phần lớn diện tích khu rừng đã bị đốn, chốc chốc trong rừng lại có những vật khó coi đập ngay vào mắt: tuyến đường sắt hẹp, những đoạn dây cáp, những túm gié đâm dầu mỡ, những con đường mòn nhẵn, những phiến gỗ lát đường dội tiếng âm vang. Ở chỗ này hầu như không có chim chóc và thú vật, còn đâu đây vắng lại những âm thanh thù địch với rừng và phá tan sự yên tĩnh: tiếng động cơ ồn ào, tiếng kim loại va đập, tiếng còi tàu lạnh lạnh.

Rừng lạ lẫm khiến Tétđi bối ngỡ, và thoát đầu nó chỉ mong sao tìm gặp được người. Nhưng có cái gì ngăn cản nó đi về phía có tiếng máy chạy. Mọi thứ đều làm nó tức giận, nó không ăn, ít ngủ và rộc hẩn đi. Đôi lần nó bắt đầu làm những trò xảo thuật mà nó đã thuộc lâu với hy vọng một người nào đây sẽ đến với nó và cho nó ăn. Nó trồng cây chuối bằng hai chân trước, hai chân sau đập đập trên không, dường như đang lặn đi lặn lại quả cầu, và cứ thế nó đi vòng quanh bãi đất trống. Sau đây nó lộn nhào qua đầu, nhảy múa, «chết lặng đi» và, sông lại, rất hài lòng về mình, nó nhìn quanh, chờ đợi được thưởng món gì ăn. Nhưng chẳng thấy ai vui mừng, chẳng có ai khen nó, món xúp tâm kiều mạch kì diệu không hiện ra, và trong đôi mắt nhỏ bé của con gấu lộ rõ nỗi sùng sốt âu sầu. Cuối cùng, tuyệt vọng vì sự khó hiểu của rừng, nó muốn tìm đến với người, nhưng bỗng xảy ra một việc càng khắc sâu nỗi sợ hãi của nó đối với con người.

Một bận vào buổi sáng, khắp người ướt đầm

sương, Tétđi buồn bực đi vờ vẩn dưới đáy một cái khe, đào bới thứ cỏ gì đó và ăn.

Ngẩng đầu lên, bất ngờ nó bắt gặp luồng mắt của một người đứng ở phía trên. Tétđi ngạc nhiên và đứng lên bằng hai chân sau. Thậm chí nó còn học lên vì sung sướng. Nhưng người ấy không vui mừng và chẳng nói một lời nào na ná như «Tétđi!», điều mà con gấu mong đợi. Anh ta tái mặt, giật nhanh khẩu súng sẵn khỏi vai, nâng nó lên, một chớp lửa sáng lòe kèm theo tiếng nổ đinh tai, có cái gì quất vào tai Tétđi đau nhói, nó rùng lên, ngã ngửa ra và cảng chân khua loạn xạ. Con gấu găm lên vì đau, giận dữ và ngạc nhiên, còn con người thực hiện xong hành động độc ác của mình liền bỏ chạy, và lẫn trong tiếng găm của mình, Tétđi vẫn còn nghe tiếng chân anh ta giậm thành thịch vội vã và tiếng mọi cái kêu rảng rặc dọc theo đường đi của anh ta.

Lát sau Tétđi nổi giận điên cuồng và lao đầu chạy bạt mạng đuổi theo người ấy, nhưng anh ta đã kịp nấp kín hoặc chạy thoát, và Tétđi không thể nào tìm được anh ta. Từ đó, nó đâm ra sợ người và bắt đầu tìm kiếm ráo riết hơn những chỗ hẻo lánh.

Nhưng để đi vào chỗ hoang vắng, vào khu rừng thực sự, con gấu phải bơi qua sông, mà nó thì không biết bơi, và tình cảnh của nó càng tuyệt vọng hơn. Mấy lần nó ra sông, nhìn những khúc gỗ bập bênh trôi theo dòng nước, lòng rầu rĩ trở vào rừng.

4

Hai ngày đêm đã trôi qua như vậy. Đêm thứ ba Tétđi lại ra sông và sùng sốt đứng lại: một chiếc bè lớn ở giữa có căn nhà nhỏ được neo ở gần bờ. Trăng sáng vàng vạc, trên bờ có những căn nhà ván màu trắng với những ô cửa sổ đen ngòm, xung quanh không một bóng người không một tiếng động, chỉ có tiếng nước mơ màng róc rách giữa các súc gỗ của chiếc bè. Tétđi nhòm lên bằng hai chân sau và hấp háy mũi. Từ căn nhà gỗ trên bè, mùi bánh mì đen và khoai tây tỏa ra

ngon hết chịu nổi. Tétđi liếm mép và lắc lư trên hai chân sau. Vừa lắc lư, nó vừa căng đầu suy nghĩ.

Nó không dám đi đến chỗ có mùi thức ăn bốc ra, vì nó biết ở đây có những người căm ghét nó, và nó cũng căm ghét họ. Đôi tai đau không cho phép nó quên điều đó. Nhưng sức cảm dỗ mạnh đến mức con gấu sau một hồi loanh quanh trên bờ và thò chân dò dẫm dưới nước đã dừng lại ngay đối diện với căn nhà gỗ. Chà, mùi thơm mới mê li làm sao!

Chiếc bè không cập sát vào bờ, ở một chỗ có bậc tam cầu bên, nhưng vì sốt ruột Tétđi đã không để ý đến cái cầu bên ấy, nó xuống nước và loáng sau đã leo lên bè. Ngập ngừng bước trên các súc gỗ, con gấu đến gần căn nhà gỗ và đi vòng quanh. Từ phía bên trong vẳng ra tiếng ngáy âm âm. Tétđi nhớ đến người gác rạp xiếc và phân chân hẳn lên. Nó nhìn qua cửa sổ vào phía trong, nhưng chẳng thấy gì hết. Thế là nó mạnh dạn hé mở cửa và lách mình vào trong căn nhà gỗ, liền đó nó nuốt nước miếng ngon ngọt — mùi vải bọc chân, mùi bánh mì và khoai tây ngon lành quá. Bánh mì và khoai tây để ở trên bàn. Tétđi lại gần bàn, hất rơi chiếc đĩa âm âm dẫm hơi nước khỏi cái nồi gang, nó nghiêng nồi và găm gù, ngay lập tức bắt đầu vội vàng và hóc nghẹn nuốt bánh mì.

— Ê! — người nằm trên phản đã thôi ngáy, bỗng kêu lên. — Ai đây? Phêđya, cậu đây à?

Con gấu khuyu xuống vì sợ hãi, nhưng sau đây nó nổi xung, găm lên và đập cẳng xuống bàn. Cái nồi gang và đĩa rơi xuống sàn. Ngay lúc đó một cái gì chẳng giống con người chút nào lăn từ trên phản xuống, lồm cồm luồn qua cửa và chạy trên bè vào bờ.

Tétđi hiểu rằng tình thế gay rồi, nhưng nó vẫn tiếp tục ăn vội vã, nhai tóp tép, găm gù, rớt dãi chảy xuống sàn, nó biết rằng nó đang phạm một tội lớn chống con người.

Một phút sau, khi con gấu đã ăn xong chiếc bánh mì cuối cùng, trên bờ đã nghe rõ tiếng âm âm. Cần phải đi khỏi nơi này, nhưng con gấu vẫn chưa ăn no,

nó còn nhặt mấy củ khoai tây ở dưới sàn và sau đây không lần ra ngay được cửa. Khi đã lách ra khỏi cửa, nó trông thấy gần đây có rất nhiều người ở. Nhận ra con gấu, mọi người đồng loạt kêu lên, như khi ở ga, còn Tétđi lúng túng dừng lại. Đường vào bờ đã bị cắt đứt. Nó lao chềch sang bên, hy vọng nhảy qua rìa chiếc bè, nhưng một lửa dài đã lóe lên chặn đường nó và một tiếng súng nổ vang. Con gấu sợ hãi quay trở lui, vòng quanh căn nhà gỗ. Đám người chạy theo nó quây thành hình bán nguyệt và dồn nó tới mép chiếc bè. Lại một tiếng nổ ở phía sau, sượt trên các súc gỗ và một mảnh vỏ gỗ quật vào bụng con gấu. Nó găm lên, nhảy về phía trước và rơi tõm xuống nước, làm tóe lên cột tia nước trắng bạc dưới ánh trăng. Nó chưa hề bơi bao giờ, ngụp cả đầu xuống nước và sau khi ngoi lên, thoát đầu nó không biết nên như thế nào, nhưng bốn chân nó cứ vùng vẫy, nó dùng hết sức đập cẳng bồm bộp, vươn mũi lên trên, về phía các vì sao. Nước nhẹ nhàng cuốn nó xuôi dòng, đám đông ở lại trên bè vẫn còn tiếp tục la hét rất lâu, còn con gấu càng vùng vẫy càng mạnh hơn, hắt hơi, thò phì phì và ngêch mũi lên trên.

Bơi gần nửa giờ theo dòng nước âm và óng ánh như bạc, nó nhìn thấy ở ngay gần đây một khu rừng rậm rạp và đen. Đây không còn là khu rừng mà con gấu mới đi khỏi. Đây là khu rừng không có đường đi, không có cây bị dẫn và không có người ở.

Cắm thây phía dưới là đáy nước, Tétđi nặng nề leo lên bờ và dừng lại. Từ bộ lông của nó, nước tuôn chảy như suối. Ngoái lại nhìn, nó nhận thấy xa xa ở phía trên có những ánh lửa yếu ớt và một cái gì trắng trắng trong bóng tối và nó hiểu rằng chỗ ấy có người, những căn nhà gỗ và chiếc bè, rằng ở bờ sông bên ấy nguy hiểm và âm ỉ, còn ở đây yên tĩnh và tốt lành. Nhớ lại những phát súng và củ khoai tây để lại trên sàn trong căn nhà, nó găm gù một lúc, sau đó lắc mình vài lần và bò theo bờ dốc dựng đứng, tới chỗ những cây thông và những cây vân sam rất to và bất động.

Đây là một khu rừng lớn kéo dài hàng chục dặm về phía trên và phía dưới, dọc theo dòng sông. Hơn thế nữa, khu rừng còn lan về phía đông tới tận dãy Uran và về phía bắc tới tận đài nguyên. Rừng leo lên cả những ngọn đồi, đôi khi nhường chỗ cho những mặt hồ và những cánh đồng có những ngôi làng thưa thớt với những căn nhà gỗ hai tầng. Đây là mé rừng heo lánh, ít có người lai vãng, và đây thực sự là vùng tự do cho các loại thú và chim chóc.

Ở đây rất nhiều chó sói và cáo, sóc và thỏ, có hươu và linh miêu mắt vàng với cái nhìn bí hiểm. Ở đây có những chỗ hoàn toàn hoang vu không thể đi qua được, đầy đầy những thân cây đổ, bị bỏ lại trên mặt đất hết năm này qua năm khác, mục nát và lún dần xuống đất.

Ở đây đã xảy ra nhưng vụ hỏa hoạn, không rõ vì đâu, cứ như thể bỗng dưng mà cháy. Lửa tác oai tác quái trên những khoảng rộng lớn, nuốt hết rừng và cỏ, hàng nghìn con thú đã chết cháy. Ngọn lửa ào ạt đi qua và lui dần, cứ như thể tự nó yếu đi, để lại phía sau than đen, tro tàn, và lác đác những thân cây cháy xém.

Chẳng bao lâu trên lớp tro bắt đầu mọc lên lớp cỏ rậm rì, cứng và đỏ quạch, sau đó xuất hiện hắc mai và việt quất mọc trên các mô đất, cả những cây bạch dương và thông non nữa. Dọc theo rìa khu vực bị cháy mọc lên những bụi tầm xuân và mâm xôi và nơi bị cháy đã không còn là nơi hoang dại và đáng sợ đối với loài thú, mà đã trở thành một cái kho vô tận, nuôi dưỡng những con gà rừng ủ rũ, những con đà nhút nhát, những con gà lôi và thỏ. Hươu cũng đến đây và để lại những vết hõm sâu trong lớp rêu mềm trắng trắng.

Cuộc sống sôi động trong rừng không bị cuộc viếng thăm của con người làm u ám. Thực ra, ở đây diễn ra cuộc đấu tranh vĩnh cửu, ở đây ngự trị qui luật của nanh vuốt và có biết bao xương và lông vũ đã mục rữa

ở khắp các xó xỉnh trên miền đất tuyết vời vợi này! Nhưng cuộc đấu tranh nguy hiểm ở đây hoàn toàn không vô vọng như đấu tranh với con người.

Hỏa hoạn lăm lăm trong khu rừng này mới vang lên tiếng súng, và khi đã vang lên, thì nó ngân vang và lan đi rất lâu qua các ngọn đồi, bay ra tận sông, dội lại từ bờ bên kia và khi trở về thì đã yếu đi và kéo dài. Khi ấy những chú sóc đánh rơi những quả thông và leo tít lên ngọn cây, nhìn quanh với sự tò mò quá đỗi. Những con thỏ trong hang chồm dựng lên, nai đóng tai, nghe ngóng một lát và di chuyển không một tiếng động đi nơi khác, những con linh miêu thiếp đi trong các lùm cây, hé mở đôi mắt vàng dò dẫm và bốn chồn rũ những chùm quả mắc trên tai. Chỉ có chó sói quen với người hơn cả, chúng vút bỏ hết, như những bóng xám chạy lên cái gò gần nhất và đánh hơi rất lâu, vừa lo sợ vừa cố sức đón gió nắm bắt cái mùi đáng căm ghét của con người.

Nơi đây còn có nhiều mạch nước nhỏ rỉ rào; ngay cả những khi trời nóng đứng cạnh đây cũng mát lạnh. Bị cắt ngang bởi nhiều đầm phức bốn tứ và những bụi liễu nhỏ, các khe núi lở mờ rải rác đây đó, kéo dài một cách rắc rối cho mãi tới chỗ dòng sông. Bên khe, chồn cáo thích đào những cái hang phức tạp, còn những con cáo thì cũng trú ngụ trong các hang ngay cạnh suối.

Suốt đêm Tết đi đi lên phía Bắc theo hướng dòng sông, như thủy thủ theo hướng địa bàn. Nó sợ đi sâu vào trong rừng, rừng đầy đầy những bí ẩn, còn dòng sông đã thân quen biết bao, đã một lần cứu nó, và con gấu tin cậy dòng sông. Từ khắp các phía đưa lại những âm thanh và mùi vị mà nó cần phải phân biệt. Có một số cái rất quen thuộc. Hai lần dấu vết linh miêu cắt ngang đường của nó, và nó nhớ ngay tới con linh miêu ở rạp xiếc, mặc dù mùi con linh miêu này gắt hơn: những con thú bị nhốt bao giờ cũng có mùi nặng hơn.

Sau đây nó làm những con đa đa trú đêm trên một cành thấp của cây vân sam lớn hoảng sợ bay lên, và thoát đầu chính nó cũng hoảng sợ, nhưng nó trấn tĩnh rất nhanh khi hiểu rằng đây chẳng qua cũng chỉ là những con chim. Nó cũng nhận ra ngay dấu vết của cáo.

Nhưng cuối cùng sự phong phú của những ấn tượng mới buộc con gấu luôn luôn phải thận trọng lại làm nó mệt mỏi, nó chọn một chỗ khô ráo ở một cái khe nhỏ bên bờ có những cụm vân sam non che chắn, nằm xuống và thiếp đi đến sáng.

Thật kỳ lạ, con thú lớn này giờ đây lại hoàn toàn bất lực trong rừng. Bao nhiêu năm dài đằng đẳng nó đã trở nên xa lạ đối với rừng và đã quên mất một số điều ít ỏi mà nó đã kịp biết hồi thơ bé. Mọi bản năng mà thiên nhiên phú cho nó đều thiếp đi, và nó lúng túng khi gặp phải những điều hết sức nhỏ nhất, đòi hỏi phải có một hành động nào đó. Nó luôn luôn đói ăn, dạ dày đã quen ăn ngon và ăn no, bây giờ trở nên trống rỗng và cồn cào. Nhưng ở đây không có người phục vụ trong rạp xiếc hàng ngày vẫn cho nó ăn, nó cần phải tự tìm lấy thức ăn, mà lại không biết tìm như thế nào, không biết thứ gì ăn được.

Có lẽ, không sinh vật nào có thể cảm thấy và hiểu được như thú rừng rằng mẹ nghĩa là thế nào. Thú mẹ dạy con ăn nấp, đánh nhau, chạy trốn, nó dạy cho con hiểu ai là bạn và ai là kẻ thù. Nó biết ở đâu có việt quất và kiền, dâu đất, những rễ cây tươi mọng ngon lành, những hang chuột, cá và nhái. Nó biết ở đâu có nước trong mát, biết những nơi hoang vắng và những bãi trống chan hòa ánh nắng, có cỏ cao mềm mại. Nó biết những bí mật của mùi vị và của sự thay đổi chỗ ở. Và nó còn biết thêm là không một con thú nào trong rừng sống được đến già, con nào cũng sẽ gặp phải tai họa ghê gớm, và phải rất khéo léo, can đảm và thận trọng để giữ mình được lâu và lưu lại nòi giống sau khi chết.

Nếu như Tétđi lớn lên không phải là trong vườn

thú, và sau đây là trong rạp xiếc, giữa mọi người, mà người thấy trong cuộc sống của nó là gấu mẹ dữ tợn đối với tất cả, nhưng rất mực hiền từ đối với nó, chú gấu bé bỏng thì bây giờ Tétđi đã trở thành một con thú mạnh mẽ và biết tất cả mọi điều mà một con thú rừng cần và có thể biết được. Nhưng Tétđi học cách sống nhờ cái người mặc chiếc quần trắng và thú tính hung dữ của nó bị đè nén ngay từ bé. Nó đã kịp biết những điều mà cư dân của rừng không hiểu được và kinh sợ. Ở thành phố, hiển nhiên là nó có kinh nghiệm và thông minh hơn bất cứ con thú nào cùng loại với nó, nhưng tất cả kiến thức của nó có giá trị gì trong cái thế giới mà hiện giờ nó lọt vào! Ở trong rừng, nó lại biến thành con thú nhỏ yếu đuối, đáng thương, không biết gì hết và sợ mọi thứ trên đời. Tất cả sự khác biệt là ở chỗ bây giờ nó không còn là chú gấu con nhỏ bé, mà là một con gấu lớn có những chiếc răng nanh màu vàng và cái móng trụi lông vì chuồng thú và cạnh nó không còn gấu mẹ hiền lành và tinh khôn có thể bảo vệ nó và dạy nó nhiều điều.

7

Tétđi làm lũ chim thức giấc. Những con chim nhỏ bé lượn đi lượn lại êm ru trong những cành cây ẩm sương. Xa tít về phía đông, mặt trời đã mọc sau những ngọn đồi. Tầm màn sương trong suốt lơ lửng giữa các cây thông, sương mai lấp lánh, không khí mát mẻ và trong lành, còn Tétđi rời khỏi chỗ trú đêm của mình, khắp khiêng đi tiếp về phía bắc. Do không quen lang bạt trong rừng, đã sang ngày thứ hai những cẳng chân của nó đau nhức, nhưng nó kiên trì đi tiếp, vì có một cái gì đó khiến nó không ưa chỗ này. Nó chẳng nghĩ ngợi gì khi cứ nhắm hướng bắc mà đi, cũng như chim chẳng suy nghĩ khi tụ họp thành đàn trước chuyến bay. Bản năng bắt rễ trong nó, dẫn dắt nó tới một xứ sở chưa từng thấy, ở đây nhất định đầy đủ ánh nắng, thức ăn, nước trong lành và yên tĩnh.

Đến trưa, khi con gấu đi qua bãi trông đầy ánh nắng, một thứ mùi khác thường xộc vào mũi nó, khơi dậy trong lòng nó vô vàn hồi ức xao xuyến. Nhưng cái mùi thân thuộc ngọt ngào này bắt nguồn từ đâu? Tétdi quay về phía đông, đi thêm một chút—mùi ấy biến mất! Nó lo ngại, xúc động quay trở lui—lại bốc lên cái mùi đầy quyến rũ! Khi ấy nó bắt đầu xoay tròn, và nó phải mất khá nhiều thời gian mới tìm ra tổ kiến. Mùi mà nó ngửi thấy là mùi kiến, và nó lập tức nhận ra, mặc dù đã bao nhiêu năm không hề biết đến.

Những con kiến này mới tuyệt làm sao! Còn có thứ nào ngon hơn thế nữa. Béo ngậy, chua chua, buồn nhột, ngay tức khắc kêu gọi cảm giác thèm thuồng và ngon và ngon miệng và cũng làm thỏa cơn thèm ngay tức thì—ăn bao nhiêu cũng không chán!

Tétdi sục mũi vào tổ kiến và thậm chí khụt khịt vì khoái chá, cái mùi tuyệt diệu này ngửi gần mới nồng đậm làm sao. Nó vục mũi sâu hơn nữa và nhai tóp tép, lim dim mắt, thò ra thụt vào cái lưới ẩm ướt. Những con kiến đỏ to lớn trong nháy mắt đã giập dừ bầu kín quanh mõm nó, bò vào trong tai, nhưng Tétdi chỉ lắc đầu, cúp đuôi và nhai ráo riết hơn. Cuối cùng nó không chịu được nữa, và ngồi xếp xuống nghỉ lấy hơi. Ngay lúc ấy nó bỗng nhớ đến một điều gì đã lãng quên từ lâu và bắt đầu dùng cẳng bới tung tổ kiến. Kiến lập tức bám đầy cẳng, và nó chỉ còn có việc liềm từng mảng. Tiện lợi hết sức—kiến không còn bò vào mũi và tai, đất và lá nhọn không lọt vào mõm, và Tétdi chỉ bỏ đi khi tổ kiến chẳng còn gì nữa.

Thanh toán xong tổ kiến, Tétdi đi tiếp, leo qua cái đồi rộng bị bao phủ bởi khoáng rừng vân sam khô héo, đỉnh cây trơ trụi, nó đi qua một cái khe, gặp một bụi mâm xôi và ở lại đây cho đến chiều.

Thoạt đầu, tiếng cất cánh của đa đa và gà rừng, tiếng cá quẫy trong những hồ nhỏ, tiếng rừng cây ồn ào và tiếng răng rắc do những con nai đi qua gần đây làm Tétdi hoảng sợ. Nó sợ cả những mùi lạ lẫm không quen thuộc, rất gắt và chỉ hơi thoang thoảng.

Nhưng nó nén sợ, không ngừng nghiên cứu tất cả những âm thanh và mùi, để lần sau gặp lại thì nó có thể tiến thẳng tới, hoặc là tránh đi, hay chẳng thèm để ý đến.

Trong cuộc sống hiện tại của nó có một tình thế may mắn mà thoát đầu nó không đoán ra: nó chẳng cần phải sợ ai ngoài con người. Cả chó sói, cả linh miêu, cả những con chồn bé nhỏ—những con vật khủng khiếp gây nguy khốn cho các loài thú nhỏ và chim chóc. Chẳng con thú nào động đến nó, và nó chẳng cần ẩn náu, chẳng cần chạy trốn mà cảm thấy đằng sau tiếng chân đuổi nhẹ nhàng và đáng sợ. Ngược lại, tất cả đều sợ nó, bởi vì ở đây, trong rừng, nó là con thú lớn và nguy hiểm nhất, điều mà chính nó không hề ngờ tới.

Nó hiểu điều đó rất muộn, khi một bận nó đụng phải xác một con nai con bị hai con sói lớn xâu xé. Nhìn thấy chó sói, con gấu vội dừng lại. Hai con sói rít lên giận dữ và bắt lức và lập tức bỏ đi, nhường chỗ cho con gấu. Suốt cả thời gian Tétdi thường thức con nai, lũ sói lượn vòng quanh ngay bên cạnh, nhưng không dám săn tới. Ý thức sung sướng về uy lực của mình đã thức dậy trong nó, và thậm chí khi đã ních đầy bụng, nó còn quay trở lại vài lần, và lần nào cũng đắc chí thấy lũ sói nháy khỏi xác con thú bị chết lúc nó xuất hiện.

8

Dừng lại nơi này một ngày, nơi kia hai ngày, Tétdi ngày càng đi xa lên phía bắc. Những cây thông trở nên cao to hơn. Mâm xôi, dâu đất và việt quất nhiều hơn, cây cối ít đi. Một vẻ đẹp hoang dã bao la, chôn thẳm sơn cùng cốc và sự yên tĩnh trải rộng khắp xung quanh, dường như nó chẳng còn cần gì hơn! Nhưng thời thơ ấu hầu như đã chìm vào quên lãng còn để lại cho Tétdi những hồi ức mơ hồ tuyệt đẹp đến nỗi nó cảm thấy

mọi cái đều chưa thỏa đáng, nó khao khát một xứ sở nào đó của mình, một thiên đường của gấu.

Tétđi bắt đầu đi vòng quanh xem xét. Nó nhỏ những gốc cây già mục nát, phá tan tổ chuột và sóc, nạy những tảng đá phủ lớp rêu khô màu trắng, tìm kiếm sâu và giun.

Một lần, đang đi tới một cái hồ dài và hẹp, nó dừng lại, ngạc nhiên vì tiếng nước vỗ mạnh. Những con cá măng quẫy nghịch trong đám cỏ lác bên bờ, sợ gấu quá, băng ra khỏi đám cỏ và chui mãi xuống chỗ nước lạnh. Tétđi tới bên bờ, chăm chú nhìn mặt nước, đám cỏ và hoàn toàn lặng đi, bất động.

Nó chưa hề biết mùi vị của cá, nhưng có điều gì đó nói với nó là nên bắt lấy một con. Cuối cùng nó cũng nhận ra cái lưng đen đen của một chú cá măng đang đứng yên, và tới gần, dán mình xuống mặt đất. Dừng ngoài nhìn trông việc này hơi buồn cười, vì chỉ có hai chân trước và cái mõm gì sát xuống đất, còn mõm thì chổng lên và lắc lư trông rất tức cười. Nhưng con gấu rón rén rất khẽ và đôi mắt nhỏ của nó chập lên hung dữ.

Nó xoay một vòng ngắn chung quanh chỗ có con cá, rít lên và thò hai chân trước xuống nước. Thoạt đầu nó không hiểu liệu có ngã không và tiếp tục thọc cả hai chân xuống, vớt lên bùn bẩn và sóng. Nhưng rồi trước mắt nó ánh lên cái bụng lốm đốm trắng của con cá măng, nó liền vớt lên bờ. Nó ăn liền không để sót tí gì và sau này, còn nhớ mãi mùi cá.

Sau hai tuần Tétđi đã học được nhiều điều. Khi ngủ bao giờ nó cũng để đầu quay về hướng mà nó đã từ đó đến. Nó đã biết rằng ngoài quả và rễ cây, còn có nấm cũng rất ngon. Bây giờ Tétđi không còn nhá bắt kỳ thứ gì gặp được như những ngày đầu. Nó biết rằng loại rễ cây nhiều nhựa nhất mọc ở những chỗ ẩm ướt. Nó bắt đầu chỉ uống nước sạch không ứ đọng và biết cách lợi dụng gió. Khứu giác của nó trở nên thính hơn, và Tétđi đã có thể cảm thấy những mùi rất tinh tế hoặc lưu cữu từ lâu. Qua kinh nghiệm cay đắng nó còn biết

rằng không phải mọi thứ trong rừng đều ăn được, có những trái cây và loại nấm mà tốt hơn hết là không nên đụng đến.

Nó khỏe ra, bắt đầu ít mệt hơn và gan bàn chân rất đau buốt vào những ngày đầu giờ đã thành chai, còn vuốt bị cắt trong rạp xiếc đã mọc dài ra. Nó bắt đầu đi lại êm ru, hầu như không tiếng động. Chỉ có những lúc hăng lên, nó bắt đầu bẻ gãy tất cả những gì gặp trên đường, và khi ấy tiếng răng rắc lan đi khắp rừng.

Thoạt đầu, Tétđi ngủ chủ yếu về đêm, như vẫn quen ở rạp xiếc. Nhưng rồi nó nhận ra rằng cuộc sống ban đêm trong rừng thú vị hơn ban ngày nhiều. Ban đêm dấu vết qua lại của chồn, thỏ, cáo mới hơn, có cái gì đó động đậy trong cỏ, ngộ nguậy trong bụi rậm, có con vật nào đó chạy ngang qua khe và bãi cỏ, có những tiếng kêu kỳ lạ trong khung cảnh yên tĩnh... Ngoài ra, ruồi và ruồi trâu mà ban ngày chúng làm Tétđi rất bức mình ban đêm đều biến mất. Và ban đêm nó bắt đầu đi vờ vờ thường xuyên hơn, còn ban ngày nó ngủ ở những chỗ kín đáo.

Một bận, trong rừng Tétđi gặp một cánh đồng kiều mạch không lớn lắm, ở gần làng, cạnh con đường cũ bị bỏ hoang. Nó hiểu ngay rằng ở đây không phải là cây tự nhiên mọc lên, mà có liên quan thể nào đó tới con người.

Tétđi đi men theo rìa bãi trồng. Những chùm lúa kiều mạch mơn man buồn buồn, thật là dễ chịu. Đi vòng quanh cánh đồng và chẳng tìm thấy gì thú vị cho mình, nó bỏ đi; nhưng liền sau đó nó quay trở lại, đi thẳng vào cánh đồng lúa, nằm ở đây, trong hòn đảo mềm mại sáng ánh trắng và bắt đầu há mõm đớp những chùm lúa. Thế là nó nhận ra vị ngon lành của lúa kiều mạch, có cái gì na ná như vị xúp kiều mạch gần như đã bị lãng quên. Thoạt đầu nó thèm thuồng ăn suốt cả bông và cọng kiều mạch sau đó nó bắt đầu chỉ

nhá và mút bông lúa và rạng sáng thì nó ra đi, sau khi đã giẫm trổng một khoảng lớn trong ruộng lúa.

Nó rất thích lúa kiều mạch, và một ngày sau nó lại đến và chén suốt đêm. Đêm sau lẽ ra nó còn đến nữa, nhưng đã xảy ra một việc làm nó lãng quên: nó sa vào một cái đầm nhỏ, làm cho khoảng ba chục con nhái kinh hoàng, và nó đuổi bắt nhái rất lâu, khắp người lấm bẩn và sau đây mất cả buổi sáng để làm cho sạch mình.

Tétđi không biết rằng buổi sáng hôm ấy có một tốp người đã đi dọc theo con đường cũ trên một chiếc xe ngựa kéo, họ xem xét cánh đồng rất lâu, chửi rủa và bỏ đi, và buổi chiều lại đến, mang theo rìu và gỗ tầm, hí hoáy một thời gian, cố gắng không gõ mạnh, họ đóng được một cái gì đó trên cây thông già rõ ràng là rất không thuận tiện đối với họ.

— Cứ như làm theo đơn đặt hàng! — một người nào trong bọn họ chốc chốc lại lặp đi lặp lại câu nói ấy, và trên mặt họ xuất hiện nụ cười độc ác cau có.

Sau đây tốp người tản ra một chỗ khác, bắt đầu hút thuốc, đánh rơi tàn lửa xuống cỏ, họ lấy súng sẵn ra khỏi xe và hai người leo lên cây thông, còn người thứ ba quay trở về. Cái xô bên dưới xe kêu leng keng, còn người đi trên xe bắt đầu hát, và một lúc lâu sau, những người ở lại vẫn còn nghe thấy tiếng hát và tiếng chiếc xô leng keng.

Khi Tétđi tỉnh dậy, trăng đã nhô cao trên khu rừng. Nó nằm im rất lâu trong bầu không khí lặng tờ, chỉ quay đầu đi quay đầu lại và đánh hơi. Sau đó nó đứng dậy, ngáp, vươn người và nhớ tới lúa kiều mạch, nó chậm rãi, lắc lư đi về phía cánh đồng. Bị lôi cuốn bởi một mùi gì đó, thỉnh thoảng nó dừng lại, xục mũi vào trong cỏ, nhở một nhánh rễ ngọt ngào và nhai tóp tép — nó không biết ăn khê khàng.

Nó đã tới gần cánh đồng và qua khoảnh diệp liễu liền sát đã có thể nhìn thấy dải lúa trắng trắng với một vết thẫm ở giữa — chỗ mà nó đã mở tiệc hai đêm.

Còn phải đi tiếp khoảng mười — mười lăm bước nữa, thì nó bỗng dừng lại.

Không, nó chẳng nghe thấy và cũng chẳng đánh hơi thấy gì, nhưng hình như nó thoáng nghi ngại, linh cảm mập mờ về một điều gì đó. Bản năng báo cho nó biết: ở đây đã có cái gì thay đổi trong thời gian nó vắng mặt.

Tétđi rẽ sang bên phải, đi vòng qua cánh đồng theo đường rừng, không để lọt khỏi tầm mắt dải lúa kiều mạch sáng mờ mờ. Lông trên lưng nó dựng ngược, nhưng nó không rùng lên theo thói thường: có một cái gì báo nó rằng tốt hơn cả là không nên găm lên. Cánh đồng hoang vắng và mọi vật xung quanh đều bất động. Một làn gió nhẹ thoáng đến từ đâu đó, và hầu như không lay động ngọn cỏ, làn gió yếu đến như vậy, nhưng mùi kiều mạch lại dậy lên, và mũi Tétđi liền trở nên ướt lạnh hơn. Nhưng Tétđi không thè lưỡi liếm, không há mồm, nó im lặng nuốt nước miếng và đi ra con đường sáng sủa bị cắt ngang bởi những bóng cây đen đậm hắt rờ. Lông trên vai đã xẹp xuống bỗng dựng lên: mũi hắc ín, mũi ngựa, mùi thuốc lá và mùi hơi người thoáng thoáng nhưng gắt xộc vào mũi nó. Nó dừng lại và đánh hơi rất lâu. Cuối cùng nó hiểu rằng đã có người cưỡi ngựa đứng ở đây hút thuốc rồi đi. Can đảm hơn một chút, nó tiếp tục đi dọc theo con đường, lại sang qua đường và bây giờ nó đã ở phía bên kia cánh đồng.

Nó biết chắc rằng những người có mặt ở đây buổi chiều đã đi rồi, nhưng — thật là kỳ lạ! — cảm giác nguy hiểm không rời bỏ nó và lông vai không xẹp xuống. Nó muốn rời khỏi nơi đã gây cho nó nỗi sợ hãi đến như vậy — bởi vì mọi cái chưa biết đều đáng sợ — và nó đã quay vào rừng, nhưng sau đây nó lộn lại, đi vòng một quãng ngắn.

Tétđi không có mẹ, và không ai có thể dạy cho nó phải lập tức tránh xa những gì không hiểu nổi. Vì thế, sau khi quay lại, nó đứng rất lâu dưới bóng tối của những cây vân sam, và cái mùi ngon lành, mùi kiều

mạch đu đưa lên át cảm giác sợ hãi, kéo nó trở về với chính mình, làm nó yên lòng, mất thận trọng.

Con gấu từ từ ra hẳn khỏi bóng tối và đã vươn tới những bông lúa nhưng trong khoảnh khắc ấy, có một tiếng «tách» vang giòn và có cái gì động dậy ở chỗ nào trên cao, về phía bên. Tétđi chưa kịp nhảy tránh, cũng chẳng kịp ngẩng đầu thì đã lóe lên một vầng lửa lớn, tiếng súng đáng sợ nổ ầm, rền vang trong cánh trời đêm vắng lặng, một cái gì bóng rập đập vào cạnh trái phía trước con gấu, gây dập thương và Tétđi ngã xuống. Ngay từ lúc có tiếng «tách», Tétđi đã hiểu rằng nó lâm nguy, rằng đây là kẻ thù nguy hiểm nhất của nó—con người, rằng cần phải chạy, vì thế mặc dù hết sức điên tiết, nó vẫn nhảy lên, lao vào khu rừng mờ tối để thoát thân. Nó lao đầu chạy thục mạng. Nhưng, thật ngạc nhiên vô cùng, nó lại ngã khi nhảy bước thứ hai và từ phía trên, trên cây thông cong queo, lại vang lên hai tiếng súng nữa, có cái gì rít lên lạnh lạnh và kêu rảng rảng ngay cạnh và thậm chí dường như ngay trước mặt. Nhưng lúc này không phải tiếng súng nổ và tiếng lắc rắc làm nó sợ, mà chính nó không thể chạy được và bị ngã. Nó lại bật dậy và nhảy khỏi cánh đồng kiểu mạch, và lại một điều gì không thể hiểu nổi và đáng sợ xảy ra với nó, nó cảm mồm xuống đất. Mãi đến lúc này Tétđi mới hiểu rằng một cái gì trước của nó hầu như không tồn tại, cái chân đó tê dại, không cử động được, và không đứng bằng chân ấy được. Thế là nó chuyển sức nặng thân mình sang chân kia, và chạy mỗi lúc một nhanh hơn, nhanh nữa, làm vang lên tiếng rảng rảng ghê gớm; thở phì phì vì kinh sợ, bước chân lảo đảo, hăng hụt chốc lại vấp ngực xuống nó chạy, không kịp chọn đường, chạy với ý nghĩ mau mau rời xa chôn này!

Nó chạy rất lâu, luôn luôn ngỡ rằng đằng sau có tiếng rảng rảng đang đuổi theo, và nó càng chạy dần. Kiệt lực dần và không còn hy vọng chạy được nữa, cuối cùng, nó dừng lại, găm lên, quay lại để đối mặt với kẻ thù. Nó găm gù và ngồi xổm, tai cụp lại, dè

người lên cái chân lúc này đã trở nên đau không thể chịu nổi. Mắt nó rục cháy, sườn phồng lên, lông ở lưng và sườn dựng lên vì sợ hãi và giận dữ. Hơi thở ầm ỉ của nó khiến nó chẳng nghe thấy gì, và để lắng nghe, nó ngừng thở. Chẳng nghe thấy gì và không tin ở cái bề ngoài yên tĩnh, nghĩ rằng kẻ thù giấu mình, Tétđi lại găm gù, quay người lại và vừa bỏ đi vừa luôn luôn ngoái lại phía sau.

Nhưng chẳng ai đuổi theo nó, cả khu rừng yên ắng, hoảng sợ vì tiếng găm của nó, không có lấy một âm thanh. Tétđi vừa đi vừa liềm chân. Dòng máu ầm ầm làm nó phân chân, đã bớt đau chút ít, và nó liềm chân càng hăng hơn, cảm thấy sự liềm láp đó đem lại một niềm thích thú kỳ lạ nào không rõ.

Chính nhờ vậy mà nó thoát nạn. Dội đèn sáng, những người thợ săn mang theo súng đã lên đạn lần theo vết máu và đoán ra hết: nó đã lao đi, làm gãy các bụi cây, móng chân cào bới đất khiến máu tóe lên có như thế nào. Họ cũng đoán ra là nó đã ngồi, quay lại phía họ, chỗ này đặc biệt nhiều máu, có bị đè nát và dính bết lại. Nhưng sau đó dấu vết mờ dần, máu rơi thưa hơn và chẳng mấy chốc đã mất hẳn. Những người thợ săn mất dấu vết, sục sạo tất cả các khe ở gần đây, rồi quay trở về làng tay không.

10

Còn Tétđi lúc này đang nằm ở rất xa, trong một khoảnh rừng khô ráo, u tối, và đau khổ. Một chân nó sưng lên đau đớn, suốt cả ngày nó không thể rời khỏi chỗ. Đêm đến, cái chân đau nhức nhối khiến nó không thể ngủ được. Ngoài ra, lòng nó tràn ngập một nỗi lo lắng mới lạ không rõ ràng, nhưng nó không thể làm gì được và chỉ ra sức đánh hơi, cố đoán ra nguyên nhân của nỗi lo âu này. Rừng đột nhiên vắng lặng, mọi vật đều náu mình, không có lấy một âm thanh dù là hết sức nhỏ, và cái im lặng chết chóc này càng khiến cho con gấu khổ tâm hơn và cảnh giác hơn.

Một cái gì đáng lo ngại truyền đi khắp khu rừng, không khí trở nên ngột ngạt. Những tia chớp lóe sáng, thoát đầu thừa thớt, sau mỗi lúc một thường xuyên hơn, đánh đai lầy nửa chân trời. Chúng bùng sáng không tiếng động và bí ẩn, không thể nhìn rõ vì cây rừng rậm rạp, chỉ có những ngọn thông sáng lên một thứ ánh sáng nhợt nhạt hư ảo. Sau đó có tiếng sấm khẽ găm gù rất xa. Tétđi đáp lại tiếng sấm bằng tiếng hậm hực bực bội và bốn chồn trở mình dưới cây vân sam. Vì xung quanh im ắng quá, cái im ắng báo hiệu chẳng lành và ở đằng xa tiếng sấm không ngừng vang đến mỗi lúc một rền vang hơn, nó càng muốn trốn đi một nơi nào đó và náu thật kĩ. Nhưng chẳng có chỗ nào để ẩn núp, và nó chỉ còn biết nép sát hơn nữa vào cái cây.

Cơn dông ập đến nhanh lạ thường, những ngôi sao ở khoảng trống giữa đám cây bị bóng đen che lấp, những tia chớp trắng cắt nát đêm tối, sét đánh vào đâu đó ở những quả đồi bên cạnh, có cái gì vỡ toác và vang lên tiếng âm ầm khùng khập: «Tắc! A-gơ-rơ-rơ-rơ-bắc!»—nghe như tiếng ho.

Gió trên cao từ những đám mây ập xuống, ngọn những cây thông và những cây vân sam đáp lại rào rào, còn ở bên dưới thì yên tĩnh, không có cái gì lay động. Gió ào ào kéo qua, và mưa gần như tiếp liền ngay sau đó. Đây không phải là cơn mưa bình thường, loạt soạt một cách e dè trên lá cây mà Tétđi đã quen thuộc—cơn mưa này trút xuống ngay tức thì, tiếng mưa réo tràn ngập khu rừng, và ngoài ra chẳng còn nghe thấy gì, chỉ có tiếng sấm thường xuyên găm đặc thảng, trùn lên vạn vật.

Đền sáng cơn dông chấm dứt, và cả khu rừng tràn ngập ánh mặt trời, chói rục lên. Những giọt nước lấp lánh rơi từ cành cao xuống cành thấp, rồi rơi xuống cỏ, và đất ướt hết những giọt nước ấy, còn trong rừng suốt buổi sáng vang lên tiếng sột soạt sông động.

Tétđi đáng thương, thật tội nghiệp! Bị nỗi đau hành

hạ, sợ hãi cơn dông và sợ người, không được ngủ, thân mình ướt đầm và khốn khổ, nó ngồi dưới cây vân sam già và không thể nào vui mừng khi thấy ánh nắng. Đau đớn đến nỗi không còn nghĩ đến việc đi đâu tìm kiếm cái ăn nữa, nó nằm như vậy, bất lực, đơn độc, một ngày một đêm, và thêm một ngày nữa, cho đến khi cuối cùng, vết thương đã bắt đầu liền lại chút ít, và cái đôi cào cào buộc nó phải rời khỏi chôn hẻo lánh.

Khó nhọc khắp khiêng đi ba chân, cau có và thận trọng, Tétđi lang thang qua các ngọn đồi, các bụi cây, cành khô, rễ cây hoặc cỏ cao và cứng mắc vào bên chân đau đều làm nó nổi đóa. Nhưng một vài ngày trôi qua—con gấu đã bắt đầu thận trọng bước đi bằng cái chân ấy, và những ý nghĩ u ám dần dần rời bỏ nó, nó lại vui vẻ và phần chân.

Nhưng nó còn phải gặp con người một lần nữa. Nó đi dọc bờ sông bằng dáng đi thông thả. Đêm âm ập, và nó gặp rất nhiều bụi mâm xôi, nhưng Tétđi cúi kính: trước đây nó đã đuổi theo một con gà lôi đang mê ngủ. Con gà lôi cuống cuống đập cánh, chúi vào những bụi rậm, và vào cây rơi xuống, và Tétđi mấy lần suýt vồ được nó, nhưng con gà lôi vẫn bay được lên cây bạch dương, và Tétđi không thể tóm được nó. Bây giờ Tétđi đang giận dữ.

Tụt xuống một cái khe, con gấu uống thỏa thuê nước suối, leo lên phía khác và nó bỗng ngửi thấy mùi khói và nghe thấy tiếng người nói. Nó nhẹ nhàng tiến về phía có khói và sắp ra tới quãng trống, có đồng lửa cháy rục, có hai chiếc lều và những con ngựa bị tròng chân đang găm cỏ. Đây là đoàn khảo sát khoa học, nhưng tất nhiên Tétđi không biết điều này và nó vô cùng ngạc nhiên ngồi xuống để xem xét mọi thứ cho kĩ hơn. Nhóm người ngồi và đi lại gần đồng lửa. Họ nói chuyện âm ầm, cười đùa và bóng của họ, những cái bóng đen to lớn chập chờn trên cây cối.

Tétđi đi theo rìa bãi trống, sau đó tiến gần hơn đến những túp lều và bỗng nhiên, chính nó cũng không ngờ, nó nổi khùng và găm lên. Tức thì những con ngựa

hí lên khàn khàn và cụm lại với nhau, còn từ trong lều một con chó lao ra, nháy những bước dài về phía Tétđi, nhưng chạy chưa được mười bước, nó dừng phắt lại và cất tiếng sủa vừa dữ tợn vừa sợ sệt.

Tétđi lui ra một quãng và toan đi tới những căn lều từ phía khác, nhưng lại có một con chó lao ra chặn nó. Những người ở cạnh đông lửa bật dậy, hai người lao vào trong một chiếc lều và chạy ra mang theo súng. Chỉ vừa mới nhận ra ánh thép đỏ đỏ của nòng súng, Tétđi đã quay mình cắm đầu chạy trốn. Một con chó chạy theo nó, bám riết, khoái chá vì chiến thắng và vì cuộc săn đuổi. Lao qua bìa rừng, nó tạt về phía đầm lầy, rồi nổi cơn điên khủng, nó quay mặt về phía con chó. Con chó lập tức im bật và chạy thật lực về phía mây túp lều. Tétđi muốn xông tới phá tan cái trại, nhưng nhớ tới những khẩu súng, nó đi ra sông tìm kiếm cái ăn.

Con gấu vượt ngót hai trăm dặm đi lên phía bắc, không dừng lại ở đâu lâu. Bây giờ nó không còn bất lực như những ngày đầu. Nó phát hiện được các thứ mùi, ngày càng ít có cái gì khiến nó ngạc nhiên và nó ngày càng quen thuộc hơn với toàn bộ các sự vật hiện tượng bao quanh nó.

Rồi nó nhận ra rằng trong mọi trường hợp, cần tin cậy bọn gié cùi và ác là, tuy nó coi chúng là loại chim hết sức vô tích sự. Nó đã học được cách đoán ra nguyên nhân tiếng kêu thể này hoặc thể nọ của chim gõ kiền đen, còn nếu từ xa nhận thấy một con quạ ngồi trên cây quết mỏ, và dưới đó một chút có những con ác là đậu không nhúc nhích, buông thõng đuôi nhìn xuống dưới thì nó thông thả đi về phía đó, thậm chí không buồn đánh hơi, vì nó biết rằng nơi nào có những con quạ no nê thì bao giờ cũng kiếm chắc được thứ gì ăn. Nó trèo cây không giỏi lắm, nhưng nếu gặp một cây thông cành lá lòa xòa, thuận lợi thì không bao giờ nó bỏ lỡ dịp trèo lên và từ trên ngọn cây chăm chú nhìn xung quanh.

Nó chỉ không thích khi bọn gié cùi và ác là để ý đến chính nó. Nó cầu nhàu cổ né tránh chúng và nếu chúng

vẫn không buông tha mà vẫn muốn truyền từ cây này sang cây khác, kêu lên tông tiền nó đi, thì không cần nghĩ ngợi gì lâu, Tétđi hãy náu mình vào một chỗ chờ đợi. Sau đó nó láu lỉnh đưa mắt nhìn các bụi cây gần đây, và nếu không thấy bọn chim ám mình nữa, nó khụt khịt về hải lòng và lại đi tiếp.

Trong một thời gian ngắn, nó đã biết được một số điều mà sông cả đời ở thành phố nó cũng không biết được. Nó trở nên khỏe và thận trọng, nhìn bên ngoài có thể cho rằng đây là con thú rừng thực sự. Nhưng không hẳn thế.

Một buổi sáng, ra suối uống nước, Tétđi dừng lại như bị sét đánh: gần suối có mùi gấu! Đây là cái mùi cũ còn lưu lại; có lẽ con gấu kia qua đây đã hai ngày trước. Nhưng cái mùi thoang thoảng ấy chứa đựng một mối hăm dọa đến nỗi Tétđi quên cả khát, xem xét xung quanh hồi lâu, lông gáy cứ dựng mãi lên. Té ra không phải chỉ có mình nó làm chúa trong các khu rừng, còn có con gấu khác nữa, và bây giờ phải coi chừng con gấu ấy. Từ hôm đó Tétđi không yên lòng.

Càng ngày nó càng bắt gặp thường xuyên hơn những tổ kiến bị phá, những bụi mâm xôi bị mút quả và gãy nát, những cụm việt quất bị giập. Khi Tétđi ngửi thấy mùi xác thú vật từ xa và đến chỗ đó thì hóa ra con gấu kia đã qua đây và thực sự chỉ còn lại mùi xác thú mà thôi. Bây giờ trong rừng nơi nào cũng có mùi con gấu lạ, cái mùi đó khiến Tétđi phát khùng. Nỗi tức giận của nó tích tụ lại, trở nên gay gắt và thường xuyên đến nỗi chẳng bao lâu nó đã hiểu rõ: cả hai không thể cùng sông trong vùng này, một kẻ phải ra đi. Nếu như nơi này chẳng ra gì thì có lẽ nó sẽ không ngần ngại bỏ đi luôn. Nhưng ở đây rất thích, nhiều cái ăn lắm, vì vậy Tétđi quyết định đuổi kẻ thù đi và bắt đầu tìm gặp con gấu kia. Đôi khi nó bắt gặp những dấu vết mới, thường thì gặp những dấu vết cũ nhiều hơn, nhưng không sao nhìn thấy được chính con gấu đó.

Cuộc gặp gỡ xảy ra bất ngờ. Buổi sáng Tétđi chọn

một chỗ có thể nằm suốt ngày và vượt qua cái bãi trống rất nhỏ giữa những cây thông ở đó có một lớp rêu khô và trắng, và đột nhiên cái mùi hơi gâu đáng ghét ở gần kề xộc vào mũi nó. Ngẩng đầu lên, Tétđi nhìn về hướng có mùi lạ đưa tới và rút cuộc nhìn thấy kẻ thù của mình. A, bây giờ nó sẽ cho kẻ lão xược biết tay! Nó sẽ trị cho con kia một trận! Kẻ thù của nó ẩn náu giây lát sau những cây thông rồi tiếp tục tiến ra bãi trống...

Đây là một con thú đồ sộ đến nỗi Tétđi lặng đi như con thỏ. Chỉ một giây lát trước, điên tiết, khao khát giao tranh, nó là con thú rừng. Nhưng tính hung dữ của nó có nghĩa lí gì so với sự hung dữ của kẻ thù! Đây là một con thú thực sự, lông xù, râu xồm, móng thép, cơ bắp ngồn ngộn, tia nhìn dữ tợn đến nỗi Tétđi là con thú lớn mà cũng phải ngáy ra vì khiếp sợ.

Con gâu đứng cúi đầu xuống, vì thế nom như gù. Con thú đứng lẳng lẳng nhìn thẳng vào Tétđi. Kẻ thù chưa thốt lên một âm thanh nào, chưa có một cử động nào, vậy mà Tétđi đã hiểu rằng chính nó phải vĩnh viễn rời bỏ vùng đất tuyết vời vợi này. Làm sao nó có thể nghĩ tới chuyện độ sức với con vật khổng lồ này!

Điều mà Tétđi hiểu ra thì ngay lúc đó con gâu kia cũng hiểu. Hơn nữa, nó hiểu rằng Tétđi cũng hiểu điều đó. Không, nó không nháy xỏ vào để giết Tétđi, nhưng chỉ khẽ gầm gừ. Tiếng gầm gừ của nó thấp hơn tiếng gầm gừ âm trầm của Tétđi cả một quãng tám. Con người bao giờ cũng tưởng rằng tiếng gầm gừ của thú đều là như nhau, tai người không có khả năng phân biệt những sắc thái hết sức tinh vi trong tiếng gầm gừ. Tétđi hiểu ngay con gâu kia muốn gì. Tiếng gầm gừ của nó tuy không to, thậm chí hơi có vẻ khinh thị, có nghĩa như một câu gọn lỏn: «Cút xéo!» Đối với Tétđi, không phục tùng mệnh lệnh đó có nghĩa là chỉ lát sau sẽ ngã gục xuống lớp rêu khô màu trắng, cổ bị gãy và ngực bị xé toạc.

Và Tétđi không buột ra một âm thanh nào đáp lại. Nó quay đi và nhanh chóng tháo lui. Khi đã gần như

ẩn kín trong rừng, nó ngoảnh lại nhìn lần chót. Con gâu vẫn đứng sừng sững như thế, nom như đụn cỏ khum khum trên cái nền của những thân cây thông liên sát nhau.

Tétđi vĩnh viễn rời bỏ vùng này, cái vùng có rất nhiều kiên màu hung và vết quất đỏ, lìa bỏ nơi này để khỏi chạm trán với vị chúa tể có râu. Nó là con vật yếu nhất trong cuộc đấu tranh sinh tồn và đã thua, và nó có đầy đủ căn cứ để cho rằng nó đã thoát thân êm thấm.

11

Lá bạch dương và hoàn diệp liễu đã rụng gần hết, phủ lên mặt đất một tấm thảm dày loạt soạt, chim chóc tụ tập từng đàn, đã hết mùa mâm xôi, nấm mọc lên rất nhiều, sáng sáng đã bắt đầu có sương giá khi Tétđi vượt qua vô số ngọn đồi và rời khỏi con sông lớn đi về phía bên phải, dọc theo một nhánh của con con sông đó, rồi một sáng kia ra tới một bãi trống rộng lớn trong rừng.

Phía dưới có một dòng suối, những cây thông khổng lồ khẽ reo vi vu, những bông cúc cuối cùng đã nở, khát khao nhìn vầng mặt trời yếu đuối. Bờ suối ở nhiều chỗ toàn cát mịn vàng ánh với những vết gà lôi vùng vẫy trong đó. Nước rí rách du dương không dứt, và Tétđi dừng lại trên bãi cỏ, nó bỗng hiểu rằng nó đã tìm được đất hứa rút cục đã đến xứ sở của thời thơ ấu của mình. Chẳng còn cái gì lôi cuốn nó đi đâu nữa, nó chẳng muốn đi đâu nữa, cuộc phiêu lãng đã kết thúc. Ở đây tất cả đều hết như thời xưa, khi Tétđi chưa có tên, mà chỉ là con gâu con ngò nghêch, khi nó đã chén đầy kiên và dâu đất, và mẹ nó nắm gáy nhúng nó xuống suối, rồi thì cái lưỡi dài màu hồng liềm rất mạnh cái bụng no căng của nó. Đây là những ngày tuyệt diệu, hạnh phúc không thể tả được, và giờ đây Tétđi dường như trở lại thời ấy... Nhưng cổ nhiên không hẳn là như thế. Không, thời thơ ấu đã lạc mất

ở đâu đó trong làn khói thời gian mờ ảo, cái thời ấy sẽ không trở lại, không tới, không bùng lên thành ánh mặt trời long lanh và cỏ non xanh tươi. Ước gì bây giờ nó lại trở nên bé bỏng, tìm thấy mẹ, được nép vào bên sườn ấm áp mềm mại của mẹ mà khóc! Tiếc biết bao chuyện ấy không thể có được...

Ngày đêm di chuyển, Tétđi dần dần đã đi khắp xung quanh khu vực này, vạch ra cho mình ranh giới lãnh địa của mình. Nó nghiên cứu các con suối, đầm lầy, khe, những đồng cỏ ướt át, những bìa rừng và những chỗ hoang vắng. Nó gặp vô số vết chó sói, nai, sóc, rái cá, thỏ. Với một số vết thì nó dừng dừng, một số vết làm nó cau kính, nó bắt đầu bới đất và hất tung tóe ra hay tước vỏ cây để tuyên bố quyền của mình về đất, về rừng, thậm chí cả về không khí.

Gà rừng và gà lôi kêu quang quác bay vút lên ngay dưới mũi nó, làm lá khô bay tơi tả, nhưng bây giờ chẳng có cái gì khiến nó ngạc nhiên, nó coi tất cả mọi chuyện đều là tất nhiên và quen thuộc từ lâu. Nó không còn lo lắng và tò mò đánh hơi dấu vết mà một con thú nào đó để lại. Nó chỉ ghi nhận thoáng qua chỗ bản thân mình: «Một con nai đã qua đây. Ba con», hay: «Một con cáo đã chạy qua đây. Nó rất vội và tha một con gà gô».

Lông nó ngả sang màu hồ đào, mọc dài ra, trở nên mịn mượt láng bóng. Cẳng chân nó không đau nữa, và khi cần, nó dùng cẳng chân đó vịn bật một gốc cây hay xoay lật một thân cây đổ nặng nề. Nó đi lại rất nhiều, bị thôi thúc bởi sự thèm ăn ghê gớm. Nhưng ở đây cái gì cũng ê hề, và nó thường cảm thấy vô cùng thích thú, cảm thấy mình tự do và khỏe chưa từng thấy!

Vĩ đại thay tự do! Nó giống như mặt trời, như bầu trời bao la đầy sao. Nó giống như làn gió âm đều đều hay làn nước róc rách chảy nhanh.

Chẳng cần sợ ai, chẳng cần làm cái gì ta không muốn làm!

Muôn ngủ dậy lúc nào thì dậy, muôn đi đâu thì đi!

Có thể dừng chân và nhìn theo hồi lâu đàn ngỗng

đang bay trên sông; có thể lên ngọn đồi lộng gió bốn phương; ở đây đón bắt được đủ các thứ mùi: cứ việc chọn cho mình bất cứ mùi nào và đi đến chỗ cái mùi đó đang kêu gọi!

Có thể len lỏi vào khu rừng có rất nhiều cây khô rỗng ruột, bị một đực ruỗng và quật đổ những cây đó để lấy làm khoái chí về sức mạnh tự do hùng hậu của mình: những cây khô chết ấy sẽ đổ, làm vang lên tiếng lắc rắc thảm thiết!

Đã sang tháng Mười một, tháng rét dữ, đã bắt đầu kỳ giao phối mùa thu của nai. Khi đi lang thang qua các ngọn đồi, Tétđi cau kính lắng nghe tiếng nai gào. Mấy lần nó nhìn thấy từ xa một con nai khổng lồ có bộ sừng rất to. Con nai này không hề thận trọng chút nào, đi lại qua khoảng rừng cây thưa, leo lên những gò cao khô ráo, thở phì phì và gần như phát tiếng hộc hộc không ngừng. Con gấu rất không ưa những kẻ lảng giềng ớn ào này. Tétđi là con thú thận trọng, đôi khi nó mãi quên đi và làm ớn ào, nhưng nó không chịu nổi tiếng ớn ào của con thú khác và chẳng bao lâu nó đã căm ghét con nai như hồi nào nó căm ghét con gấu nọ.

Có lần nó gặp phải dấu vết nai mới tinh và hiểu ngay rằng đây là con nai đực khổng lồ mới rồi đi cùng với những con nai cái. Hôm ấy Tétđi đặc biệt dữ tợn, nó lập tức muốn tổng cổ kẻ lão xược kia đi; nó hung hăng hất tung tóe đám phân nai và lao nhanh theo dấu vết. Lên đến cái gò thì mất dấu vết, nó lại trở xuống, đi quanh một nửa vòng tròn lớn và lại đánh hơi thấy mùi nai. Lát sau nó đã thấy bảy nai. Chúng đang ăn trong khu rừng hoàn điệp liễu thưa thớt, những làn môi mịn mượt vươn tới những cành nhỏ mềm yếu nhất.

Tétđi rùng lên và xấn tới. Mấy con nai cái giạt ra và lao xuống phía dưới bằng những bước nhảy dài, còn con nai đực đột nhiên hộc lên và tiến đến đón gặp gấu ta. Vào lúc khác thì tất nhiên nai đực sẽ không ngần ngại đi theo bọn nai cái ngay. Còn bây giờ, sau nhiều thắng lợi, bị thôi thúc bởi cơn hứng tình, nó can đảm xông tới đương đầu với kẻ thù, hai con vật giáp mặt

nhau trên bãi trống. Tétđi giận dữ găm lên. Con nai đáp lại bằng tiếng hộc kèm theo hơi thở âm vang. Cả bề mặt da nó rung động vì khát khao chiến đấu, mắt ngầu máu, hai lỗ mũi rung rung, hơi thở biến thành làn hơi nước mỏng mảnh cuốn theo làn gió nhẹ. Nó đang độ hoàn toàn sung sức, sừng chĩa nhánh đồ sộ, cái cổ lực lưỡng và mỏng thanh thoát hơi xệ xuống.

Tétđi không ngờ cuộc đối mặt như thế, đâm ra sững sờ. Nó không sợ, chỉ dừng lại một lát, nghĩ xem nên xông tới cách nào thuận tiện hơn.

Nhưng con nai lại hiểu sự ngập ngừng đó theo cách riêng, nó bỗng cúi đầu xuống, hộc lên và xông vào con gấu. Tétđi không kịp nhảy tránh và cái húc làm nó ngã vật xuống. Con nai chồm ngược lên và đến đây con gấu có lẽ sẽ hết đời nếu như con nai bổ trúng đầu nó. Nhưng con nai bổ không trúng đầu như đã nhắm, mà bổ vào vai. Xương gấu rắn chắc, chịu đựng nổi, không gãy, nhưng bây giờ thì còn đánh nhau sao được nữa, miễn sao thoát thân yên lành được là may!

Thấy bổ không trúng như ý định, con nai lại chồm lên, nhưng con gấu lùi lại, và lần này con nai bổ trượt hẳn. Thế là nai ta cúi đầu xuống, và lao tới như lần đầu. Tétđi tránh né và nhảy ra sau bụi cây, nhưng con nai không thể dừng lại ngay. Khi nó quay lại tìm con gấu thì con gấu khập khiễng cuống quýt chạy xuống phía dưới.

Thắng lợi, con nai đực đẹp mã đã giành được thắng lợi chưa từng thấy, nhưng bây giờ đối với nó như thế vẫn chưa đủ, nó muốn tiêu diệt kẻ thù hay đuổi kẻ thù đi thật xa. Nó lao mình đuổi theo, dễ dàng đuổi kịp và còn kịp húc thêm mấy cái nữa. Rồi dường như chợt nhớ ra điều gì, nó dừng lại, vừa thở phì phì vừa quay trở lại với những con cái. Còn Tétđi khôn khéo bị ăn đòn khắp toàn thân, chúi vào một chỗ cây đổ rậm rạp nhất và rên rỉ, khụt khịt hồi lâu, thấm thía nỗi nhục thua bại của mình. Mới đây con gấu có râu đuổi nó, bây giờ con nai tông cổ nó đi... Tệ hại nhất là bây giờ nó phải sợ loài nai nói chung. Khi nó đã bị một con

nai đánh đau thì những con nai khác cũng có thể làm với nó như thế. Từ hôm đó cuộc sống của nó trở nên không thể chịu đựng nổi. Như khêu gan chọc tiết, nó cứ luôn luôn gặp phải đầu vết nai. Khi nó đi tìm vết quật, tìm tổ kiến hay con suối uống nước, hễ gặp đầu vết là nó lập tức nó rẽ sang hướng khác và bỏ đi.

Nhưng tình trạng không lối thoát kéo dài không lâu. Tất cả tổ tiên hoang dã bỗng thức tỉnh trong nó và đòi hỏi dữ dội phải tìm và diệt kẻ thù. Nó bắt đầu đi quanh rừng, rình mò con nai, hung hăng dùng móng cào đất và cây cối để tuyên bố quyền chúa tể của mình, chọn chỗ mai phục, nằm im thít không động cựa trong đó hàng giờ liền. Có lần, tìm thấy nhiều vết nai mới bên suối, nó nằm phục trong đám bụi cây và chờ. Nằm áp mình xuống đất, nó nhìn ra con đường mòn qua các cành cây. Khắp nơi lá vàng ẩm ướt trái thành lớp dày. Cây cối trơ trụi, những cây vân sam thâm màu rậm lá đặc biệt nổi bật trong khu rừng đã trở nên thưa thớt, gần như trống suốt. Buổi sáng sương giá tràn lan, nhưng bây giờ đã bắt đầu tan giá. Ngày u ám, lạnh lẽo.

Sang nửa thứ hai của ngày, ở phía trên có tiếng lao xạo nhẹ và tiếng phì phì. Tétđi ngẩng đầu lên và hít không khí: có mùi nai. Tai nó ọp xuống, lông gáy dựng lên. Nó áp sát xuống đất và hai chân sau thu lại dưới bụng. Hai lần bấy nai dừng lại. Chúng làm gì—lắng nghe hay vật cành cây—điều đó Tétđi không biết, nó kiên nhẫn nằm yên. Cuối cùng từ trong bụi cây lộ ra cái sừng, rồi chính con nai đực. Theo sau nó có ba con cái. Chúng dừng lại, chăm chú nhìn xuống dưới, động đậy tai, rồi bắt đầu xuống chỗ uống nước. Phía trước là con nai đực, theo sau là những con cái.

Tuy nhiên con nai đực vẫn đánh hơi thấy mùi gấu và dừng phắt lại như trời trồng. Tétđi găm lên một tiếng khàn khàn, từ chỗ mai phục nhảy ra. Con nai hộc lên một tiếng và nhảy vào con gấu. Gấu kịp nhảy lùi lại và vùng cẳng cào vào sườn nai. Cú đánh bằng cái cẳng chân có vuốt dường như nhẹ nhàng, lướt qua, nhưng da bên sườn nai rách toạc và chảy máu. Người thấy mùi

máu, Tétđi nổi hung. Lần đầu tiên trong đời nó muốn xé thịt sống, nghe thấy tiếng khò khè trước khi chết của con vật bị nạn. Trong lúc đó con nai xoay mình và lại xông tới. Con gấu nặng nề, nhưng cái húc của bộ sừng nai cực khỏe hất bật nó đi như hất con mèo con. Tétđi lăn đi như lần trước, nhưng lần này trên cổ con nai toác ra một vết thương mới tóe máu. Tétđi chồm lên và găm một tiếng cực to làm rung chuyển cả toàn thân, và nó cồ xông tới từ phía bên, nhảy lên con nai, vì hiểu rằng sừng là thứ vũ khí mà nó không chống lại nổi.

Hai con vật tiếp tục quần nhau, làm bật tung cỏ héo ẩm ướt và cày xới đất lên, làm gãy mọi thứ xung quanh, nhưng con nai yếu đi trông thấy. Máu tóe ra từ vô số vết thương của nó, và trong không khí giá lạnh, toàn thân nó bốc khói. Cuối cùng Tétđi đã nhảy được lên con nai từ phía bên sườn. Nó bấu chặt vào cái gáy lực lưỡng, đồng thời dùng chân sau xé rách sườn con nai. Tiếp đó, dùng chân trái và răng cắn chặt gáy con nai, găm gù qua hai hàng răng nghiền chặt. Tétđi dùng cẳng chân phải đánh thật mạnh vào cổ con nai và rách xuống dưới nữa, bứt tung cột sống con vật, thế là con nai đổ vật xuống. Con gấu xé toác ngực nó, nhưng mặc dù ngực bị xé rách và gãy cổ, con nai vẫn còn toan đứng lên và hất con gấu xuống—nó khỏe ghê gớm! Vừa gù gù vừa ho, Tétđi uông máu kẻ thù đã chết và một lúc lâu sau mới trấn tĩnh lại.

Rồi chốc chốc lại găm gù, con gấu bỏ vào rừng, nhưng rồi nó trở lại và thử lôi con nai đi. Lôi đi vừa nặng vừa vụng vúi, thế là nó liên chắt cành khô lập lên con nai. Sau khi đã vứt bỏ kẻ thù bị giết chết ở đây và đào bới đất xung quanh, nó bỏ đi hẳn. Chẳng ai dạy nó điều đó, trước kia nó chẳng bao giờ làm việc đó, nhưng bây giờ nó biết cần làm như thế nào.

Hai ngày sau, đã quên đứt con nai, Tétđi tình cờ đi qua thì gió đưa đến mũi nó một mùi lờ lợ. Nó lập tức nhớ lại hết, nó đến và chén đầy bụng. Trước đó chó sói đã đến chỗ con nai. Tétđi biết điều đó nhờ những dấu

vết chúng để lại, vì vậy nó chẳng đi đâu và ngủ lại luôn gần đó.

Suốt cả tuần, nó đến chỗ con nai, ngủ ngay tại đây, cảm thấy bây giờ nó là chúa tể của mọi thứ xung quanh, và lãnh thổ của nó bây giờ là bất khả xâm phạm, như lãnh thổ của con gấu có râu.

12

Nhưng rồi một thời gian sau, như một vết thương cũ quá lâu ngày, lần cuối cùng Tétđi cảm thấy nhớ con người. Một sức mạnh còn mãnh liệt hơn bản năng xưa đuổi Tétđi ra khỏi rừng. Cũng y hệt như mới đây nó tìm sự cô đơn và tự do, bây giờ nó bắt đầu tìm gặp con người.

Bồn ngày trời nó đi về phía Đông Nam, cho đến khi nó ra một chỗ trống trơn. Trước mặt nó là một quả đồi lớn thoải thoải. Trên đồi lúa gieo vụ thu xanh tươi mơn mớn, còn ở gần bìa rừng chỗ Tétđi dừng lại có một con đường lớn ô tô thường phóng qua hay xe ngựa chậm chạp lăn bánh.

Tétđi đứng ở bìa rừng, đứng thẳng lên bằng hai chân sau và lắc lư, lông da diết nhớ con người. Nhưng nó không chỉ cần con người, mà là cần cái người lực lưỡng mặc quần trắng kia. Nó cần người đó đến gần, gãi gãi phía sau tai nó và nói bằng giọng âu yếm: «Tétđi!» và đưa cánh tay rắn chắc bỏ một mẩu đường vào mõm nó...

Con gấu đứng như thế rất lâu, hoàn toàn không còn là Tétđi trước kia, mà dường như lại hiểu được ý nghĩa vĩ đại của cuộc sống và đồng thời vĩnh viễn từ bỏ quá khứ. Nó không đi ra đường lớn tìm gặp người, không làm một trò nào trong những trò biểu diễn buồn cười mà nó đã học được ở rạp xiếc. Nó buồn nhớ thăm lặng. Rồi dường như có một cái gì đã trở lại với nó, dường như một sức nặng cuối cùng đè lên nó đã được cất bỏ, sợi chỉ cuối cùng liên hệ nó với người đã

đứt, nó trở vào rừng. Bốn ngày sau nó lại ở chỗ cư trú của mình.

Tiết trời mỗi ngày một lạnh. Bây giờ Tétđi ngủ nhiều và ít đi lại. Sáng sáng, những hồ nhỏ và những lòng suối cũ phủ một lớp băng dẹt tiếng âm vang. Cái đói bao giờ cũng là tác nhân chỉ đạo Tétđi bồng lùi vào hậu trường, có một cái gì khác ngày càng làm nó không yên lòng. Ở rập xiếc, mùa đông người ta không để cho nó ngủ, nó phải biểu diễn. Nhưng ở đây nó tuân theo qui luật của rừng, qui luật của thiên nhiên. Nó muốn ngủ. Nó vẫn đi lại, dường như để tìm cách thích nghi nhưng nó luôn luôn có cảm giác chỗ này thì không tiện, chỗ kia thì lộ quá.

Có một đêm tuyết xuống, buổi sáng mọi vật trắng xóa, những ngọn đồi ở xa hiện lên như qua làn khói mỏng và Tétđi ngày càng buồn ngủ. Ngay cả dấu vết của nó trên tuyết cũng không làm nó ngạc nhiên nữa. Một lần, nó kiếm một chỗ trên lá khô dưới cây vân sam và ngủ liền ba ngày, nhưng rồi nó thức giấc và lại thất thểu đi đâu đó, vừa đi vừa buồn rầu nhìn lữ qua đen nhộn nhấp trên tuyết trắng.

Cuối cùng nó tìm được cái nó cần. Đây là một cái hồ sâu đầy lá rụng, cả lá bản và lá hình kim. Trên miệng hồ có những bụi cây. Ngoài ra có một cây vân sam bị cưa đổ đè ngay lên hồ. Trước đây người ta đã cưa cây vân sam, lấy phần trên, còn phần gốc thì bỏ lại. Lá cây rụng xuống hồ, nhưng cành cây cũng rậm rạp đến nỗi khi Tétđi chui xuống dưới đám cành thì nó hầu như không nhìn thấy bầu trời. Nhưng nó vẫn cảm thấy chưa hài lòng. Nó lại chui ra, đi lấy cành khô chắt lên trên và mãi đến chiều mới chui vào trong. Ở đây nó trấn trở mãi, không sao nằm được cho thoải mái, cuối cùng nó nằm xuống, cảm thấy thích thú, và bắt đầu liếm mình. Trời tối dần, tuyết xuống không có tiếng động, khi đã tối hẳn và tuyết trên các ngọn thông đã mất những màu sắc cuối cùng, Tétđi ngủ thiếp đi.

Nó mơ thấy gì?

Nó có mơ thấy rập xiếc và cuộc sống diễn viên dài

lâu dường như bị phân đôi bởi bóng tối của hành lang và ánh sáng chói lòa của sân khấu biểu diễn không? Nó có mơ thấy những chuyến đi chuyển, các toa tàu, tiếng gõ nhịp của bánh xe, mùi than và mùi xăng, những con người vui cười reo hò cuồng nhiệt, và cái người mặc quần trắng không?

Hay nó mơ thấy cuộc sống tự do, những con kiến ngon ngọt, những dòng suối lạnh róc rách, cơn đông đáng sợ, những tiếng súng, con gấu đã đánh đuổi nó, trận tuyết chiến với con nai.

Nó có mơ thấy thời thơ ấu không? Những mùi êm dịu, mời gọi, anh minh của rừng có bay đến hang nó không?

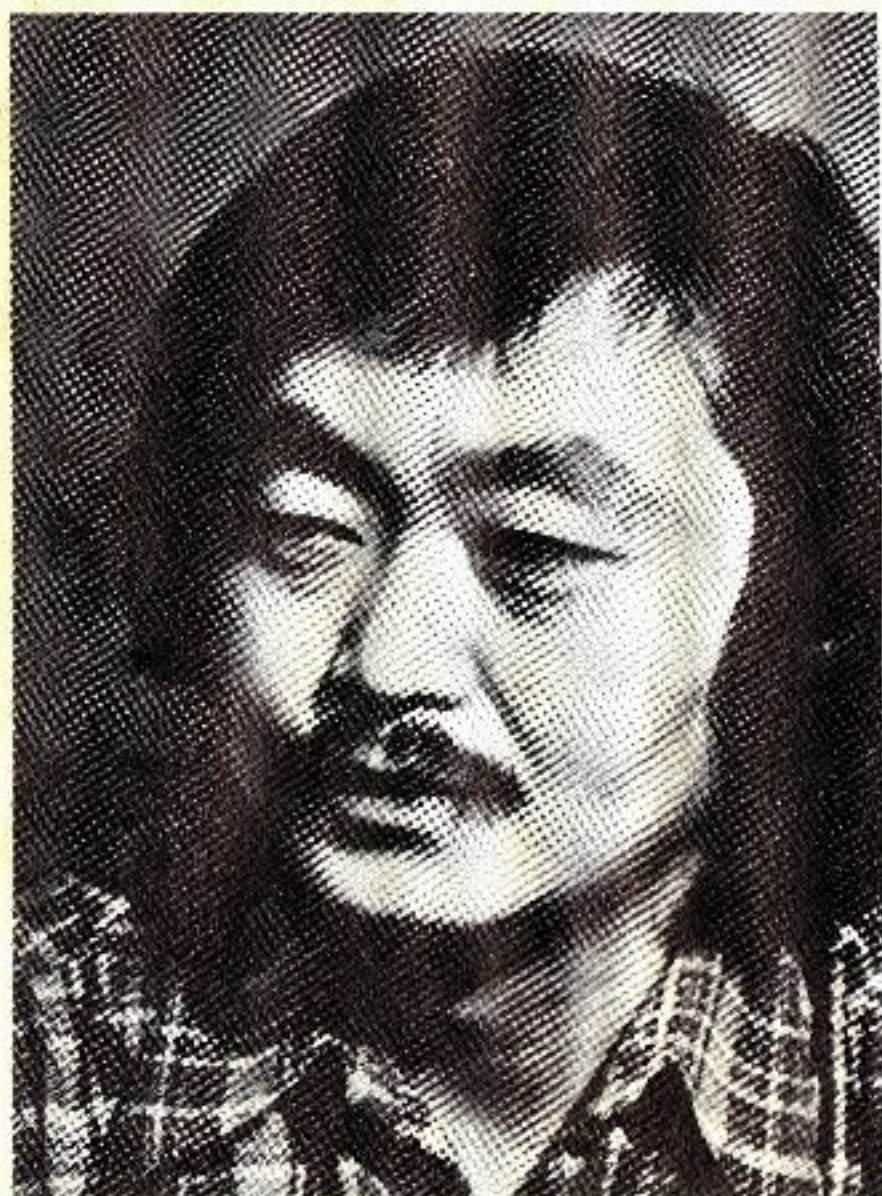
Ai mà biết được!

Hôm sau nó không thức giấc, hôm sau nữa cũng thế... Tuyết vẫn xuống, các bụi cây ngày càng như phủ một lớp lông tơ mịn mượt mà, những con đường mòn càng khó đi hơn, thông và vân sam càng trắng hơn, chỉ có những cây bạch dương vẫn trơ trụi, tội tội gà lôi đậu rất lâu trên những cây ấy. Băng giá dữ dội, mùa đông thực sự bắt đầu đi dạo trong rừng!

Giấc ngủ của Tétđi ngày càng sâu hơn, hơi thở ngày càng thưa hơn, hơi nước không còn cuộn bốc trên hồ, và chẳng bao lâu chỉ có tinh cò mới đoán ra được cái hang bị tuyết phủ lấp: căn cứ vào cái lỗ thông hơi bé nhỏ và hạt băng vàng vàng trên các cành cây.

1956

Phạm Anh Tuấn dịch



Anatoli Kim

Sinh năm 1939. Vốn gốc người Triều Tiên, ông viết bằng tiếng Nga. Thuộc về ngòi bút A. Kim có các truyện vừa «Bông sen», «Vòng ngọc thạch», «Tiếng vang của họa mi», «Con sóc». A. Kim đề ra những yêu cầu đạo đức rất nghiêm khắc với các nhân vật. Nhà văn muốn chứng minh rằng «mỗi con người phải biết sáng tạo ra chính mình, theo những nguyên tắc chung của con người».

ĐÔI MẮT CON CHÓ HOANG

Baburkin bước qua cổng ra bậc thêm bằng bê tông và khoải chá đưa mắt nhìn khắp khu đất màu nâu đã tan băng ở trước nhà. Toàn bộ khu đất rạng rỡ bởi lớp băng mỏng buổi sáng và mặt nước xao động tung tóe thấp thoáng phản chiếu những con chim bồ câu đang dang rộng cánh bay lên. Chúng toan đậu xuống những mảnh đất ẩm ướt lộ giữa mặt nước và gù gù lượn quanh nhau như thứ đồ chơi máy.

Thật dễ chịu khi nghĩ rằng mùa đông ác nghiệt dài lê thê đã chấm dứt và trước mặt là cả một mùa hè âm áp; thật dễ chịu khi nhìn chị lao công to béo hồng hào bận đồ bảo hộ mới màu xanh và chân đi ủng caosu đang dùng xẻng xúc vũng bùn trên con đường nhỏ. Con

chó Rurgia khôn ngoan lông xù màu hồng xám lấp lánh những tia vàng óng dưới ánh mặt trời chạy lại gần Baburkin và vừa găm gừ vui nhộn, nó vừa ngoạm lấy dây dắt chó. Rướn cao những túm lông bờm xồm mềm mại phía trên mắt nom như hai hàng mi rủ dài, con chó nhí nhánh nhìn chủ qua cái khe hở đã tạo thành và phăm phăm kéo chủ theo mình.

— Tao đi đây, Rurgia thân yêu, tao đi đây! — Baburkin cứ để mặc con chó kéo mình đi và chạy từ bậc thêm xuống, ông sai từng bước dài để khỏi tụt lại sau con Rurgia. Nhưng chạy đến góc đường, con chó nhả sợi dây và một mình chạy lon ton ở phía trước, tâm lưng rộng bờm xồm khẽ nhấp nhô.

Đêm qua, trời hơi băng giá, và khi Baburkin dắt chó đi dạo, vượt ngang qua đường cái, ngang qua chỗ khu rừng sỏi non, tiến sâu vào bãi lầy nhỏ, thì dưới chân có tiếng băng vỡ lạo xạo. Băng chỉ đóng thành lớp mỏng trên mặt bùn, những làn nước đục ngầu lập tức tràn vào những vết chân vũng sâu xuống. Con Rurgia tinh nghịch gõ móng chạy xung quanh những vũng nước đã đóng băng ở ngoài rìa, đôi khi nó thọc cả chân vào bột khí màu trắng bao phủ một lớp băng giòn. Cúi chiếc mõm xù lông xuống sát đất, con chó ngửi ngửi cái gì không rõ, rồi rữ rữ đầu, thở phì phì.

Bỗng nhiên nó nhảy tránh sang một bên, nhe răng găm gừ khe khẽ trong cổ họng và ép mình xuống đất, vẻ sợ sệt, nó chạy tới dưới chân chủ. Baburkin cúi xuống và vỗ vỗ vào cái gáy xù lông.

— Chuyện gì xảy ra thế, Rurgia, mày sợ gì vậy?

Ông đi đến chỗ con Rurgia bị kinh hoàng, và ở đây, gần hai cây bạch dương héo rũ, giữa vũng nước hình tròn đóng băng ngoài rìa, ông nhìn thấy một con chó chết. Đầu con chó bị đóng cứng trong lớp băng màu tro với những hình thù ren và hình sao. Một làn gió nhẹ vô tình và hờ hững làm lay động những búp lông xoắn màu trắng trên sườn con chó.

— Ôi, mày thật đáng thương! Làm sao mày lại chết

như thế, tội nghiệp! — đứng cạnh con chó, Baburkin nói lầm bầm. — Mày ở đây mới tội thân chứ, tội thân mày quá!

Và thực vậy — vũng nước bất động phản chiếu trời tháng Tư xanh biếc giờ đây trông thê lương đến khó chịu.

Baburkin đã ngoài năm mươi, ông đã chiến đấu, đã từng trải nhiều, nhưng cứ mỗi lần tận mắt trông thấy điều gì buồn thảm là mọi nỗi buồn trước kia dường như bất lực, nó không đỡ lấy phần nào gánh nặng và như vậy, không hề làm cho ông trở nên lãnh đạm hơn và khôn ngoan hơn cũng như mạnh mẽ hơn và điềm tĩnh hơn. Và ông cũng không bỏ được thói hay khóc — trái lại, về già, ông càng mau nước mắt hơn. Giờ đây cũng vậy, ông đứng cạnh con chó chết và đôi mắt giàn giụa không còn nhìn thấy gì nữa.

Người ta nuôi chó con, vì nó có cái vẻ đáng yêu thơ dại đầy sức lôi cuốn, cũng như những đứa trẻ, các con thú con có khả năng thu hút sự quan tâm và lòng đôn hậu của con người, chính điều đó giúp cho chúng sống được. Baburkin biết như vậy và vì thế, ông không hề coi những ai nuôi chó con trong nhà mình ở thành phố là nông nổi. Người ta bận bịu với chó con, người ta nhồi nhét thức ăn căng đầy cái bụng nhỏ còn chưa mọc lông của chó con, trẻ con lăn lộn với chó con trên sàn nhà và chúng thấy vui sướng. Nhưng rồi chó con lớn lên, biến thành con chó trưởng thành và các ông chủ không hài lòng nhận thấy mình đang nuôi trong nhà một con chó thường xoàng xĩnh mà ngay đến đất nó ra phố cũng thật xấu hổ. Lòng yêu mến và sự chăm sóc của mình đã dành cho con vật không xứng đáng, các ông chủ cảm thấy mình bị lừa dối: thiên hạ dạo chơi với toàn những chó écdel và chó săn, chó đô và chó bôcxê tuyệt diệu cả. Thêm vào đây lại còn bùn đất bẩn thỉu và lông rụng khắp nhà, hơn nữa cái giống hạ lưu này còn ngốn quá nhiều thức ăn. Thế là, theo phép biện chứng luôn luôn phát huy hiệu lực, lòng yêu mến biến

thành nỗi căm ghét, và cho đến một hôm rút cuộc con chó tội nghiệp bị tổng khứ ra khỏi cửa mặc dù nó vô cùng ngoan ngoãn. Và khi đó, nó rơi vào cái xã hội tự do của những con chó hoang trong thành phố.

Ở khu phố mới xây dựng gần đường Rúplép, nơi Baburkin cư trú, có không ít những con chó như vậy. Chúng sống nói chung không đến nỗi tồi, chúng tìm thức ăn ở những thùng rác, chúng chạy trên các bãi cỏ xanh và trên cánh rừng nhỏ nằm sát khu nhà số bảy, thỉnh thoảng đội bắt chó từ trạm thú y lại xộc đến.

Qua một người quen ở trạm thú y, Baburkin biết trước mỗi lần lùng bắt, ông lập tức tập hợp đám trẻ quen thuộc lại và báo cho chúng biết — vậy là bắt đầu một trận chiến đấu dữ dội và vui nhộn: các cậu bé và các cô bé hò hét chạy xung quanh chiếc ô tô nhem nhuốc mà thùng xe đã được dùng làm chuồng chó và chúng dùng đá, gây gộc xua chó và mèo chạy tán loạn. Baburkin hiểu những người bắt chó có nhiệm vụ của họ, nhưng ông cũng có nhiệm vụ của ông.

Họ tung lưới hình tròn bằng dây thép lên mình con chó và tóm lấy cổ nó, trong đầu luôn nghĩ tới năng suất và tiền thưởng còn ông nằm thườn thượt trên đi-văng nhà mình, đầu đập khăn ướt và khóc than cho sự mất mát lại đến theo lệ thường.

Vào những đêm mùa đông giá rét, cứ nghĩ đến những con chó Anma hoặc Tardan hay Musca không hiểu bây giờ ở đâu là ông không thể chợp mắt được. Đôi khi không chịu nổi nữa, ông rón rén mặc quần áo, cố không làm bà vợ thức giấc, và cùng con Rurgia, ông bước ra ngoài trời lạnh buốt. Ông đi qua những đường phố nằm giữa hai khu nhà lớn, dùng đèn pin chiếu sáng các góc tối tăm, và nếu như nhìn thấy con chó lạnh cóng đang nép sát vào tường, ông kéo nó tới cổng gần nhất và mở cánh cửa bị lò xo kéo căng, ông lôi nó vào đây. Hai tay ông cảm thấy tâm thân chó cứng đờ, co giật, bộ lông lạnh ngắt đầy sương giá, và tiếng răng chó nghiến ken két nghe thật hãi hùng. Con Rurgia hiền lành nhào đến đùa nghịch, liếm mũi chó, còn nó, con

chó hoang đang thoi thóp, thì phát ra một tiếng rên khe khẽ run rẩy và đôi mắt thú dữ đỏ ngầu lấp lánh một cách man rợ ngược nhìn người. Và Baburkin không thể nhìn vào đôi mắt ấy, không thể chịu nổi những gì biểu lộ trong đôi mắt ấy.

Baburkin đã ngồi nhà hưởng trợ cấp thương tật từ lâu, và chỉ định của các bác sĩ là ông phải sống yên tĩnh. Mỗi quan tâm của «ông thanh tra xã hội về mèo và chó» như bà vợ vẫn gọi ông một cách mỉa mai lại hoàn toàn không giúp cho sự nghỉ ngơi yên tĩnh, và Êlidavêta Páplôpna không hoan nghênh lắm hoạt động này của ông. Nhưng phản đối đến cùng thì bà không dám, bà thấy rõ mỗi quan tâm đó dẫn chồng mình đến với nhiều người tốt, trẻ em trong cả tiểu khu đều biết ông, chúng hớn hờ chạy lại với ông ở ngoài phố. Và cái chính là bà biết rằng ông sẽ không bao giờ chữa khỏi được cái bệnh giàu tình thương, thứ tình thương bệnh tật, rộng khắp quá đôi khi khiến ông phải chịu những cơn rối loạn thần kinh nặng trong nhiều ngày. Bà đã biết rõ điều ấy trong gần ba mươi năm.

Vào những buổi sớm mùa đông âm đạm, từ lúc còn chưa có một dấu hiệu nào của ánh sáng và mặt trời, khi những ô cửa sổ hắt ra ánh sáng màu vàng trên các ngôi nhà và những người đi ra ga xe điện ngấm phải vất vả lắm mới nhận rõ được con đường dưới chân, có thể nhìn thấy một con chó đơn độc đang ngồi giữa mặt đường nhựa ở chỗ rẽ vào trường học. Đó là con Gai đang đợi đám học sinh. Chúng xuất hiện vào lúc tám giờ, những đứa trẻ giọng lạnh lạnh và nghịch ngợm ngay cả trong cảnh lờ mờ sâu nảo của buổi sáng giá lạnh, tựa như những dòng suối nhỏ mùa xuân chảy dưới lớp tuyết màu sẫm, và con Gai bắt đầu chạy tới chạy lui dọc theo đám trẻ chen chúc đi thành hàng dài ấy. Nhiều tiếng kêu chóc chóc gọi con chó. Và nó có mặt ở khắp nơi, chỗ này nó nhai miếng thịt băm viên hoặc mẩu bánh mì, chỗ kia nó chỉ nhận được một cái búng thân mật vào trán. Sau khi tiễn một người nào đó đến cổng trường, nó lại vội lon ton chạy trở lại, vênh

một tai lên và thân thiện nhìn những khuôn mặt trẻ thơ ửng đỏ.

Sau đó một lúc, có thể trông thấy con chó non trẻ màu vàng, khỏe mạnh có cái bụng sáng ấy ở đâu đó trên bãi vắng, nó chạy tung tăng giữa đám trẻ đang chơi ném tuyết, hoặc ở trên đồi nhỏ, nó phóng theo sau những chiếc xe trượt tuyết, hoặc trên bãi băng gần nhà số bốn mươi, nơi các chú bé đang chơi khúc côn cầu, còn các cô bé chân mảnh khảnh mặc quần nịt và váy tươi màu, đi giày trượt băng nghệ thuật đang lượn tròn ở ngoài rìa. Con Gai lao vào dưới những chiếc gậy cong, nó cố ngoạm lấy miếng caosu tròn dẹt, và đôi khi trượt bốn chân trên băng, nó lại lao vút ra xa. Đám trẻ không đuổi nó đi, với đôi mắt hăng say, và hàm răng nhe ra, nhí nhảnh, nó luẩn quẩn giữa đám trẻ, chờ cơ hội thuận tiện để xông vào. Nếu như nó chộp được miếng caosu đen, nó liền cầm đầu chạy không vội vã, đuôi cong lên trên lưng, và một vài chú bé vừa hò hét đuổi theo nó, vừa nhảy nhót trên tuyết, chân vẫn mang giày trượt băng. Chạy được một quãng khá xa, Gai nhả miếng caosu xuống tuyết và chân giẫm lên miếng caosu đó, nó tỉnh nghịch nhìn những kẻ đuổi bắt nó.

Toàn bộ cuộc đời của con chó này diễn ra giữa đám trẻ, mùa đông cũng như mùa hè, cho dù chúng tụ tập ở bất kì nơi nào, con Gai cũng đến quanh quẩn bên chúng. Thế nhưng Gai không có chủ, và nó sống ở sân trạm thu mua phế liệu, đằng sau gian nôi hơi.

Từ lâu, Baburkin đã lo cho số phận của nó, nhưng với con chó vô chủ này, ông không gặp may. Viên thanh tra về chó đã thu xếp thỏa cho mười con chó hoang, ông tìm những người có tình thương, những người tốt bụng trong khu mình, ông chở chúng về các làng ở nông thôn, ông trao chúng cho những người bảo vệ ở trại nuôi gia cầm, kho tàng, nghĩa địa, và tất cả những con chó ấy đều sống tạm tạm. Chỉ riêng với con Gai là chẳng ăn thua gì. Đã có hai người nhận nuôi nó và một thời gian sau cả hai đều chôi từ—con Gai không muốn bị nhốt trong nhà và nó tru lên đến

khiếp, khao khát ra ngoài phố. Khi dẫn nó đi dạo, nó thường giật dây khỏi tay chủ bỏ chạy. Hơn nữa, nó còn làm ra vẻ đắc đặc và bỏ đi không hề ngoái lại, nó cuộn tròn đuôi và luôn luôn quay mình đi, chĩa về hướng chủ cặp móng màu vàng tươi sạch sẽ của nó.

Tổ tiên nó là giống chó bécgiê Đức, nhưng vài giọt máu thuộc giống chó không nòi chảy trong mình đã làm hồng hết ngoại hình và tính tình của nó. Con Gai hoàn toàn không có cái vẻ nghiêm trang, điềm tĩnh và oai vệ của chó bécgiê, nó nghịch ngợm, vui nhộn, bộp chộp, hiền lành và mặc dù có bộ ngực vạm vỡ và răng nanh to khỏe, nó không hề đánh nhau với bất cứ con chó nào. Khi một con chó bôcxê mặt khó đăm đăm, toàn thân cơ bắp nổi cuộn cuộn từ khu rùng nhỏ lao ra và phóng điên cuồng trên bãi cỏ về phía nó, con Gai thích thú ép sát ngực xuống đất. Và đến lúc cái mũi quý tộc nhem nhuốc nước mũi vì phần nộ đã kề ngay cạnh, con Gai nhanh nhẹn và lặng lẽ vụt chồm dậy và xông tới tựa như ngọn lửa vàng, nhưng lại hơi chệch về một phía, vì thế nó an toàn chạy thoát ngay gần bộ hàm trứ danh của con chó bôcxê đang nghiền ken kết trong con thình nộ vô ích. Vừa sủa âm ỉ vì giận dữ, con chó bôcxê vừa ghim cả bốn chân. Còn con Gai quay lại và ép sát ngực xuống đất, nó lại khấn khoản mời chào kẻ truy đuổi đang đứng thờ hồng hộc. Và con chó kia lại lao vút đi và lại bị lừa. Cứ thế lặp đi lặp lại nhiều lần và dần dần, trong động tác của kẻ tấn công bắt đầu lộ ra những cơn co giật ngờ nghệch, còn trên bộ mặt nhẵn nhụi bắt đầu xuất hiện nét gì đấy tựa như là cảm hứng tình nghịch: điều này có nghĩa rằng con Gai vô hình trung đã lôi cuốn nó vào trò chơi, đã thức tỉnh một cái gì đó tự nhiên, hoàn toàn thuộc loài chó ở trong con chó bôcxê được bồi dưỡng bằng món thịt ninh chưa chế biến và cháo kiều mạch.

Con Gai là như vậy. Nó ưa đùa nghịch, nó mên trẻ con và thích chạy nhông. Baburkin cho rằng đó là một trong những con chó hay nhất mà ông biết. Ông không phải là chuyên gia nuôi chó và ông xác định giá trị của

chó không theo ngoại hình của chúng. Hồi chiến tranh, ông đã được trông thấy ở khu Ismailôvô, những con chó thuộc trung đoàn đặc nhiệm, đến vài nghìn con mà về sau gần như tất cả đều đã hy sinh trong trận chiến đấu bảo vệ Mátxcơva, khi chúng phá hủy xe tăng địch. Cũng như nhiều con chó tái thương, chó liên lạc, chó dò mìn, những con chó anh hùng lông xù, không phải là những con chó quý tộc dòng dõi. Baburkin sẵn sàng đem con Gai về nhà nuôi, nếu như ông chưa có con Rurgia.

Gianôscă Primác ở nhà số bốn mươi hai là một cô bé mười tuổi, chân mảnh dẻ và người dong dỏng, khuôn mặt xanh xao vẻ lo âu, hết sức nghiêm trang. Em đã thích con Gai từ lâu. Baburkin thường nói chuyện với em và hai bác cháu toàn nói về con Gai. Cha mẹ em không cho phép em đem một con chó lang thang về nuôi. Nhưng họ không thể cấm nổi con mình nô đùa với nó. Sau giờ học, Gianôscă đi chơi với con Gai, em dắt nó bằng dây vải tự làm lấy. Con chó to khỏe lôi cô bé qua những mô đất và ổ gà, không cần phân biệt đường sá, và với cánh tay quăn dây chó đuổi thẳng, em vừa chạy theo sau, vừa lấy tay kia sửa lại mái tóc tung bay. Em mang thức ăn gói trong giấy đến cho nó ăn, em khề quát nó bằng giọng nghiêm khắc, vẻ ghen tị, em cố kéo nó ra xa tụi con trai. Ít lâu sau, Baburkin nhận thấy con Gai đã quen với cô bé và nó vui lòng chạy lại mỗi khi em gọi. Ông tặng Gianôscă chiếc cổ đeo cũ có sô và dây chó bằng da. Ông bắt đầu nói chuyện với em: ông thầm hy vọng rút cục em sẽ thuyết phục được cha mẹ và đến lúc ấy, có thể sẽ không phải lo lắng cho sô phận con Gai.

Trên bãi rộng đằng sau khu rừng nhỏ, người ta đang xây dựng ngôi nhà, và một người đàn bà làm thợ cả ở công trường đó đã để ý đến con Gai. Một hôm, trong khu rừng nhỏ, ông gọi con Gai lại cho nó ăn đường thì chị ta đến gần ông. Chị ta sống ở Skhônâia, có nhà riêng, chị ta cần một con chó hay để giữ nhà.

Baburkin định tìm cho con Gai nơi nào khá hơn, nhưng người quen ông ở ban quản trị nhà ở đã báo cho ông một tin khiến ông băn khoăn, — sắp sửa lại có đợt lùng bắt chó. Tin này cộng thêm mối hoài nghi chắc gì Gianôscas sẽ thu xếp được đã khiến ông phải quyết định. Ông tự mình bắt con Gai và dẫn nó về nhà người đàn bà ở Skhôtchia.

Một tuần sau, Baburkin gặp bà và hỏi thăm chị ta xem tình hình con Gai sống ở chỗ mới ra sao.

— Nó trốn mất rồi, — người đàn bà trả lời, về thờ ơ. — Nó chui đầu ra khỏi cổ để và trốn biệt.

— Phải viết thông báo mới được, — Baburkin lo lắng. — Vì con chó có thể chết mất thôi.

— Lại còn thông báo gì nữa chứ? — người đàn bà ngạc nhiên, đôi mắt màu tro lờ mờ nâu nhìn ông chăm chăm. — Vì một con chó đực ư? Chỗ tôi bây giờ đang nghiệm thu nhà, hết ủy ban này đến ủy ban nọ, tôi không có thời gian làm việc ấy đâu.

— Tự tôi sẽ viết và đánh máy cho chị, — Baburkin đề xướng. — Còn chị chỉ việc dán thông báo lên các cột nhà ga thôi.

— Thôi được, tôi sẽ dán, — chị ta hứa và bỏ đi tới chiếc máy ủi đang ủi đất trước ngôi nhà mới.

Baburkin nhờ một nhà báo quen đánh máy thông báo thành mười bản và đem đến cho người đàn bà. Nhưng cứ theo cách chị ta cầm lấy những tờ thông báo, cầu thả nhét vào túi áo mưa là ông khó tin được chị ta sẽ giữ lời hứa. Và ông quyết định tự mình đi đến Skhôtchia xem sao.

Hóa ra mọi sự còn tồi tệ hơn Baburkin tưởng. Những người hàng xóm kể lại rằng chị ta đi làm, bỏ mặc suốt ngày không cho chó ăn uống. Chị ta sống một mình, trước đây chị ta sống cùng với con gái, hiện giờ con gái chị ta đã lấy chồng và sống ở Mátxcơva. Chị ta bao giờ cũng về muộn, mà đôi khi còn vắng nhà mấy ngày liền. Những người láng giềng có nhìn thấy con chó, họ đã để ý đến nó; lần sau cùng họ trông thấy nó

đã bứt khỏi xích và chạy nhông ngoài phố hai ngày trời rồi biến đi đâu không rõ.

Baburkin đi qua các phố cạnh nhà ga, ông nhìn lên tất cả các cột điện báo và cột đèn — không thấy dán thông báo mất chó. Người ta đã nghiệm thu ngôi nhà mới xây dựng xong và Baburkin không thể tìm thấy người đàn bà làm thợ cả kia nữa, cũng như không lần nào ông gặp được chị ta ở nhà. Cần phải tự mình đi tìm con chó thôi.

Ông bắt đầu ngày ngày tới Skhôtchia. Không hiểu vì sao mà ý nghĩ con Gai đã gặp nạn cứ bám riết lấy ông.

Ông đi qua hết tất cả các phố nằm hai bên đường sắt, mà thị trấn thì không nhỏ. Ông làm quen với nhiều người nuôi chó, chẳng bao lâu người ta đã để ý đến ông trên các đường phố. Ông báo cho đồng chí công an khu vực, ông ghé vào trường học và nhờ đội thiếu niên tiên phong giúp đỡ. Ở đồn công an và trong trường học, ông phải nói dôi thêm cho đủ lý lẽ để tìm chó. Baburkin bịa ra rằng con chó này đã cứu người chết đuối và vì thế nó có giá trị to lớn đối với xã hội. Đồng chí công an khu vực người to béo, da ngăm ngăm, bị suyễn và đội thiếu niên tiên phong ở trường đã tin ông và sẵn lòng giúp đỡ. Thậm chí ở trường học còn thành lập một ban tham mưu đặc biệt.

Thế nhưng ngày lại ngày qua đi mà con Gai thì vẫn không thấy tăm hơi. Đã sang tuần thứ hai, và Baburkin cảm thấy càng ngày ông càng kém hoạt bát. Sáng sáng, ông bị chảy máu cam, điều này ông giấu vợ — không thể thì từ lâu Êlidavêta Páplopna cũng đã căn nhắc ông về những chuyến đi đến Skhôtchia ấy rồi.

Không tìm thấy con Gai. Đã sắp hết tuần thứ hai, và bà vợ cương quyết — đòi ông phải chấm dứt những chuyến đi Skhôtchia: rồi ông sẽ quí cho mà xem. Chính bản thân Baburkin cũng cảm thấy điều đó có thể xảy ra, nhưng ông cũng biết rằng con Gai còn sống, các em thiếu niên đang chạy khắp thị trấn, đi tìm nó, và nếu chỉ chờ thêm chút nữa thôi là có thể sẽ làm được một việc từ thiện.

Vào một trong những ngày như vậy, Baburkin trở về nhà và nằm xuống divăng. Gáy ông chột trở nên nặng như chì, và có cái gì đây đó ép trong người ông từ dưới lên trên. Con Rurgia mang đến quả bóng rách của nó, rồi khấu tiểu liên đồ chơi bằng nhựa rử ông đùa nghịch với nó, nhưng thấy chủ nằm đứng đưng, hai tay đặt trên bụng và mắt nhắm nghiền, tự nó cũng nằm xuống thắm. Nó dùng chân chái ngược lông xù trên mõm ra phía sau cho thật mượt, để lộ ra đôi mắt tròn nháy cảm với hàng mi dài và trệu mền nhìn chú chăm chăm.

Lúc Êlidavêta Páplôpna về, Baburkin đang nằm đắp khăn ướt lên trán, mũi bịt bông thấm đầy máu. Con Rurgia cắn váy bà chủ và không cho bà cởi giày, nó lôi bà vào phòng tới chỗ divăng. Nó ngồi xuống, cào lên sàn nhà và bắt đầu kêu ăng ăng.

Êlidavêta Páplôpna thở hắt hắt và nặng nhọc nhấc đôi chân nóng bức bước trên sàn gỗ mát lạnh, bà đi khắp phòng dọn dẹp những quả bóng, khấu tiểu liên, đôi giày caosu, con búp bê cũ mà con chó vút tung tung trên sàn, bà xếp chúng vào góc, nơi chứa mọi thức của con Rurgia, và bà cầu nhàu:

— Thê là đến lượt ông, tất nhiên rồi. Những con chó của ông sẽ dẫn ông xuống mồ thôi. Trên toàn khu Cuntsevô này có biết bao nhiêu là chó, mà ông thì bỗng đứng lại nẩy ra ý định đuổi theo một con. Với lại giờ đây họa chẳng có quý mới tìm thấy nó, một khi nó đã mất? Vậy mà ông cứ chạy ngược chạy xuôi, đi đâu cơ chứ—đi Skhôtia! Không ăn uống gì hết, cuồng cả lên, rồi bây giờ nằm bệt trên divăng. Ông định đùa hay sao, ông Xtêpan? Nói có Chúa chứng giám, các ông điên rồi thê nào ấy. Cả ông cả ông bạn Ruvim Bôrixôvích của ông nữa. Cũng già rồi, lê chân không nổi, vậy mà ngày cũng như đêm, không lúc nào yên (Ruvim Bôrixôvích là bạn ông trong Ban bảo vệ súc vật). Xin hỏi, các ông muốn gì với những con chó con mèo ấy, các ông muốn gì nào?

— Muốn cho chúng sống, Êlidavêta ạ... ôi, cái đầu

tôi,—Baburkin đáp, giọng yếu ớt.—Giá bà cho tôi ăn món xúp ócrôsc¹ lạnh, bà nó ạ.

—Ừ, tất nhiên rồi, để cho đủ các loại súc vật được sống, còn người thì vì chúng mà nằm vào quan tài,—Êlidavêta Páplôpna thốt lên một cách nghiêm ngặt, nhưng những lời nghiêm ngặt ấy không làm cho ông chống cự: ông đã quá quen với những câu đối đáp của bà rồi.

Sáng hôm sau, ông cảm thấy trong người khó chịu và ông quyết định nằm nhà, không đi đâu hết. Và lại, ông cũng thấy thương con Rurgia, đã vài ngày nay nó không được dạo chơi ngoài phố buổi sáng. Nhưng bất chợt chuông điện thoại réo vang.

—Bác Xtêpan, có phải bác đây không?—một giọng trẻ con, thờ dờn đập cất lên.

—Bác đây, ai đây?

—Bác Xtêpan, cháu đây, Gianôsc² đây.

—À, có chuyện gì vậy cháu?

—Bác Xtêpan, thế con Gai đâu bác?

—Con Gai ấy à?.. Không còn nữa. Bác cho rồi.

Tiếng nói trong điện thoại im bật, nhưng vẫn nghe rõ tiếng cô bé thở. Rồi em khẽ thốt lên, giọng run run:

—Sao bác lại cho? Đó là con chó của cháu cơ mà.

—Kì lạ chưa,—Baburkin bồi rồi đáp.

—Nhà cháu đã mua nhà nghỉ ở ngoại ô rồi, bác Xtêpan ạ. Bỏ cháu bảo có thể nuôi con Gai ở ngoại ô.

—Thế còn mùa đông? Mùa đông thì để nó ở đâu?—Baburkin hồi hộp: ông cảm thấy ở đây có thể làm được một việc gì đây.

—Cháu không biết, cháu sẽ hỏi bố cháu.

—Ừ, cùng lắm có thể nhờ hàng xóm hoặc người gác giữ hộ,—ông bắt đầu đề xuất.—Mà nhà nghỉ ngoại ô của nhà cháu như thế nào? Ở đó có người gác không?

—Cháu không biết, cháu sẽ hỏi, bác Xtêpan ạ.

—Cháu cứ hỏi đi, rồi gọi điện cho bác.

¹ Xúp làm bằng nước giải khát covát với rau và thịt.

— Vâng. Còn con Gai thì bác lấy về chứ?

Và chỉ đến giờ, Baburkin mới hiểu toàn bộ câu chuyện với cô bé thật vô nghĩa. Có thể từ lâu rồi, con chó đã không còn sống nữa... Tuy nhiên, không rõ vì lẽ gì mà ông không nói thật cho cô bé biết, ông chỉ bảo:

— Bác sẽ cố, bác không hứa gì đâu nhưng bác sẽ cố, cháu ạ.

Và lập tức, sửa soạn xong, ông lại lên đường đi Skhōtnia.

Hai ngày sau thì tìm thấy con Gai, chính Baburkin đã tìm thấy nó. Sáng hôm ấy, khi xuống tàu và bước lên cầu leo bắc qua đường sắt, ông trông thấy một đám trẻ đang nô đùa trên đường phố nằm sát nhà ga và một con chó màu vàng gầy nhom đang luẩn quẩn xung quanh chúng. Bọn trẻ dùng dây kéo theo một chiếc hộp bằng các tông và sắp xếp vào ngõ hẻm, con chó lon ton chạy đằng sau, thế là Baburkin gọi to: «Gai! Gai!» Con chó dừng lại và vênh một tai lên, điệu bộ này mới quen thuộc làm sao, nó ngoảnh lại nhìn.

— Gai! Gai! Lại đây! — Baburkin rống sức hết thật to và tay cầm tờ báo cuộn tròn vẩy rồi rít trên đầu.

Con Gai nhìn thấy ông và bỏ mặc đám trẻ, nó lon ton chạy về phía nhà ga, vừa chạy vừa ngẩng cao đầu và cổ không để mất hút ông. Chạy đến gần cầu leo dốc đứng, nó chột kêu ăng ẳng và lao lên trên, rồi trượt chân trên bậc thang, trong khi len lỏi dưới chân những người đi trên cầu.

— Ai chà, mày thật vô tích sự! Gai ngốc nghếch của tao, mày lang thang ở đâu lâu vậy? — Baburkin khề lúng búng, ông ôm lấy đầu con chó đang đứng lìm đi và nhìn vào mắt nó.

Khách đi trên cầu ngạc nhiên và tò mò nhìn người đàn ông đứng tuổi đang ngồi xổm trước con chó màu vàng khắng khiu, hai tay run rẩy nắm bóp nó, miệng lẩm nhẩm câu gì đó, không hề để ý đến mọi người xung quanh. Con chó đứng im trước mặt ông, cụp hai

tai, nheo mắt sung sướng, thè lưỡi ướt và khề ngoe nguẩy đuôi.

Con Gai gầy gộc đi đến nỗi khó nhận ra được, xương sườn giờ ra dưới bộ lông cứng đầy bụi, bụng thót lại đến tận đốt sống thành hình vòm dựng đứng. Ở chân trước xuất hiện một cục u, dấu vết gãy xương bên trong đã lành: gót chân không hề động đậy — có lẽ, đây là chỗ giáp thương nặng. Một đoạn dây gai lủng lẳng trên cổ thay cho cổ để cũ có số.

— Người ta đã làm gì mày thế này, Gai của tao!

Nhưng con Gai khác hẳn trước chủ yếu không phải ở vẻ gầy gộc và không phải ở những vết thương trên mình nó: ở nó đã xuất hiện vẻ dè dặt đặc biệt nào đây và vẻ chăm chú để phòng không bao giờ ngơi. Trước kia, không phút nào vắng những cú nhảy rần rỏi, những cái hôn ướt át bất ngờ, những tiếng sủa vang dội ngắt quãng. Còn giờ đây con Gai hình như đã hoàn toàn mất tiếng và nó nhìn có vẻ rất đa nghi, buồn bã.

Lại đưa con Gai trở về chỗ cũ gần trạm thu mua phế liệu, Baburkin trao nó cho ông lao công Kōlia Sapharōp chăm sóc, còn ông thì chữa chạy bệnh tật của mình, ngày ngày ông bắt đầu đi đến trạm xá làm liệu pháp.

Vốn tham gia ban bảo vệ súc vật thuộc hội bảo vệ thiên nhiên từ lâu, Baburkin đã thấy quá nhiều và nghe quá nhiều về đủ cảnh rừng rợn. Ban ông đã tập hợp được vô số tài liệu về những trường hợp con người hành hạ súc vật. Bản thân những kẻ hành hạ không đáng sợ — bề ngoài họ là những con người bình thường, trong đó thậm chí có cả trẻ em và phụ nữ nữa, — cái bản tính ẩn nấp trong họ mới đáng sợ. Baburkin cho rằng cái bản tính ấy chẳng khác hơn bệnh dịch hạch chút nào, bởi vì còn cái gì nếu như không phải tính hung bạo đã và đang sát hại biết bao nhiêu người trên thế gian này? Và khác gì lắm đâu, nếu như cái bản tính ấy bộc lộ ra không phải nhằm vào con người mà nhằm vào con chó không biết nói. Bọn người này mà có quyền và có cơ hội thì không hiểu họ còn làm những điều xằng bậy đến đâu nữa đây.

Baburkin nhận thấy bản thân những người hành hạ súc vật toàn là những kẻ tồi tệ, nhỏ nhen và hèn nhát. Không phải tất cả bọn họ đều rõ ràng là những kẻ ưa thích thói tàn bạo, nhưng họ giống nhau ở một điểm là đều không có sự cảm thông. Người nào cũng đui điếc và không thể thông cảm với nỗi đau và cái chết của đồng loại. Mà chính họ cũng là những sinh vật trần thế và biết đau đớn! Điều đó khiến Baburkin kinh ngạc nhất.

Còn ông thì thậm chí không thể giẫm chết một con gián hoặc bóp chết một con nhậy tai hại. Bao giờ ông cũng nuôi chó—con Rurgia là con thứ tư,—và con nào cũng sống với ông cho đến lúc già và chết. Nhưng không chỉ lòng yêu súc vật và mong muốn bảo vệ súc vật đã dẫn ông đến với hội bảo vệ thiên nhiên. Ở đây, ông gặp gỡ những người mà cũng như ông, mắc cái bệnh không sao chữa khỏi là giàu tình thương. Giữa những con người khác nhau về công việc và địa vị ấy—có các nhà khoa học, các họa sĩ, các bà nội trợ, công nhân, sinh viên,—Baburkin cảm thấy mình là người nhà, là người có đầy đủ giá trị, và ở đây, nỗi cảm thông sâu sắc của ông đối với súc vật, đối với tất cả những sinh vật tin cậy phó thác bản thân mình cho lòng tốt của con người không hề bị ai coi là lỗi bịch, là ấu trĩ.

Một hôm, sau khi đã làm liệu pháp ở trạm xá trở về và đang đi gần về đến nhà, Baburkin trông thấy ông lao công Kôlia Sapharôp đang ngồi trên mép vỉa hè, chân để xuống mặt đường nhựa. Ông ta bận áo choàng màu xám ngồi phoir nằng, cái lưng gầy guộc của ông còng xuống; ông đang khẽ lắc lắc đầu và lặng lẽ khóc.

Ông ta là một người Tácta đứng tuổi, hai má hóp lại và đôi gò má xương xẩu, hai hàng lông mày đen và rậm hơi xệch, bên cao bên thấp và mùa đông cũng như mùa hè, chiếc mũ cát két có lưỡi trai nhỏ bé bao giờ cũng kéo sùm sụp xuống tận hai hàng lông mày đen ấy. Baburkin chơi thân với ông ta—Kôlia luôn luôn chọn

tất cả những thứ ăn nhặt được trong thùng rác và dùng chúng để nuôi tất cả các con chó hoang trên toàn tiểu khu. Mỗi khi sáng sớm, ông ta đứng trước thùng rác, tay đi găng vải bạt lục lọi trong đó, bao giờ cũng có vài con chó đủ loại to nhỏ khác nhau ngồi vây lấy ông, mặt con nào cũng lộ vẻ chờ đợi và cảm kích như nhau. Minh đeo chiếc tạp dề dài quá gối, với hai hàng lông mày đen chênh chênh và mồm ngậm chặt điều thuốc lá rẻ tiền, ông Kôlia cúi lom khom, quay lại phía sau và nói chuyện thật lâu với những kẻ ăn chực, lúc thì với con này, lúc lại với con khác. Và con nào được người lao công nói chuyện với mình cũng đều ngả đầu bên vai, nhấp nháy mắt và chăm chú nghe ông nói.

Người lao công đứng tuổi này là người giúp việc đắc lực nhất cho Baburkin.

— Có chuyện gì thế, Kôlia?—Baburkin lo lắng hỏi, ông cảm thấy có điều chẳng lành xảy ra.

— Lũ sát sinh ấy đã đến. Ôi, bọn chúng đã đến!—người lao công bắt đầu than thở.—Bọn chúng đã cướp mất con Gai, đã cướp mất ba con mèo rồi,—người lao công vừa khóc, vừa báo tin.

Baburkin sửng người; ông đứng trước mắt người lao công đang nức nở, hai bàn tay ông nắm chặt thọc sâu vào túi quần và mắt nhìn xuống dưới chân. Rồi ông ngẩng đầu lên, cuống quýt.

— Giờ tôi phải đến đó đây, may ra có thể chuộc lại được chẳng,—ông cho người lao công biết quyết định của mình.

Nhưng người lao công phẩy bàn tay gầy khô nứt nẻ.

— Đừng đi nữa, Xtepan ạ. Vô ích thôi. Hấn đã tóm cổ và dùng thanh sắt đập vào đầu nó. Hấn đã giết nó ngay tại chỗ rồi.

— Thế ông để mất đi đâu? Sao ông lại thả nó ra đường?—Baburkin quở trách người lao công.

— Tôi đang dọn dẹp,—người lao công thanh minh, không hiểu vì sao lúc nào ông cũng lau cảm chứ không

lau đôi mắt đang đăm lẹ.—Nó đang quanh quẩn ở đây, còn tôi bỏ đi uống nước corvát...

— Ôi, chết hết tất cả bọn chúng đi!— Baburkin kêu lên, bàn tay nắm chặt gờ cao trên đầu như định đâm vào kẻ thù vô hình.

Baburkin đi về nhà; ông nghe thấy những tiếng ồn ào khó hiểu ngoài phố, cả tiếng trẻ em lanh lảnh, lẫn tiếng rú âm ỉ của chiếc máy bay phản lực đang bay ngang qua, nhưng ông tưởng như tất cả những âm thanh ấy là dư âm của một giấc mơ kì lạ mà trong đó con Gai vừa mới bị giết chết, và đồ vải trải giường đã khô—những tấm vải hình vuông rực sáng dưới ánh mặt trời—đang bay phấp phới trước làn gió nhẹ. Đi qua bên cạnh, Baburkin cúi người xuống để khỏi vướng vào những tấm vải sạch sẽ ấy, và đúng lúc cúi mình xuống, ông chợt cảm thấy đau nhói trong lòng.

Về đến nhà, ông cho con Rurgia ăn, dọn dẹp những thứ con Rurgia làm vương vãi và ông mở cửa bancông. Uể oải vì ăn no và vì không khí oi bức buổi trưa, con Rurgia nằm xuống chỗ bóng râm gần cửa, đôi chân xù lông duỗi dài đè lên nhau. Baburkin bước ra bancông, ngoài đây, đồ vải trải giường mà bà chủ đã phơi từ sáng sớm cũng khẽ lay động. Và hình ảnh những tấm vải rực sáng dưới ánh mặt trời lại gây cho ông nỗi xúc động đau đớn không hề liên quan gì tới con Gai cũng như tới bất cứ cái gì khác. Tiếng máy bay bay qua tuồng như khẽ làm chân động trái tim ông lại càng khiến ông thêm lo lắng.

Và ông buồn rầu nghĩ rằng trong mình đang bắt đầu một cơn bệnh mới sẽ bắt ông phải nằm bệt trên giường và... Mất ông không thể chịu nổi ánh sáng màu xanh da trời và màu trắng—bầu trời và những tấm vải đã khô, Baburkin đóng sập cửa bancông lại và kéo màn che cửa.

Lần này, Baburkin đã phải nằm liệt giường khá lâu, khi ông cùng với con Rurgia ra khỏi nhà thì đã là mùa thu...

Trong thời gian ông bị ốm, ông bạn Ruvim

Bôrixôvích đã đến thăm ông. Ông bạn già kể rằng ông đã tổ chức được tòa án đồng chí ở ban quản trị nhà ở của ông để xét xử một kẻ chuyên ngược đãi súc vật, đã hành hạ mấy con chó đến chết.

Những người thuộc Hội bảo vệ thiên nhiên đã đến dự phiên tòa, và nhiều người dân tiểu khu cũng đã có mặt tại phiên tòa đó. Nhưng kẻ hành hạ súc vật đã chôi bay chôi biên tất cả,—trước những nhân chứng nghe thấy tiếng kêu là của các con chó bị hành hạ, anh ta trả lời rằng anh ta dạy dỗ chứ không phải đánh đập chúng...

Nghe hết những chi tiết của phiên tòa, Baburkin chỉ phẩy tay. Ông cũng không hy vọng gì hơn. Ở chính ban quản trị nhà ở ấy, ông biết, có một người đứng tuổi đã viết đơn gửi Ủy ban nhân dân xin phép «bắn những con quạ và bồ câu cũng như những con chim sẻ và mèo» thường quấy rầy giấc ngủ của ông ta. Chính ông ta đã đưa nữ công dân Xenenkina ra tòa án đồng chí vì chị ta đã đem về nhà mình năm con chó hoang ốm yếu, cho chúng ăn và chữa bệnh cho chúng. Chị Xenenkina này, Baburkin biết, có lần đã nhặt về một con chó già lạnh cóng không còn lấy chiếc răng nào và chăm sóc nó...

— Ruvim Bôrixôvích, chả nhẽ họ không hiểu ư?— Baburkin tỏ ra ngạc nhiên sau khi đã nghe ông bạn chậm rãi kể hết câu chuyện tỉ mỉ của mình.

— Thế đây... Một mặt... họ không muốn,— Ruvim Bôrixôvích khẽ đáp.— Mặt khác... cố nhiên, họ không hiểu.

Đó là một ông già nhỏ bé, mũi to, tóc bạc phơ, làm ở thư viện. Ông nói với giọng rì rầm khe khẽ, ngắt quãng dài, trong những lúc ngắt quãng như vậy, đôi mắt lồi của ông thường nhấp nháy liên tục sau cặp kính viễn nặng. Baburkin biết chỉ còn hai ông bà sống với nhau, gần như cả họ nhà ông đã bị bọn phátxít bắn chết ở Litva. Ông tham gia hội từ lâu rồi.

— Bọn súc sinh ấy hôm nay thì hành hạ chó, đến

mai chúng sẽ chuyển sang đày đọa trẻ con. Phải chăng chưa hề có chuyện như vậy, Ruvim Bôrixôvích?

— Thê đây... có hết, Xtepan ạ, — ông già giữ thư viện đáp. — Quân tàn bạo... chúng nguy hiểm vô cùng.

— Và ở đâu ra những đồ thổ tả ấy nhỉ, thật khó hiểu, Ruvim Bôrixôvích ạ. Vì chúng ta dạy con trẻ toàn những điều tốt đẹp cả, — Baburkin phẫn nộ. — Thê hấn làm công việc gì? — ông hỏi.

— Nghe đâu hấn làm ở trạm ô tô... Thợ sửa chữa cơ khí.

— Chà chà! Hóa ra là đồng nghiệp cơ đây! — Baburkin kinh ngạc, — thì tôi cũng là thợ cơ khí ô tô mà. — Và ông bật cười.

Người thủ thư già nheo nheo chiếc mũi to và cũng cười khe khẽ.

Chu Đình Long dịch



Sinh năm 1913 trong một gia đình nông dân nghèo ở miền Bắc nước Nga — làng Blútnui tỉnh Vôlôgda, mất năm 1968. Các tác phẩm của Iasin như truyện vừa «Trẻ mồ côi» (1961), «Cùng với Pritsvin» (1961), các truyện ngắn «Đám cưới ở Vôlôgda» (1962), «Tôi thết khách bằng trái thanh lương trà» (1965) chứng minh ông là một người hiểu tự nhiên, giỏi về dân tộc học, một nhà tâm lý, một ngòi bút tài năng, giàu chất trữ tình và biết miêu tả đời sống.

Aléxandro Iasin

CON CHÓ SÓI TRONG THÀNH PHỐ

Mùa hè 1960, có một con chó sói sống trong thành phố Ôdêrxcơ. Không phải là con chó được thuần dưỡng hay con sói non ngờ nghịch, mà là chó sói thực sự, hoang dã, chó sói rừng. Nó sống trong thành phố một thời gian dài, hung dữ, ăn thịt chó nhà và các loại thịt khác theo thiên tính của loài chó sói. Người ta nhầm nó là chó nhà, còn bọn chó nhà khiếp sợ bỏ chạy tứ tung, chỉ rú lên vì đau xót và buồn lo vô hạn.

Khi con chó sói đã lộ tung tích và người ta đã xác nhận đích xác đây là chó sói, chứ không phải chó nhà, và được phép giết nó, những người đi săn Ôdêrxcơ tổ chức truy lùng và đã giết nó. Việc diệt con chó sói đã được tặng giải thưởng nhà nước thông thường. Nhưng

những người đi săn coi sự ngợi khen của mọi người là phần thưởng chính đối với họ, toàn thể dân chúng Ôđêrxcơ đều cảm ơn và chúc mừng họ.

Câu chuyện ấy do ông già câu cá và là thợ săn kể lại với tôi. Tôi xin thuật lại theo khả năng.

Con chó sói sa bẫy ngay từ mùa đông, và bởi vì mãi không thấy bị xét xử, nó không chờ đợi người ta đến trừng trị, nó tự gặm đứt chân nó và bỏ đi. Nó là con thú già lợc lỏi, trước đó nó cũng đã nhiều phen lâm nạn, nhưng lần này thì nguy khôn thực sự. Cái chân đau không lành miệng, bắt đầu thối thịt, con chó gầy rộc đi. Kiếm mồi trong rừng ngày càng trở nên vắng vẻ. Nhưng nó không rời đi, không chịu ăn chay, mà càng tranh tráo và tàn bạo hơn. Nó bắt đầu lớn vồn gần các xóm làng, kiếm ăn tạm bợ qua ngày, không coi khinh ngay cả ngô. Không ít lần nó đã bị trừng phạt — dân nông thôn đã nghi ghê gớm.

Một đêm, nó lên vào thành phố và thấy rõ ràng ở thành phố kiếm ăn đơn giản hơn ở làng quê nhiều. Ở đây dễ tra trộn hơn. Lũ chó nhà thường là béo mập, quen sống trong bụng, tai rủ. Từ đó, nó thường xuyên vào thành phố.

Càng ngày nó càng bạo dạn hơn. Có khi người ta vừa ra khỏi rạp chiếu phim, còn đang ra về, ở công viên các loa phóng thanh chưa im tiếng, những người canh gác các cửa hàng còn chưa kịp ngủ mà con chó sói thọt đã khập khiễng đến những chỗ vui chơi, rình xem ở đâu có cái gì hớ hênh. Chỉ có một điều nó không ưng ý: từ rừng đến đây và trở về xa quá. Con chó sói mệt mỏi vì phải đi ba chân và thời gian hoạt động chẳng được mấy: đêm ngắn lắm. Mà con thú dữ già không thích vội vã. Hành động thận trọng thì yên tâm hơn.

Có lần nó sợ ý, trì chậm và buổi sáng đến trong thành phố lúc nó còn đang ở trong sân trường học. Những đứa trẻ đầu tiên chạy đến trường lúc còn chưa sáng, con chó sói chẳng hãi sợ chúng cho lắm, vì chúng

còn nhỏ, nhưng để phòng cẩn thận, nó cứ chui vào nhà chứa củi. Ngày đầu tiên nó ở trong thành phố như thế.

Mà cũng chẳng đến nỗi tồi tệ. Nó được nghỉ ngơi. Dẫu rằng cũng có lo sợ. Cứ sau một giờ, bọn trẻ lại nghỉ học, đổ ra sân và khi thì chơi trò mèo đuổi chuột, khi thì chơi trò chó sói săn cừu, khi thì chơi bóng chuyền. Nhiều lần bóng lăn tới nhà để củi và bọn trẻ lao theo. Trong những khoảnh khắc ấy, con sói tưởng đâu thế là hết, thế là xong đời, sẽ bị lộ! Nhưng lần nào cũng vậy, té ra là bọn trẻ chẳng thèm để ý đến nó, chúng chỉ chơi đùa và không có gì đáng sợ. Người lớn cũng vậy, họ chẳng để ý gì đến con chó sói, họ có nhiều mối bận tâm khác. Con chó sói hiểu rất rõ điều đó và càng mạnh dạn hơn.

Còn một điều nữa nó không thích: suốt ngày, từ sáu giờ sáng đến mười hai giờ đêm, khắp thành phố ỉn ỏi cái thứ phát ra từ hệ thống truyền thanh. Tiếng kèn ấy tác động đến thần kinh, không cho nó ngủ mà cũng không cho nó tập trung vào một việc gì. Con chó sói sẽ khoan khoái hơn nếu tiếng kèn âm ỉ từ đêm đến sáng, khi nó đi kiếm mồi, tiếng ồn ào sẽ có lợi cho nó. Nhưng nó bỏ qua sự sợ hãi đó của chính quyền thành phố, bởi vì nó nghe thấy các loa phóng thanh làm rung chuyển không trung không chỉ riêng ở Ôđêrxcơ. Rõ ràng là cần phải như thế.

Giữa tiếng nhạc hành khúc của đài phát thanh âm ỉ như sấm, buổi tối nó ra khỏi nhà chứa củi và nhìn quanh. Chẳng có chuyện gì đáng sợ, nó đi về phía đồng rác gần nhất để ăn sáng, ai nấy đều biết ở chó sói mọi cái đều không như người, đêm biến thành ngày, khi người ăn bữa tối thì chó sói ăn bữa sáng, người ngủ thì chó sói ăn và uống, giờ trò trộm cướp. Đồng rác có mùi hấp dẫn. Nhưng cái mùi đó không chỉ lôi cuốn chó sói, cả chó nhà đói cũng mò đến, ở bất cứ thành phố nào cũng có những con chó như thế. Chó sói bèn quyết định: tạm thời có thể chưa cần đến đồng rác. Con chó nhà chưa kịp hiểu sự thế ra sao thì chó sói đã vồ nó, tha vào nhà chứa củi. Con chó nhà cũng ăng ăng đi

một lúc, nhưng tiếng kêu gào của nó bị tiếng nhạc hành khúc thường lệ của đài phát thanh át đi.

Tuy con chó nhà gây nhom, chó sói ta chén cũng đầy bụng, vì thế nó nhanh chóng ngủ thiếp đi và ở lại nhà kho một ngày nữa. Mùa hè người ta không đốt lò sưởi ở trường, thế là chó sói ta lại không bị ai quấy rầy.

Đêm sau, mai săn đuổi một con chó xồm nhỏ bé chân ngắn, rõ ràng là một thứ lai giống giữa bàn chải cọ sần và sâu róm, sói nháy ra đường phố, xông thẳng vào chỗ đông người. Hẳn là chó sói ta hoảng lắm, nhưng kết quả hoàn toàn bất ngờ: một người trong số người qua đường đá con chó chân ngắn một cái, và đá mạnh đến nỗi nó bắn văng trở lại, rơi thẳng vào mõm chó sói. Chẳng những người ta không nhận ra chó sói—điều đó chẳng có gì là lạ: mùa hè, các thị trấn huyện được chiếu sáng không lầy gì làm tốt,—mọi người còn thương sói ta là đằng khác: con chó tội nghiệp, đi ba chân, chắc là bị kẹp ô-tô. Người thọt chân đã khổ, chó thọt thì sống làm sao!

Lần ấy nó không dám vồ con chó con, nó không dám vồ trước mặt mọi người vì sợ bị lộ tẩy. Nhưng nó không rời khỏi thành phố nữa. Nếu thoát đấu hoạt động trộm cướp ở làng xóm và thành phố vì chỉ có ba chân len lỏi trông vất vả quá thì bây giờ nó ăn trộm ăn cướp là vì sống như thế dễ dàng hơn. Lương tâm không giày vò nó. Suy cho cùng, nó bị mất một chân đâu phải lỗi tại nó? Thì từ nay người ta đừng có đặt bẫy nữa. Cũng phải có một sự đền bù thương tật nào đó chứ, thì nó có đòi trợ cấp gì đâu! Dễ thường nó đành chịu thiệt chắc?

Không phải chỉ có con chó sói lập luận như thế. Trong thành phố có khá nhiều người giàu lòng trắc ẩn.

Từ khi con chó sói ở hẳn trong thành phố, các sự cố liên tiếp xảy ra.

Ở cửa hàng thịt, bắt đầu biên mất thịt loại một: cô nhiên, lượng thịt ấy đã được dùng để thỏa mãn thói háu ăn của chó sói. Những người bán hàng bù đắp

khoản hao hụt bằng túi tiền của khách hàng: bán thịt loại hai tráo vào thịt loại một.

Trong các nhà ăn, luôn luôn thiếu hụt thực phẩm—chó sói cuồn măt ngay từ kho. Phải hạ thấp phẩm chất bữa ăn, giảm lượng các món ăn có thịt, thịt băm viên chủ yếu là độn bánh mì sấy khô nghiền nhỏ. Những người nấu bếp, mặc dù tất cả kinh nghiệm của họ, đã phải xoay xở hết sức chật vật.

Việc ăn uống trong nhà trẻ và vườn trẻ cũng như các lớp mẫu giáo kém hẳn đi vẫn vì nguyên nhân ấy.

Có lần ở cửa hàng thực phẩm, chó sói làm đổ một ngăn để rượu vang, vỡ mất mấy chai, nhưng trong biên bản thì số chai vỡ nhiều gấp mười. Về sau, cái lỗi lập biên bản như thế đã thành lệ: vỡ một chai không nửa lít thì biên bản thanh lý ghi một tá chai lít, và không phải là chai không, mà chai có vodka. Trong thương nghiệp, mức vỡ bát đĩa cho phép khi chuyên chở đâu như là mười lăm phần trăm. Mức cho phép trở thành mức nhất thiết phải xảy ra, nó dường như được hợp pháp hóa, rồi biên bản thanh lý thậm chí còn ghi trên mức cho phép.

Ở lò mổ thành phố, chó sói chỉ giết có một con bê đực, vậy mà biên bản lần đầu ghi sáu con bê đực và hai con bò cái. Có vết chân thú dữ ở lò mổ, đây là vết chó sói, nhưng vì chẳng ai nhìn thấy chó sói, người ta bèn cho rằng đây là vết chân gấu. Nhờ sự sáng ý như vậy, biên bản xem ra rất chính. Xung quanh toàn rừng, vậy thì tại sao thỉnh thoảng gấu lại không tạt vào lò mổ?

Phí tổn về chó sói ngày một tăng. Thiệt hại xuất hiện cả ở nhà máy cá, cả ở trại ấp trứng của huyện, cả ở các cơ quan không có liên can trực tiếp đến phúc lợi vật chất, các cơ quan thuộc cái gọi là ngành khoa học xã hội. Trong mạng lưới thương nghiệp, những thiệt hại được gọi là hao hụt và trừ hao, còn chẳng hạn ở nhà máy cá và trạm ấp trứng của huyện hay ở trạm lâm nghiệp, nó được gọi là phê thải sản xuất. Nếu như không có những biên bản cứu nguy là hình thức súc

tích nhất và mềm dẻo nhất của hoạt động sáng tạo trong phạm vi sản xuất và phân phối thì hẳn sẽ gay go cho một số người.

May là chỉ có một con chó sói, mà nó lại thọt. Nhưng nếu cùng một lúc xuất hiện nhiều chó sói thì sao? Tất nhiên không tránh khỏi việc tham ô và gian giá. Như người ta thường nói, bánh mì để lại vụn. Tình thế càng căng hơn vì người ta bắt đầu tìm thủ phạm. Thì không có lửa sao có khói? Vì không phát hiện ra thủ phạm cho nên đương nhiên là những người lương thiện bị nghi ngờ. Sự nghi ngờ ngày càng tăng trong dân thành phố tạo nên bầu không khí căng thẳng, nóng nảy. Những vụ xích mích, vu khống, tố bậy lẫn nhau—tất cả những trò quen thuộc từ thuở sáng thế—lại được đem ra dùng.

Còn con chó sói vẫn đi lại trên các đường phố, thậm chí cả ban ngày. Nó chẳng bị nghi ngờ gì hết. Ai có thể nảy ra ý nghĩ đây là chó sói, chứ không phải chó nhà? Ai chẳng biết chó nhà từ nghìn xưa vốn là kẻ canh gác và bạn của con người. Sao lại không tin cậy nó kia chứ? Thiên chức của nó là bảo vệ tài sản của nhân dân, chứ không phải là ăn cắp tài sản đó.

Con chó sói được tin cậy đủ điều, người ta thông cảm với nó vì nó tàn tật, thương nó: «Nó hỏng chân, vậy thì nó là con vật tàn tật» và người ta quát mắng những con chó nhà quá sốt sắng, chỉ mới trông thấy nó đã lông lộn lên.

Chó sói không sợ lũ chó nhà, lại càng ít sợ xe cộ hơn. Chó nhà gầm gừ, nôi khùng, lo lắng, linh cảm thấy mình chạm trán với kẻ nào, do đó chó sói ta phải luôn luôn đề phòng. Còn xe cộ là xe cộ, phương tiện chuyên chở. Xe cộ chẳng cảm thấy gì hết, vậy thì cần gì phải sợ xe cộ? Nhưng trong số xe cộ có một lần đã xuất hiện con ngựa già bình thường, cũng là phương tiện chuyên chở. Chính nó làm chó sói bị lộ. Nó chỉ thở phì phì, chồm ngược lên theo thói quen cổ xưa, và cắm đầu chạy. Nếu không có con ngựa già lỗi thời đó thì chắc là cho đến nay chó sói vẫn lang thang trong

thành phố mà không bị trừng phạt. Nhưng lần này nó đã tự tố giác nó: nó nhảy lên móng con ngựa.

Đã nhiều thời gian trôi qua kể từ cái ngày đáng ghi nhớ mà ở trung tâm thành phố Ôderxơ con sói già to lớn lợc lỏi bị săn lùng, thế mà hậu quả của việc nó lén lút trong thành phố vẫn chưa bị xóa bỏ hẳn. Người ta vẫn chưa hết sợ và vẫn rùng mình khi gặp những con chó thường hiền lành: ngộ nhờ trong số chó thường lại có một con chó sói nữa thì sao?

Ilya Épghêniêvích Macarốp kể với tôi rằng ông nuôi một con chó con ngắn chân mà cho đến giờ ông vẫn nghi ngờ: liệu có phải là chó sói không?

1960

Phạm Mạnh Hùng dịch

MỤC LỤC

Ph. ABRAMÔP.

Ngày xưa ngày xưa có một cô cá hồi 5

Ts. AITMATÔP.

Quả táo đỏ 39

A. ALÊCXIN.

«Êpđôkya điên rồi». 58

Vi. AMLINXKI.

Tiếng nhạc trên sân ga 98

V. AXTAPHIÊP.

Lời nguyện 124

I. BABEN.

Guy đơ Mốpátxăng 132

X. BARUDƠ ĐIN.

Mẹ 142

V. BÊLÔP.

Cuộc đời tôi 164

Iu. BÔNĐARÊP.

«Xin cô tha lỗi cho chúng em!». 193

N. ĐUMBÁTĐÊ.

Hellados 211

A. GAIDA.

Tảng đá bóng 233

M. GOÓCKI.

Người bạn đường của tôi 239

Iu. KADAKÔP.

Tếtđi 275

A. KIM.

Đôi mắt con chó hoang 310

A. IASIN.

Con chó sói trong thành phố 329

Quyển sách mà nhà xuất bản «Cầu vồng» giới thiệu với bạn đọc Việt Nam là tập truyện ngắn của các nhà văn Liên Xô.

Những truyện ngắn đưa vào trong tập khá đa dạng trong cách thức sáng tạo: ở đây không chỉ có truyện ngắn của các nhà văn Nga như Ph. Abramốp, V. Axtaphiép, V. Bêlốp, mà còn truyện ngắn của nhà văn Kiêcghidi Ts. Aitmatốp, nhà văn Grudia N. Đumbátđê, nhà văn gốc Triều Tiên A. Kim — đó là những nhà văn ở những lứa tuổi khác nhau, thuộc về các dân tộc khác nhau và có tiểu sử sáng tạo khác nhau.

Các truyện ngắn này đã tái tạo một cách toàn diện hình ảnh con người đương thời và gợi mở ra quá trình biến chuyển sâu xa trong đạo lý xã hội, trong đời sống tinh thần của xã hội Xô-viết.

